

---

---

SÁU CỬA  
VÀO ĐỘNG THIẾU THẤT  
GIẢNG GIẢI

---

---



## SÁU CỬA VÀO ĐỘNG THIỆU THẤT GIẢNG GIẢI

**T**rước hết tôi giải thích sơ qua tựa đề Thiệu Thất Lục Môn. Thiệu Thất là nơi tổ Bồ-đề-đạt-ma đã ngồi quay mặt vào vách chín năm, cũng là thâm chỉ chỗ mà Tổ đã đến. Lục Môn là sáu cửa hay sáu pháp tu hành để đi đến chỗ rốt ráo. Như vậy nếu chúng ta muốn đi theo con đường Tổ đã đi, đến chỗ Tổ đã đến thì không gì hơn là đi theo sáu cửa này. Tuy nhiên, nêu sáu cửa là phương tiện thứ lớp để có một trình tự tiến tu, thật ra nếu chúng ta thông suốt một cửa thì cũng đạt được chỗ viên mãn.

Sáu cửa là:

Thứ nhất *Tâm Kinh tụng*

Thứ hai *Phá Tướng Luận*

Thứ ba *Nhị Chứng Nhập*

Thứ tư *An Tâm Pháp Môn*

Thứ năm *Ngộ Tánh Luận*

Thứ sáu *Huyết Mạch Luận*.



*Cửa thứ nhất*  
**TÂM KINH TỤNG**

**Chánh văn:**

*Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật-đa Tâm kinh*

**Biển trí tuệ thanh tịnh,  
Nghĩa sâu lý khó lường,  
Ba-la qua bờ ấy,  
Hướng đạo chỉ do tâm.  
Nghe nhiều ngàn muôn ý,  
Như chỉ chẳng lìa kim,  
Tâm kinh một lối thẳng,  
Muôn kiếp thánh hiền vâng.**

*Quán Tự Tại Bồ-tát*

**Bồ-tát vượt thánh trí,  
Sáu xứ rớt chung đồng,  
Tâm không, quán tự tại,  
Vô ngại, đại thần thông.**

Cửa thiên vào chánh thọ,  
 Tam-muội mặc tây đông,  
 Mười phương dạo chơi khắp,  
 Nào thấy Phật hành tung.

*Hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời*

Sáu năm cầu đại đạo,  
 Hành sâu chẳng lìa thân,  
 Tâm trí tuệ giải thoát,  
 Đến bờ kia tột cùng.  
 Thánh đạo không, rỗng lặng,  
 Như vậy nay tôi nghe,  
 Phật hành ý bình đẳng,  
 Thời đến tự siêu quần.

*Chiếu kiến ngũ uẩn giai không*

Tham ái thành năm uẩn,  
 Giả dối kết làm thân,  
 Máu thịt liền gân cốt,  
 Trong da một đống trần.  
 Đường mê sanh dấm thích,  
 Bạc trí chẳng làm thân,  
 Bốn tướng đều tan hoại,  
 Cái gì gọi là chân.

*Độ nhất thiết khổ ách*

Vọng buộc thân nên khổ,  
 Nhân ngã tâm tự mê,

Niết-bàn đạo thanh tịnh,  
Ai chịu nhận tâm duyên.  
Ấm giới sáu trần khởi,  
Ách nạn nghiệp theo liền,  
Nếu rõ tâm hết khổ,  
Nghe chóng ngộ Bồ-đề.

*Xá-lợi Tử*

Đạt đạo tâm là gốc,  
Tâm tịnh lợi thêm nhiều,  
Như sen nhô mặt nước,  
Cũng vậy giác đạo nguồn.  
Thường trụ tướng tịch diệt,  
Các thứ trí khó qua,  
Riêng vượt ngoài ba cõi,  
Lại chẳng luyến Ta-bà.

*Sắc bất dị không, không bất dị sắc*

Sắc cùng không một thứ,  
Chưa đến thấy hai bên,  
Nhị thừa sanh phân biệt,  
Chấp tướng tự dối tâm.  
Ngoài không không có sắc,  
Phi sắc nghĩa rộng thêm,  
Vô sanh tánh thanh tịnh,  
Ngộ đó tức Niết-bàn.

***Sắc tức thị không, không tức thị sắc***

**Chẳng không không chẳng có,  
 Chẳng sắc sắc không hình,  
 Sắc không đồng về một,  
 Cõi tịnh được an bình.  
 Chẳng không không vi diệu,  
 Chẳng sắc sắc rõ ràng,  
 Sắc không đều không tướng,  
 Chỗ nào lập thân hình.**

***Thọ tướng hành thức diệt phục như thị***

**Thọ tướng nhận các duyên,  
 Hành thức lượng rộng dung,  
 Biến kế tâm phải dẹp,  
 Bệnh ngã chẳng tương quan.  
 Giải thoát tâm không ngại,  
 Phá chấp ngộ nguồn tâm,  
 Nên nói cũng như thế,  
 Tánh tướng đều như nhau.**

***Xá-lợi Tử***

**Nói “Xá” luận thân tướng,  
 “Lợi” chỉ hạt giống tâm,  
 Bồ-tát sức trí tuệ,  
 Bốn tướng chẳng cho xâm.  
 Đạt đạo lìa chấp nhân,  
 Thấy tánh pháp không lời,**

Các lậu thủy đều đoạn,  
Toàn thể là vàng ròng.

*Thị chư pháp không tướng*

Chư Phật nói pháp không,  
Thanh văn chấp tướng cầu,  
Tìm kinh kiếm lễ đạo,  
Ngày nào học dứt tâm?  
Viên thành tướng chân thật,  
Đốn ngộ bỏ tâm tu,  
Thên thang vượt pháp giới,  
Tự tại lại lo gì?

*Bất sanh bất diệt*

Thể Lô-xá thanh tịnh,  
Không tướng xưa nay chân,  
Như hư không trùm khắp,  
Muôn kiếp thể trường tồn.  
Chẳng chung cũng chẳng riêng,  
Không cũ cũng không mới,  
Hòa trần thể không nhiễm,  
Ba cõi một mình tôn.

*Bất cấu bất tịnh*

Chân như vượt ba cõi,  
Nhớ sạch xưa nay không,

Đức Phật khởi phương tiện,  
 Thuyết tế cùng nói thô,  
 “Không giới” không pháp có,  
 Thị hiện rõ một vắng,  
 Xưa nay không một vật,  
 Hà hướng lập hai bên.

*Bất tăng bất giảm*

Thế Như Lai không tướng,  
 Trần đầy khắp hư không,  
 Trên không khó lập có,  
 Trong có chẳng thấy không.  
 Xem tợ trăng trong nước,  
 Nghe như gió bên tai,  
 Pháp thân nào tăng giảm,  
 Ba cõi gọi “chân không”.

*Thị cố không trung*

Bồ-đề không ở ngoài,  
 Trung gian tìm cũng khó,  
 Chẳng tướng chẳng chẳng tướng,  
 Lượng xét mất cơ quan.  
 Thế giới chẳng thế giới,  
 Tam thân chiếu tứ thiên,  
 Xưa nay không chướng ngại,  
 Chỗ nào có ngăn che?

*Vô sắc, vô thọ tướng hành thức*

Không sắc xưa nay không,  
Không thọ tướng cũng đồng,  
Hành thức không mà có,  
Có hết lại về không.  
Chấp có thật chẳng có,  
Y không lại kẹt không,  
Sắc không tâm lìa hết,  
Thế mới được thần thông.

*Vô nhân nhĩ tỹ thiệt thân ý*

Sáu căn không tự tánh,  
Theo tướng đặt bày thôi,  
Mắt tai theo thanh sắc,  
Nhân ngã lưỡi đùa chơi,  
Mũi hoặc phân thơm thối,  
Thân ý trái dục tình,  
Sáu chỗ tham ái đoạn,  
Muôn kiếp hết luân hồi.

*Vô sắc thanh hương vị xúc pháp*

Chứng trí không thanh sắc,  
Hương vị xúc khác gì,  
Sáu trần từ vọng khởi,  
Tâm phạm tự lầm nghi.

**Sanh tử trôi sanh tử,  
 Khi ấy chứng Bồ-đề,  
 Pháp tánh không, không trụ,  
 Chỉ sợ ngộ chậm thôi.**

*Vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới*

**Sáu thức từ vọng khởi,  
 Ý tha tánh tự khai,  
 Mắt tai cùng thân ý,  
 Ai có thể đo lường?  
 Mũi lưỡi hành điên đảo,  
 Tâm vương khiến quay về,  
 Không lâu nơi sáu thức,  
 Đốn ngộ hương Như Lai.**

*Vô vô minh diệt vô vô minh tận nãi chí vô lão tử diệt vô lão tử tận*

**Mười hai nhân duyên có,  
 Có sanh, lão liên theo,  
 Có thân, vô minh đến,  
 Hai tướng cùng sánh đôi.  
 Thân diệt, vô minh hết,  
 Quả báo chẳng hẹn kỳ,  
 Biết thân như huyễn hóa,  
 Gấp gấp ngộ vô vi.**

*Vô khổ tập diệt đạo*

Tứ đế hưng ba cõi,  
Đốn giáo nghĩa rõ ràng,  
Khổ đoạn tập đã diệt,  
Thánh đạo tự nhiên thành.  
Thanh văn dừng vọng tưởng,  
Duyên giác ý an bình,  
Muốn biết chỗ thành Phật,  
Trên tâm chớ giữ dừng.

*Vô trí diệt vô đắc*

Pháp gốc chẳng phải không,  
Trí tuệ khó xét lường,  
Tâm hoan hỷ, ly cấu,  
Phát quang khắp mười phương.  
Nan thắng, hiện tiền địa,  
Viễn hành đại đạo tràng,  
Bất động qua bờ ấy,  
Thiện tuệ, pháp trung vương.

*Dĩ vô sở đắc cố*

Thế tịch diệt không được,  
Chân không chẳng níu vin,  
Xưa nay không tướng mạo,  
Phương tiện lập ba đàn.

Tứ trí mở pháp dụ,  
 Lục độ cửa tạm thôi,  
 Hàng tam thừa, thập địa,  
 Chúng thánh khó nghĩ bàn.

*Bồ-đề-tát-đỏa*

Phật đạo thật khó biết,  
 Bồ-tát là phàm phu,  
 Chúng sanh muốn thấy tánh,  
 Kính Phật chớ phụ tâm.  
 Trong đời thiện tri thức,  
 Nói bàn pháp tế thô,  
 Đốn ngộ tâm bình đẳng,  
 Trong đây chấp tướng trừ.

*Y Bát-nhã ba-la-mật-đa cố*

Bát-nhã ấy trí tuệ,  
 Ba-la không chỗ nương,  
 Tâm không tánh rộng lớn,  
 Trong ngoài thấy vô vi.  
 Tánh không biện vô ngại,  
 Ba cõi hiếm ai bì,  
 Ngộ lớn sáng đại pháp,  
 Khen ngợi bất tư nghì.

*Tâm vô quái ngại*

Giải thoát tâm không ngại,  
 Ý tợ như thái hư,

Bốn phương không một vật,  
Trên dưới thấy đều đồng.  
Qua lại tâm tự tại,  
Nhân pháp chẳng tương can,  
Hỏi đạo đừng thấy vật,  
Mặc nhiên thoát lồng phiền.

*Vô quái ngại cố vô hữu khủng bố*

Sanh tử tâm lo sợ,  
Vô vi tánh tự an,  
Cảnh quên tâm cũng diệt,  
Biển tánh lặng thênh thang.  
Ba thân về tịnh độ,  
Tám thức lìa nhân duyên,  
Sáu thông theo thật tướng,  
Về gốc trở lại nguồn.

*Viễn ly điên đảo mộng tưởng*

Hai bên trọn chỗ lập,  
Trung đạo đừng tâm tu,  
Thấy tánh hết sanh tử,  
Bồ-đề không chỗ cầu.  
Ngoài thân tìm Phật thật,  
Điên đảo một đời thôi,  
Ngôi yên thân an lạc,  
Quả vô vi khắp nơi.

***Cứu cánh Niết-bàn***

Vô sanh tức cứu cánh,  
 Thanh tịnh ấy Niết-bàn,  
 Phàm phu chớ lường thánh,  
 Chưa đến thật khó bàn.  
 Hữu học cùng vô học,  
 Trí Phật càng sâu mầu,  
 Lý vô tâm cốt hội,  
 Chớ chấp dứt nguồn tâm.

***Tam thế chư Phật***

Quá khứ không lời thật,  
 Vị lai chẳng phải chân,  
 Hiện tại mâm giác ngộ,  
 Không pháp cửa diệu huyền.  
 Ba thân đồng về một,  
 Một tánh biến khắp thân,  
 Đạt lý ba thời mất,  
 Một pháp cũng không nhân.

***Y Bát-nhã ba-la-mật-đa cố đắc A-nậu-đa-la  
 Tam-miệu-tam-bồ-đề.***

Trí Phật sâu khó lường,  
 Tuệ giải rộng vô biên,  
 Tâm vô thượng biến khắp,  
 Từ quang chiếu đại thiên.

**Tâm tịch diệt khéo léo,  
Dựng lập ngàn vạn môn,  
Bồ-tát nhiều phương tiện,  
Rộng cứu độ nhân thiên.**

*Cố tri Bát-nhã ba-la-mật-đa thị đại thần chú  
thị đại minh chú.*

**Bát-nhã là thần chú,  
Hay trừ năm uẩn nghi,  
Phiền não tẩy đoạn dứt,  
Thanh tịnh tự phân ly.  
Sóng tứ trí vô tận,  
Bát thức hiển thần uy,  
Đèn tâm sáng pháp giới,  
Chính đó là Bồ-đề.**

*Thị vô thượng chú*

**Trí vô thượng tối thắng,  
Cứu độ chúng sanh mê,  
Tuệ lớn chủ ba cõi,  
Nguyện rộng khởi đại bi.  
Hay thuận chúng sanh ý,  
Theo dòng dẫn kẻ mê,  
Người người lên bờ giác,  
Do mình chẳng do ai.**

*Thị vô đẳng đẳng chú*

Phật đạo nên ngàn thánh,  
 Pháp lực không gì hơn,  
 Chân không diệt pháp có,  
 Thị hiện hóa thân nhiều.  
 Đến vì chúng sanh khổ,  
 Đi vì thế gian ma,  
 Kiếp thạch đều về hết,  
 Còn Ta tại Ta-bà.

*Năng trừ nhất thiết khổ chân thật bất hư*

Phật nguyện từ bi lớn,  
 Đời đời độ chúng sanh,  
 Hoằng pháp nói chân lý,  
 Khấp khuyên gấp tu hành.  
 Hồi tâm thấy lẽ thật,  
 Khổ hết thấy vô sanh,  
 Hằng dứt ba đường ác,  
 Thanh thản trong kia vui.

*Cổ thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa chú*

Nên nói lý chân thật,  
 Chưa ngộ gấp hồi tâm,  
 Sáu giặc mười ác diệt,  
 Núi ma gốc đổ nhào.

**Thân chú trừ ba độc,  
Tâm hoa năm cánh khai,  
Quả chín cội rễ chắc,  
Bước bước thấy Như Lai.**

*Tức thuyết chú viết: yết-đế yết-đế, ba-la yết-đế,  
ba-la-tăng yết-đế bồ-đề tát-bà-ha.*

**Yết-đế gốc tông thiên,  
Phương tiện dựng cờ pháp,  
Như Lai bậc tối thắng,  
Phàm tâm chớ xét lường.  
Không bên không ở giữa,  
Không ngăn cũng không dài,  
Bát-nhã ba-la-mật,  
Muôn kiếp xưa nay thường.**

**Giảng:**

*Cửa thứ nhất*

**TÂM KINH TỤNG**

Cửa thứ nhất là Tâm Kinh Tụng. Sở dĩ Tổ nói về Tâm Kinh là vì Phật tổ đều nhắm thẳng vào đó để tiến đến chỗ cứu cánh viên mãn. Cho nên bước vào cửa Thiên là phải qua cửa Bát-nhã. Cửa Bát-nhã là cửa Chơn Không. Vì thế chúng ta thấy rõ bản ý của Thiên viện, vừa bước đến cổng thì thấy đề hai chữ Chơn Không.

*Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật-đa Tâm kinh*

*Biển trí tuệ thanh tịnh,  
Nghĩa sâu lý khó lường,  
Ba-la qua bờ ấy,  
Hướng đạo chỉ do tâm.  
Nghe nhiều ngàn muôn ý,  
Như chỉ chẳng lìa kim,  
Tâm kinh một lối thẳng,  
Muôn kiếp thánh hiền vâng.*

*Biển trí tuệ thanh tịnh, nghĩa sâu lý khó lường, ba-la qua bờ ấy, hướng đạo chỉ do tâm.* Cửa thứ nhất Tổ nói về Bát-nhã Tâm kinh, nói đủ là *Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật-đa Tâm kinh*. Ma-ha là rộng lớn, Bát-nhã là trí tuệ, ba-la-mật là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là đáu bử nại, Việt dịch là đến bờ kia. Qua mấy câu kệ trên chúng ta thấy tổ Bồ-đề-đạt-ma xác nhận rằng: Bát-nhã là trí tuệ thanh tịnh rộng lớn, về mặt lý thật là thâm kín, về mặt nghĩa thật là sâu xa. Người đạt được trí tuệ thanh tịnh rộng lớn gọi là đến bờ kia, đạt được trí tuệ tức là đạt được bản tâm, nên nói *hướng đạo chỉ do tâm*.

*Nghe nhiều ngàn muôn ý, như chỉ chẳng lìa kim, Tâm kinh một lối thẳng, muôn kiếp thánh hiền vâng.* Người nghe nhiều học nhiều thì có ngàn muôn ý, ví dụ như chỉ chẳng lìa kim. Khi chúng ta may quần áo thì phải dùng kim chỉ, mũi kim đi trước rồi mới kéo sợi chỉ đi theo, có kim là có sợi chỉ bị kéo theo, kim và chỉ hai cái không rời nhau. Cũng vậy, học nhiều thì tâm ý phân tán,

nếu tâm ý phân tán thì không bao giờ đạt đạo, đó là một lẽ thật. Cho nên chúng ta tu, muốn trở về tâm thì phải dứt mọi ý niệm hướng ra ngoài. Nếu tâm hướng một chỗ không phân tán, không còn bệnh đa văn, đó là chỗ thánh hiền vâng theo.

Tóm lại, Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật-đa Tâm kinh là chỉ cho trí tuệ thanh tịnh rộng lớn sâu xa. Đạt được trí tuệ là trở về bản tâm. Muốn trở về bản tâm, không phải học rộng nhớ nhiều mà chỉ nhất tâm nhất trí dứt bỏ ý niệm hướng ra bên ngoài.

### *Quán Tự Tại Bồ-tát*

*Bồ-tát vượt thánh trí,  
Sáu xứ rớt chung đồng,  
Tâm không, quán tự tại,  
Vô ngại, đại thân thông.  
Cửa thiền vào chánh thọ,  
Tam-muội mặc tây đông,  
Mười phương dạo chơi khắp,  
Nào thấy Phật hành tung.*

*Bồ-tát vượt thánh trí, sáu xứ rớt chung đồng, tâm không quán tự tại, vô ngại đại thân thông.* Bồ-tát là bậc vượt khỏi thánh trí, không còn mắc kẹt trong thánh trí của hàng Thanh văn. Sáu xứ là chỉ cho sáu căn. Sáu căn thấy đều chung đồng là chỉ cho bậc Bồ-tát đến chỗ sáu căn hỗ dụng. Tâm không còn vọng tưởng phiền não là quán tự tại. Tâm không còn bị chướng ngại là đại thân thông.

Như vậy Bồ-tát Quán Tự Tại là chỉ cho những vị có trí tuệ vượt hơn hàng thánh giả Thanh văn. Những vị ấy đối với sáu căn hồ dụng không còn bị ngăn ngại, tâm không khởi niệm xao động nên gọi là Quán Tự Tại.

*Cửa thiền vào chánh thọ, tam-muội mặc tây đông.* Chánh thọ là dịch nghĩa chữ tam-muội, chỉ cho chánh định. Người tu thiền đạt được chánh định thì tự do tự tại mặc tình tiến sang đông vượt sang tây. Như vậy muốn được không chướng ngại như Bồ-tát Quán Tự Tại, chúng ta phải tập tu thiền. Khi tâm định không còn bị chướng ngại, gọi đó là tự tại.

*Mười phương dạo chơi khắp, nào thấy Phật hành tung.* Chúng ta tu là nương theo dấu vết của Phật mà tu, nhưng đây lại nói không thấy dấu vết, như vậy là sao? Bởi vì khi đạt được chánh định thì không còn thấy Phật hình tướng, mà chỉ nhận ra Phật pháp thân. Phật pháp thân không có hình tướng nên tự tại vô ngại, không để lại dấu vết.

Tóm lại, đoạn này Tổ giải thích *Quán Tự Tại Bồ-tát* là những vị có trí tuệ vượt trên hàng thánh giả Thanh văn, các ngài đạt đến chỗ sáu căn hồ dụng, tâm không còn dấy niệm nên tự tại vô ngại, thần thông diệu dụng. Chúng ta tu muốn được như các ngài thì phải tập tu thiền để vào chánh định, khi vào chánh định thì tự tại tự do qua lại mười phương, không bị chướng ngại. Khi ấy mới nhận ra rằng pháp thân Phật nơi chúng ta không còn mắc kẹt hình tướng bên ngoài. Đó là ý nghĩa Quán Tự Tại.

*Hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời*

*Sáu năm cầu đại đạo,  
Hành sâu chẳng lìa thân,  
Tâm trí tuệ giải thoát,  
Đến bờ kia tột cùng.  
Thánh đạo không, rộng lặng,  
Như vậy nay tôi nghe,  
Phật hành ý bình đẳng,  
Thời đến tự siêu quần.*

*Sáu năm cầu đại đạo, hành sâu chẳng lìa thân, tâm trí tuệ giải thoát, đến bờ kia tột cùng.* Ở đây nói sáu năm cầu đại đạo, đi sâu vào cũng không lìa thân mình. Phần này có hai ý:

1. Đức Phật tu khổ hạnh sáu năm để cầu đạo, cuối cùng ngài đến dưới cội bồ-đề ngồi thiền định tâm lặng hết vọng tưởng và chứng đạo, đó là cầu đại đạo.

2. Chúng ta muốn cầu đại đạo thì ngay nơi sáu căn mà nhận ra tâm trí tuệ giải thoát của chính mình. Nhận được như vậy là đến được bờ giác, chỗ cứu cánh của người tu hành. Như vậy bờ bên kia không đâu xa mà chính nơi sáu căn nhận ra tâm trí tuệ giải thoát, đó gọi là hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa.

*Thánh đạo không, rộng lặng, như vậy nay tôi nghe, Phật hành ý bình đẳng, thời đến tự siêu quần.* Khi hành thâm Bát-nhã hay nhận ra trí tuệ Bát-nhã thì thấy thánh đạo lặng lẽ rộng rang. Rõ ràng là đến bây giờ

chúng ta mới được nghe như thế. Phật lúc nào cũng thực hành ý bình đẳng. Nhưng muốn nhận ra chỗ đó thì phải làm sao? Khi thời cơ đến thì sẽ được siêu quần bạt tực, vượt hơn phàm tình.

Tóm lại, theo quan niệm của Tổ là ngay nơi sáu căn chúng ta nhận sâu được trí tuệ giải thoát, gọi là hành thâm Bát-nhã, là đến được bờ kia hay còn gọi là đạt được chỗ cứu cánh viên mãn của sự tu hành. Đến chỗ đó rồi mới thấy thánh đạo lạng lẽ rộng rang, mới nghe được chánh lý, mới thấy được tâm bình đẳng của chư Phật. Nhưng chỗ đó chừng nào đến? Thời đến thì nó đến, chứ không phải một hai ngày hay năm ba tháng.

*Chiếu kiến ngũ uẩn giai không*

*Tham ái thành năm uẩn,  
Giả dối kết làm thân,  
Máu thịt liền gân cốt,  
Trong da một đống trần.  
Đường mê sanh đấm thích,  
Bạc trí chẳng làm thân,  
Bốn tướng đều tan hoại,  
Cái gì gọi là chân.*

*Tham ái thành năm uẩn, giả dối kết làm thân, máu thịt liền gân cốt, trong da một đống trần.* Chúng ta có thân năm uẩn là do tham ái. Thân năm uẩn giả hợp không thật gồm có máu, thịt, gân, xương..., da bọc ở ngoài, tất cả chỉ là một mớ bụi đất mà thôi.

*Đường mê sanh đắm thích, bậc trí chẳng làm thân, bốn tướng đều tan hoại, cái gì gọi là chân?* Những người si mê đối với thân năm uẩn sanh ưa thích, nhưng người trí thì không làm thân với nó, vì biết nó là thứ giả không có gì quan trọng. Chỉ có người ngu thì ưa thích thân, nên thường sẫm soi thân thể, thích những trang sức tốt đẹp, do thấy thân quan trọng nên sợ chết. Do ngu mê nhiều đời nên thân năm uẩn này hơi rung rinh một chút là đã lo sợ, chính cái sợ đó làm cho chúng ta khổ.

Rõ ràng thân năm uẩn là hư giả không thật có, nếu cứ bám vào cái hư giả không thật để mến yêu và sanh kiêu căng ngã mạn đủ thứ thì chúng ta là người ngu. Người trí không làm thân với nó, thấy nó không quan trọng nên không sợ chết, thì không còn khổ. Vì nó là do đất, nước, gió, lửa hợp thành, khi bốn tướng hoại đều trở về chỗ tiêu mất, thì cái gì gọi là chân!

*Độ nhất thiết khổ ách*

*Vọng buộc thân nên khổ,  
Nhân ngã tâm tự mê,  
Niết-bàn đạo thanh tịnh,  
Ai chịu nhận tâm duyên.  
Ấm giới sáu trần khởi,  
Ách nạn nghiệp theo liền,  
Nếu rõ tâm hết khổ,  
Nghe chóng ngộ Bồ-đề.*

*Vọng buộc thân nên khổ, nhân ngã tâm tự mê, Niết-bàn đạo thanh tịnh, ai chịu nhận tâm duyên. Do mê*

vọng ràng buộc thân nên có khổ, do tâm mê nên khởi niệm nhân ngã. Niết-bàn vốn thanh tịnh thì ai lại chịu để tâm nương gá vào thân giả tạm và tâm nhân ngã. Đoạn này giải thích câu *độ nhất thiết khổ ách*. Khổ nạn là từ nơi vọng tâm trói buộc thân, nên thân đối lạnh gặp nguy hiểm thì thấy khổ, nhân đó sanh ra kiêu căng ngã mạn làm cho tâm mình tự mê. Muốn hết khổ phải hằng sống bằng tâm thanh tịnh, không dính mắc vào một cái gì khác là qua tất cả khổ nạn.

*Ấm giới sáu trần khởi, ách nạn nghiệp theo liền, nếu rõ tâm hết khổ, nghe chóng ngộ Bồ-đề.* Do năm ấm, mười tám giới, sáu trần dấy khởi nên có ách nạn. Sở dĩ chúng ta khổ vì thấy những cái đó là thật, liền bị nghiệp dẫn đi trong ách nạn. Nếu nhận được bản tâm của chính mình thì không còn khổ. Đây là một lẽ thật mà ít người nhận ra.

Bồ-tát luôn quán chiếu thân năm uẩn là không, nên qua hết khổ ách, chúng sanh thấy năm uẩn là thật nên có khổ ách. Cho nên khi chúng ta nhận được bản tâm thanh tịnh, ngộ đạo Bồ-đề, tâm không còn dính mắc với thân hay ngoại cảnh thì hết khổ. Người thấy thân thật cảnh thật thì không bao giờ hết ách nạn. Do thấy thân thật nên khi bị tổn thương thì khổ. Thấy cảnh thật, như cái nhà của tôi, đất đai của tôi, tài sản của tôi... nên khi chúng bị tàn phá hư hao là mất ăn mất ngủ, đau đớn khổ sở vô cùng.

Tóm lại nếu thấy tất cả đều không thật, như giấc mộng thì có gì phải khổ. Nếu giấc mộng lành thì khi giật mình thức dậy, biết có giấc mộng lành. Nếu là

giác mộng dữ, khi thức dậy biết là mộng thì không có gì lo sợ. Hiểu như vậy rồi những việc thế gian không làm chúng ta đau khổ.

*Xá-lợi Tử*

*Đạt đạo tâm là gốc,  
Tâm tịnh lợi thêm nhiều,  
Như sen nhô mặt nước,  
Cũng vậy giác đạo nguồn.  
Thường trụ tướng tịch diệt,  
Các thứ trí khó qua,  
Riêng vượt ngoài ba cõi,  
Lại chẳng luyến Ta-bà.*

*Đạt đạo tâm là gốc, tâm tịnh lợi thêm nhiều, như sen nhô mặt nước, cũng vậy giác đạo nguồn.* Theo quan niệm của Tổ, *Xá-lợi Tử* là chỉ cho bản tâm, bản tâm này là gốc. Nếu tâm thanh tịnh không còn bị vọng tưởng che lấp thì mới được lợi nhiều. Bản tâm này chẳng khác nào như hoa sen ở trong bùn. Hoa sen dụ cho bản tâm, bùn nước dụ cho vô minh vọng tưởng. Nếu từ nơi bùn nước vô minh vọng tưởng vượt lên được, thì đó là người giác ngộ, đạt được nguồn gốc của đạo.

*Thường trụ tướng tịch diệt, các thứ trí khó qua, riêng vượt ngoài ba cõi, lại chẳng luyến Ta-bà.* Giác ngộ được nguồn gốc của đạo mới nhận ra bản tâm mình thường ở trong tướng tịch diệt, tất cả trí tuệ không vượt qua được nó. Bản tâm thanh tịnh riêng vượt ngoài tam giới, người sống bằng bản tâm này thì không còn đắm mền cõi Ta-bà.

*Sắc bất dị không, không bất dị sắc*

*Sắc cùng không một thứ,  
Chưa đến thấy hai bên,  
Nhị thừa sanh phân biệt,  
Chấp tướng tự đối tâm.  
Ngoài không không có sắc,  
Phi sắc nghĩa rộng thên,  
Vô sanh tánh thanh tịnh,  
Ngộ đó tức Niết-bàn.*

*Sắc cùng không một thứ, chưa đến thấy hai bên, Nhị thừa sanh phân biệt, chấp tướng tự đối tâm.* Thông thường thì dịch là *sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc*, ở đây ngài nói sắc cùng không một thứ, chưa đến thấy hai bên. Thật ra sắc và không chẳng khác, nhưng vì chúng ta chưa đến chỗ cứu cánh nên thấy có hai cái riêng biệt. Hàng Nhị thừa phân biệt đây là sắc kia là không, hai cái rời nhau cho nên mới mắc kẹt trên hình tướng.

*Ngoài không không có sắc, phi sắc nghĩa rộng thên, vô sanh tánh thanh tịnh, ngộ đó tức Niết-bàn.* Không có sắc nào ngoài không mà có. Như cái bàn do nhiều miếng ván, gỗ... ráp lại với nhau mà thành, duyên hợp giả có nên sắc chẳng ngoài không. Cũng vậy, thân chúng ta đang sống đây là do tứ đại hợp thành, tánh nó là không. Không và sắc không rời nhau mà chúng ta chia ra đây là sắc kia là không, đó là si mê. Khi không còn thấy sắc ngoài không thì mới thấy nghĩa phi sắc rộng rãi thên thang,

nhận được tánh vô sanh thanh tịnh, ngộ được lý Niết-bàn. Chỗ này chính là yếu lý Đại thừa mà nhiều người không hiểu nổi. Bởi vì chúng ta quan niệm rằng khi có thân gọi là sanh, không còn thân gọi là tử. Nếu còn thấy có không, sanh tử... là còn thấy hai riêng biệt, thì tâm không bao giờ an lạc. Chúng ta phải ngay nơi cái có thấy nó là không, ngay nơi sanh tức là tử, tử tức là sanh thì đó là vô sanh. Chỗ này tuy nói vậy mà khó nhận, nếu nhận được thì sống trong Niết-bàn hiện tại.

*Tự tánh không hay đương thể tức không* là nhận được ngay nơi cái có đã hàm chứa cái không, ngay nơi thân đang sống đây mà không còn thấy sanh tử thì mới hết khổ. Bởi chúng ta chưa có trí tuệ lớn nên nghe không hiểu, nếu có trí tuệ lớn thì nghe qua là hiểu liền.

Thân đang sống đây có thật hay không? Sở dĩ nói thật là vì chúng ta chấp nhận sự duyên hợp giả có của nó, thật ra nó chỉ là giả hợp, nên nói sắc tức là không. Ví dụ hiện tại đang sống, bỗng dưng chúng ta chết. Như người chết khát là vì thiếu nước, chết ngộp là vì thiếu không khí. Như vậy chết là vì tứ đại bên ngoài không bồi bổ tứ đại bên trong, hay thân tứ đại không chấp nhận tứ đại bên ngoài vô nữa nên nó hoại. Sự sống của chúng ta chỉ là sự hỗ trợ của tứ đại bên ngoài và tứ đại bên trong mà thôi. Nhưng chúng ta chết mà tứ đại không mất, cái tâm cũng không mất. Tướng tứ đại hợp rồi tan, tứ đại trả về cho tứ đại, chỉ hoại cái giả tướng, vậy mà chúng ta bám vào cái giả tướng cho là thật sanh thật tử nên đau khổ triền miên, đời đời kiếp kiếp không nhận ra tự tánh Niết-bàn thanh tịnh.

Nếu trong cái giả tướng sanh tử biết rõ cái không sanh tử, ngay đây thấy sanh tức là vô sanh mà vô sanh tức Niết-bàn, hằng ngày sống trong Niết-bàn thanh tịnh, miệng cười hoài như đức Phật Di-lặc.

Hàng Nhị thừa vì thấy có hai cho nên sợ sanh tử, cầu Niết-bàn. Hàng Bồ-tát thấy sắc với không không hai nên không sợ sanh tử, ngay trong sanh tử nhận ra lý vô sanh tức là Niết-bàn. Như vậy ngộ đạo đâu có xa xôi gì, chỉ cần bỏ kiến chấp sai lầm, tỉnh giác thấy thân này không quan trọng, như ngài Từ Minh nói “sanh như đắp chăn đông, tử như cởi áo hạ”, nên không còn lo sợ đau khổ. Tóm lại, nếu chúng ta nhận chân được chỗ cứu cánh của sự tu hành thì sẽ an nhiên trong mọi hoàn cảnh, dù sống trong cuộc đời đầy nghịch cảnh cũng không có gì lo sợ.

*Sắc tức thị không, không tức thị sắc*

*Chẳng không không chẳng có,*

*Chẳng sắc sắc không hình,*

*Sắc không đồng về một,*

*Cõi tịnh được an bình.*

*Chẳng không không vi diệu,*

*Chẳng sắc sắc rõ ràng,*

*Sắc không đều không tướng,*

*Chỗ nào lập thân hình.*

*Chẳng không không chẳng có, chẳng sắc sắc không hình, sắc không đồng về một, cõi tịnh được an bình. Ngay nơi cái không chẳng phải là không vì cái không*

vốn là không thật. Ngay nơi sắc cũng không thật vì sắc vốn là giả tướng. Sắc - không đồng về một nguồn vì cũng hư dối như nhau.

Ví dụ có hai hình nhân bằng gỗ được mặc quần áo và tô điểm thành một người nam một người nữ. Bên trong lắp bộ máy cho nó hoạt động đi đứng múa hát. Có kẻ quê mùa không biết đó là hai tượng gỗ do máy điều khiển cử động, họ liền chấp đây là người nam, kia là người nữ, người này đẹp, người kia xấu. Nhưng nếu biết đó là người gỗ được điều khiển bằng máy thì chúng ta sẽ nói nam nữ gì cũng là gỗ, không phải người thật.

Như trước đã nói có và không là tượng trưng cho sanh và tử. Đối với thân này hợp lại thì gọi là sanh, rã ra thì gọi là tử. Đã nói sắc không không hai, sanh tử không hai thì ngay nơi cõi Ta-bà là cõi tịnh được an bình. Tại sao? Vì sanh không thật sanh, tử không thật tử, thì không sợ chết. Không sợ chết thì không sợ đói sợ lạnh, không khổ vì sống chết. Như vậy tự nhiên được an lành, hiện tại chúng ta ở trong Cực lạc chứ không cần cầu ở đâu xa.

*Chẳng không không vi diệu, chẳng sắc sắc rõ ràng, sắc không đều không tướng, chỗ nào lập thân hình.* Nếu không mà chẳng phải không thì cái không đó mới là diệu. Nghĩa là ngay cái không chúng ta thấy không thật không, cái không đó là cái không vi diệu. Cái không vi diệu là chân không. Nếu ngay nơi sắc mà thấy không thật là sắc, vì sắc là tướng giả hợp nên không thật, như vậy mới là rành rẽ về sắc. Sắc và không cả hai tướng

đều hư giả, có tướng mà không phải tướng, chỗ nào lập ra thân hình. Tướng mà không phải tướng thì thân không thật, ngay đó phá được cái chấp ngã. Sở dĩ chúng ta đau khổ là vì thấy thân thật, vọng tưởng thật. Ngay nơi thân thấy sắc tức là không, không tức là sắc thì không còn đau khổ. Đó là nói về sắc ấm.

*Thọ tướng hành thức diệt phục như thị*

*Thọ tướng nhận các duyên,  
Hành thức lượng rộng dung,  
Biến kế tâm phải đẹp,  
Bệnh ngã chẳng tương quan.  
Giải thoát tâm không ngại,  
Phá chấp ngộ nguồn tâm,  
Nên nói cũng như thế,  
Tánh tướng đều như nhau.*

*Thọ tướng nhận các duyên, hành thức lượng rộng dung, biến kế tâm phải đẹp, bệnh ngã chẳng tương quan.* Do sáu căn tiếp xúc sáu trần mà sanh ra cảm thọ khổ vui hoặc không khổ không vui. Nhân cảm thọ mà có tướng, tướng cái này là vui nên thích, tướng cái kia là khổ nên không ưa. Như vậy thọ và tướng chạy theo duyên bên ngoài. Hành và thức lượng của nó rất sâu mà thâm kín ở trong. Biến kế là biến kế sở chấp, nói cho dễ hiểu đó là tâm chấp. Do xúc có thọ, thọ rồi khởi tướng, tướng rồi chấp. Cho nên cần thiết là phải diệt tâm biến kế thì bệnh chấp ngã không còn.

*Giải thoát tâm không ngại, phá chấp ngộ nguồn tâm, nên nói cũng như thế, tánh tướng đều như nhau.* Bệnh chấp ngã diệt rồi thì tâm được giải thoát vô ngại, do phá chấp mới ngộ được nguồn tâm. Như đoạn trên đã nói, ngay nơi bốn uẩn, thọ tướng hành thức nếu phá chấp và nhận được nguồn tâm thì tất cả đều như thế, tức là đều trở về nguồn tâm. Tánh tướng đều rõ ràng không còn riêng rẽ đây là tánh kia là tướng, mà tánh tướng đều trở về một nguồn.

### *Xá-lợi Tử*

*Nói “Xá” luận thân tướng,  
 “Lợi” chỉ hạt giống tâm,  
 Bồ-tát sức trí tuệ,  
 Bốn tướng chẳng cho xâm.  
 Đạt đạo lìa chấp nhân,  
 Thấy tánh pháp không lời,  
 Các lậu thấy đều đoạn,  
 Toàn thể là vàng ròng.*

*Nói “Xá” luận thân tướng, “Lợi” chỉ hạt giống tâm, Bồ-tát sức trí tuệ, bốn tướng chẳng cho xâm.* Chữ Xá là chỉ cho tướng của thân, chữ Lợi là nói về hạt giống của tâm, Xá-lợi là chỉ cho thân tâm. Bồ-tát với sức trí tuệ không để bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả xâm nhập.

*Đạt đạo lìa chấp nhân, thấy tánh pháp không lời, các lậu thấy đều đoạn, toàn thể là vàng ròng.* Người đạt đạo

thì không còn chấp ngã, người thấy tánh thì không còn chấp pháp. Không còn mắc kẹt ngã pháp thì sạch hết các lậu, khắp thân là vàng ròng. Như vậy nếu chúng ta nhận ra bản tánh là đạ đạo, hoàn toàn trở về con người chân thật của chính mình, con người chân thật ở đây gọi là *chân kim*.

*Thị chư pháp không tướng*

*Chư Phật nói pháp không,  
Thanh văn chấp tướng cầu,  
Tìm kinh kiếm lẽ đạo,  
Ngày nào học dứt tâm?  
Viên thành tướng chân thật,  
Đốn ngộ bỏ tâm tu,  
Thên thang vượt pháp giới,  
Tự tại lại lo gì?*

*Chư Phật nói pháp không, Thanh văn chấp tướng cầu, tìm kinh kiếm lẽ đạo, ngày nào học dứt tâm?* Chữ không Phật nói trong kinh Bát-nhã không phải là chữ không đối đãi với chữ có. Hàng Nhị thừa không hiểu cứ chạy tìm cái tướng không, như vậy dù có tìm trong kinh để đạ đạo lý thì tìm hoài cũng không ra, không biết ngày nào tâm hết loạn. Vì thấy đây là không kia là có, nên nghe nói *chư pháp không tướng* rồi tưởng những cái có hình tướng là có, còn hư không không tướng mạo là không. Không đối với có. Hiểu như vậy là không hiểu ý Phật nói chữ Không trong kinh Đạ thừa.

*Viên thành tướng chân thật, đốn ngộ bỏ tâm tu, thêm thang vượt pháp giới, tự tại lại lo gì?* Tánh viên thành chân thật, là chữ không của kinh Đại thừa. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, tổ Mã Minh có chia ra trong Như Lai tàng có Như thật không và Như thật bất không. Chữ không ở đây là chỉ cho Như thật không. Nghĩa là kho tàng Như Lai không có tất cả pháp sanh diệt, cho nên nói là không tướng. Không tướng là không có tất cả pháp sanh diệt, chứ không phải không có cái kho tàng Như Lai, cũng không phải là cái tướng của hư không. Ở đây Tổ nói chữ không là chỉ cho cái tướng viên thành chân thật của Như Lai tạng. Nếu sớm thấy được thì không có gì phải tu hành, vượt ngoài tất cả pháp giới, tự tại không còn gì ngăn ngại.

Như vậy ngài nói cái tướng không của các pháp là chỉ cho tánh viên thành thật của tất cả. Tánh viên thành thật ly khai biến kế sở chấp và y tha khởi, vượt ngoài các pháp sanh diệt. Nên nói *chẳng sanh chẳng diệt, chẳng cấu chẳng tịnh, chẳng tăng chẳng giảm*. Vì pháp thân từ xưa tới nay không sanh không diệt nên không tướng, pháp thân trùm khắp nên không tăng không giảm, pháp thân thường hằng nên chẳng còn chẳng mất.

*Bất sanh bất diệt*

*Thế Lô-xá thanh tịnh,  
Không tướng xưa nay chân,  
Như hư không trùm khắp,  
Muôn kiếp thể trường tồn.*

*Chẳng chung cũng chẳng riêng,  
Không cũ cũng không mới,  
Hòa trần thể không nhiễm,  
Ba cõi một mình tôn.*

*Thể Lô-xá thanh tịnh, không tướng xưa nay chân, như hư không trùm khắp, muôn kiếp thể trường tồn.* Thể Lô-xá-na là chỉ cho pháp thân luôn luôn thanh tịnh, không tướng mạo nên xưa nay là chân thật. Bởi có tướng nên có sanh diệt, tướng hợp thì gọi là sanh, tướng tan thì gọi là diệt. Nhưng pháp thân thanh tịnh không tướng nên không sanh không diệt, rỗng rang trùm khắp muôn kiếp vẫn còn, mãi mãi không mất.

*Chẳng chung cũng chẳng riêng, không cũ cũng không mới, hòa trần thể không nhiễm, ba cõi một mình tôn.* Pháp thân vượt trên đối đãi, không chung không riêng, không cũ không mới. Thể thanh tịnh như ánh sáng hòa với bụi bặm mà không bị bụi bặm làm ô nhiễm, trong tam giới này không có gì quý bằng pháp thân.

Vậy pháp thân có theo chúng ta vào luân hồi không? Đứng về mặt pháp thân thì nói là không. Nhưng đứng về mặt hòa quang đồng trần thì gọi là có. Hòa quang đồng trần là ánh sáng hòa vào trong bụi bặm. Ngay trong thân có cả hai quang và trần. Tứ đại là trần, thể tánh thanh tịnh không bị ô nhiễm là quang. Như vậy đứng về mặt hòa quang đồng trần thì cũng vẫn theo nhau vào luân hồi. Còn đứng về mặt pháp thân thì thể thanh tịnh chưa từng sanh tử, chưa từng đi đâu hết, nói gì là luân hồi. Chỗ này các thiền sư có khi nói luân hồi, có khi nói không luân hồi đều đúng không sai.

*Bất cấu bất tịnh*

*Chân như vượt ba cõi,  
 Nhơ sạch xưa nay không,  
 Đức Phật khởi phương tiện,  
 Thuyết tế cùng nói thô,  
 “Không giới” không pháp có,  
 Thị hiện rõ một vàng,  
 Xưa nay không một vật,  
 Hà hướng lập hai bên.*

*Chân như vượt ba cõi, nhơ sạch xưa nay không, đức Phật khởi phương tiện, thuyết tế cùng nói thô.* Đoạn trên đã nói thể Lô-xá-na hay viên thành thật hay chân như đều chỉ cho tướng không của các pháp, siêu vượt ngoài ba cõi thì còn gì nói cấu tịnh, nên nói *nhơ sạch xưa nay không*. Nhưng sở dĩ đức Phật nói nhơ sạch là đứng về phương tiện mà nói, khi thì ngài nói thô khi thì nói tế vậy thôi.

*“Không giới” không pháp có, thị hiện rõ một vàng, xưa nay không một vật, hà hướng lập hai bên.* Không giới là cái Không Như Lai tàng. Như trước đã nói cái không đó là không có tất cả pháp sanh diệt chứ không phải không có cái kho tàng Như Lai. Khi không còn các pháp sanh diệt thì kho tàng Như Lai hiện ra như một vàng trắng sáng rõ giữa hư không. Đã không có một vật thì nói gì là hai thứ nhơ sạch.

Tóm lại, thể chân như vượt ngoài tam giới, sáng rõ như vàng trắng không mây, xưa nay không một vật, hướng là có hai thứ sạch nhơ.

*Bát tăng bát giảm*

*Thể Như Lai không tướng,  
 Tràn đầy khắp hư không,  
 Trên không khó lập có,  
 Trong có chẳng thấy không.  
 Xem tợ trăng trong nước,  
 Nghe như gió bên tai,  
 Pháp thân nào tăng giảm,  
 Ba cõi gọi “chân không”.*

*Thể Như Lai không tướng, tràn đầy khắp hư không, trên không khó lập có, trong có chẳng thấy không.* Thể Như Lai vô tướng không thêm không bớt. Bởi vô tướng nên trùm khắp mười phương hư không. Trên hư không khó mà an lập có, nên nói trong cái có chẳng thấy được cái không.

*Xem tợ trăng trong nước, nghe như gió bên tai, pháp thân nào tăng giảm, ba cõi gọi chân không.* Đứng về mặt pháp thân mà nhìn các pháp ở thế gian thì chẳng khác nào nhìn thấy mặt trăng trong nước hay nghe gió thoảng bên tai, không có gì thật hết. Bởi vì đối với pháp thân thì tất cả pháp thế gian đều là hư giả không làm ô nhiễm được. Pháp thân đầy khắp thì làm sao nói tăng nói giảm, cho nên ba cõi gọi là chân không. Sao gọi là chân không? Vì tam giới là huyền hóa không thật, chỉ có pháp thân là thanh tịnh chân thật.

Tóm lại, chữ *không tướng* trong kinh Bát-nhã là chỉ cho pháp thân chứ không phải là cái tướng trống rỗng.

Tướng không đó không sanh không diệt, không nhờ không sạch, không thêm không bớt, trùm khắp tất cả pháp trong tam giới không làm nhiệm ô được nó.

*Thị cố không trung*

*Bồ-đề không ở ngoài,  
 Trung gian tìm cũng khó,  
 Chẳng tướng chẳng chẳng tướng,  
 Lượng xét mất cơ quan.  
 Thế giới chẳng thế giới,  
 Tam thân chiếu tứ thiên,  
 Xưa nay không chướng ngại,  
 Chỗ nào có ngăn che?*

*Bồ-đề không ở ngoài, trung gian tìm cũng khó, chẳng tướng chẳng chẳng tướng, lượng xét mất cơ quan.* Ngoài tâm không có Bồ-đề, nên nói Bồ-đề không ở ngoài, không ở ngoài thì chặng giữa tìm cũng khó. Vì Bồ-đề không có tướng nên không ở trong ở ngoài cũng không ở chặng giữa. Vì vậy nói *thị cố không trung* (thế nên trong cái không đó) chỉ là lối nói tạm thời, chúng ta đừng lầm chữ ở trong rồi đặt ra ở ngoài đối đãi. Chỗ chân thật không có tướng cũng chẳng phải không tướng, tức là không tướng mà chẳng phải không ngơ. Tuy nhiên nếu còn để tâm lượng xét thì đã mất chỗ thiết yếu.

*Thế giới chẳng thế giới, tam thân chiếu tứ thiên, xưa nay không chướng ngại, chỗ nào có ngăn che?* Thế giới không thật, người thấy được như vậy thì trí tuệ chiếu soi khắp tứ thiên. Tam quang là chỉ cho ba thứ ánh sáng

của ba thân Phật: pháp thân, báo thân, hóa thân. Khi thấy rõ thế giới này không thật thì ánh sáng của ba thân Phật chiếu khắp bốn cõi trời. Tự tánh thanh tịnh xưa nay không chướng ngại, rộng lớn thênh thang, chúng ta không nên mắc kẹt vào sự đối đãi trong ngoài, không nên đem tâm dính mắc lượng xét, nếu còn lượng xét thì bị ngăn che.

*Vô sắc, vô thọ tưởng hành thức*

*Không sắc xưa nay không,  
Không thọ tưởng cũng đồng,  
Hành thức không mà có,  
Có hết lại về không.  
Chấp có thật chẳng có,  
Y không lại kẹt không,  
Sắc không tâm lìa hết,  
Thế mới được thân thông.*

*Không sắc xưa nay không, không thọ tưởng cũng đồng, hành thức không mà có, có hết lại về không. Sắc không thật, chỉ có giả tướng nên nói xưa nay không. Không thọ thì tưởng cũng không. Hành và thức thì thầm kín không tướng mạo, khó nhận thấy nên tưởng như không có, nhưng sự thật nó sanh diệt tương tục nên nói không mà có, do đó khi tướng sanh diệt lặng rồi thì hết có lại về không.*

*Chấp có thật chẳng có, y không lại kẹt không, sắc không tâm lìa hết, thế mới được thân thông. Chỗ này là*

chỗ khó hiểu khó nhận. Nếu chấp có thì thật là chẳng có. Vì sao? Vì tất cả pháp đều là hư giả mà chấp thật có là lầm. Khi chấp thật có thì cái có đó không phải là thật rồi! Nếu chúng ta bám vào không, cho tất cả pháp là không ngơ thì rơi vào chấp không. Chấp có chấp không đều là bệnh, tâm hết chấp thì mới được thần thông. Giả sử trong một giờ mà chúng ta không chấp thì giờ đó tâm thông dong tự tại.

*Vô nhân nhĩ tỹ thiệt thân ý*

*Sáu căn không tự tánh,  
Theo tướng đặt bày thôi,  
Mắt tai theo thanh sắc,  
Nhân ngã lưỡi đùa chơi,  
Mũi hoặc phân thơm thối,  
Thân ý trái dục tình,  
Sáu chỗ tham ái đoạn,  
Muôn kiếp hết luân hồi.*

*Sáu căn không tự tánh, theo tướng đặt bày thôi, mắt tai theo thanh sắc, nhân ngã lưỡi đùa chơi.* Trước đã nói không có năm uẩn, đến đây nói không có sáu căn là mắt tai mũi lưỡi thân ý. Sáu căn này không thật. Vì sao? Vì căn cứ tánh chân như thanh tịnh mà nhìn thấy sáu căn như trăng trong nước, như hoa đốm trong hư không, hư giả không thật, duyên theo tướng bên ngoài mà bày đặt ra. Sắc chia ra có dài ngắn vuông tròn rồi mắt chạy theo tướng sắc. Tai nghe là nghe tiếng vọng chứ không có gì thật. Lưỡi đối nói đây là ta kia là người, là nói đùa vậy thôi.

*Mũi hoặc phân thơm thối, thân ý trái dục tình, sáu chỗ tham ái đoạn, muôn kiếp hết luân hồi.* Mũi người mũi thơm thì thích, hôi thì không ưa. Thân ý và dục tình trái nhau. Tại sao trái? Vì không ai trên đời này muốn gì đều được như ý. Giả sử một người nghèo muốn có tiền. Có tiền rồi muốn có nhà lầu xe hơi. Có tiền, nhà lầu xe hơi rồi muốn có danh vọng. Khi được đầy đủ thì muốn đừng chết, sống hoài để hưởng thụ. Mong muốn nhiều mà không bao giờ được như ý. Ở thế gian này không ai hoàn toàn thỏa mãn theo ý thích của mình. Không thỏa mãn là đau khổ, nên nói thân ý mong muốn trái với tâm tình của mình.

Thử kiểm lại xem những điều chúng ta đeo đuổi ưa thích, nên phải giành giật với nhau khiến cho đau khổ, có cái gì ngoài sự đòi hỏi của sáu căn? Giành ăn là vì cái lưỡi, giành đồ đẹp là vì con mắt, giành nghe những lời nói hay là vì lỗ tai, giành những xúc chạm ưa thích là vì thân, thỏa mãn ý muốn của mình là do ý. Tất cả những đau khổ ở thế gian này là do sáu căn, nó là manh mối dẫn giặc về cướp hết sự nghiệp của mình, khiến chúng ta lang thang trôi giạt thành kẻ bần cùng khốn khổ. Nếu ngay nơi sáu căn mà cắt đứt tham ái thì dòng luân hồi chấm dứt. Điều này ai cũng làm được, ai cũng có quyền dứt bỏ tham ái để giải thoát, chỉ tại chúng ta chưa chịu làm mà thôi, giải thoát không dành riêng cho ai. Không chịu dứt bỏ mà còn nuôi dưỡng thì đương nhiên phải luân hồi. Nếu sáu căn không tham ái sáu trần thì giải thoát tự tại. Cho nên nói *vô nhân nhĩ tỹ thiệt thân ý*.

Chữ vô ở đây là chỉ cho tánh không, căn cứ trên tánh không thì không có năm uẩn, sáu căn, vì nó không thật, không thật thì tham ái cái gì. Còn tham ái là còn nô lệ cho sáu căn, còn phải lo thỏa mãn cho sự đòi hỏi của mắt tai mũi lưỡi... thì đời đời bôn tẩu không dừng. Nếu không nô lệ sáu căn thì chúng ta tự tại cười hoài, tới bữa ăn có rau luộc chấm nước tương cũng tốt, không khen chê đòi hỏi gì cả. Sống được như vậy thì chấm dứt luân hồi sanh tử.

*Vô sắc thanh hương vị xúc pháp*

*Chứng trí không thanh sắc,  
Hương vị xúc khác gì,  
Sáu trần từ vọng khởi,  
Tâm phàm tự làm nghi.  
Sanh tử thôi sanh tử,  
Khi ấy chứng Bồ-đề,  
Pháp tánh không, không trụ,  
Chỉ sợ ngộ chậm thôi.*

Ở trước nói không năm uẩn sáu căn là nói về thân, đến đây nói *vô sắc thanh hương vị xúc pháp* là sáu trần không thật, tức là cảnh không thật.

*Chứng trí không thanh sắc, hương vị xúc khác gì, sáu trần từ vọng khởi, tâm phàm tự làm nghi.* Người chứng được căn bản trí thì không còn thấy thanh sắc là thật. Thanh sắc không thật thì hương vị xúc cũng giả dối. Sáu trần hư vọng mà tâm phàm phụ lại mê lầm đuổi theo.

*Sanh tử thôi sanh tử, khi ấy chứng Bồ-đề, pháp tánh không, không trụ, chỉ sợ ngộ chậm thôi.* Khi chúng được căn bản trí thấy rõ sáu trần là hư vọng, không còn nghi lầm chạy theo. Ở trong sanh tử mà dừng được sanh tử, ngay đó là giác ngộ. Trong cái sanh diệt hư vọng mà chúng ta dừng được tâm sanh diệt là giác ngộ. Khi ấy mới thấy pháp tánh không dừng trụ nơi nào, chỉ sợ chúng ta ngộ chậm mà thôi.

Tóm lại Tổ dạy thấy sáu căn không thật thì dứt luân hồi, thấy sáu trần không thật thì ngộ đạo. Cho nên tôi thường khuyên quý vị nhìn ra thấy sáu trần không thật, nhìn vào thấy sáu căn không thật, vọng tưởng không thật, tứ đại không thật. Đó là chỗ thiết yếu tu hành để chấm dứt sanh tử luân hồi.

*Vô nhân giới nãi chí vô ý thức giới*

*Sáu thức từ vọng khởi,  
Y tha tánh tự khai,  
Mắt tai cùng thân ý,  
Ai có thể đo lường?  
Mũi lưỡi hành điên đảo,  
Tâm vương khiến quay về,  
Không lâu nơi sáu thức,  
Đốn ngộ hướng Như Lai.*

*Vô nhân giới nãi chí vô ý thức giới*, là không có nhân giới cho đến không có ý thức giới. Tức là sáu căn, sáu trần, sáu thức đều không thật có.

*Sáu thức từ vọng khởi, y tha tánh tự khai, mắt tai cùng thân ý, ai có thể đo lường?* Sáu thức đều do vọng tưởng khởi. Sáu thức này nương nơi sáu trần làm duyên mới có phân biệt nên nói y tha tánh tự khai. Mắt tai cùng thân ý là chỉ cho sáu căn. Sáu thức đã không thật, sáu căn cũng không thật thì ai có thể đo lường.

*Mũi lưỡi hành điên đảo, tâm vương khiến quay về, không lâu nơi sáu thức, đốn ngộ hướng Như Lai.* Mũi lưỡi là đại diện cho sáu căn. Sáu căn điên đảo chạy theo sáu trần khởi ra thức phân biệt không thật. Bởi không thật nên dùng tâm vương kéo sáu thức trở lại không cho chạy theo sáu trần, thì từ nơi sáu thức mà đốn ngộ trở về tự tánh Như Lai.

Ở đây nói mười tám giới nhưng Tổ chỉ giải thích về sáu thức. Bởi vì trước đã nói sáu căn sáu trần, bây giờ nói về sáu thức. Sáu thức xét kỹ đều là hư vọng, là biến kế và y tha khởi chứ không có thật.

*Vô vô minh diệt vô vô minh tận nãi chí vô lão tử diệt vô lão tử tận*

*Mười hai nhân duyên có,  
Có sanh, lão liên theo,  
Có thân, vô minh đến,  
Hai tướng cùng sánh đôi.  
Thân diệt, vô minh hết,  
Quả báo chẳng hẹn kỳ,  
Biết thân như huyễn hóa,  
Gấp gấp ngộ vô vi.*

*Mười hai nhân duyên có, có sanh lão liên theo, có thân vô minh đến, hai tướng cùng sánh đôi.* Căn cứ vào tánh chân như thì mười hai nhân duyên cũng là huyền hóa không thật. Trong các kinh A-hàm, Phật dạy mười hai nhân duyên để hàng Nhị thừa theo đó mà tu hành được giác ngộ gọi là Duyên giác. Ở đây Tổ giải thích nếu nói mười hai nhân duyên là có thì sanh và lão liên theo; có lão thì có tử, có tử thì có sanh; có sanh tức có thân, mà có thân thì có vô minh; hai cái đó không rời nhau. Cái này có thì cái kia có.

*Thân diệt vô minh hết, quả báo chẳng hẹn kỳ, biết thân như huyền hóa, gấp gấp ngộ vô vi.* Thân hết thì vô minh hết, không thân thì không có quả báo. Cho nên nếu biết thân huyền hóa không thật thì hết vô minh, chóng ngộ được pháp vô vi.

Tóm lại, theo quan niệm của tổ Đạt-ma thì mười hai nhân duyên cũng không thật có, nếu thấy mười hai nhân duyên là thật có thì còn vô minh.

*Vô khổ tập diệt đạo*

*Tứ đế hưng ba cõi,  
Đốn giáo nghĩa rõ ràng,  
Khổ đoạn tập đã diệt,  
Thánh đạo tự nhiên thành.  
Thanh văn dừng vọng tưởng,  
Duyên giác ý an bình,  
Muốn biết chỗ thành Phật,  
Trên tâm chớ giữ dừng.*

*Tứ đế hưng ba cõi, đốn giáo nghĩa rõ ràng, khổ đoạn tập đã diệt, thánh đạo tự nhiên thành.* Tứ đế là nguyên nhân có ra ba cõi, bởi vì trong tứ đế có chia ra nhân quả thế gian và nhân quả xuất thế gian. Khổ đế tập đế là nhân quả thế gian, diệt đế đạo đế là nhân quả xuất thế gian. Có nhân quả thế gian và xuất thế gian là có niệm tam giới, nên nói tứ đế làm nên tam giới. Nếu chúng ta theo đốn giáo thì nghĩa rất rành rẽ. Vì theo đốn giáo thì khổ không thật, tập đế cũng không thật. Nên nói khổ diệt thì tập đế cũng không còn. Khổ đế tập đế diệt hết thì thành thánh đạo.

*Thanh văn dưng vọng tưởng, Duyên giác ý an bình, muốn biết chỗ thành Phật, trên tâm chớ giữ dưng.* Hàng Thanh văn dứt vọng tưởng cho tâm yên lặng, chìm trong cái tịch mịch. Hàng Duyên giác thì ý được yên ổn. Nhưng hai vị đó vẫn còn tìm tâm. Người nào muốn hiểu Phật đạo thì không dùng phương pháp tìm để dưng tâm.

Nhưng nếu không tìm để tâm ý chạy lung tung thì sao? Tôi xin nhắc lại để quý vị biết mà ứng dụng tu. Giả sử khi nhìn cái đồng hồ, biết đồng hồ là huyền hóa, nhìn cái gì cũng biết là huyền hóa hết thì cười hoài không có gì buồn. Thân này huyền hóa thì tất cả các pháp cũng huyền hóa. Thấy rõ ràng như vậy thì không có gì phải tìm. Tất cả pháp đều huyền hóa thì duyên cái gì, chạy đi đâu? Sở dĩ khi thấy cảnh thấy người cho là thật nên tâm duyên theo, nếu biết tất cả pháp không thật thì không có gì phải tìm, đó là cái thấy tỉnh sáng. Cho nên khi tu chúng ta phải hiểu rõ, không buông thả tâm ý chạy theo cảnh, cũng không tìm tâm để dưng vọng tưởng, mà chỉ cần nhìn thấy tất cả pháp đều là huyền hóa thì tâm an ổn.

*Vô trí diệt vô đắc*

*Pháp gốc chẳng phải không,  
 Trí tuệ khó xét lường,  
 Tâm hoan hỷ, ly cấu,  
 Phát quang khắp mười phương.  
 Nan thắng, hiện tiền địa,  
 Viên hành đại đạo tràng,  
 Bất động qua bờ ấy,  
 Thiện tuệ, pháp trung vương.*

Ở trước đã phá ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới là phá cái mê lầm của phàm phu, phá mười hai nhân duyên là phá cái lầm của Duyên giác, phá tứ đế là phá cái lầm của Thanh văn. Bồ-tát âm tiếng Phạn là Bồ-đề-tát-đỏa (Bodhisattva), Trung Hoa dịch là hữu tình giác hay giác hữu tình. Bồ-tát nặng về trí tuệ, nên nói tới Bồ-tát là nói tới trí tuệ giác. Ở đây nói *vô trí diệt vô đắc* để phá cái chấp của Bồ-tát, nghĩa là không có Bồ-tát thật cũng không được quả vị Bồ-tát.

*Pháp gốc chẳng phải không, trí tuệ khó xét lường, tâm hoan hỷ, ly cấu, phát quang khắp mười phương.* Pháp gốc là chỉ cho pháp thân thanh tịnh, pháp gốc chẳng phải không, nhưng dùng trí tuệ để lường xét thì không thể được. Hoan hỷ là Sơ địa Bồ-tát, Ly cấu là Nhị địa Bồ-tát. Phát quang là Phát quang địa là Tam địa Bồ-tát. Đến địa vị này thì soi sáng khắp cả mười phương.

*Nan thắng, hiện tiền địa, viễn hành đại đạo tràng, bất động qua bờ ấy, thiện tuệ, pháp trung vương.* Ở đây thiếu Diệm tuệ địa là Tứ địa Bồ-tát. Thứ năm là Nan thắng địa, thứ sáu là Hiện tiền địa, thứ bảy là Viễn hành địa. Thứ tám Bất động địa là siêu việt đến bờ kia. Thứ chín là Thiện tuệ địa. Thứ mười là Pháp vương địa hoặc Pháp vân địa, còn gọi Pháp trung vương tức là vua trong các pháp.

Tóm lại, *pháp bốn* là chỉ cho pháp thân. Pháp thân này chẳng phải không, nhưng dùng trí tuệ để lường xét thì không thể được. Chỉ có Bồ-tát từ Sơ địa đến Thập địa mới từ từ nhận ra pháp thân. Đến Thập địa là sắp được viên mãn. Nếu còn chấp có trí có đắc là còn dùng trí tuệ lường xét, mà còn lường xét thì không thể thấy được pháp thân. Như vậy là đã phá hết cái chấp của phàm phu và thánh hiền.

*Dĩ vô sở đắc cố*

*Thế tịch diệt không được,  
Chân không chẳng níu vin,  
Xưa nay không tướng mạo,  
Phương tiện lập ba đàn.  
Tứ trí mở pháp dụ,  
Lục độ cửa tạm thôi,  
Hàng tam thừa, thập địa,  
Chúng thánh khó nghĩ bàn.*

*Thể tịch diệt không được, chân không chẳng níu vin, xưa nay không tướng mạo, phương tiện lập ba đàn.* Thể tịch diệt hay pháp thân thanh tịnh không có tướng mạo nên không có gì để được. Tánh chân không thì bất dứt tâm vin theo, nhưng phương tiện quyền biến tạm lập ba bậc gọi là tam thân.

*Tứ trí mở pháp dụ, lục độ cửa tạm thôi, hàng tam thừa, thập địa, chúng thánh khó nghĩ bàn.* Tứ trí là một lối mở ra Ví dụ về pháp. Lục độ là phương tiện dẫn đường vào cửa. Hàng tam thừa và thập địa trở xuống muốn lượng xét pháp thể tịch diệt rất khó. Vì pháp thể không tướng mạo, không năng sở, không thể nắm bắt, không có chỗ được, cho nên nói *Vô sở đắc*.

### *Bồ-đề-tát-đỏa*

*Phật đạo thật khó biết,  
Bồ-tát là phàm phu,  
Chúng sanh muốn thấy tánh,  
Kính Phật chớ phụ tâm.  
Trong đời thiện tri thức,  
Nói bàn pháp tế thô,  
Đốn ngộ tâm bình đẳng,  
Trong đây chấp tướng trừ.*

*Phật đạo thật khó biết, Bồ-tát là phàm phu, chúng sanh muốn thấy tánh, kính Phật chớ phụ tâm.* Phật đạo là chỗ chân thật khó biết. Bồ-tát là phàm phu. Tại sao vậy? Vì Bồ-đề-tát-đỏa dịch là hữu tình giác hay giác hữu tình.

Hữu tình tức là phàm phu. Phàm phu mà an phận trôi theo dòng luân hồi thì gọi là phàm phu, phàm phu mà giác ngộ bản tâm đó là Bồ-tát. Phàm phu muốn thấy tánh thì không phải chỉ trông cậy vào đức Phật bên ngoài, phải ngay tâm mình mà thấy.

*Trong đời thiện tri thức, nói bàn pháp tế thô, đốn ngộ tâm bình đẳng, trong đây chấp tướng trừ. Những vị thiện tri thức ở thế gian nói bàn về các pháp khi thì tế khi thì thô. Còn người đốn ngộ được tâm bình đẳng thì hết chấp tướng, không cần phải nói bàn gì cả.*

*Y Bát-nhã ba-la-mật-đa cố*

*Bát-nhã ấy trí tuệ,  
Ba-la không chỗ nương,  
Tâm không tánh rộng lớn,  
Trong ngoài thấy vô vi.  
Tánh không biện vô ngại,  
Ba cõi hiếm ai bì,  
Ngộ lớn sáng đại pháp,  
Khen ngợi bất tư nghì.*

*Bát-nhã là trí tuệ, ba-la không chỗ nương, tâm không tánh rộng lớn, trong ngoài thấy vô vi. Bát-nhã là trí tuệ, ba-la là không chỗ nương. Tâm không thì tánh được rộng lớn, trong ngoài thấy đều vô vi.*

*Tánh không biện vô ngại, ba cõi hiếm ai bì, ngộ lớn sáng đại pháp, khen ngợi bất tư nghì. Khi đạt được tánh không thì được biện tài vô ngại. Nhưng ở trong ba cõi,*

người đạt được tánh không rất hiếm có. Ngộ lớn là nhận ra pháp thể rộng lớn. Pháp thể rộng lớn chính là tánh không vô ngại. Nhận được tánh không vô ngại, nên mới khen ngợi pháp thể là bất tư nghì.

*Tâm vô quái ngại*

*Giải thoát tâm không ngại,  
Ý tợ như thái hư,  
Bốn phương không một vật,  
Trên dưới thấy đều đồng.  
Qua lại tâm tự tại,  
Nhân pháp chẳng tương can,  
Hỏi đạo đừng thấy vật,  
Mặc nhiên thoát lòng phiền.*

*Giải thoát tâm không ngại, ý tợ như thái hư, bốn phương không một vật, trên dưới thấy đều đồng.* Tâm vô quái ngại là tâm giải thoát, không còn ngăn ngại, tâm ý rộng lớn thênh thang như hư không, bốn phía trên dưới đều rỗng rang, cho nên nói đều không một vật.

*Qua lại tâm tự tại, nhân pháp chẳng tương can, hỏi đạo đừng thấy vật, mặc nhiên thoát lòng phiền.* Qua lại tâm đều tự tại, nhân pháp không còn dính dáng. Nếu hỏi đạo thì không thấy có một vật, vượt qua khỏi phiền não gọi là tâm vô quái ngại.

*Vô quái ngại cố vô hữu khủng bố*

*Sanh tử tâm lo sợ,  
Vô vi tánh tự an,*

*Cảnh quên tâm cũng diệt,  
 Biển tánh lặng thênh thang.  
 Ba thân về tịnh độ,  
 Tám thức lìa nhân duyên,  
 Sáu thông theo thật tướng,  
 Về gốc trở lại nguồn.*

*Sanh tử tâm lo sợ, vô vi tánh tự an, cảnh quên tâm cũng diệt, biển tánh lặng thênh thang.* Sanh tử là điều mà con người kinh sợ. Sở dĩ chúng ta sợ là vì còn ở trong sanh tử, nếu đạt tánh vô vi thì tự nhiên an nhàn. Quên cảnh thì tâm cũng theo đó mà hết, đối cảnh biết là không thật thì tâm duyên cảnh không còn, biển tánh lặng lẽ mênh mông.

*Ba thân về tịnh độ, tám thức lìa nhân duyên, sáu thông theo thật tướng, về gốc trở lại nguồn.* Khi tâm không chạy theo cảnh bên ngoài, không theo vọng tưởng bên trong thì không còn kinh sợ. Do không kinh sợ nên ba thân hằng ở trong tịnh độ, tám thức không theo cảnh duyên. Chúng được thật tướng nên liền được sáu thần thông tự tại. Đó là trở về nguồn cội của chính mình.

*Viễn ly điên đảo mộng tưởng*

*Hai bên trọn chớ lập,  
 Trung đạo đừng tâm tu,  
 Thấy tánh hết sanh tử,  
 Bồ-đề không chỗ cầu.*

*Ngoài thân tìm Phật thật,  
 Diên đảo một đời thôi,  
 Ngồi yên thân an lạc,  
 Quả vô vi khắp nơi.*

*Hai bên trọn chớ lập, trung đạo đừng tâm tu, thấy tánh hết sanh tử, Bồ-đề không chỗ cầu.* Muốn xa lìa mộng tưởng diên đảo thì đừng kẹt vào hai bên, không dấy niệm tưởng trung đạo mới kiến tánh và thoát ly sanh tử, Bồ-đề chẳng cần cầu mà tự đến.

*Ngoài thân tìm Phật thật, diên đảo một đời thôi, ngồi yên thân an lạc, quả vô vi khắp nơi.* Ngoài thân tìm Phật thật thì chỉ diên đảo một đời thôi. Ngay nơi thân mình ngồi lại tâm yên lặng an ổn thì quả vô vi tự đến, không cần tìm ở đâu xa.

#### *Cứu cánh Niết-bàn*

*Vô sanh tức cứu cánh,  
 Thanh tịnh ấy Niết-bàn,  
 Phàm phu chớ lường thánh,  
 Chưa đến thật khó bàn.  
 Hữu học cùng vô học,  
 Trí Phật càng sâu mâu,  
 Lý vô tâm cốt hội,  
 Chớ chấp dứt nguồn tâm.*

*Vô sanh tức cứu cánh, thanh tịnh ấy Niết-bàn, phàm phu chớ lường thánh, chưa đến thật khó bàn.*

Niết-bàn là chỉ cho tâm thể thanh tịnh, chỗ này phàm phu khó mà lường được. Người chưa đến quả thánh hay chưa chứng Niết-bàn thì cũng khó biết được cảnh giới Niết-bàn.

*Hữu học cùng vô học, trí Phật càng sâu mầu, lý vô tâm cốt hội, chớ chấp dứt nguồn tâm.* Hàng hữu học và vô học đối với trí tuệ Phật, thấy rất là sâu xa huyền diệu. Người tu cốt nhận ra lý vô tâm, nhưng khi nhận được lý vô tâm không nên lầm tưởng vô tâm là phải dứt nguồn tâm.

Đây là chỗ người tu phần nhiều mắc kẹt. Chúng ta cứ nghĩ rằng tìm chế được vọng tưởng là trở về nguồn, nhưng sự thật dứt vọng tưởng chưa chắc là đã trở về nguồn. Nhiều người cho rằng dứt vọng thì chân, nhưng khi dứt vọng tưởng rồi không biết cái gì là chân. Cho nên phải nhận ra nguồn tâm thì mới trở về nguồn. Ví dụ có một chén nước đục, chúng ta biết trong nước đục có nước trong, nên để yên cho nước từ từ lắng xuống. Khi phần đục lắng xuống, chúng ta lọc nước trong riêng ra để dùng. Vì biết trong nước đục có nước trong nên chúng ta mới chịu khó lọc. Nếu không biết trong nước đục có nước trong, bảo lóng bỏ phần đục dơ họ sẽ chán, chỉ muốn hất đổ chén nước vì nghĩ rằng nước dơ không dùng được.

Cũng vậy, trong lúc dụng công tu chúng ta phải nhận ra bản tánh. Khi vọng tưởng hết bản tánh hiện tiền. Nếu không nhận ra bản tánh, khi hết vọng tưởng chúng ta không biết ngay đó là gì. Tuy nhiên khi hết vọng tưởng rồi không phải ai cũng giống nhau. Có người

hết vọng tưởng, nhận ra bản tánh thì ngay đó an vui. Có người khi hết vọng tưởng không nhận ra bản tánh liền hoảng hốt, không biết phải làm sao, nên chán nản không muốn tu.

Ở đây nói *cứu cánh Niết-bàn* để chỉ cho chúng ta khi tu phải nhận được lý vô tâm là trở về nguồn tâm, chứ không phải dứt bỏ tâm. Chúng ta phải hiểu rành rẽ để ứng dụng tu không lầm lẫn.

*Tam thế chư Phật*

*Quá khứ không lời thật,  
Vị lai chẳng phải chân,  
Hiện tại mầm giác ngộ,  
Không pháp cửa diệu huyền.  
Ba thân đồng về một,  
Một tánh biến khắp thân,  
Đạt lý ba thời mất,  
Một pháp cũng không nhân.*

*Quá khứ không lời thật, vị lai chẳng phải chân, hiện tại mầm giác ngộ, không pháp cửa diệu huyền.* Theo quan niệm của ngài quá khứ đã qua nên không thật, vị lai chưa đến cũng không thật, chỉ có giác ngộ ngay nơi hiện tại. Tại sao nói hiện tại là mầm giác ngộ? Hiện tại là chỉ cho hiện tiền tâm thể của chúng ta không lúc nào thiếu vắng. Nếu tâm vắng mặt thì chết mất rồi! Nhưng thật sự tâm thể không một phút giây nào vắng mặt, nếu vắng mặt thì những niệm sanh diệt

chỗ đâu mà trú. Cũng như cái nhà kho mà bị đốt cháy thì những đồ đạc biết để vào đâu. Thành ra cái tâm thể hiện tiền của chúng ta không bao giờ vắng mặt, lỗi tại chúng ta vô tình bội bạc với y. Cái không hề thiếu vắng mà người không biết là bội bạc chứ gì! Bây giờ nếu trong tâm chúng ta không nghĩ quá khứ vị lai, không chạy theo sự vật thì lúc đó giác ngộ hiện tiền nên nói hiện tại là hạt giống giác ngộ, không pháp là cửa diệu huyền.

*Ba thân đồng về một, một tánh biến khắp thân, đạt lý ba thời mất, một pháp cũng không nhân.* Ba thân đồng về một thể tánh, một tánh trùm khắp hết cả thân. Người đạt lý này rồi thì thấy ba thời quá khứ hiện tại vị lai là không thật. Ba thời không thật, một pháp không thật, không có nhân nào thật cả. Ở đây Tổ muốn chỉ cho chúng ta ngay trong hiện tại, sống với phút giây hiện tại đừng bao giờ bỏ quên.

Tóm lại, ba thời không thật nhưng vì muốn chỉ cho chúng ta sống với hiện tiền nên Tổ nói hiện tại là hạt giống giác ngộ. Người đạt lý rồi thì thấy ba thời đều không thật, là con người giác ngộ.

*Y Bát-nhã ba-la-mật-đa cố đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề.*

*Trí Phật sâu khó lường,  
Tuệ giải rộng vô biên,  
Tâm vô thượng biến khắp,  
Từ quang chiếu đại thiên.*

*Tâm tịch diệt khéo léo,  
 Dụng lập ngàn vạn môn,  
 Bồ-tát nhiều phương tiện,  
 Rộng cứu độ nhân thiên.*

*Trí Phật sâu khó lường, tuệ giải rộng vô biên, tâm vô thượng biến khắp, từ quang chiếu đại thiên. Trí tuệ Phật sâu xa rộng lớn khó lường biết được, tuệ giải của ngài cũng không ngần mé. Tâm vô thượng biến khắp, ánh sáng từ bi của Phật chiếu khắp tam thiên đại thiên.*

*Tâm tịch diệt khéo léo, dụng lập ngàn vạn môn, Bồ-tát nhiều phương tiện, rộng cứu độ nhân thiên. Từ tâm thể tịch diệt khởi ra diệu dụng khéo léo, dụng lập muôn ngàn thứ phương tiện để cứu độ khắp người trời.*

*Cổ tri Bát-nhã ba-la-mật-đa thị đại thân chú thị đại minh chú.*

*Bát-nhã là thân chú,  
 Hay trừ năm uẩn nghi,  
 Phiền não thấy đoạn dứt,  
 Thanh tịnh tự phân ly.  
 Sóng tứ trí vô tận,  
 Bát thức hiển thân uy,  
 Đèn tâm sáng pháp giới,  
 Chính đó là Bồ-đề.*

*Bát-nhã là thân chú, hay trừ năm uẩn nghi, phiền não thấy đoạn dứt, thanh tịnh tự phân ly. Tại sao gọi*

Bát-nhã là đại thần chú? Bát-nhã là đại thần chú vì hay trừ cái nghi của năm uẩn, đoạn dứt các phiền não, đem lại sự thanh tịnh cho chúng ta.

*Sóng tứ trí vô tận, bát thức hiển thần uy, đèn tâm sáng pháp giới, chính đó là Bồ-đề. Khi trở về với trí Bát-nhã thì hiển phát tứ trí như sóng vô tận, tám thức hiện uy lực thần thông, đèn tâm sáng rõ khắp pháp giới, nên nói là đại thần chú là đại minh chú.*

*Trí vô thượng chú*

*Trí vô thượng tối thắng,  
Cứu độ chúng sanh mê,  
Tuệ lớn chủ ba cõi,  
Nguyện rộng khởi đại bi.  
Hay thuận chúng sanh ý,  
Theo dòng dẫn kẻ mê,  
Người người lên bờ giác,  
Do mình chẳng do ai.*

*Trí vô thượng tối thắng, cứu độ chúng sanh mê, tuệ lớn chủ ba cõi, nguyện rộng khởi đại bi. Trí tuệ Bát-nhã vô thượng không gì hơn, nên gọi là tối thắng. Sao gọi là tối thắng? Vì trí tuệ Bát-nhã hay cứu tất cả mê lầm của chúng sanh, nó là chủ của tam giới. Người đạt được trí tuệ thì tâm nguyện rộng lớn, hay khởi đại từ đại bi cứu độ chúng sanh.*

*Hay thuận chúng sanh ý, theo dòng dẫn kẻ mê, người người lên bờ giác, do mình chẳng do ai. Tùy thuận*

chúng sanh để dẫn dắt họ thoát khỏi mê lầm, giác ngộ hay mê lầm là do mình chứ chẳng do ai. Như vậy vô thượng chú ở đây không phải là thần chú của thần thánh ở ngoài mà chính là chỉ cho tâm mình rộng lớn. Tâm rộng lớn thanh tịnh có công năng cứu giúp tất cả chúng sanh, dìu dắt chúng sanh ra khỏi mê lầm đưa lên bờ giác. *Vô thượng chú* là chính nơi mình chứ không phải nơi ai khác.

*Thị vô đẳng đẳng chú*

*Phật đạo nên ngàn thánh,  
Pháp lực không gì hơn,  
Chân không diệt pháp có,  
Thị hiện hóa thân nhiều.  
Đến vì chúng sanh khổ,  
Đi vì thế gian ma,  
Kiếp thạch đều về hết,  
Còn Ta tại Ta-bà.*

*Phật đạo nên ngàn thánh, pháp lực không gì hơn, chân không diệt pháp có, thị hiện hóa thân nhiều.* Do Phật đạo mà thành cả ngàn vị thánh, pháp lực nhiệm mầu không có gì hơn. Sống bằng thể chân không tịch diệt thì không còn tất cả pháp sanh diệt. Tuy không còn các pháp sanh diệt nhưng không phải chẳng có gì cả, mà chư Phật vẫn thị hiện hóa thân rất nhiều.

*Đến vì chúng sanh khổ, đi vì thế gian ma, kiếp thạch đều về hết, còn Ta tại Ta-bà.* Chư Phật đến vì cứu khổ chúng sanh, đi vì để hàng phục chúng ma,

chứ không phải chư Phật thật có tử có sanh. Kiếp thạch hết rồi, pháp thân Phật vẫn còn ở cõi Ta-bà.

Kiếp thạch là theo điển tích sau: Có một tảng đá to, cứ một trăm năm có người dùng tay áo phất nhẹ qua một lần, như thế cho đến khi tảng đá mòn hết gọi là một kiếp thạch. Tảng đá hết nhưng Ta vẫn còn ở cõi Ta-bà. Ta là chỉ pháp thân Phật. Chúng ta cứ tưởng Phật nhập Niết-bàn là hết, nhưng sự thật ngài vẫn có mặt ở đây chứ không mất đi đâu. Cho nên nói rằng ngài đến vì chúng sanh khổ mà đến, đi là vì hàng phục chúng ma mà đi, sự thật ngài không chết, vì pháp thân thường hằng không hoại diệt.

*Năng trừ nhất thiết khổ chân thật bất hư*

*Phật nguyện từ bi lớn,  
Đời đời độ chúng sanh,  
Hoằng pháp nói chân lý,  
Khắp khuyên gấp tu hành.  
Hồi tâm thấy lẽ thật,  
Khổ hết thấy vô sanh,  
Hằng dứt ba đường ác,  
Thanh thân trong kia vui.*

*Phật nguyện từ bi lớn, đời đời độ chúng sanh, hoằng pháp nói chân lý, khắp khuyên gấp tu hành.* Lòng từ bi của Phật thật rộng lớn, nguyện đời đời độ khắp chúng sanh, hoằng dương chánh pháp, khuyên mọi người gấp rút tu hành.

*Hồi tâm thấy lẽ thật, khổ hết thấy vô sanh, hằng dứt ba đường ác, thanh thân trong kia vui. Khiến chúng sanh thấy lẽ thật, nhận ra lý vô sanh, hằng dứt được cái khổ trong ba đường ác, tâm được rộng rang thanh thân an vui. Đó là hay trừ tất cả khổ, chân thật không dối.*

*Cổ thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa chú*

*Nên nói lý chân thật,  
Chưa ngộ gấp hồi tâm,  
Sáu giặc mười ác diệt,  
Núi ma gốc đổ nhào.  
Thần chú trừ ba độc,  
Tâm hoa năm cánh khai,  
Quả chín cội rễ chắc,  
Bước bước thấy Như Lai.*

*Nên nói lý chân thật, chưa ngộ gấp hồi tâm, sáu giặc mười ác diệt, núi ma gốc đổ nhào. Thần chú là chỉ cho lý chân thật, nếu người chưa ngộ thì nên chóng hồi tâm trở về. Trở về chân như thì sáu giặc, mười ác liền diệt, cả núi ma đều tan nát.*

*Thần chú trừ ba độc, tâm hoa năm cánh khai, quả chín cội rễ chắc, bước bước thấy Như Lai. Lý chân thật là thần chú. Chú này trừ được ba độc, ba độc hết thì tâm hoa nở ra, chứng đạo sâu mầu, nơi nơi đều thấy Như Lai.*

*Tức thuyết chú viết: yết-đế yết-đế, ba-la yết-đế, ba-la-tăng yết-đế bồ-đề tát-bà-ha*

*Yết-đế gốc tông thiên,  
 Phương tiện dụng cờ pháp,  
 Như Lai bậc tối thắng,  
 Phàm tâm chớ xét lường.  
 Không bên không ở giữa,  
 Không ngắn cũng không dài,  
 Bát-nhã ba-la-mật,  
 Muôn kiếp xưa nay thường.*

*Yết-đế gốc tông thiên, phương tiện dụng cờ pháp, Như Lai bậc tối thắng, phàm tâm chớ xét lường.* Chữ yết-đế là chỉ cho bản tông cương. Bản tông cương là cương lĩnh của tông thiên. Tuy nhiên, thiên dùng phương tiện dụng cờ pháp, mục đích là dạy người trở về chỗ tối thắng của Như Lai. Chỗ đó không thể dùng tâm lượng của phàm phu mà xét được.

*Không bên không ở giữa, không ngắn cũng không dài, Bát-nhã ba-la-mật, muôn kiếp xưa nay thường.* Tông thiên vượt ra ngoài tất cả đối đãi hai bên và chặng giữa, cũng không có dài ngắn. Đó là cứu cánh viên mãn, là Bát-nhã ba-la-mật.

Tóm lại, Bát-nhã ba-la-mật-đa Tâm kinh là chỉ cho chân tâm. Khi chúng ta vào cửa thứ nhất là phải nhận ra ngay nơi mình có chân tâm thường hằng bất biến. Vì vậy mỗi khi tụng Bát-nhã chúng ta phải nhớ mình có tâm chân thật. Tâm chân thật này không phải là các pháp thế gian hay xuất thế gian, mà đầy đủ diệu dụng, đầy đủ uy lực. Trở về tâm chân thật là hết khổ, là an lành tự tại.

Người tu thiền muốn bước vào cửa thiền thì phải từ cửa thứ nhất là cửa Bát-nhã mà vào. Lâu nay chúng ta cứ tưởng Bát-nhã là phá chấp không, phá chấp có, nhưng thật ra ở đây Tổ nói Bát-nhã là chỉ thẳng chân tâm. Không có tất cả pháp sanh diệt của thế gian và xuất thế gian, mà chân tâm là chỗ miên viễn an lành. Ai biết trở về chân tâm thì chứng quả thành Phật. Nếu không biết trở về thì dù có tu pháp gì cũng không đạt được đạo.



*Cửa thứ hai*

## PHÁ TƯỚNG LUẬN

**Chánh văn:**

**Hỏi:** Nếu có người chí cầu Phật đạo phải tu pháp gì thật là tinh yếu?

**Đáp:** Chỉ một pháp quán tâm tổng nhiếp tất cả pháp cho nên rất là tinh yếu.

**Hỏi:** Sao nói một pháp hay nhiếp tất cả pháp?

**Đáp:** Tâm là cội gốc của muôn pháp. Tất cả pháp chỉ do tâm mà sanh ra. Nếu hay liễu được tâm thì muôn pháp đều đầy đủ. Ví như cây to có những cành lá và hoa quả thảy đều y nơi gốc mà sanh ra. Nếu chặt cây bỏ rễ ắt cây phải chết. Nếu liễu tâm mà tu hành ít tốn công sức mà dễ thành. Nếu không liễu tâm mà tu đạo thì phí nhiều công mà vô ích. Cho nên tất cả pháp thiện ác đều do nơi tâm mình, ngoài tâm riêng cầu trọn không có lẽ ấy.

**Hỏi:** Thế nào quán tâm gọi đó là liễu?

**Đáp:** Bồ-tát ma-ha-tát khi hành sâu Bát-nhã ba-la-mật-đa, rõ bốn đại năm uẩn vốn là không, là vô ngã, thấy rõ tự tâm khởi dụng có hai thứ sai biệt. Sao gọi là hai? Một là tịnh tâm, hai là nhiễm tâm. Hai thứ tâm này pháp giới tự nhiên, xưa nay đều có. Tuy là giả duyên mà hợp nhau đối đãi.

Tịnh tâm hằng ưa nhân lành. Nhiễm tâm thường nghĩ nghiệp ác. Nếu không nhận cái nhiễm huân vào tức gọi là thánh, liền xa lìa các khổ chứng được cái vui Niết-bàn. Nếu theo tâm nhiễm tạo nghiệp, chịu cảnh trói buộc tức gọi người đó là phàm, chìm đắm trong tam giới thọ các thứ khổ. Vì cố sao? Do tâm nhiễm kia che lấp thể chân như. Cho nên kinh Thập Địa nói: “Trong thân chúng sanh có Phật tánh kim cương ví như vầng mặt trời thể sáng suốt tròn đầy, rộng lớn không có bờ mé, chỉ vì những lớp mây năm ấm che đậy, như ngọn đèn để ở trong bình, ánh sáng không thể hiển hiện.”

Lại kinh Niết-bàn nói: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì vô minh che đậy nên không được giải thoát.” Phật tánh ấy tức là tánh giác vậy. Chỉ tự giác giác tha, trí giác sáng suốt rõ ràng tức gọi là giải thoát. Nên biết tất cả pháp lành lấy giác làm gốc. Nhân cội gốc giác này liền hay hiển hiện các cây công đức, quả Niết-bàn cũng nhân đây mà thành tựu. Quán tâm như thế gọi đó là liễu.

**Hỏi:** Ở trên nói chân như Phật tánh, tất cả công đức nhân nơi gốc giác. Chưa biết cái tâm vô minh lấy gì làm gốc?

**Đáp:** Tâm vô minh tuy có tám muôn bốn ngàn phiến não tình dục và hằng hà sa số các thứ ác đều lấy ba độc làm cội gốc. Ba độc ấy tức là tham sân si vậy. Ba thứ độc này tự hay đầy đủ tất cả cái ác. Ví như cây to gốc tuy là một mà sanh ra cành lá số nó vô biên. Ba gốc độc kia mỗi mỗi gốc lại sanh ra nghiệp ác trăm ngàn muôn ức gấp bội hơn trước không thể tỷ dụ được. Tâm ba độc như thế ở trong bản thể của nó ứng hiện ra sáu căn cũng gọi là “lục tặc” tức là sáu thức vậy. Do sáu thức này ra vào nơi các căn tham đắm muôn cảnh thành ra ác nghiệp, chướng ngại thể chân như nên gọi là sáu giặc. Chúng sanh do ba độc và sáu giặc này mê loạn thân tâm chìm đắm trong sanh tử, luân hồi trong sáu đường chịu các thứ khổ não. Giống như các con sông lớn sông nhỏ đều do những nguồn suối nhỏ ngầm chảy mãi không dứt mới hay tràn đầy thành ra sóng ngòi muôn dặm. Nếu như có người chặn bít các nguồn suối kia, tức các dòng chảy đều theo đó mà dứt. Người cầu giải thoát nếu hay chuyển ba độc thành ba nhóm tịnh giới, chuyển sáu giặc thành sáu ba-la-mật, tự nhiên hằng lìa tất cả biển khổ.

**Hỏi:** Lục thú tam giới rộng lớn vô biên, nếu chỉ quán tâm, do đâu được khỏi cái khổ vô cùng?

**Đáp:** Nghiệp báo trong tam giới chỉ do tâm sanh. Gốc nếu không có tâm đối với trong tam giới thì liền ra khỏi tam giới. Tam giới đó tức là tam độc vậy. Tham là dục giới, sân là sắc giới, si là vô sắc giới. Nên gọi là tam giới. Do ba độc này tạo nghiệp nặng nhẹ quả báo chẳng đồng, phân chia về nơi sáu chỗ gọi là lục thú.

**Hỏi:** Thế nào nặng nhẹ phân làm sáu đường?

**Đáp:** Chúng sanh không rõ chánh nhân, mê tâm tu thiện, chưa khỏi tam giới, sanh trong ba cõi nhẹ. Thế nào là ba cõi nhẹ?

Đó là mê tu thập thiện vọng cầu khoái lạc chưa khỏi tham giới, sanh trong cõi trời.

Mê giữ năm giới, vọng khởi thương ghét chưa khỏi sân giới, sanh trong cõi người.

Mê chấp hữu vi, tin tà cầu phước, chưa khỏi si giới, sanh vào cõi a-tu-la.

Ba cõi như thế gọi là ba cõi nhẹ.

Thế nào là ba cõi nặng?

Đó là buông lung tâm tam độc, chỉ tạo nghiệp ác thì rơi vào ba cõi nặng.

Nếu nghiệp tham nặng rơi vào cõi ngạ quỷ. Nghiệp sân nặng rơi vào cõi địa ngục. Nghiệp si nặng rơi vào cõi súc sanh. Như thế là ba cõi nặng cùng với ba cõi nhẹ ở trước thành ra lục thú. Nên biết tất cả nghiệp khổ đều do tự tâm sanh,

chỉ hay nhiếp tâm, lìa các tà ác thì cái khổ luân hồi trong ba cõi sáu đường tự nhiên tiêu diệt, liền được giải thoát.

**Hỏi:** Như Phật đã nói “Ta ở trong ba a-tăng-kỳ kiếp vô lượng siêng năng khổ hạnh, mới thành Phật đạo”, tại sao nay nói chỉ duy quán tâm chế được ba độc gọi là giải thoát?

**Đáp:** Lời Phật đã nói không có hư dối. A-tăng-kỳ kiếp tức là tâm tam độc vậy. Tiếng Ấn Độ nói a-tăng-kỳ, Trung Hoa gọi là bất khả số. Trong tâm tam độc này, có hằng sa niệm ác, ở trong mỗi mỗi niệm đều là một kiếp, như thế hằng hà sa số không thể kể hết nên nói là ba đại a-tăng-kỳ.

Tánh chân như đã bị ba độc che đậy nếu không vượt qua được cái tâm của ba đại hằng sa ác độc ấy thì làm sao gọi là giải thoát? Nay nếu hay chuyển tham sân si... tâm tam độc này thành ba thứ giải thoát ấy gọi là qua được ba đại a-tăng-kỳ kiếp.

Chúng sanh đời mạt pháp ngu si độn căn không hiểu lời nói bí mật của Như Lai về ba đại a-tăng-kỳ bèn nói thành Phật kiếp số như vi trần. Lời này đâu không làm nghi lầm những người tu hành khiến thối đạo Bồ-đề.

**Hỏi:** Bồ-tát ma-ha-tát do trì ba nhóm tịnh giới, hành sáu ba-la-mật mới thành Phật đạo, nay bảo người chỉ có quán tâm không tu giới hạnh, làm sao mà thành Phật được?

**Đáp:** Tam tụ tịnh giới tức là chế ngự tâm tam độc vậy, chế tâm tam độc thành ra vô lượng nhóm thiện, “tụ” là hội vậy. Vô lượng thiện pháp khắp nhóm hội ở nơi tâm nên gọi là tam tụ tịnh giới.

Lục ba-la-mật tức là tịnh sáu căn vậy. Ấn Độ gọi là “ba-la-mật”, Trung Hoa gọi là “đáo bỉ ngạn”. Do sáu căn thanh tịnh, không nhiễm sáu trần liên qua được sông phiền não đến bờ giác ngộ nên nói là sáu ba-la-mật.

**Hỏi:** Như kinh đã nói tam tụ tịnh giới là: thế đoạn tất cả ác, thế tu tất cả thiện, thế độ tất cả chúng sanh. Nay chỉ nói chế tâm tam độc đâu không phải là văn nghĩa trái nhau?

**Đáp:** Phật đã nói kinh đó là lời chân thật, Bồ-tát ma-ha-tát nhân đời quá khứ trong lúc tu hành vì để đối trị ba độc mà phát ra ba lời thề nguyện.

Vì đoạn tất cả ác nên thường trì giới để đối trị tham độc.

Vì nguyện tu tất cả thiện nên thường tập định để đối trị sân độc.

Vì nguyện độ tất cả chúng sanh nên thường tu tuệ để đối trị si độc.

Do trì giữ ba thứ pháp thanh tịnh giới định tuệ như thế nên vượt khỏi ba độc kia mà thành Phật đạo. Các ác tiêu diệt gọi đó là đoạn. Các thiện đều đủ gọi đó là tu. Do hay đoạn ác tu thiện tức vạn hạnh thành tựu, tự tha đều lợi, khắp cứu giúp quần sanh

**gọi đó là độ. Nên biết chỗ tu giới hạnh chẳng lìa nơi tâm, nếu tự tâm thanh tịnh tức tất cả Phật độ thấy đều thanh tịnh. Thế nên kinh nói: “Tâm cấu tức chúng sanh cấu, tâm tịnh tức chúng sanh tịnh, muốn được tịnh độ nên tịnh tâm mình, tùy tâm mình tịnh tức Phật độ tịnh.” Tam tự tịnh giới tự nhiên thành tựu.**

**Hỏi:** Như kinh đã nói sáu ba-la-mật cũng gọi là lục độ, đó là: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Nay nói sáu căn thanh tịnh gọi là ba-la-mật làm sao thông hiểu? Vả lại “lục độ”, nghĩa ấy thế nào?

**Đáp:** Muốn tu lục độ nên tịnh sáu căn trừ sáu giặc.

Hay xả giặc mắt, lìa các cảnh sắc, gọi đó là bố thí.

Hay cấm giặc tai, đối với thanh trần kia không để cho buông lung gọi là trì giới.

Hay phục giặc mũi, bình đẳng với các mùi thơm thối, tự tại nhu nhuyễn gọi đó là nhẫn nhục.

Hay chế giặc lưỡi không tham các vị và các việc ca vinh giảng thuyết..., gọi đó là tinh tấn.

Hay hàng phục giặc thân, đối với cái dục ưa muốn xúc chạm, tâm vẫn lặng lẽ không động, gọi đó là thiền định.

Hay điều giặc ý, không thuận theo vô minh, thường biết sáng suốt gọi đó là trí tuệ.

**Lục độ là vận chuyển, lục ba-la-mật giống như thuyền bè hay đưa chúng sanh đến bờ kia nên gọi là lục độ.**

**Hỏi:** Kinh nói đức Thích-ca Như Lai khi còn làm Bồ-tát đã từng uống ba đấu sáu thăng cháo sữa mới thành Phật đạo. Như vậy trước do uống sữa, sau mới chứng Phật quả, thì đâu phải chỉ do quán tâm mà được giải thoát?

**Đáp:** Thật như chỗ ông nói không có hư dối, nhất định do dùng sữa rồi sau mới thành Phật. Nhưng nói dùng sữa đó có hai thứ. Thứ sữa Phật dùng không phải là thứ sữa bất tịnh của thế gian, đó chính là sữa pháp chân như thanh tịnh. Ba đấu chính là ba nhóm tịnh giới, sáu thăng tức sáu ba-la-mật. Phật lúc thành đạo do dùng sữa pháp chân như thanh tịnh mới chứng Phật quả, nếu nói Như Lai dùng thứ sữa bò tanh hôi bất tịnh của thế gian hòa hợp thì đâu chẳng phải là phỉ báng làm nghi lầm lẫn sao? Chân như vốn là pháp thân kim cương vô lậu bất hoại hằng là tất cả khổ của thế gian, đâu phải nhờ thứ sữa bất tịnh như thế khiến cho được no đủ khỏi sự đói khát!

Như kinh đã nói: “Con trâu ấy, nó chẳng ở tại cao nguyên, chẳng ở nơi ẩm thấp. Nó chẳng ăn các thứ lúa gạo, lúa mạch hay những thứ có vỏ trấu... Nó chẳng cùng những con trâu đực hợp bầu. Thân con trâu ấy hiện ra sắc vàng tía.” Con trâu ấy tức chỉ cho Phật Tỳ-lô-giá-na vậy. Do lòng đại từ đại bi

thương xót tất cả nên từ nơi pháp thể thanh tịnh lưu xuất ra tam tụ tịnh giới, sáu ba-la-mật, sữa pháp vi diệu như thế để nuôi dưỡng tất cả những người cầu giải thoát. Thứ sữa thanh tịnh của con trâu chân tịnh như thế không chỉ Như Lai uống nó được thành đạo, mà tất cả chúng sanh nếu hay uống sữa đó cũng đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

**Hỏi:** Trong kinh đã nói Phật dạy chúng sanh tu tạo chùa chiền, đúc vẽ hình tượng, đốt hương rải hoa, thắp đèn sáng luôn, ngày đêm sáu thời, nhiều tháp hành đạo, trai tịnh lễ bái... các thứ công đức, đều thành Phật đạo. Nếu chỉ quán tâm mà tổng nhiếp hết các hạnh, nói việc như thế có lẽ là hư dối vậy?

**Đáp:** Phật nói kinh có vô lượng phương tiện, vì tất cả chúng sanh độn căn yếu kém không ngộ được ý nghĩa sâu xa, cho nên tạm mượn các pháp hữu vi để dụ cho vô vi. Nếu không tu hạnh bên trong, chỉ nhắm bên ngoài mà cầu, hy vọng được phước thì không có lẽ đó.

Nói già-lam là tiếng Tây Vực, Trung Hoa dịch là thanh tịnh địa. Nếu vĩnh viễn đoạn trừ ba độc, thường tịnh sáu căn, thân tâm lặng lẽ, trong ngoài thanh tịnh, gọi đó là tu tạo già-lam.

Nói đúc vẽ hình tượng, tức là nói tất cả chúng sanh cầu Phật đạo vậy. Nghĩa là tu các giác hạnh giống tuồng như chân dung diệu tướng của Như Lai, chứ đâu phải là làm việc đúc vẽ bằng đồng bằng vàng!

Vì thế người cầu giải thoát lấy thân làm lò lấy pháp làm lửa, lấy trí tuệ làm thợ khéo, lấy tam tụ tịnh giới lục ba-la-mật làm khuôn mẫu, nấu luyện chân như Phật tánh ở trong thân. Biến nhập tất cả vào trong khuôn phép giới luật, như lời dạy mà hành trì, một cũng không thiếu sót, tự nhiên thành tựu hình tượng chân dung của Phật. Đó gọi là sắc thân vi diệu cứu cánh thường trụ, không phải là pháp hữu vi tan hoại. Nếu người cầu đạo không hiểu đúc vẽ chân dung như thế thì nương vào đâu mà nói công đức.

Lại nói đốt hương cũng không phải là hương có tướng ở thế gian mà chính là hương vô vi chánh pháp vậy, hương này hun đốt các thứ vô minh ác nghiệp hôi dơ thảy đều khiến tiêu diệt. Hương chánh pháp kia có năm thứ:

Một là hương giới, đó là hay đoạn các điều ác, tu các điều lành.

Hai là hương định, đó là tin sâu Đại thừa tâm không thối chuyển.

Ba là hương tuệ, là thường đối với thân tâm tự quán sát trở lại bên trong.

Bốn là hương giải thoát, đó là hay đoạn tất cả vô minh trói buộc.

Năm là hương giải thoát tri kiến, đó là quán chiếu thường sáng suốt, thông đạt không ngại.

Năm thứ hương như thế gọi là hương tối thượng, thế gian không có gì sánh bằng. Phật khi còn tại thế dạy các đệ tử lấy lửa trí tuệ đốt hương báu vô giá như thế để cúng dường mười phương chư Phật. Thời nay chúng sanh không hiểu nghĩa chân thật của Như Lai chỉ lấy lửa bên ngoài đốt các thứ hương trầm của thế gian, hoặc hun đốt các thứ hương bằng chất liệu, hy vọng được phước báo thì làm sao có thể được.

Lại tán hoa nghĩa cũng như thế. Đó là diễn nói chánh pháp các thứ hoa công đức lợi ích hữu tình, rải thấm tất cả, đối với tánh chân như khắp thí trang nghiêm. Hoa công đức này Phật khen ngợi là rất ráo thường trụ không có thời kỳ tàn héo. Nếu lại có người rải hoa như thế thì được phước vô lượng. Nếu nói Như Lai khiến chúng sanh cất rọc lụa là, thương tổn cỏ cây để làm hoa tán rải thì không có lẽ đó. Vì có sao? Vì người giữ giới thanh tịnh, đối với trời đất sum la vạn tượng còn không dám làm xúc phạm, nếu làm phạm còn mắc tội lớn huống là ngày nay cố tình hủy phạm tịnh giới, thương tổn vạn vật để cầu phước báo? Muốn lợi ích mà trở lại thành tổn hại há có thể được sao?

Đèn thường sáng mãi tức là tâm chánh giác vậy. Tâm chánh giác sáng suốt rõ ràng, dù đó là đèn. Vì thế tất cả những người cầu giải thoát lấy thân làm đài của đèn, lấy tâm làm tim đèn, lấy việc tăng trưởng giới hạnh làm việc châm dầu cho đèn.

Trí tuệ thông sáng dụ như ngọn lửa của đèn thường cháy. Đèn chân chánh giác ngộ như thế mà chiếu soi tất cả vô minh si ám, hay lấy pháp luân này thứ lớp khai thị cho nhau, tức là từ một ngọn đèn mỗi cho trăm ngàn ngọn đèn, đèn đèn nối tiếp nhau vô tận nên gọi là đốt đèn sáng mãi. Thuở quá khứ, có Phật hiệu là Nhiên Đăng nghĩa cũng như thế. Chúng sanh ngu si không hiểu lời nói phương tiện của Như Lai, chỉ chuyên làm các việc hư dối, chấp trước hữu vi bèn đốt thứ đèn dầu ở thế gian để chiếu soi nhà trống, cho đó là y nơi lời Phật dạy, đâu chẳng phải làm sao? Vì cố sao? Phật phóng một đạo hào quang giữa chặng mây có thể chiếu soi tám muôn bốn ngàn thế giới, đâu cần phải nhờ cái đèn tô dầu như thế để được lợi ích! Xét kỹ lý này thật không đúng vậy.

Lại sáu thời hành đạo, đó là nói ở nơi sáu căn trong tất cả thời thường hành Phật đạo, tu hạnh giác ngộ, điều phục sáu căn thường thường không bỏ quên, gọi đó là sáu thời hành đạo.

Nhiều tháp hành đạo: Tháp đó là thân vậy. Phải tu giác hạnh nhiều quanh thân tâm, niệm niệm không dừng, gọi là nhiều tháp. Quá khứ chư thánh đều hành đạo này cho đến khi được Niết-bàn. Người đời nay không hiểu lý này, chẳng hướng bên trong tu hành, chỉ chấp bên ngoài mà cầu đem thân tứ đại nhiều tháp thế gian, ngày đêm chạy quanh, luống tự nhọc nhằn mà đối với chân tánh trọn không một chút lợi ích.

Lại trì trai cần phải hội được ý, nếu không thấu được lý này chỉ luống uổng công sức. “Trai” là “tê” vậy. Đó là tê chính thân tâm không khiến cho tán loạn. “Trì” là “hộ” vậy, nghĩa là đối với các giới hạnh như pháp mà hộ trì. Ất phải bên ngoài thì ngăn sáu tình, bên trong thì chế tam độc, siêng năng giác sát, thanh tịnh thân tâm. Rõ được nghĩa như thế gọi là trì trai.

Về ăn có năm thứ:

Một là pháp hỷ thực. Đó là y theo chánh pháp hoan hỷ phụng hành.

Hai là thiên duyệt thực. Đó là trong ngoài lóng lạng, thân tâm vui vẻ.

Ba là niệm thực. Đó là thường niệm chư Phật, tâm miệng tương ứng.

Bốn là nguyện thực. Đó là đi đứng ngồi nằm thường cầu nguyện lành.

Năm là giải thoát thực. Đó là tâm thường thanh tịnh không nhiễm trần tục.

Năm thứ ăn này gọi là trì trai. Nếu lại có người không ăn năm thứ tịnh thực như thế mà tự nói là trì trai thì không có lẽ đó. Chỉ đoạn cái ăn ở trong vô minh, liền cho đó là đã hiểu thì gọi là phá trai, nếu cũng có phá thì làm sao được phước?

Ở đời có người mê không hiểu được lý này, thân tâm buông lung làm các việc ác, tham dục

phóng tâm không biết hổ thẹn, chỉ đoạn cái ăn ở bên ngoài tự cho là trì trai, ắt không có lẽ đó.

Lại lễ bái là phải như pháp vậy, ắt phải sáng lý thể bên trong rồi sự mới theo đó mà quyền biến, hội được nghĩa như thế mới gọi là y pháp.

Phàm lễ là kính vậy, bái là phục vậy. Đó là cung kính chân tánh khuất phục vô minh, gọi là lễ bái. Nếu hay ác tình hằng đoạn, thiện niệm hằng còn, tuy không có lý tướng mà vẫn gọi là lễ bái. Tướng ấy tức pháp tướng vậy. Thế Tôn muốn khiến người đời biểu hiện tâm khiêm hạ nên cũng dạy làm việc lễ bái, vì thế phải phủ phục cái thân ở bên ngoài, bày tỏ lòng cung kính bên trong. Ngoài giác, trong sáng, tánh tướng tương ứng. Nếu không thực hành theo lý pháp, chỉ chấp bên ngoài mà cầu, bên trong thì phóng túng tham sân si, thường làm các nghiệp ác, ngoài tức luống nhọc thân tướng, trá hiện oai nghi, không thẹn với thánh, luống dối với phàm, không khỏi luân hồi làm sao thành công đức!

**Hỏi:** Như kinh đã nói chí tâm niệm Phật ắt được vãng sanh Tây phương tịnh độ. Do một môn này tức được thành Phật đâu cần nhờ quán tâm để cầu giải thoát?

**Đáp:** Phàm niệm Phật thì phải chánh niệm, liễu nghĩa là chánh, không liễu nghĩa là tà. Chánh niệm ắt được vãng sanh, tà niệm làm sao đến được cõi kia!

Phật là giác vậy. Đó là giác sát thân tâm, không để cho khởi ác. Niệm là nhớ, tức là nhớ giữ giới hạnh, không quên tinh tấn, liễu nghĩa như thế gọi đó là niệm. Nên biết niệm là ở nơi tâm chẳng phải ở lời nói. Cũng như nhân nơm mà được cá, được cá phải quên nơm. Mượn lời để tìm ý, được ý phải quên lời. Đã xưng danh niệm Phật phải biết đạo niệm Phật. Nếu tâm không thật, miệng tụng danh suông, ba độc bên trong lưng lấy nhân ngã đầy bụng, đem cái tâm vô minh hướng bên ngoài cầu Phật, chỉ luống uổng công mà thôi.

Vả lại, tụng cùng với niệm nghĩa lý khác nhau. Tại miệng gọi là tụng, tại tâm gọi là niệm. Nên biết niệm từ tâm khởi gọi là cửa giác hạnh. Tụng là từ nơi miệng phát ra, đó là tướng âm thanh, chấp bên ngoài cầu lý trọn không có lẽ đó.

Nên biết quá khứ chư thánh chỗ tu niệm đều chẳng phải nói ở bên ngoài, chỉ xét ở trong tâm. Tâm là nguồn của tất cả pháp lành, tâm là chủ của muôn đức. Niết-bàn thường lạc đều do chân tâm mà sanh, ba cõi luân hồi cũng từ nơi tâm khởi. Tâm là cửa nẻo xuất thế, tâm là bến bờ giải thoát. Biết cửa rồi lo gì khó vào, rõ bến bờ rồi lo gì chẳng qua!

**Hỏi:** Như kinh Ôn Thất nói “Tắm gội cho chúng tăng được phước vô lượng”. Đây tức nương nơi pháp sự, công đức mới thành, nếu làm việc “quán tâm” làm sao tương ứng?

**Đáp:** Tắm gội chúng tăng, chẳng phải là việc hữu vi của thế gian. Đức Thế Tôn từng vì các đệ tử nói kinh Ôn Thất (cái nhà ấm) muốn khiến cho họ thọ trì pháp tắm gội.

Cái nhà ấm kia tức là thân vậy. Vì thế cho nên đốt lửa trí tuệ, hâm nóng nước tịnh giới để tẩy rửa chân như Phật tánh trong thân, thọ trì bảy pháp để tự trang nghiêm. Thuở ấy các Tỳ-kheo thông minh thượng trí đều ngộ thánh ý, như lời Phật dạy mà tu hành, công đức thành tựu đều lên thánh quả. Ngày nay chúng sanh không lường được việc này, đem nước thế gian rửa cái thân tứ đại tự bảo là y kinh, há chẳng phải là lầm sao! Vả lại chân như Phật tánh chẳng phải là thân phàm phu, phiền não trần cấu xưa nay không tương, đâu thể đem nước chất ngại rửa cái thân vô vi! Sự đã chẳng tương ứng làm sao ngộ đạo? Nếu muốn thân được thanh tịnh phải quán thân này vốn do tham dục bất tịnh mà sanh, trong ngoài đầy dẫy nhơ nhớp hôi hám. Nếu muốn tẩy rửa thân này cầu cho được thanh tịnh giống như rửa cái đường hào bằng đất, đất hết mới sạch! Lấy lẽ này mà nghiệm rõ thì biết tẩy rửa cái thân bên ngoài chẳng phải là ý Phật nói.

Thế nên tạm mượn việc thế gian để dụ cho chân tâm, ẩn nói bảy việc cúng dường công đức. Việc ấy có bảy. Thế nào là bảy việc? Một là nước sạch, hai là lửa đốt, ba là tảo đậu, bốn là hành dương, năm là tro sạch, sáu là cao tô, bảy là áo trong. Nêu bảy việc để dụ cho bảy pháp, tất cả chúng sanh

do bảy pháp này tấm gương nghiêm hay trừ được tâm độc vô minh cấu uế. Bảy pháp đó là:

Một là tịnh giới rửa sạch tội lỗi, giống như nước trong rửa sạch bụi dơ.

Hai là trí tuệ quán sát trong ngoài, giống như củi lửa hay đun nóng nước sạch.

Ba là phân biệt loại bỏ các ác, giống như tảo đậu (xà bông) hay làm sạch cấu bẩn.

Bốn là chân thật đoạn các vọng tưởng, giống như nhành dương làm tiêu mùi hôi trong miệng.

Năm là chánh tín quyết định không nghi, giống như tro sạch xoa chà trên thân để ngăn gió.

Sáu là nhu hòa nhẫn nhục cam chịu, giống như cao tô làm thông nhuận da ngoài.

Bảy là hổ thẹn, hối các ác nghiệp, giống như áo trong để che đậy cái hình thể xấu xí.

Bảy pháp như trên là nghĩa bí mật ở trong kinh, đều là vì những bậc đại thừa lợi căn mà nói chẳng phải vì phạm phu thiếu trí hạ liệt. Sở dĩ người thời nay không thể giải ngộ, vì trộm thấy thời này sự hiểu biết cạn kiệt, chỉ lấy sự tướng làm công phu rồi rộng bày ra những việc phí tiền của, tốn kém nước nôi, dối lập tượng tháp, vọng sắp đặt phu dịch, chứa cây nhóm bùn, tô xanh vẽ lục, dốc tâm tận lực, tổn mình mê người, chưa biết hổ thẹn đâu từng giác ngộ. Thấy hữu vi thì siêng năng đấm mển, nghe nói vô vi thì ngờ nghệch như mê.

Vả lại, ham một chút lòng từ của hiện đời đâu biết cái khổ lớn ở đời sau. Tu học như thế luống tự nhọc nhằn, trái với chánh theo về tà, ai nói là được phước?

Chỉ hay quán tâm chiếu soi bên trong, giác quán rõ ràng bên ngoài, đoạn dứt ba độc khiến cho vĩnh viễn tiêu mất, đóng cửa sáu giác không cho nó quấy nhiễu, tự nhiên hằng sa công đức các thứ trang nghiêm, vô số pháp môn mỗi mỗi thành tựu, siêu phàm chứng thánh trước mắt không xa, ngộ chỉ trong chốc lát đâu phiền đợi đến lúc bạc đầu. Cửa chân thật sâu kín, đâu thể trình bày cho đầy đủ tường tận được.

Lược nói về quán tâm chỉ nói được chút ít, nên nói kệ rằng:

Ta xưa cầu tâm tâm tự giữ,  
 Cầu tâm không được đợi tâm biết,  
 Phật tánh không từ ngoài tâm được,  
 Tâm sanh bèn là lúc tội sanh.



Ta xưa cầu tâm chẳng cầu Phật,  
 Rõ biết tam giới không không vật,  
 Nếu muốn cầu Phật chỉ cầu tâm,  
 Chỉ tâm tâm tâm ấy là Phật.

**Giảng:**

*Cửa thứ hai*

**PHÁ TƯỚNG LUẬN**

*Hỏi: Nếu có người chí cầu Phật đạo phải tu pháp gì thật là tinh yếu?*

*Đáp: Chỉ một pháp quán tâm tổng nhiếp tất cả pháp cho nên rất là tinh yếu.*

*Hỏi: Sao nói một pháp hay nhiếp tất cả pháp?*

*Đáp: Tâm là cội gốc của muôn pháp. Tất cả pháp chỉ do tâm mà sanh ra. Nếu hay liễu được tâm thì muôn pháp đều đầy đủ. Ví như cây to có những cành lá và hoa quả thủy đều y nơi gốc mà sanh ra. Nếu chặt cây bỏ rễ ắt cây phải chết. Nếu liễu tâm mà tu hành ít tốn công sức mà dễ thành. Nếu không liễu tâm mà tu đạo thì phí nhiều công mà vô ích. Cho nên tất cả pháp thiện ác đều do nơi tâm mình, ngoài tâm riêng cầu trọn không có lẽ ấy.*

Phá tướng là dẹp bỏ những hình tướng bên ngoài để trở về bản tâm, ở đây nêu hai câu hỏi.

Câu thứ nhất: Người cầu đạo phải tu phương pháp gì vừa đơn giản mà lại thiết yếu? Tổ chỉ một phương pháp vừa đơn giản lại thiết yếu là Quán tâm. Quán tâm không phải ngồi lại một chỗ để quán, mà nhìn kỹ tâm mình hay còn gọi là chần trâu, thấy nó chạy đông chạy tây hay yên lặng, đó gọi là quán tâm. Pháp quán tâm là pháp cội nguồn.

Câu thứ hai: Tại sao nói chỉ có một pháp đó mà trùm hết các pháp? Ngài đáp: Tâm là cội nguồn của muôn pháp. Ví như cây to có hoa quả, cành lá, hoa quả cành lá tuy nhiều nhưng đều từ cội gốc mà ra. Nếu chúng ta muốn cây chết, chặt gốc nó thì cành lá, hoa quả theo đó mà hết. Cũng vậy muôn pháp thiện ác đều từ tâm sanh, nếu ngay tâm mà chúng ta nhận được, liễu tri được thì muôn pháp cũng theo đó mà sạch. Không trở về tâm mà đi cầu những pháp khác bên ngoài thì không bao giờ đạt đạo.

*Hỏi: Thế nào quán tâm gọi đó là liễu?*

*Đáp: Bồ-tát ma-ha-tát khi hành sâu Bát-nhã ba-la-mật-đa, rõ bốn đại năm uẩn vốn là không, là vô ngã, thấy rõ tự tâm khởi dụng có hai thứ sai biệt. Sao gọi là hai? Một là tịnh tâm, hai là nhiễm tâm. Hai thứ tâm này pháp giới tự nhiên, xưa nay đều có. Tuy là giả duyên mà hợp nhau đối đãi.*

Đoạn này nêu câu hỏi: *Thế nào quán tâm gọi đó là liễu?*

Tổ đáp tâm nhiễm tâm tịnh xưa nay sẵn có bên mình chứ không phải đợi tạo mới có. Ngay nơi mỗi người đều có sẵn hai thứ tâm, nên gọi là *pháp giới tự nhiên*. Đứng về mặt tâm thể thì nó là giả duyên, nghĩa là tâm thể của chúng ta không dính với giả duyên bên ngoài, nhưng khi bên ngoài có cảnh bên trong có tâm, hai cái hợp lại trở thành đối đãi, nên nói *tuy là giả duyên mà hợp nhau đối đãi*.

*Tịnh tâm hằng ưa nhân lành. Nhiễm tâm thường nghĩ nghiệp ác. Nếu không nhận cái nhiễm huân vào*

*tức gọi là thánh, liền xa lìa các khổ chứng được cái vui Niết-bàn. Nếu theo tâm nhiễm tạo nghiệp, chịu cảnh trói buộc tức gọi người đó là phàm, chìm đắm trong tam giới thọ các thứ khổ. Vì có sao? Do tâm nhiễm kia che lấp thể chân như. Cho nên kinh Thập Địa nói: “Trong thân chúng sanh có Phật tánh kim cương ví như vầng mặt trời thể sáng suốt tròn đầy, rộng lớn không có bờ mé, chỉ vì những lớp mây năm ấm che đây, như ngọn đèn để ở trong bình, ánh sáng không thể hiển hiện.”*

Nói nhiễm nói tịnh là do khởi niệm, khởi niệm thì có lành có dữ. Tâm tịnh thì ưa nghĩ những điều lành, tâm nhiễm thường nghĩ những điều ác. Người nào tu hành không chấp nhận cảnh duyên bên ngoài huân vô làm ô nhiễm tâm mình thì gọi là thánh, là lìa khổ được vui Niết-bàn. Nếu theo tâm nhiễm tạo nghiệp thì phải chịu sự trói buộc, đó là phàm phu sẽ chìm đắm trong ba cõi, chịu các thứ khổ. Vì sao? Vì tâm nhiễm kia che lấp làm chướng ngại thể chân như. Cho nên kinh Thập Địa nói: “Trong thân chúng sanh có Phật tánh kim cương”, nghĩa là Phật tánh bất sanh bất diệt không gì phá hoại được, nên dụ như kim cương. Cũng như mặt trời sáng suốt tròn đầy, rộng lớn không ngăn mé, nhưng vì những đám mây che nên ánh sáng không tỏa khắp. Như trong bình sành để ngọn đèn sáng, ánh sáng của ngọn đèn không thể phát ra ngoài.

*Lại kinh Niết-bàn nói: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì vô minh che đây nên không được giải thoát.” Phật tánh ấy tức là tánh giác vậy. Chỉ tự giác giác tha, trí giác sáng suốt rõ ràng tức gọi là giải thoát.*

*Nên biết tất cả pháp lành lấy giác làm gốc. Nhân cội gốc giác này liền hay hiển hiện các cây công đức, quả Niết-bàn cũng nhân đây mà thành tựu. Quán tâm như thế gọi đó là liễu.*

Như đoạn trước nói phương pháp tỉnh yếu là quán tâm. Quán tâm bằng cách nào? Ngay nơi tâm mình có hai phần tịnh và nhiễm, nếu không để cái nhiễm làm ô uế tâm thì được giải thoát, gọi đó là thánh. Chạy theo tâm nhiễm tạo nghiệp khiến cho tâm mình mờ tối thì sẽ trầm luân sanh tử. Vì vậy nên nói quán tâm là liễu được tất cả.

*Hỏi: Ở trên nói chân như Phật tánh, tất cả công đức nhân nơi gốc giác. Chưa biết cái tâm vô minh lấy gì làm gốc?*

*Đáp: Tâm vô minh tuy có tám muôn bốn ngàn phiền não tình dục và hằng hà sa số các thứ ác đều lấy ba độc làm cội gốc. Ba độc ấy tức là tham sân si vậy. Ba thứ độc này tự hay đầy đủ tất cả cái ác. Ví như cây to gốc tuy là một mà sanh ra cành lá số nó vô biên. Ba gốc độc kia mỗi mỗi gốc lại sanh ra nghiệp ác trăm ngàn muôn ức gấp bội hơn trước không thể tỷ dụ được. Tâm ba độc như thế ở trong bản thể của nó ứng hiện ra sáu căn cũng gọi là “lục tặc” tức là sáu thức vậy. Do sáu thức này ra vào nơi các căn tham đắm muôn cảnh thành ra ác nghiệp, chướng ngại thể chân như nên gọi là sáu giặc. Chúng sanh do ba độc và sáu giặc này mê loạn thân tâm chìm đắm trong sanh tử, luân hồi trong sáu đường chịu các thứ khổ não. Giống như các con sông lớn sông nhỏ*

*đều do những nguồn suối nhỏ ngầm chảy mãi không dứt mới hay tràn đầy thành ra sóng ngòi muôn dặm. Nếu như có người chặn bít các nguồn suối kia, tức các dòng chảy đều theo đó mà dứt. Người cầu giải thoát nếu hay chuyển ba độc thành ba nhóm tịnh giới, chuyển sáu giặc thành sáu ba-la-mật, tự nhiên hằng là tất cả biển khổ.*

Hỏi: Ở trên nói rằng chân như Phật tánh và tất cả công đức lấy giác làm gốc. Vậy không biết cái tâm vô minh lấy gì làm gốc?

Đáp: Cội gốc của tất cả pháp ác là tham sân si. Tuy nói phiền não rất nhiều, trăm ngàn muôn ức nhưng gốc của nó chỉ là tham sân si. Bởi có tham sân si ở trong mới ứng hiện ra sáu căn, khiến sáu căn biến thành lục tặc tức là sáu tên giặc. Nếu không còn tham sân si thì sáu căn biến thành sáu ba-la-mật, hoặc là sáu thần thông.

Ví dụ con mắt nếu không có tâm tham hợp tác thì không bị nhiễm sắc, chân tâm không bị ngăn che. Lỗ tai nếu không có tâm sân hợp tác thì không nổi giận khi nghe người ta nói nặng. Không nổi sân thì không có chướng ngại chân như. Như vậy tham sân si ẩn ở trong, rồi hợp với sáu căn biến thành sáu giặc, khi nào hết tham sân si thì sáu căn cũng thấy nghe hay biết, mà trở thành sáu ba-la-mật hay sáu thần thông.

Cho nên, *người cầu giải thoát nếu hay chuyển ba độc thành ba nhóm tịnh giới, chuyển sáu giặc thành sáu ba-la-mật, tự nhiên hằng là tất cả biển khổ. Ba nhóm tịnh giới là ba nhóm giới thuộc Đại thừa gồm có:*

niếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới và nhiều ích hữu tình giới. Sáu ba-la-mật là: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định và trí tuệ. Như vậy cũng từ nơi sáu căn nếu hợp tác với ba độc thì thành sáu giác, nếu không hợp tác với ba độc thì sáu căn chuyển thành sáu ba-la-mật. Tu là chuyển, chúng ta đang sống trong đau khổ mê lầm là do ba độc hoành hành, nếu chúng ta chuyển được ba độc thì đau khổ theo đó sạch hết.

*Hỏi: Lục thú tam giới rộng lớn vô biên, nếu chỉ quán tâm, do đâu được khỏi cái khổ vô cùng?*

*Đáp: Nghiệp báo trong tam giới chỉ do tâm sanh. Gốc nếu không có tâm đối với trong tam giới thì liền ra khỏi tam giới. Tam giới đó tức là tam độc vậy. Tham là dục giới, sân là sắc giới, si là vô sắc giới. Nên gọi là tam giới. Do ba độc này tạo nghiệp nặng nhẹ quả báo chẳng đồng, phân chia về nơi sáu chỗ gọi là lục thú.*

Hỏi: Lục thú tam giới rộng lớn vô biên, nếu chỉ quán tâm thì làm sao khỏi cái khổ trong tam giới lục thú?

Tổ đáp: Tam giới là tam độc tham sân si. Tham là dục giới, sân là sắc giới, si là vô sắc giới. Nghĩa là còn tham sân si thì còn ở trong tam giới, hết tham sân si thì ra khỏi tam giới. Nói tham là dục giới thì dễ hiểu rồi, nhưng còn sân sao gọi là sắc giới? Vì khi tâm nổi sân thì tướng sân hiện ra, lúc đó tướng trạng hiện thế nào thì nhìn thấy liền nên nói là sắc giới. Còn tâm si ẩn ở trong mờ khó thấy, nó không có tướng trạng nên nói là vô sắc giới. Như vậy tam giới gốc từ tam độc mà ra chứ không có gì hết.

*Hỏi: Thế nào nặng nhẹ phân làm sáu đường?*

*Đáp: Chúng sanh không rõ chánh nhân, mê tâm tu thiện, chưa khỏi tam giới, sanh trong ba cõi nhẹ. Thế nào là ba cõi nhẹ?*

*Đó là mê tu thập thiện vọng cầu khoái lạc chưa khỏi tham giới, sanh trong cõi trời.*

*Mê giữ năm giới, vọng khởi thương ghét chưa khỏi sân giới, sanh trong cõi người.*

*Mê chấp hữu vi, tin tà cầu phước, chưa khỏi si giới, sanh vào cõi a-tu-la.*

*Ba cõi như thế gọi là ba cõi nhẹ.*

Chúng ta xét rõ nhân tu thế nào, kết quả ra sao để rồi kiểm lại mình coi đang tu nhân gì? Mê tâm tu thiện nghĩa là không nhận được bản tâm của mình mà ưa làm các việc từ thiện. Tu như vậy cũng chưa ra khỏi tam giới mà sanh ở ba cõi nhẹ. Thế nào là ba cõi nhẹ? Nếu tu mười điều lành mà không nhận được bản tâm, chỉ cầu đời sau được an vui, như vậy là còn lòng tham nên sanh ở cõi trời Dục giới. Tuy giữ năm giới mà lòng yêu ghét vẫn còn, còn yêu ghét là còn sân giận, vì vậy không ra khỏi sân giới, nên sanh ở cõi người. Còn người *mê chấp hữu vi, tin tà cầu phước, chưa khỏi si giới, sanh vào cõi a-tu-la*. Tin tà cầu phước là sao? Nghĩa là có những người chỉ lo cúng thành hoàng, thổ địa, ông táo... Cúng rồi vái, nghe ai bị tai nạn cũng vái cho họ được tai qua nạn khỏi. Như vậy là thiện quá rồi! Nhưng chấp tà mà làm thiện thì cũng được phước, có phước mà còn

ở trong si mê, chưa ra khỏi si giới thì sanh trong cõi a-tu-la. Như thế cõi trời, cõi người, cõi a-tu-la gọi là ba cõi nhẹ.

*Thế nào là ba cõi nặng?*

*Đó là buông lung tâm tam độc, chỉ tạo nghiệp ác thì rơi vào ba cõi nặng.*

*Nếu nghiệp tham nặng rơi vào cõi ngạ quỷ. Nghiệp sân nặng rơi vào cõi địa ngục. Nghiệp si nặng rơi vào cõi súc sanh. Như thế là ba cõi nặng cùng với ba cõi nhẹ ở trước thành ra lục thú. Nên biết tất cả nghiệp khổ đều do tự tâm sanh, chỉ hay nhiếp tâm, lìa các tà ác thì cái khổ luân hồi trong ba cõi sáu đường tự nhiên tiêu diệt, liền được giải thoát.*

Đoạn này ngài chỉ rõ, nếu chúng ta bỏ quên tâm mà tu thì chỉ lẩn quẩn ở trong lục thú tam giới. Nếu nhận tâm thể thanh tịnh mà tu thì ra khỏi luân hồi được giải thoát, đó là gốc của sự tu hành. Hiện giờ chúng ta thấy người tu làm việc thiện rất nhiều. Thấy ai bệnh hoạn thì thương, tìm đủ mọi cách cứu giúp, nhiều khi dùng cả bùa chú để chữa trị. Vì thương người mà làm việc thiện với tất cả lòng tốt, nhưng kết quả vẫn nằm trong tà si, chưa tới chỗ giải thoát. Hoặc người làm mười nghiệp lành nhưng không nhận được bản tâm, chỉ mong đời sau được sung sướng thì sau khi chết sẽ được sanh về cõi trời. Vì vậy tùy theo sự tu hành của chúng ta mà sanh trong lục đạo luân hồi. Nếu ngộ tâm mà tu thì dứt hết mầm sanh tử, ra khỏi tam giới gọi là giải thoát.

*Hỏi: Như Phật đã nói “Ta ở trong ba a-tăng-kỳ kiếp vô lượng siêng năng khổ hạnh, mới thành Phật đạo”, tại sao nay nói chỉ duy quán tâm chế được ba độc gọi là giải thoát?*

*Đáp: Lời Phật đã nói không có hư dối. A-tăng-kỳ kiếp tức là tam tam độc vậy. Tiếng Ấn Độ nói a-tăng-kỳ, Trung Hoa gọi là bất khả số. Trong tam tam độc này, có hằng sa niệm ác, ở trong mỗi mỗi niệm đều là một kiếp, như thế hằng hà sa số không thể kể hết nên nói là ba đại a-tăng-kỳ.*

*Tánh chân như đã bị ba độc che đậy nếu không vượt qua được cái tâm của ba đại hằng sa ác độc ấy thì làm sao gọi là giải thoát? Nay nếu hay chuyển tham sân si... tam tam độc này thành ba thứ giải thoát ấy gọi là qua được ba đại a-tăng-kỳ kiếp.*

*Chúng sanh đời mạt pháp ngu si độn căn không hiểu lời nói bí mật của Như Lai về ba đại a-tăng-kỳ bèn nói thành Phật kiếp số như vi trần. Lời này đâu không làm nghi lầm những người tu hành khiến thối đạo Bồ-đề.*

Trong kinh Phật nói ngài trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp siêng năng khổ hạnh, cực khổ nhọc nhằn sau mới được thành Phật. Nay nói chỉ có quán tâm, chế được tam độc là giải thoát thì thấy sao đơn giản quá!

Tổ giải thích: Phật đã nói ra thì không hư dối. A-tăng-kỳ kiếp tức là tam tam độc vậy. Trong tam chứa ba độc thì có hằng sa niệm ác, mỗi niệm ác là một kiếp, như thế hằng hà sa số không thể tính hết, cho nên nói

ba đại a-tăng-kỳ. Từ tam độc biến ra hằng hà sa số ác niệm, mỗi ác niệm là một kiếp, như vậy dứt hết ba vô số kiếp của tham sân si thì gọi là qua ba a-tăng-kỳ kiếp. Giải thích như vậy chúng ta thấy hơi gượng ép, nhưng đó là một lẽ thật mà nhiều khi chúng ta chấp trên ngôn ngữ nên không thấy được. Thật sự tu hành muốn thành Phật thì phải hết ba độc. Bởi vì từ ba độc biến ra muôn ngàn phiền não. Ba độc có thô có tế, thô có ngàn thứ thô, tế cũng có nhiều lớp tế.

Nói về tham không biết bao nhiêu thứ mà tính hết. Tai tham nghe tiếng hay, mắt tham sắc đẹp, mũi tham ngửi mùi thơm, lưỡi tham nếm vị ngon, thân tham xúc chạm những gì nó ưa thích. Trong tham sắc lại có bao nhiêu thứ khác nhau: sắc đẹp con người, nhà cửa, xe cộ, bông hoa... Giả sử thấy sắc đẹp của con người, chúng ta tự nhắc tham sắc là một tội lỗi, người tu không được tham đắm nữ sắc. Nhưng khi thấy bông hoa đẹp mình còn thích ngắm. Như vậy tham sắc đẹp của hoa tế hơn tham sắc đẹp của người, đó cũng là tham.

Đến tham tiền, do tham nên thấy tiền của ai dễ sơ hở là lấy cắp. Bây giờ tu rồi chúng ta biết lấy của người không cho là phạm giới, là tội lỗi nên không dám lấy. Nhưng thấy tiền hoặc đồng hồ của ai làm rơi giữa đường thì lượm bỏ túi xài luôn. Lẽ ra khi nhặt được của rơi chúng ta phải tìm cách trả lại cho chủ nhân, nhưng vì nghĩ của này do mình nhặt được chứ không phải ăn cắp thì đâu có lỗi gì! Nghĩ vậy nên giữ làm của, đó cũng là còn tham. Hoặc khi chúng ta tình cờ lượm được một túi tiền hay món đồ quý, không nở cất xài nên đem gửi

cảnh sát trả lại cho người bị mất. Nhưng khi gửi trả trong lòng cảm thấy tiếc, còn tiếc thì còn tham vi tế.

Đến tham tiếng, trong tiếng thì có trăm ngàn thứ tiếng: tiếng khen, tiếng êm dịu, tiếng đàn ca... Mũi thích ngửi mùi cũng có trăm ngàn thứ mùi. Như vậy tham có rất nhiều thứ, nó phát ra sáu căn chỗ nào cũng tham được hết, mỗi cái tham lại có trăm ngàn muôn ức cái tham vi tế. Như vậy tham có thiên hình vạn trạng từ thô đến tế không thể kể hết.

Sân cũng có nhiều mức độ. Khi chưa biết tu nghe ai nói trái tai thì nổi giận la hét. Đến khi biết tu rồi, nghe ai nói trái tai chúng ta không nổi giận la lối, mà giận ngầm trong bụng, thấy người đó muốn bỏ đi chỗ khác, không muốn nhìn mặt, như vậy cũng còn sân. Tu khá hơn một chút, khi nghe người nói trái tai, mình vẫn nhìn mặt vẫn tiếp xúc nhưng trong lòng cũng còn hơi bực bội không vui. Chừng nào người ta làm trái ý, nói trái tai mà tâm mình vẫn bình thường không chướng ngại gì cả thì tâm hết sân. Như vậy để thấy rằng sân giận đi dần từ thô đến tế. Cả trăm ngàn thứ tham sân si, cho nên gọi là vô lượng vô biên, hằng hà sa số không thể tính được.

Nếu dứt sạch ba độc thì thành Phật. Chúng ta thử tính xem bao lâu thì dứt hết ba độc? Nói nghe thì đơn giản, tưởng chừng như một sớm một chiều có thể làm được, nhưng thật sự dứt hết tham sân si từ thô đến tế thì phải qua một thời gian dài đằng đẳng. Ba độc biến hình biến trạng quá nhiều, ở trong mỗi niệm ác là một kiếp. Vì thế dứt bao nhiêu niệm ác gọi là qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp.

Tuy nhiên, nếu nghe nói tu phải trải qua số kiếp như vi trần thì ngán quá, không biết chừng nào mới xong. Nếu nói tu trừ ba độc tham sân si là qua ba vô số kiếp, như vậy có ngán không? Ví dụ thảng trước chúng ta sân giận mười phần, hôm nay giảm còn tám chín là đã qua được một chút, như vậy là có tiến bộ. Nếu nói trải qua vô số kiếp nhiều như cát bụi thì thấy như mình vô phần rồi thối Bồ-đề tâm. Nên biết ba vô số kiếp tức là tam độc, trừ sạch ba độc thì thành Phật, đó là một sự thật ở ngay nơi tâm mỗi người. Chúng ta hy vọng tuy ngày nay còn tham sân si, nhưng nếu nỗ lực làm cho suy giảm từ từ thì con đường thành Phật ngày càng gần. Nếu trừ hết ba độc thì thành Phật, chính điều này khiến chúng ta phấn chấn nỗ lực tu hành.

Tổ đã khéo chuyển tất cả trở về tự tâm. Trở về tự tâm thì thấy thực tế, gần gũi dễ thực hành. Nếu kẹt trên ngôn ngữ văn tự thì dễ chán nản thối chí. Tuy nhiên muốn dứt bỏ ba độc phải trải qua thời gian rất dài, điều đó không phải ngoài khả năng của chúng ta.

Phần này gọi là phá tướng, không còn mắc kẹt hình tướng bên ngoài, mà quy hướng về tự tâm.

*Hỏi: Bồ-tát ma-ha-tát do trì ba nhóm tịnh giới, hành sáu ba-la-mật mới thành Phật đạo, nay bảo người chỉ có quán tâm không tu giới hạnh, làm sao mà thành Phật được?*

*Đáp: Tam tụ tịnh giới tức là chế ngự tâm tam độc vậy, chế tâm tam độc thành ra vô lượng nhóm thiện, “tự” là hội vậy. Vô lượng thiện pháp khắp nhóm hội ở nơi tâm nên gọi là tam tụ tịnh giới.*

*Lục ba-la-mật tức là tịnh sáu căn vậy. Ấn Độ gọi là “ba-la-mật”, Trung Hoa gọi là “đáo bỉ ngạn”. Do sáu căn thanh tịnh, không nhiễm sáu trần liền qua được sông phiền não đến bờ giác ngộ nên nói là sáu ba-la-mật.*

Bồ-tát có đầy đủ sáu ba-la-mật mới thành Phật. Nhưng Tổ nói sáu ba-la-mật là tịnh sáu căn vậy. Sáu căn của chúng ta khi xưa nhiễm với sáu trần, bây giờ tịnh sáu căn tức không cho nhiễm sáu trần thì qua được sông phiền não, đã qua sông phiền não là đến bờ Niết-bàn. Như vậy ba a-tăng-kỳ hay sáu ba-la-mật đều ngay nơi tâm và sáu căn của chúng ta chứ không ở đâu xa cả.

*Hỏi: Như kinh đã nói tam tu tịnh giới là: thế đoạn tất cả ác, thế tu tất cả thiện, thế độ tất cả chúng sanh. Nay chỉ nói chế tâm tam độc đâu không phải là văn nghĩa trái nhau?*

*Đáp: Phật đã nói kinh đó là lời chân thật, Bồ-tát ma-ha-tát nhân đời quá khứ trong lúc tu hành vì để đối trị ba độc mà phát ra ba lời thề nguyện.*

*Vì đoạn tất cả ác nên thường trì giới để đối trị tham độc.*

*Vì nguyện tu tất cả thiện nên thường tập định để đối trị sân độc.*

*Vì nguyện độ tất cả chúng sanh nên thường tu tuệ để đối trị si độc.*

*Do trì giữ ba thứ pháp thanh tịnh giới định tuệ như thế nên vượt khỏi ba độc kia mà thành Phật đạo. Các ác tiêu diệt gọi đó là đoạn. Các thiện đều đủ gọi đó*

*là tu. Do hay đoạn ác tu thiện tức vạn hạnh thành tựu, tự tha đều lợi, khắp cứu giúp quần sanh gọi đó là độ. Nên biết chỗ tu giới hạnh chẳng lìa nơi tâm, nếu tự tâm thanh tịnh tức tất cả Phật độ thấy đều thanh tịnh. Thế nên kinh nói: “Tâm cấu tức chúng sanh cấu, tâm tịnh tức chúng sanh tịnh, muốn được tịnh độ nên tịnh tâm mình, tùy tâm mình tịnh tức Phật độ tịnh.” Tam tụ tịnh giới tự nhiên thành tựu.*

Như vậy để cho thấy tuy trong kinh nói tam tụ tịnh giới là thế đoạn tất cả ác, thế tu tất cả thiện, thế độ tất cả chúng sanh, nhưng cũng không ngoài ba độ. Đoạn tất cả ác là đoạn tham. Tu tất cả thiện là trừ sân. Độ tất cả chúng sanh là diệt si. Tham sân si hết thì đó là thành tựu được tam tụ tịnh giới, được sanh về cõi Phật thanh tịnh.

*Hỏi: Như kinh đã nói sáu ba-la-mật cũng gọi là lục độ, đó là: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Nay nói sáu căn thanh tịnh gọi là ba-la-mật làm sao thông hiểu? Vả lại “lục độ”, nghĩa ấy thế nào?*

*Đáp: Muốn tu lục độ nên tịnh sáu căn trừ sáu giặc.*

*Hay xả giặc mắt, lìa các cảnh sắc, gọi đó là bố thí.*

*Hay cấm giặc tai, đối với thanh trần kia không để cho buông lung gọi là trì giới.*

*Hay phục giặc mũi, bình đẳng với các mùi thơm thối, tự tại nhu nhuyễn gọi đó là nhẫn nhục.*

*Hay chế giặc lưỡi không tham các vị và các việc ca vịnh giảng thuyết..., gọi đó là tinh tấn.*

*Hay hàng phục giặc thân, đối với cái dục ưa muốn xúc chạm, tâm vẫn lặng lẽ không động, gọi đó là thiên định.*

*Hay điều giặc ý, không thuận theo vô minh, thường biết sáng suốt gọi đó là trí tuệ.*

*Lục độ là vận chuyển, lục ba-la-mật giống như thuyền bè hay đưa chúng sanh đến bờ kia nên gọi là lục độ.*

Ngay nơi sáu căn của chúng ta mà tu thì đã tu lục độ ba-la-mật. Như mắt thấy sắc không nhiễm sắc là tu bố thí. Tai nghe tiếng không buồn thương giận ghét là trì giới. Mũi ngửi mùi thơm hôi đều thấy bình đẳng như nhau là nhẫn nhục. Tới bữa ăn lười nếm vị ngon vị dở mà không ưa không chán, cũng không thích ca ngâm xướng vịnh, đó là tinh tấn... Nếu quy lục độ về sáu căn thì lúc nào chúng ta cũng tu được hết. Nếu nói lục độ là pháp bên ngoài, như bố thí thì phải có tiền, đợi khi nào có người cần giúp đỡ chúng ta mới bố thí, nếu không có cơ hội thì không tu bố thí được.

Đoạn này ngài dạy tu lục độ là chuyển sáu căn ô nhiễm thành sáu căn thanh tịnh, tu như vậy thì giờ phút nào chúng ta cũng tu được. Khi sáu căn thanh tịnh thì giác ngộ ra khỏi bờ mê.

*Hỏi: Kinh nói đức Thích-ca Như Lai khi còn làm Bồ-tát đã từng uống ba đấu sáu thăng cháo sữa mới thành Phật đạo. Như vậy trước do uống sữa, sau mới chứng Phật quả, thì đâu phải chỉ do quán tâm mà được giải thoát?*

*Đáp: Thật như chỗ ông nói không có hư dối, nhất định do dùng sữa rồi sau mới thành Phật. Nhưng nói dùng sữa đó có hai thứ. Thứ sữa Phật dùng không phải là thứ sữa bất tịnh của thế gian, đó chính là sữa pháp chân như thanh tịnh. Ba đầu chính là ba nhóm tịnh giới, sáu thăng tức sáu ba-la-mật. Phật lúc thành đạo do dùng sữa pháp chân như thanh tịnh mới chứng Phật quả, nếu nói Như Lai dùng thứ sữa bò tanh hôi bất tịnh của thế gian hòa hợp thì đâu chẳng phải là phỉ báng làm nghi lầm lẫn sao? Chân như vốn là pháp thân kim cang vô lậu bất hoại hằng là tất cả khổ của thế gian, đâu phải nhờ thứ sữa bất tịnh như thế khiến cho được no đủ khỏi sự đói khát!*

*Như kinh đã nói: “Con trâu ấy, nó chẳng ở tại cao nguyên, chẳng ở nơi ẩm thấp. Nó chẳng ăn các thứ lúa gạo, lúa mạch hay những thứ có vỏ trấu... Nó chẳng cùng những con trâu đực hợp bầu. Thân con trâu ấy hiện ra sắc vàng tía.” Con trâu ấy tức chỉ cho Phật Tỳ-lô-giá-na vậy. Do lòng đại từ đại bi thương xót tất cả nên từ nơi pháp thể thanh tịnh lưu xuất ra tam tụ tịnh giới, sáu ba-la-mật, sữa pháp vi diệu như thế để nuôi dưỡng tất cả những người cầu giải thoát. Thứ sữa thanh tịnh của con trâu chân tịnh như thế không chỉ Như Lai uống nó được thành đạo, mà tất cả chúng sanh nếu hay uống sữa đó cũng đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.*

Sử nói Phật sau khi uống bát sữa do nàng mục nữ dâng cúng, ngài thấy trong người khỏe khoắn, bèn xuống sông tắm rồi lên cội bồ-đề trái cỏ ngồi thiền

bốn mươi chín ngày cho đến khi đắc đạo. Do đó kết luận rằng Phật nhờ uống sữa mà được thành Phật thì thật vô lý.

Ở đây Tổ giải thích tu thành Phật đạo là do uống sữa pháp thanh tịnh mới chứng được Phật quả. Ba đấu là chỉ cho tam tụ tịnh giới, sáu thăng là chỉ cho lục ba-la-mật, phát xuất từ pháp thân thanh tịnh của Như Lai. Nếu nói Như Lai uống sữa bò tanh hôi bất tịnh của thế gian mà thành Phật là chê bai đức Phật. Vì tự tánh chân như tự kim cương bất hoại, pháp thân vô lậu hằng lìa tất cả khổ thế gian, không phải dùng thứ sữa bất tịnh như thế để mà nuôi dưỡng.

Như vậy sữa tam tụ tịnh giới, lục ba-la-mật, chẳng phải chỉ có đức Như Lai uống thứ sữa thanh tịnh này được thành Phật đạo, mà tất cả chúng sanh nếu hay uống cũng đều thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

*Hỏi: Trong kinh đã nói Phật dạy chúng sanh tu tạo chùa chiền, đúc vẽ hình tượng, đốt hương rải hoa, thắp đèn sáng luôn, ngày đêm sáu thời, nhiều thập hành đạo, trai tịnh lễ bái... các thứ công đức, đều thành Phật đạo. Nếu chỉ quán tâm mà tổng nhiếp hết các hạnh, nói việc như thế có lẽ là hư dối vậy?*

*Đáp: Phật nói kinh có vô lượng phương tiện, vì tất cả chúng sanh độn căn yếu kém không ngộ được ý nghĩa sâu xa, cho nên tạm mượn các pháp hữu vi để dụ cho vô vi. Nếu không tu hạnh bên trong, chỉ nhắm bên ngoài mà cầu, hy vọng được phước thì không có lẽ đó.*

*Nói già-lam là tiếng Tây Vực, Trung Hoa dịch là thanh tịnh địa. Nếu vĩnh viễn đoạn trừ ba độc, thường tịnh sáu căn, thân tâm lặng lẽ, trong ngoài thanh tịnh, gọi đó là tu tạo già-lam.*

*Nói đúc vẽ hình tượng, tức là nói tất cả chúng sanh cầu Phật đạo vậy. Nghĩa là tu các giác hạnh giống tuồng như chân dung diệu tượng của Như Lai, chứ đâu phải là làm việc đúc vẽ bằng đồng bằng vàng!*

*Vì thế người cầu giải thoát lấy thân làm lò lấy pháp làm lửa, lấy trí tuệ làm thợ khéo, lấy tam tụ tịnh giới lục ba-la-mật làm khuôn mẫu, nấu luyện chân như Phật tánh ở trong thân. Biến nhập tất cả vào trong khuôn phép giới luật, như lời dạy mà hành trì, một cũng không thiếu sót, tự nhiên thành tựu hình tượng chân dung của Phật. Đó gọi là sắc thân vi diệu cứu cánh thường trụ, không phải là pháp hữu vi tan hoại. Nếu người cầu đạo không hiểu đúc vẽ chân dung như thế thì nương vào đâu mà nói công đức.*

Hỏi: Trong kinh Phật dạy chúng sanh phải tu tạo già-lam, đúc vẽ tượng Phật, đốt hương rải hoa, thấp đèn lưu ly sáng luôn đêm ngày, làm các thứ công đức như thế mới thành Phật đạo. Nếu dạy chỉ có quán tâm, bỏ hết những chuyện hình tượng thì có phải nói hư dối không?

Đáp: Trong kinh Phật dạy như vậy là ngài dùng phương tiện, vì những người độn căn không ngộ được nghĩa lý sâu xa, nên phải mượn pháp hữu vi để chỉ cái vô vi. Chúng ta tu phải lo dẹp phiền não trong tâm,

nếu chỉ hướng bên ngoài mong cầu phước báo thì không thể được. Tu tạo già-lam là hằng trừ ba độc, thân tâm lặng lẽ, trong ngoài thanh tịnh. Như vậy hằng ngày giữ sáu căn thanh tịnh là chúng ta đã cất không biết bao nhiêu già-lam. Nếu không lo gìn giữ sáu căn, chỉ lo tìm đất cho rộng, cất chùa cho lớn rồi cho là tu tạo già-lam, thì đã trái với lời Tổ dạy.

Nói *đúc tạc hình tượng* Phật hay vẽ hình tượng Bồ-tát là chúng ta phải tu tập hạnh giác ngộ giống như diệu hạnh, diệu tướng của các ngài. Đó là chúng ta đúc tượng vẽ hình Phật, chứ không phải đúc tượng bằng đồng, vẽ bằng giấy. Nên nói *người cầu giải thoát lấy thân làm lò lấy pháp làm lửa, lấy trí tuệ làm thợ khéo, lấy tam tụ tịnh giới lục ba-la-mật làm khuôn mẫu, nấu luyện chân như Phật tánh ở trong thân. Biến nhập tất cả vào trong khuôn phép giới luật, như lời dạy mà hành trì, một cũng không thiếu sót, tự nhiên thành tựu hình tượng chân dung của Phật. Đó gọi là sắc thân vi diệu cứu cánh thường trụ, không phải là pháp hữu vi tan hoại.* Nếu không chịu đúc tạc chân dung Phật giống như ở đây dạy, thì nương vào đâu mà nói công đức.

*Lại nói đốt hương cũng không phải là hương có tướng ở thế gian mà chính là hương vô vi chánh pháp vậy, hương này hun đốt các thứ vô minh ác nghiệp hôi đơ thảy đều khiến tiêu diệt. Hương chánh pháp kia có năm thứ:*

*Một là hương giới, đó là hay đoạn các điều ác, tu các điều lành.*

*Hai là hương định, đó là tin sâu Đại thừa tâm không thối chuyển.*

*Ba là hương tuệ, là thường đối với thân tâm tự quán sát trở lại bên trong.*

*Bốn là hương giải thoát, đó là hay đoạn tất cả vô minh trói buộc.*

*Năm là hương giải thoát tri kiến, đó là quán chiếu thường sáng suốt, thông đạt không ngại.*

*Năm thứ hương như thế gọi là hương tối thượng, thế gian không có gì sánh bằng. Phật khi còn tại thế dạy các đệ tử lấy lửa trí tuệ đốt hương báu vô giá như thế để cúng dường mười phương chư Phật. Thời nay chúng sanh không hiểu nghĩa chân thật của Như Lai chỉ lấy lửa bên ngoài đốt các thứ hương trầm của thế gian, hoặc hun đốt các thứ hương bằng chất liệu, hy vọng được phước báo thì làm sao có thể được.*

Nếu người chỉ hương bên ngoài cầu phước, thấp hương hết cây này đến cây khác, cho là có phước thì làm sao có được. Hằng ngày phải đốt năm thứ hương chánh pháp như trên, mới được phước báo vô lượng vô biên.

*Lại tán hoa nghĩa cũng như thế. Đó là diễn nói chánh pháp các thứ hoa công đức lợi ích hữu tình, rải thắm tất cả, đối với tánh chân như khắp thí trang nghiêm. Hoa công đức này Phật khen ngợi là rớt ráo thường trụ không có thời kỳ tàn héo. Nếu lại có người rải hoa như thế thì được phước vô lượng. Nếu nói Như Lai khiến chúng sanh cắt rọc lựa là, thương tổn cỏ cây để làm*

*hoa tán rải thì không có lẽ đó. Vì có sao? Vì người giữ giới thanh tịnh, đối với trời đất sum la vạn tượng còn không dám làm xúc phạm, nếu làm phạm còn mắc tội lớn huống là ngày nay cố tình hủy phạm tịnh giới, thương tổn vạn vật để cầu phước báo? Muốn lợi ích mà trở lại thành tổn hại há có thể được sao?*

Diễn nói chánh pháp cho mọi người nghe hiểu ứng dụng tu hành, đó là tán hoa. Hoa này là hoa công đức. Nếu cắt hoa đem cắm trong bình là làm thương tổn cây cỏ. Cắm trong bình nhiều ngày nước hôi hoa héo, mà nói là cúng dường Phật được phước thì không đúng. Thành ra nhiều khi chúng ta làm trái với ý Phật tổ dạy mà không biết. Như vậy tán hoa là đem giáo lý của Phật chỉ dạy lại cho mọi người nghe lãnh hội tu hành. Hoa này không héo rụng úa tàn. Như tôi đang giảng đây cũng là tán hoa vậy.

*Đèn thường sáng mãi tức là tâm chánh giác vậy. Tâm chánh giác sáng suốt rõ ràng, dụ đó là đèn. Vì thế tất cả những người cầu giải thoát lấy thân làm đài của đèn, lấy tâm làm tim đèn, lấy việc tăng trưởng giới hạnh làm việc châm dầu cho đèn. Trí tuệ thông sáng dụ như ngọn lửa của đèn thường cháy. Dem đèn chân chánh giác ngộ như thế mà chiếu soi tất cả vô minh si ám, hay lấy pháp luân này thứ lớp khai thị cho nhau, tức là từ một ngọn đèn môi cho trăm ngàn ngọn đèn, đèn đèn nối tiếp nhau vô tận nên gọi là đốt đèn sáng mãi. Thuở quá khứ, có Phật hiệu là Nhiên Đăng nghĩa cũng như thế. Chúng sanh ngu si không hiểu lời nói phương tiện của Như Lai, chỉ chuyên làm các việc hư dối,*

*chấp trước hữu vi bèn đốt thứ đèn dầu ở thế gian để chiếu soi nhà trống, cho đó là y nơi lời Phật dạy, đâu chẳng phải lâm sao? Vì có sao? Phật phóng một đạo hào quang giữa chạng mày có thể chiếu soi tám muôn bốn ngàn thế giới, đâu cần phải nhờ cái đèn tô dầu như thế để được lợi ích! Xét kỹ lý này thật không đúng vậy.*

Nhiều người cho rằng đốt đèn lưu ly trên bàn Phật cả ngày đêm để được sáng suốt, được phước vô lượng vô biên, điều đó chưa hợp lý. Lại nói nhờ thắp đèn sáng, người ở ngoài trông vào thấy tượng Phật trang nghiêm mà phát tâm nên có phước, như vậy nghe cũng có lý mà nhẹ lảm!

Ở đây ngài nói *thắp đèn sáng* là phải lấy thân mình làm đài của đèn, lấy tâm làm tim đèn, lấy giới hạnh làm dầu. Đèn này đốt lên là đem trí tuệ chiếu phá vô minh si ám, đèn này môi cho đèn kia, môi hoài không dứt, đèn đèn truyền sáng, gọi là vô tận đặng. Không phải đốt thứ đèn dầu thô ở thế gian gọi là cúng dường chư Phật, là làm theo lời Phật dạy. Phật phóng một đạo hào quang giữa chạng mày có thể chiếu soi muôn ngàn thế giới, đâu cần cái đèn dầu thô thiếu của thế gian làm gì. Thế nên chúng ta phải hiểu kỹ chỗ này mà dụng tâm tu hành, đừng làm trên sự tướng, lo đốt đèn dầu cúng dường Phật mà không lo thắp sáng đèn trí tuệ để chiếu phá vô minh.

*Lại sáu thời hành đạo, đó là nói ở nơi sáu căn trong tất cả thời thường hành Phật đạo, tu hạnh giác ngộ, điều phục sáu căn thường không bỏ quên, gọi đó là sáu thời hành đạo.*

Ở các chùa thường chia ra sáu thời, tý ngộ mẹo dậu... mỗi giờ tụng một thời kinh hoặc lễ bái, gọi là sáu thời hành đạo. Tổ dạy *sáu thời hành đạo* là ở nơi sáu căn thường dùng giác hạnh chiếu soi. Như vậy hai cách hành đạo khác nhau. Một bên là ngày đêm sáu thời tụng kinh lễ bái, một bên là điều phục sáu căn, lúc nào cũng thường tỉnh giác không quên. Như vậy tu theo thời khóa thì đúng giờ mới đi tụng kinh, tu nơi sáu căn thì giờ phút nào cũng tu, tất cả thời đều hành Phật đạo.

*Nhiều tháp hành đạo: Tháp đó là thân vậy. Phải tu giác hạnh nhiều quanh thân tâm, niệm niệm không dừng, gọi là nhiều tháp. Quá khứ chư thánh đều hành đạo này cho đến khi được Niết-bàn. Người đời nay không hiểu lý này, chẳng hướng bên trong tu hành, chỉ chấp bên ngoài mà cầu đem thân tứ đại nhiều tháp thế gian, ngày đêm chạy quanh, luống tự nhọc nhằn mà đối với chân tánh trọn không một chút lợi ích.*

Có những người tu đi quanh tháp Phật ngày đêm, cho là nhiều tháp hành đạo. Nhưng ở đây Tổ nói tuần hành nơi sáu căn của mình, tức là ngay nơi thân tâm này luôn luôn dùng cái giác hạnh chiếu soi không lơ là, gọi đó là *nhiều tháp hành đạo*.

*Lại trì trai cần phải hội được ý, nếu không thấu được lý này chỉ luống uống công sức. “Trai” là “tê” vậy. Đó là tê chĩnh thân tâm không khiến cho tán loạn. “Trì” là “hộ” vậy, nghĩa là đối với các giới hạnh như pháp mà hộ trì. Ất phải bên ngoài thì ngăn sáu tình, bên trong thì chế tam độc, siêng năng giác sát, thanh tịnh thân tâm. Rõ được nghĩa như thế gọi là trì trai.*

*Về ăn có năm thứ:*

*Một là pháp hỷ thực. Đó là y theo chánh pháp hoan hỷ phụng hành.*

*Hai là thiên duyệt thực. Đó là trong ngoài lóng lộng, thân tâm vui vẻ.*

*Ba là niệm thực. Đó là thường niệm chư Phật, tâm miệng tương ứng.*

*Bốn là nguyện thực. Đó là đi đứng ngồi nằm thường cầu nguyện lành.*

*Năm là giải thoát thực. Đó là tâm thường thanh tịnh không nhiễm trần tục.*

*Năm thứ ăn này gọi là trì trai. Nếu lại có người không ăn năm thứ tịnh thực như thế mà tự nói là trì trai thì không có lẽ đó. Chỉ đoạn cái ăn ở trong vô minh, liền cho đó là đã hiểu thì gọi là phá trai, nếu cũng có phá thì làm sao được phước?*

*Ở đời có người mê không hiểu được lý này, thân tâm buông lung làm các việc ác, tham dục phóng tâm không biết hổ thẹn, chỉ đoạn cái ăn ở bên ngoài tự cho là trì trai, ắt không có lẽ đó.*

*Nhiều người tự khoe tôi từ bé đến lớn trì trai thanh tịnh, mà thật sự họ không hiểu thế nào là trì trai. Tưởng rằng không ăn thịt cá là trì trai. Ở đây ngài dạy chữ trai là tề, tức là tề chỉnh thân tâm không cho tán loạn. Chữ trì là hộ tức giữ gìn giới hạnh. Ở ngoài ngăn sáu tình, ở trong chế ngự tam độc tham sân si. Siêng năng giác sát,*

*thân tâm thanh tịnh gọi là trì trai.* Nói trì trai là phải hội được lý này, nếu không hiểu mà trì trai thì chỉ uống công thôi chứ không được phước.

Lại trì trai là phải ăn năm thứ: *pháp hỷ thực, thiên duyệt thực, niêm thực, nguyện thực, giải thoát thực.* Ăn năm thứ thức ăn này thì gọi là trì trai, nếu không như thế thì chưa phải trì trai. Vì sao? Vì thiếu gì người ăn hoa quả rau trái mà động tới thì nổi sần, rồi cũng mưu này kế kia để gạt thiên hạ, trì trai như vậy có nghĩa gì đâu.

Trong đoạn này có một câu hỏi khó hiểu: Chỉ đoạn cái ăn ở trong vô minh, liền cho đó là đã hiểu, gọi là phá trai. Cái ăn ở trong vô minh là cái ăn vật chất thịt cá phân biệt ngon dở. Nếu chỉ đoạn cái ăn này mà cho là đã thực hành trì trai thì chưa đủ. Nên nói nếu cũng có phá trai thì làm sao được phước? Theo Tổ ăn năm thứ tịnh thực kể trên để đoạn trừ vô minh, mới gọi là trì trai.

Có người không hiểu được lý này, thân tâm thường buông lung làm các việc ác, phóng tâm tham dục, không biết hổ thẹn, chỉ dứt món ăn bên ngoài như không ăn thịt cá, tự cho là trì trai ắt không có lẽ đó.

*Lại lễ bái là phải như pháp vậy, ắt phải sáng lý thể bên trong rồi sự mới theo đó mà quyền biến, hội được nghĩa như thế mới gọi là y pháp.*

*Phàm lễ là kính vậy, bái là phục vậy. Đó là cung kính chân tánh khuất phục vô minh, gọi là lễ bái.*

*Nếu hay ác tình hằng đoạn, thiện niệm hằng còn, tuy không có lý tướng mà vẫn gọi là lễ bái. Tướng ấy tức pháp tướng vậy. Thế Tôn muốn khiến người đời biểu hiện tâm khiêm hạ nên cũng dạy làm việc lễ bái, vì thế phải phủ phục cái thân ở bên ngoài, bày tỏ lòng cung kính bên trong. Ngoài giác, trong sáng, tánh tướng tương ứng. Nếu không thực hành theo lý pháp, chỉ chấp bên ngoài mà cầu, bên trong thì phóng túng tham sân si, thường làm các nghiệp ác, ngoài tức luống nhọc thân tướng, trá hiện oai nghi, không thẹn với thánh, luống dối với phàm, không khỏi luân hồi làm sao thành công đức!*

Đoạn này Tổ dạy lễ bái là phải như pháp. Thế nào là như pháp? Bên ngoài thì luôn luôn cung kính đem thân phủ phục trước Phật. Trong tâm thì hàng phục vô minh, cung kính chân tánh, như vậy gọi là lễ bái. Nếu hằng ngày chúng ta đoạn dứt các niệm ác, giữ gìn và tăng trưởng các niệm thiện thì tuy không có hình thức lễ bái cũng gọi là lễ bái.

Tuy nhiên có những người không hiểu như vậy, chỉ cầu hình thức bên ngoài, tới giờ lạy Phật thì lạy lấy lệ, trong tâm thì buông lung tham sân si làm các nghiệp ác, thật là hổ thẹn với Phật, luống dối với chính mình. Người đó không khỏi bị luân hồi, làm sao có công đức!

Ở đây Tổ chỉ thẳng vào lý tánh, không đặt nặng sự tướng. Lý tánh là chỗ giác ngộ, sự tướng chỉ là phương tiện bên ngoài. Cho nên hằng ngày chúng ta chưa sống

được với lý tánh như ngài dạy, thì ít ra cũng mượn tướng mà hiển tánh. Nếu chỉ chấp tướng lay Phật mà trong tâm không biết tu thì không có lợi ích gì. Nếu lay Phật bên ngoài để nhận ra tánh Phật bên trong thì không có lỗi. Cho nên chúng ta có thể mượn sự tướng để hiển bày tâm tánh, nếu nặng về tướng mà không hiển được tánh thì còn si mê.

*Hỏi: Như kinh đã nói chí tâm niệm Phật ắt được vãng sanh Tây phương tịnh độ. Do một môn này tức được thành Phật đâu cần nhờ quán tâm để cầu giải thoát?*

*Đáp: Phàm niệm Phật thì phải chánh niệm, liễu nghĩa là chánh, không liễu nghĩa là tà. Chánh niệm ắt được vãng sanh, tà niệm làm sao đến được cõi kia!*

*Phật là giác vậy. Đó là giác sát thân tâm, không để cho khởi ác. Niệm là nhớ, tức là nhớ giữ giới hạnh, không quên tinh tấn, liễu nghĩa như thế gọi đó là niệm. Nên biết niệm là ở nơi tâm chẳng phải ở lời nói. Cũng như nhân nôm mà được cá, được cá phải quên nôm. Mượn lời để tìm ý, được ý phải quên lời. Đã xưng danh niệm Phật phải biết đạo niệm Phật. Nếu tâm không thật, miệng tụng danh suông, ba độc bên trong lừng lẫy nhân ngã đầy bụng, đem cái tâm vô minh hướng bên ngoài cầu Phật, chỉ luống uống công mà thôi.*

*Vả lại, tụng cùng với niệm nghĩa lý khác nhau. Tại miệng gọi là tụng, tại tâm gọi là niệm. Nên biết niệm từ tâm khởi gọi là cửa giác hạnh. Tụng là từ nơi miệng phát ra, đó là tướng âm thanh, chấp bên ngoài cầu lý trọn không có lẽ đó.*

*Nên biết quá khứ chư thánh chỗ tu niệm đều chẳng phải nói ở bên ngoài, chỉ xét ở trong tâm. Tâm là nguồn của tất cả pháp lành, tâm là chủ của muôn đức. Niết-bàn thường lạc đều do chân tâm mà sanh, ba cõi luân hồi cũng từ nơi tâm khởi. Tâm là cửa ngõ xuất thế, tâm là bến bờ giải thoát. Biết cửa rồi lo gì khó vào, rõ bến bờ rồi lo gì chẳng qua!*

Hiện giờ có nhiều người hiểu lầm, nghe nói niệm Phật được vãng sanh rồi miệng cứ niệm Nam-mô A-di-đà Phật, như vậy là niệm hay đọc? Niệm là tâm niệm, đọc là tụng ở miệng. Ở đây miệng chúng ta nói Nam-mô A-di-đà Phật là đọc tụng chứ không phải niệm. Niệm Phật như Tổ dạy là phải nhớ cái giác hạnh của Phật, rồi xét nét lại tâm mình không cho lầm lẫn, không cho khởi niệm ác. Niệm là ở nơi tâm, không phải do lời nói, niệm là nhớ giữ giới hạnh, nhớ tinh tấn. Cho nên niệm Phật là phải chánh niệm, có chánh niệm thì ắt được vãng sanh.

*Hỏi: Như kinh Ôn Thất nói “Tắm gội cho chúng tăng được phước vô lượng”. Đây tức nương nơi pháp sư, công đức mới thành, nếu làm việc “quán tâm” làm sao tương ưng?*

*Đáp: Tắm gội chúng tăng, chẳng phải là việc hữu vi của thế gian. Đức Thế Tôn từng vì các đệ tử nói kinh Ôn Thất (cái nhà ấm) muốn khiến cho họ thọ trì pháp tắm gội.*

*Cái nhà ấm kia tức là thân vậy. Vì thế cho nên đốt lửa trí tuệ, hâm nóng nước tịnh giới để tẩy rửa*

*chân như Phật tánh trong thân, thọ trì bảy pháp để tự trang nghiêm. Thuở ấy các Tỳ-kheo thông minh thượng trí đều ngộ thánh ý, như lời Phật dạy mà tu hành, công đức thành tựu đều lên thánh quả. Ngày nay chúng sanh không lường được việc này, đem nước thế gian rửa cái thân tứ đại tự bảo là y kinh, há chẳng phải là làm sao! Vả lại chân như Phật tánh chẳng phải là thân phàm phu, phiền não trần cấu xưa nay không tướng, đâu thể đem nước chất ngại rửa cái thân vô vi! Sự đã chẳng tương ứng làm sao ngộ đạo? Nếu muốn thân được thanh tịnh phải quán thân này vốn do tham dục bất tịnh mà sanh, trong ngoài đầy dẫy như nhớp hôi hám. Nếu muốn tẩy rửa thân này cầu cho được thanh tịnh giống như rửa cái đường hào bằng đất, đất hết mới sạch! Lớ lẽ này mà nghiệm rõ thì biết tẩy rửa cái thân bên ngoài chẳng phải là ý Phật nói.*

*Thế nên tạm mượn việc thế gian để dụ cho chân tâm, ẩn nói bảy việc cúng dường công đức. Việc ấy có bảy. Thế nào là bảy việc? Một là nước sạch, hai là lửa đốt, ba là tảo đậu, bốn là hành dương, năm là tro sạch, sáu là cao tô, bảy là áo trong. Nêu bảy việc để dụ cho bảy pháp, tất cả chúng sanh do bảy pháp này tắm gội trang nghiêm hay trừ được tâm độc vô minh cấu uế. Bảy pháp đó là:*

*Một là tịnh giới rửa sạch tội lỗi, giống như nước trong rửa sạch bụi dơ.*

*Hai là trí tuệ quán sát trong ngoài, giống như củi lửa hay đun nóng nước sạch.*

*Ba là phân biệt loại bỏ các ác, giống như tảo đậu (xà bông) hay làm sạch cấu bẩn.*

*Bốn là chân thật đoạn các vọng tưởng, giống như hành dương làm tiêu mùi hôi trong miệng.*

*Năm là chánh tín quyết định không nghi, giống như tro sạch xoa chà trên thân để ngăn gió.*

*Sáu là nhu hòa nhẫn nhục cam chịu, giống như cao tô làm thông nhuận da ngoài.*

*Bảy là hổ thẹn, hối các ác nghiệp, giống như áo trong để che đậy cái hình thể xấu xí.*

*Bảy pháp như trên là nghĩa bí mật ở trong kinh, đều là vì những bậc đại thừa lợi căn mà nói chẳng phải vì phạm phu thiếu trí hạ liệt. Sở dĩ người thời nay không thể giải ngộ, vì trộm thấy thời này sự hiểu biết cạn kiệt, chỉ lấy sự tướng làm công phu rồi rộng bày ra những việc phí tiền của, tốn kém nước nôi, dối lập tượng tháp, vọng sắp đặt phu dịch, chứa cây nhóm bùn, tô xanh vẽ lục, dốc tâm tận lực, tổn mình mê người, chưa biết hổ thẹn đâu từng giác ngộ. Thấy hữu vi thì siêng năng đấm mển, nghe nói vô vi thì ngờ nghệch như mê.*

*Vả lại, ham một chút lòng từ của hiện đời đâu biết cái khổ lớn ở đời sau. Tu học như thế luống tự nhọc nhằn, trái với chánh theo về tà, ai nói là được phước?*

*Chỉ hay quán tâm chiếu soi bên trong, giác quán rõ ràng bên ngoài, đoạn dứt ba độc khiến cho vĩnh viễn*

*tiêu mất, đóng cửa sáu giặc không cho nó quấy nhiễu, tự nhiên hằng sa công đức các thứ trang nghiêm, vô số pháp môn mỗi mỗi thành tựu, siêu phàm chứng thánh trước mắt không xa, ngộ chỉ trong chốc lát đâu phiên đời đến lúc bạc đầu. Cửa chân thật sâu kín, đâu thể trình bày cho đầy đủ tường tận được.*

Đoạn này nêu câu hỏi: *Như kinh Ôn Thất nói tám gọi cho chúng tăng được phước vô lượng. Đây tức nương nơi pháp sự, công đức mới thành, nếu làm việc quán tâm làm sao tương ứng?*

Theo ngài, chúng tăng tám gọi chẳng phải là việc hữu vi của thế gian. Phép tẩy dục ở đây là đốt lửa trí tuệ, hâm nóng nước tịnh giới, tám gọi chân như Phật tánh chứ không phải tám gọi thân tứ đại này. Nhưng chân như Phật tánh xưa nay không tương đầu thể đem nước thế gian mà gọi rửa. Như vậy phép tẩy dục theo ngài là tẩy rửa bụi dơ che lấp Phật tánh chứ không phải tám gọi thân tứ đại. Thân này vốn là bất tịnh, chúng ta tám gọi sạch rồi một lát nó cũng bất tịnh. Nguyên thể của nó là bất tịnh, muốn tịnh cũng không được.

Do đây mà nghiệm xét ý Phật muốn nói thì không phải tám gọi bên ngoài thân, mà Phật muốn mượn việc thế gian để nói bảy việc công đức cúng dường. Bảy việc này dụ cho bảy pháp, tất cả chúng sanh dùng bảy pháp này tám gọi trang nghiêm, trừ sạch tâm độc vô minh cấu uế. Như vậy gọi là tám gọi. Bảy pháp đó là:

Một là tịnh giới rửa sạch tội lỗi, giống như nước trong rửa sạch bụi dơ.

Hai là trí tuệ quán sát trong ngoài, giống như củi lửa hay đun nóng nước sạch.

Ba là phân biệt loại bỏ các ác, giống như táo đậu (xà bông) hay làm sạch cấu bẩn.

Bốn là chân thật đoạn các vọng tưởng, giống như hành dương làm tiêu mùi hôi trong miệng. Người Ấn Độ sáng thức dậy lấy hành dương nhai là để trừ hơi hôi trong miệng, cũng như bây giờ chúng ta đánh răng buổi sáng bằng kem vậy.

Năm là chánh tín quyết định không nghi, giống như tro sạch xoa chà trên thân để ngăn gió.

Sáu là nhu hòa nhẫn nhục cam chịu, giống như cao tô làm thông nhuận da ngoài.

Bảy là hổ thẹn, hối các ác nghiệp, giống như áo trong để che đậy cái hình thể xấu xí.

Bảy pháp như trên là nghĩa bí mật ở trong kinh, đều vì những bậc đại thừa lợi căn mà nói chẳng phải vì phàm phu thiếu trí hạ liệt. Sở dĩ người thời nay không thể giải ngộ, vì hiểu biết cạn cợt, chỉ lấy sự tướng làm công phu rồi rộng bày ra những việc phí tiền của, tốn kém nước nôi, đối lập tượng tháp, vọng sắp đặt pho dịch, chứa cây nhóm bùn, tô xanh vẽ lục, dốc tâm tận lực, tổn mình mê người, chưa biết hổ thẹn đâu từng giác ngộ. Thấy hữu vi thì siêng năng đấm mển, nghe nói vô vi thì ngờ nghệch như mê.

*Lược nói về quán tâm chỉ nói được chút ít, nên nói kệ rằng:*

*Ta xưa cầu tâm tâm tự giữ,  
Cầu tâm không được đợi tâm biết,  
Phật tánh không từ ngoài tâm được,  
Tâm sanh bèn là lúc tội sanh.*



*Ta xưa cầu tâm chẳng cầu Phật,  
Rõ biết tam giới không không vật,  
Nếu muốn cầu Phật chỉ cầu tâm,  
Chỉ tâm tâm tâm ấy là Phật.*

Lược nói về quán tâm chỉ nói được chút ít, nên nói kệ rằng:

*Ta xưa cầu tâm tâm tự giữ,  
Cầu tâm không được đợi tâm biết,  
Phật tánh không từ ngoài tâm được,  
Tâm sanh bèn là lúc tội sanh.*

Bài kệ này Tổ kết thúc cho chúng ta thấy một pháp môn tu. Ý bốn câu đầu Tổ dạy người tu hành xưa nay chủ yếu là cầu được tâm. Ở đây Tổ nói *cầu tâm không được đợi tâm biết*. Tại sao? Khi mình cầu tâm thì đã mất tâm rồi, lấy gì mà cầu. Đã là tâm mà còn cầu tức là có hai cái tâm, vì vậy nói cầu tâm không được. Không cần cầu tâm, mà chỉ hết vọng tưởng thì nhận ra

tâm thanh tịnh, tạm gọi là biết tâm. *Đọi tâm biết* nguyên chữ Hán là đãi tâm tri, tức là hết đối đãi thì biết được tâm. Phật tánh không phải từ ngoài tâm mà được. Nếu tâm vừa khởi niệm thì tội đã sanh. Như vậy ai muốn hết tội thì đừng khởi niệm.

*Ta xưa cầu tâm chẳng cầu Phật,  
Rõ biết tam giới không không vật,  
Nếu muốn cầu Phật chỉ cầu tâm,  
Chỉ tâm tâm tâm ấy là Phật.*

Chúng ta cứ đi tìm Phật ngoài tâm mà không biết tâm mình chính là Phật. Ngoài tâm ra không có một vật gì thật, nên nói *rõ biết tam giới không không vật*. Muốn cầu Phật cứ ngay nơi tâm mình mà cầu, cầu mà không cầu, chỉ trở về với bản tâm thì đó là cầu Phật. Cho nên ngài nhấn mạnh *chỉ tâm tâm tâm ấy là Phật* chứ không có gì khác.

Cửa thứ hai Tổ nói về Phá Tướng, là muốn chúng ta phải dẹp bỏ tất cả hình thức bên ngoài để nhận ra bản tâm. Mục đích chúng ta tu là để giác ngộ thành Phật, nếu còn nặng về hình tướng thì không giác ngộ. Con người sống có hai hướng, một là hướng nội hai là hướng ngoại. Nếu nặng về hướng ngoại thì quên hướng nội, nếu hướng nội thì quên bên ngoài. Do đó muốn trở về tâm thì không thể hướng ngoại. Vì vậy nếu nặng về hình tướng bên ngoài thì không thể nhận ra bản tâm. Cho nên Tổ mới phá hết tất cả sự tướng bên ngoài để chỉ thẳng bản tâm. Muốn nhận ra bản tâm

thì phải bớt hình thức, vì hình thức nhiều sẽ chướng ngại cho việc hướng nội. Có nhiều người không hiểu cho rằng Tổ chỉ nói lý mà bỏ sự, nhưng sự thật muốn đạt lý thì phải quên sự, nếu chấp sự làm sao đạt lý.

Tóm lại, cửa này gọi là phá tướng, nghĩa là phá những hình tướng để chúng ta đạt được lý, mà lý là tâm, trở về tâm là đạt lý.





*Cửa thứ ba*

## **NHỊ CHỨNG NHẬP**

**Chánh văn:**

**Phàm vào đạo có nhiều đường, cốt yếu mà nói không ngoài hai đường: một là lý nhập, hai là hạnh nhập.**

**Lý nhập là nương giáo để ngộ tông. Tin sâu chúng sanh đồng có một chân tánh, nhưng đều bị khách trần vọng tưởng che đậy không thể hiển bày. Nếu mà bỏ vọng về chân, lóng đứng như tường vách, không mình không người, phàm thánh đồng một, vững chắc không đổi dời, lại không theo văn giáo. Đây tức cùng lý thâm hợp, không có phân biệt, lạng lẽ vô vi, gọi đó là Lý nhập.**

**Hạnh nhập gồm có bốn hạnh, ngoài ra các hạnh khác đều gồm trong bốn hạnh này. Những gì là bốn? Một là Báo oán hạnh. Hai, Tùy duyên hạnh. Ba, Vô sở cầu hạnh. Bốn, Xứng pháp hạnh.**

### **1. Báo oán hạnh**

**Thế nào là báo oán hạnh? Nghĩa là hành giả tu đạo, nếu khi chịu khổ nên tự nghĩ rằng: Ta từ xưa trong vô lượng kiếp bỏ gốc theo ngọn, trôi lăn các cõi, phần nhiều khởi oán ghét, gây hại vô cùng. Ngày nay tuy không phạm tội nhưng đều là do họa đời trước, quả ác nghiệp đã chín muồi thì chẳng phải trời chẳng phải người hay tạo ra cho mình, chỉ nên cam tâm nhẫn chịu thôi, trọn không kêu oán.**

**Kinh nói: Gặp khổ mà không buồn, vì sao? Vì biết suốt vậy. Khi tâm kia sanh cùng với lý tương ứng. Thế của oán là tiến đạo, nên nói là báo oán hạnh.**

### **2. Tùy duyên hạnh**

**Chúng sanh vốn không có ngã, đều do nghiệp chuyển, khổ vui đồng thọ, đều từ duyên sanh. Nếu được quả báo thù thắng, các việc vinh dự... là do quá khứ nhân đời trước của ta cảm đến ngày nay mới được như vậy. Duyên hết lại thành không, có gì mà vui mừng. Được mất tùy duyên, tâm không tăng giảm, đối với gió hỷ không động, thậm thuận với đạo, nên nói là hạnh tùy duyên.**

### **3. Vô sở cầu hạnh**

**Người đời hàng mê, chỗ chỗ đấm trước, gọi đó là cầu. Người trí ngộ chân, lý cùng người đời trái nhau.**

An tâm vô vi, tùy duyên vận chuyển muôn pháp đều không, không có gì mong thích, công đức thường thâm theo nhau, ba cõi ở lâu giống như nhà lửa. Có thân đều là khổ, cái gì được mà vui. Thấu suốt chỗ này, nên xả bỏ các pháp có, dứt tưởng không cầu.

Kinh nói “có cầu đều là khổ, không cầu mới được vui”. Như vậy quyết biết không cầu thật là đạo hạnh. Nên nói là vô sở cầu hạnh vậy.

#### 4. Xứng pháp hạnh

Lý tánh tịnh gọi đó là pháp. Tin hiểu lý này, các tướng đều không, không nhiễm không trước, không đây không kia. Kinh nói: “Pháp không chúng sanh vì lìa chúng sanh cấu, pháp không có ngã vì lìa ngã cấu.” Người trí nếu hay tin hiểu lý này phải nên xứng pháp mà hành. Pháp thể không có keo lẩn, đối với thân mạng tài vật bố thí tâm không tham tiếc. Hiểu thấu được ba không<sup>(1)</sup>, không nương tựa không dính mắc, chỉ là trừ bỏ cấu dơ, xứng pháp để giáo hóa chúng sanh mà không chấp tướng. Đây là tự hành lại hay lợi tha cũng hay trang nghiêm đạo Bồ-đề. Bố thí đã như thế, năm độ kia cũng vậy. Vì trừ vọng tưởng tu hành lục độ mà không có chỗ hành. Đó là xứng pháp hạnh.

---

<sup>(1)</sup>Tam luân không tịch: người cho, người nhận và vật bố thí đều không.

**Kệ rằng:**

**Ngoài dứt các duyên,  
 Tâm không manh mối,  
 Tâm như tường vách,  
 Khả dĩ vào đạo.**



**Rõ Phật tâm tông,  
 Bình đẳng không khác,  
 Hành hiệu tương ứng,  
 Gọi đó là Tổ.**

**Giảng:**

*Cửa thứ ba*

**NHỊ CHỨNG NHẬP**

*Phàm vào đạo có nhiều đường, cốt yếu mà nói không ngoài hai đường: một là lý nhập, hai là hạnh nhập.*

*Lý nhập là nương giáo để ngộ tông. Tin sâu chúng sanh đồng có một chân tánh, nhưng đều bị khách trần vọng tưởng che đậy không thể hiển bày. Nếu mà bỏ vọng về chân, lóng đứng như tường vách, không mình không người, phàm thánh đồng một, vững chắc không đổi dời, lại không theo văn giáo. Đây tức cùng lý thâm hợp, không có phân biệt, lặng lẽ vô vi, gọi đó là Lý nhập.*

*Nhị chứng nhập* là Lý nhập và Hạnh nhập. *Lý nhập* là nương nơi kinh luận của Phật tổ dạy để nhận ra nơi mình có bản tâm thanh tịnh, đó là nương giáo mà ngộ được tông.

Tất cả chúng sanh đều sẵn có chân tánh, nhưng vì bị khách trần vọng tưởng che lấp khiến không thể hiển bày, nếu bỏ vọng trở về chân, tâm yên lặng cũng như tường vách không lay động, không phân biệt mình người, phàm thánh riêng khác, không chạy theo văn nghĩa trong kinh, đó là chúng ta nhân nơi kinh mà ngộ tâm, gọi là hợp lý. Lý này là lý nhất tâm. Trong nhà Phật thường nói *từ nơi sự đạt lý* tức là từ hình thức bên ngoài mà nhận được bản tâm. Cho nên ở đây nói lý nhập là nương nơi kinh điển để nhận ra bản tâm.

*Hạnh nhập* gồm có bốn hạnh, ngoài ra các hạnh khác đều gồm trong bốn hạnh này. Những gì là bốn? Một là Báo oán hạnh. Hai, Tùy duyên hạnh. Ba, Vô sở cầu hạnh. Bốn, Xứng pháp hạnh.

### 1. Báo oán hạnh

*Thế nào là báo oán hạnh? Nghĩa là hành giả tu đạo, nếu khi chịu khổ nên tự nghĩ rằng: Ta từ xưa trong vô lượng kiếp bỏ gốc theo ngọn, trôi lặn các cõi, phân nhiều khởi oán ghét, gây hại vô cùng. Ngày nay tuy không phạm tội nhưng đều là do họa đời trước, quả ác nghiệp đã chín muồi thì chẳng phải trời chẳng phải người hay tạo ra cho mình, chỉ nên cam tâm nhận chịu thôi, trọn không kêu oán.*

*Kinh nói: Gặp khổ mà không buồn, vì sao? Vì biết suốt vậy. Khi tâm kia sanh cùng với lý tương ứng. Thể của oán là tiến đạo, nên nói là báo oán hạnh.*

Hạnh nhập gồm có bốn hạnh: một là Báo oán hạnh. Hai, Tùy duyên hạnh. Ba, Vô sở cầu hạnh. Bốn, Xứng pháp hạnh.

Một là Báo oán hạnh. Người xuất gia hay cư sĩ tại gia, phải nhớ rằng đời này chúng ta không gây tạo nghiệp ác, nhưng đời quá khứ đã tạo bao nhiêu oan gia không lường được, cái họa còn lưu lại sớm muộn gì cũng sẽ đến với chúng ta. Bởi vì nhiều đời chúng ta đã sống trong mê lầm, tạo nghiệp rất nhiều, quên mất gốc chân, trôi lăn trong sanh tử. Tuy đời này biết tu không tạo nghiệp, nhưng cái họa ươm đời trước, quả báo xấu đã thuần thực nên phải gặt hái khổ đau. Cho nên những điều bất hạnh đến mình phải cam tâm nhận chịu, không trách trời oán người, không phiền ai hết, vui vẻ đón nhận vì đó là nghiệp quá khứ, chúng ta phải gan dạ chịu đựng tất cả, nên tuy gặp cảnh khổ mà tâm không khổ. Nếu gặp cảnh khổ mà kêu trời trách đất, than tại sao tôi ăn ở hiền lành, cứu người này giúp người kia mà chính bản thân tôi lại khổ lắm vậy! Oán trách như thế thì vô tình cái quả đời trước chưa trả hết mà bây giờ lại còn thêm tội.

Hơn nữa, người hiểu được lý nghiệp báo thì không còn hèn nhất, kêu than như những người không hiểu. Cho nên chúng ta thấy có những người nghèo mà sống vui, vì họ tự biết nghèo là do thiếu phước nên cam chịu

không trách hờn ai hết. Còn có người nghèo mà cứ dòm ngó người này người kia, trách móc ông đó làm ác, gian tham mà sao giàu có, còn tôi sao lại nghèo? Như vậy có phải tự mình chuốc khổ hay không!

Tất cả những nỗi khổ trên đời đều có nguyên nhân, nên nhớ không ai bỗng nhiên tới làm khổ mình mà phải có lý do nào đó, cứ nghiệm ngay nơi tâm mình thì biết. Giả sử chúng ta không buồn giận ai đó mà có thể đến trước mặt họ lớn tiếng chửi mắng được không? Không được. Từ đó suy ra nếu có người vừa thấy mặt mình họ liền mắng chửi, thì biết quá khứ ta đã vô tình hay cố ý gieo oán hờn với họ lâu rồi mà chúng ta quên, bây giờ bị người khinh khi ghét bỏ cũng đáng thôi, nên cười chấp nhận.

Hiểu được như thế thì giả sử có bao nhiêu cái khổ dồn dập đến, chúng ta cũng sẵn sàng chấp nhận, cái gì đã vay thì vui lòng trả, trả nhiều chừng nào cảm thấy nhẹ nhàng chừng ấy vì mau hết nợ. Nếu không hiểu như thế, khi gặp điều không may thì lo sợ oán trách. Như vậy nghiệp cũ chưa trả hết lại thêm nghiệp mới.

Người Phật tử chân chính gặp khổ gan dạ chịu đựng chứ không buồn trách ai, nếu còn oán trách người thì biết mình chưa tin sâu lý nhân quả. Lý nhân quả gần nhất, phổ thông nhất của nhà Phật mà mình chưa tin thì những giáo lý cao siêu hơn nữa làm sao tin nổi. Hiểu như vậy chúng ta an nhiên cam chịu, không oán hờn thù hận ai hết.

## 2. Tùy duyên hạnh

*Chúng sanh vốn không có ngã, đều do nghiệp chuyển, khổ vui đồng thọ, đều từ duyên sanh. Nếu được quả báo thù thắng, các việc vinh dự... là do quá khứ nhân đời trước của ta cảm đến ngày nay mới được như vậy. Duyên hết lại thành không, có gì mà vui mừng. Được mất tùy duyên, tâm không tăng giảm, đối với gió hỷ không động, thâm thuận với đạo, nên nói là hạnh tùy duyên.*

Trong cuộc sống có hai trường hợp thường xảy ra mà chúng ta không biết tùy duyên.

Thứ nhất, gặp cảnh khổ chúng ta không biết nó từ đâu đến, bèn oán người trách trời nên trong khi chịu khổ, tâm còn thêm oán hận. Đó là chúng ta không biết tùy duyên trong cảnh khổ.

Thứ hai, khi gặp cảnh vinh dự an vui, chúng ta không biết tùy duyên nên sanh tâm vui mừng quá đáng, khiến tâm ngã mạn vì thấy vinh dự, tự cho mình là cao người khác là thấp. Nếu biết những cảnh tốt đẹp vinh dự đến với mình là do duyên lành đời trước đã tạo, bây giờ nó đến là lẽ đương nhiên thì có gì đâu mà mừng.

Nếu biết tùy duyên, khi khổ đến biết đó là duyên nghiệp đời trước của mình thì vui vẻ chấp nhận. Gặp cảnh vui cũng biết đó là duyên lành đời trước đã gieo không phải ngẫu nhiên mà có, mình làm mình hưởng có gì đâu mà mừng. Nhưng phải nhớ: hưởng hết sẽ thành không,

cho nên trong khi hưởng phải dè dặt, đừng hưởng hết. Nhà nho có câu *hữu phước bất khả hưởng tận*, nghĩa là có phước không nên hưởng hết. Trong khi hưởng phải dè dặt, không mừng cũng không khinh ai, biết vậy ráng tạo thêm phước, nếu hưởng mà không tạo thêm thì phước sẽ hết. Như vậy đối với cảnh vui tâm không mừng không khinh ai, đó là tâm không tăng giảm. Cho nên ngọn gió hỷ không lay động được tâm.

Ví dụ có hai đứa học trò học cùng lớp, khả năng tương đương, nhưng đến lúc đi thi thì đứa đậu đứa rớt. Đứa thi đậu mừng quá quên luôn nỗi buồn của người bạn thi rớt, thấy mình giỏi hơn rồi coi thường bạn, nên có những lời nói thái độ làm cho bạn mình buồn. Đứa học trò thi rớt thì mặc cảm nên nhìn bạn không như trước, trong lòng không ưa, rồi trách móc đủ thứ. Như vậy cả hai đều không biết tùy duyên.

Phải biết tài năng ngang nhau nhưng kết quả hiện tại sai biệt là do duyên phước đời trước sai biệt. Hiểu như vậy thì không oán hờn cũng không vui mừng. Người đang buồn mà mình vui thì bị người ta ghét. Nếu người được mà mừng thì người mất tất nhiên phải buồn. Một bên mừng một bên buồn thì không làm sao gặp nhau.

Cho nên hằng ngày đối với sự được mất chúng ta không mừng không buồn không tăng không giảm, thì ngọn gió hỷ không lay động được tâm. Đó là tùy duyên hạnh.

### 3. Vô sở cầu hạnh

*Người đời hằng mê, chỗ chỗ đấm trước, gọi đó là cầu. Người trí ngộ chân, lý cùng người đời trái nhau. An tâm vô vi, tùy duyên vận chuyển muôn pháp đều không, không có gì mong thích, công đức thường thâm theo nhau, ba cõi ở lâu giống như nhà lửa. Có thân đều là khổ, cái gì được mà vui. Thấu suốt chỗ này, nên xả bỏ các pháp có, dứt tướng không cầu.*

*Kinh nói “có cầu đều là khổ, không cầu mới được vui”. Như vậy quyết biết không cầu thật là đạo hạnh. Nên nói là vô sở cầu hạnh vậy.*

Người đời thường ở trong mê, mỗi chỗ mỗi chỗ đều có tham trước, cho nên mong cái này cầu cái kia. Vì còn mong cầu là còn mê, hết mê thì hết cầu. Thử xét lại những cái mong cầu vô lý của chúng ta. Ai cũng biết mỗi ngày qua đi là mạng sống hao mòn một chút. Nhưng cứ mong cho ngày tháng qua mau, ngày nay chưa qua đã gỡ lịch mong tới ngày mai, tháng này mong tới tháng kia, năm này mong tới năm sau coi có tốt hơn không. Do đó những ngày cuối năm người ta xông xao, mong qua năm mới, như vậy là mong cho mau chết phải không? Tuy nhiên chết thì không chịu, mà mong cho hết ngày hết tháng, thật là vô lý! Người tu cũng vậy, không lo vun bồi công đức tu hành, mà cứ mong hết tháng hết năm, để tính tuổi hạ được mười năm, hai mươi năm v.v... Nhưng giá trị của người tu là ở chỗ công phu tu hành chứ không phải căn cứ trên thời gian.

Chúng ta thấy năm nay mình còn mạnh khỏe. Qua năm tới là thêm một tuổi, già thì lắm lắm, đi đứng yếu đuối, vậy thì mong hết năm để làm gì! Nghe nói đến già chết thì sợ, mà mong hết ngày, hết tháng hết năm, rõ ràng đó là mê chứ chưa tỉnh. Nên nói ở trong mê rất lâu, vọng cầu quá nhiều. Vì thế chúng ta cứ sống một cách bình an, tâm tư lặng lẽ thanh tịnh, đó là biết sống, là vô sở cầu.

Chúng ta thấy người trí khác với kẻ ngu. Kẻ ngu vì sống trong mê cho nên thường tham trước, bởi tham trước nên mới mong cầu. Ngược lại người trí biết tất cả pháp thế gian không thật nên không tham đắm, tâm an ổn vô vi, bao nhiêu công đức tùy theo duyên thâm thâm vận chuyển. Biết rõ ba cõi không lâu bền, chẳng khác nào như trong nhà lửa, có thân là có khổ, có gì vui mà mong cầu. Thế nên xả hết những pháp hữu vi, tâm không mong cầu gì cả thì được an vui. Nên nói còn cầu là còn bất an, còn khổ.

Tại sao cầu là khổ? Cầu không được mới khổ, chứ cầu mà được như ý thì sao lại khổ? Người ta thường nói mong được như ý là vui. Nhưng sự thật không có gì như ý, bởi ý của mình không dừng ở đâu hết thì làm sao có cái được như ý. Ví dụ có người nghèo quá, mong có được chừng mười ngàn đồng để qua cơn đói khổ. Tình cờ gặp người tốt bụng, thấy người này nghèo liền thương giúp cho mười ngàn. Được mười ngàn rồi, người nghèo kia lại mong nếu mình có một trăm ngàn thì cả năm sống an ổn! Có mười ngàn rồi lại muốn có trăm ngàn, cứ mong muốn hoài làm sao hết khổ, chỉ không muốn là không khổ.

Vì muốn được cái này rồi muốn cái kia chứ không dừng. Tâm của con người không dừng lại, nếu dừng lại tức là an vui. Hơn nữa cầu bất đắc là chuyện thường thấy ở thế gian, người đau khổ nhiều nhất là do cầu mà không được. Cho nên không cầu thì tự tại an vui, niềm an vui ngay chỗ vô cầu.

Đạo Phật chủ trương vô cầu vô trước, ngay chỗ tốt cùng là thành Phật cũng không cầu. Thông thường ai tu cũng mong thành Phật, nếu không cầu thành Phật thì tu làm gì? Muốn cầu thành Phật, mà nghe nói tu phải trải qua ba vô số kiếp mới thành thì sanh chán. Bây giờ không cầu thành Phật mà chỉ biết hết vọng thì quả Phật không cầu cũng thành. Nếu cầu thành Phật mà vọng tưởng cứ dấy lên hoài thì làm sao thành. Cho nên chúng ta chỉ biết ngay nơi nhân mà trừ chứ không mong kết quả.

Giống như anh làm vườn trồng cây mà không chịu vun phân tưới nước cứ mong cho cây lớn, đó là điều mong cầu vô ích. Người làm vườn khôn ngoan thì chỉ chịu khó lựa hạt giống tốt, ươm cây rồi săn sóc, nhổ cỏ tưới nước, vun phân đều đặn, đủ nhân duyên thì cây trưởng thành ra hoa kết trái. Người tu cũng vậy, nếu biết nhân thành Phật là hết vọng tưởng thì cứ bình tĩnh tu, vọng tưởng hết thì quả Phật tự đến, chứ không mong cầu vô ích. Cho nên chúng ta tu phải tập hạnh thứ ba là không mong cầu gì hết.

#### 4. Xứng pháp hạnh

*Lý tánh tịnh gọi đó là pháp. Tin hiểu lý này, các tướng đều không, không nhiễm không trước, không đây không kia. Kinh nói: “Pháp không chúng sanh vì là*

*chúng sanh cầu, pháp không có ngã vì lìa ngã cầu.” Người trí nếu hay tin hiểu lý này phải nên xưng pháp mà hành. Pháp thể không có keo lẩn, đối với thân mạng tài vật bố thí tâm không tham tiếc. Hiểu thấu được ba không, không nương tựa không dính mắc, chỉ là trừ bỏ cầu dơ, xưng pháp để giáo hóa chúng sanh mà không chấp tướng. Đây là tự hành lại hay lợi tha cũng hay trang nghiêm đạo Bồ-đề. Bố thí đã như thế, năm độ kia cũng vậy. Vì trừ vọng tưởng tu hành lục độ mà không có chỗ hành. Đó là xưng pháp hạnh.*

*Kệ rằng:*

*Ngoài dứt các duyên,  
Tâm không manh mối,  
Tâm như tường vách,  
Khả dĩ vào đạo.*



*Rõ Phật tâm tông,  
Bình đẳng không khác,  
Hành hiểu tương ứng,  
Gọi đó là Tổ.*

*Lý tánh tịnh là thể tánh thanh tịnh của chúng ta, cũng gọi là chân tâm, Bát-nhã ba-la-mật, pháp thân, hay là Như Lai tàng... Như vậy lý là chỉ cho cái pháp bốn vô pháp. Hiểu lý này thì biết tất cả pháp có hình tướng đều rỗng không hư giả. Cho nên không nhiễm trước, không phân biệt đây kia.*

Người tu xứng pháp hạnh là nhận ra nơi mình có thể tánh thanh tịnh không sanh diệt. Cho nên làm tất cả việc mà không mắc kẹt trên hình thức, vì thấy tất cả tướng đều hư giả nên không nhiễm trước, không chấp ngã nhân, chúng sanh, thọ giả, không chấp tất cả pháp bên ngoài. Biết như vậy mà tu, tu lục độ cũng hành như vậy, gọi là xứng pháp hạnh.

Tổ nói kệ:

*Ngoài dứt các duyên,  
Tâm không manh mối,  
Tâm như tường vách,  
Khả dĩ vào đạo.*

Bốn câu đầu của bài kệ nói rằng: Ngoài dứt hết các duyên, không còn mắc kẹt vào các pháp hư giả, trong tâm không dấy niệm, lặng yên như tường vách mới có thể vào đạo. Nếu tâm còn xao động thì không thể vào đạo, vì đạo tức vô tâm.

*Rõ Phật tâm tông,  
Bình đẳng không khác,  
Hành hiệu tương ưng,  
Gọi đó là Tổ.*

Rõ được tâm tông thì tâm bình đẳng không sai biệt. Hạnh và giải hợp nhau gọi là Tổ. Hạnh là thực hành, giải là sự lãnh hội lý đạo, hai cái hợp nhau thì gọi là Tổ. Phần nhiều chúng ta hạnh và giải không tương ưng. Chúng ta thường nghe Phật tổ và các bậc tôn túc

nhắc tới nhắc lui thân cảnh là giả như hoa đốm trong hư không, như trăng đáy nước... nghe đến thuộc lòng. Nhưng khi thân đau yếu thì sợ, cảnh đổi thay mất mát thì buồn. Như vậy là hạnh giải không hợp nhau.

Nếu thấy thân là huyễn hóa, giả sử có ai chĩa súng vào ngực bắn chúng ta cũng không sợ, vì thân huyễn hóa thì còn mất gì cũng được. Như vua Đường mời Tứ tổ Đạo Tín về triều, ngài không về. Vua nói không về thì lấy thủ cấp, ngài đưa cổ ra chờ, như vậy mới là hạnh giải tương ứng.

Chúng ta bây giờ hạnh một đường mà giải một ngã, cho nên nói không ai nghe. Miệng thì nói cái gì cũng giả mà gặp tiền của nhiều thì thích, muốn cất chùa to để lại đời đời. Nếu thấy thân này giả thì không cần trau giồi cho đẹp, muốn trau giồi cho đẹp thì chưa thấy thân là giả. Đó là một sự thật. Bởi lời nói và hành động chưa phù hợp nên nói ra người ta không tin. Tôi thường nói với tăng ni học được điều gì thì ứng dụng làm cho được điều đó. Bao giờ hiểu và làm đi đôi thì nói gì người ta cũng tin.

Đức Phật thật chính xác khi ngài tự xưng là thầy dẫn đường. Thầy dẫn đường thì dĩ nhiên đã đi qua con đường đó rồi mới dám dẫn người khác đi, nếu chưa đi qua mà dẫn người đi là nguy. Cho nên những gì đức Phật dạy chúng ta là ngài đã tự thân chứng nghiệm chứ ngài không nói suông. Tuy nhiên, hiện giờ chúng ta làm người dẫn đường dễ hơn đức Phật một chút, vì ngày xưa đức Phật phải tự mình tìm đường giải thoát, khi giác ngộ

giải thoát rồi ngài trở lại dẫn dắt chúng sanh từ bờ mê qua bến giác. Bây giờ chúng ta chưa đi tới chỗ giải thoát mà dám dẫn người khác đi, vì trong tay có sẵn bản đồ mà đức Phật đã vẽ. Như vậy khả dĩ chúng ta có thể dẫn đường và rủ người khác cùng đi. Nhưng người cầm bản đồ phải đi trước không có quyền đi sau. Cho nên ở đây Tổ nói hạnh giải tương ưng mới gọi là Tổ.

Tóm lại, cửa Bát-nhã Tâm kinh chỉ cho chúng ta nhận ra cái sẵn có nơi mình. Đến cửa Phá tướng là phá dẹp mọi hình tướng để chúng ta không mắc kẹt. Phá tướng là phá những hình thức bên ngoài để trở về bản tâm, nhưng mới phá thôi chứ chưa thực hành. Tới cửa Nhị chủng nhập mới bắt đầu đi vào cuộc sống, điều cần yếu phải tránh hai cái duyên bên ngoài là khổ và vui đến với chúng ta. Ở đời, hầu hết ai cũng muốn tránh khổ cầu vui. Nhưng người tu phải làm chủ, không để khổ vui chi phối, vì ai tu mà không gặp khổ và vui. Cho nên chúng ta phải nhận định cho chín chắn, khổ vui đến không phải là chướng đạo tu không được. Khổ vui không làm chướng ngại sự tu hành của chúng ta. Vượt qua khổ vui mới tiến vào cửa thứ tư là an tâm.



*Cửa thứ tư*

## **AN TÂM PHÁP MÔN**

**Chánh văn:**

**Khi mê người đuổi theo pháp, khi ngộ pháp đuổi theo người. Ngộ thì thức nhiếp sắc, mê tức sắc nhiếp thức. Chỉ vì tâm phân biệt so tính, chứ nếu tự thân hiện lượng thì tất cả đều là mộng. Nếu tâm thức lặng lẽ không một chỗ động niệm, gọi đó là chánh giác.**

**Hỏi: Thế nào là tự tâm hiện lượng?**

**Đáp: Thấy tất cả pháp là có, có tự chẳng phải có, do tâm xét tính mà thành có. Thấy tất cả pháp là không, không tự chẳng phải không, do tâm xét tính mà thành không. Cho đến tất cả pháp đều như thế, đều là do tâm xét tính mà thành có, do tâm xét tính mà thành không.**

Lại nếu người tạo tất cả tội, tự thấy được pháp vương của mình liền được giải thoát. Nếu từ nơi sự mà hiểu (ngộ), đó là hàng khí lực mạnh. Từ nơi sự mà thấy pháp thì chỗ chỗ không mất chánh niệm. Từ nơi văn tự mà hiểu (ngộ) là hàng khí lực yếu. Tức nơi sự liền là pháp thì tội. Nơi ông các thứ vận động tạo tác nhảy nhót điên cuồng, thấy đều không ra khỏi pháp giới, cũng không vào pháp giới. Nếu đem pháp giới vào pháp giới tức là người si. Phàm có chỗ tạo tác trọn không ra khỏi tâm pháp giới. Vì cố sao? Vì tâm thể là pháp giới vậy.

**Hỏi:** Người thế gian học hỏi đủ thứ vì sao không được đạo?

**Đáp:** Do vì thấy “mình” nên không được đạo. “Mình” là “ta” đó vậy.

Bậc chí nhân gặp khổ không buồn, gặp vui không mừng, do vì không thấy có mình. Sở dĩ không biết khổ vui, vì quên mình vậy. Được đến chỗ hư vô thì tự mình mình còn quên lại còn có gì mà không quên.

**Hỏi:** Các pháp đã là không thì ai tu đạo?

**Đáp:** Nếu có “ai” thì phải tu đạo. Nếu không có “ai” tức không cần tu đạo. “Ai” đó là “ngã” vậy.

Nếu không ngã thì gặp vật chẳng sanh phải quấy. Phải là tự ta phải mà vật chẳng có phải. Quấy là tự ta quấy mà vật chẳng có quấy. Tức tâm mà vô tâm ấy là thông đạt Phật đạo. Tức vật mà chẳng

khởi thấy, gọi là đạt đạo. Gặp vật thấu suốt, biết được bản nguyên của nó, người này con mắt tuệ đã mở.

Người trí mặc vật chẳng mặc mình tức không có thủ xả nghịch thuận. Người ngu mặc mình chẳng mặc vật liền có thủ xả nghịch thuận. Không thấy một vật gọi là thấy đạo. Không hành một vật gọi là hành đạo. Tức tất cả chỗ mà không chỗ, tức chỗ tạo tác mà không có pháp tạo tác, đó là thấy Phật.

Nếu khi thấy tướng liền tất cả chỗ thấy quý. Vì chấp tướng nên đọa địa ngục. Vì quán pháp nên được giải thoát. Nếu thấy tướng, nghĩ nhớ phân biệt, liền chịu cảnh vạc dầu sôi, lò than nóng... hiện tiền thấy tướng sanh tử.

Nếu thấy pháp giới tánh tức là tánh Niết-bàn. Không nghĩ nhớ phân biệt tức là pháp giới tánh. Tâm chẳng phải sắc nên chẳng có. Dụng mà chẳng phải bỏ đi nên chẳng phải không. Dụng mà thường không nên chẳng phải có. Không mà thường dụng nên chẳng phải không.

Tổ liên nói kệ:

Tâm tâm tâm, khó thể tìm,  
Rộng thì khắp pháp giới,  
Hẹp thì chẳng dung một mũi kim.  
Cũng không thấy ác mà sanh ghét,  
Cũng không thấy thiện mà siêng làm,

**Cũng đừng bỏ trí mà gần ngu,  
 Cũng đừng ôm mê mà tìm ngộ.  
 Đạt đại đạo chừ quá lượng,  
 Thông Phật tâm chừ quá hạn,  
 Chẳng cùng phạm thánh đồng đi,  
 Vượt hẳn gọi đó là Tổ.**

**Giảng:**

*Cửa thứ tư*

**AN TÂM PHÁP MÔN**

*Khi mê người đuổi theo pháp, khi ngộ pháp đuổi theo người. Ngộ thì thức nhiếp sắc, mê tức sắc nhiếp thức. Chỉ vì tâm phân biệt so tính, chứ nếu tự thân hiện lượng thì tất cả đều là mộng. Nếu tâm thức lặng lẽ không một chỗ động niệm, gọi đó là chánh giác.*

Khi mê chúng ta để sáu căn chạy theo sáu trần là người đuổi theo pháp. Nhưng khi ngộ thì pháp theo người. Vì không có pháp nào ngoài tâm sanh. Cho nên chúng ta ngộ là ngộ muôn pháp từ tâm sanh, đã từ tâm sanh thì các pháp thuộc về mình, hay nói cách khác là pháp đuổi theo người.

Khi chúng ta ngộ, biết các sắc đều từ nơi tâm thức phân biệt mà ra, tâm không chạy theo sắc nên nói ngộ thì thức nhiếp sắc. Ngược lại nếu mê liền thấy ngoài tâm có pháp, rồi đuổi theo phân biệt nên nói mê thì sắc nhiếp thức. Vì vậy, người mê chạy theo pháp nên tâm bất an.

Người ngộ biết muôn pháp đều từ tâm sanh. Tâm sanh các pháp nên các pháp thuộc về tâm, các pháp đã thuộc về tâm thì còn đuổi theo cái gì, chẳng lẽ đem tâm đuổi bắt tâm. Biết vậy nên tâm an.

Tâm phân biệt thấy sự vật bên ngoài là thật, nếu chúng ta sống với cái hiện lượng tự nhiên thì thấy các pháp bên ngoài đều như mộng như huyễn, không có gì thật hết. Thức tâm lặng lẽ không một niệm dấy động đó là chánh giác.

Ở đây Tổ chỉ thẳng không giấu giếm quanh co. Khi nào tâm không còn dấy động đó là chánh giác, mà chánh giác tức là Phật, không cần tìm Phật ở đâu xa. Như vậy muốn thành Phật chỉ cần tâm không động niệm là đủ.

Tóm lại, biết muôn pháp đều không thật, do tâm phân biệt mà có nên không khởi phân biệt, tâm không phân biệt là trở về hiện lượng thì thấy các pháp bên ngoài tuy có mà như mộng huyễn. Thấy như vậy thì tâm lặng lẽ, không còn dấy động. Đó là an tâm, là chánh giác.

*Hỏi: Thế nào là tự tâm hiện lượng?*

*Đáp: Thấy tất cả pháp là có, có tự chẳng phải có, do tâm xét tính mà thành có. Thấy tất cả pháp là không, không tự chẳng phải không, do tâm xét tính mà thành không. Cho đến tất cả pháp đều như thế, đều là do tâm xét tính mà thành có, do tâm xét tính mà thành không.*

*Thế nào là tự tâm hiện lượng?* Chúng ta thấy các pháp là thật có, nhưng chẳng phải tự nó có mà do tâm chấp nên thành ra có. Thấy tất cả pháp không, nhưng nó không tự không mà do tâm chấp tạo thành không. Như vậy các pháp thành có thành không là do cái chấp của mình chứ nó không tự có cũng không tự không. Nói như vậy cảm thấy như mình chủ quan, nhưng đó là sự thật.

Ví dụ hiện giờ trên bàn có những đồ vật như bình hoa, đồng hồ, chai dầu..., nếu người không chấp thì những thứ đó không quan trọng. Nó chỉ quan trọng đối với những người nào thấy nó là có thật. Nếu tất cả những người ngồi đây không ai quan tâm đến những món đồ trên bàn này, thì những thứ đó không có nghĩa lý gì cả. Nó có nghĩa khi chúng ta thấy bình hoa này là để trang hoàng cho đẹp cái bàn, cái đồng hồ là để coi giờ... Nếu không để ý thì những thứ ấy không dính dáng gì đến chúng ta.

Tóm lại nếu chấp có thì sự vật thành có, chấp không thì sự vật thành không. Chấp có chấp không chẳng phải là hiện lượng. Rồi chấp có chấp không, thấy sự vật là sự vật, không khởi niệm có không, tốt xấu, chính ngay đó là tâm hiện lượng. Tổ không định nghĩa thẳng hiện lượng là gì, ngài chỉ nói còn chấp có chấp không không phải là hiện lượng, để ngầm chỉ chỗ không chấp là hiện lượng.

*Lại nếu người tạo tất cả tội, tự thấy được pháp vương của mình liền được giải thoát. Nếu từ nơi sự mà hiểu (ngộ), đó là hàng khí lực mạnh. Từ nơi sự mà thấy pháp thì chỗ chỗ không mất chánh niệm. Từ nơi văn tự*

*mà hiểu (ngộ) là hàng khí lực yếu. Tức nơi sự liền là pháp thì tốt. Nơi ông các thứ vận động tạo tác nhẩy nhót điên cuồng, thấy đều không ra khỏi pháp giới, cũng không vào pháp giới. Nếu đem pháp giới vào pháp giới tức là người si. Phàm có chỗ tạo tác trọn không ra khỏi tâm pháp giới. Vì có sao? Vì tâm thể là pháp giới vậy.*

Đoạn này ngài chỉ cho chúng ta thấy sự quan trọng của hiện lượng. *Nếu có người tạo tất cả tội mà tự thấy pháp vương của mình thì liền được giải thoát.* Người tạo tội nếu thấy được pháp vương thì tội tiêu hết, như vậy không trả nghiệp sao? Lý nhân quả là công bằng mà ở đây nói như thế có mất công bằng không? Như tổ Sư Tử thấy pháp vương chưa mà vẫn bị chặt đầu? Người ta chặt đầu ngài nhưng ngài không thấy bị chặt đầu, nên đối với ngài nghiệp không có. Nhưng người thế gian thấy ngài còn bị trả nghiệp như thường. Đến tổ Huệ Khả, ngài cũng thấy pháp vương mà vẫn bị nhốt ở trong khám. Tuy nhiên ngài không thấy mình bị tù tội, nhưng chúng ta thì thấy ngài bị đày. Như vậy khi người nhận ra pháp vương thì tiêu tất cả nghiệp nhưng không mất lẽ công bằng. Vì đối với chư tổ hay những người thấy được pháp vương thì trả nghiệp mà không thấy trả, còn phàm phu thì thấy có trả. Thế nên chúng ta tu dù có lỗi có quấy bao nhiêu đi nữa mà thấy được pháp vương của mình thì những cái hư dở cũng tiêu mất. Ngược lại dù có tốt thế mấy mà mờ mịt không thấy pháp vương, đôi khi cái tốt đó lại dẫn chúng ta đi trong con đường mê lầm khác. Cho nên chỗ thiết yếu là nhận ra pháp vương. Pháp vương là gì? Là tự tâm hiện lượng chứ không có gì lạ.

*Thế nào từ nơi sự mà hiểu là khí lực mạnh?* Ví dụ chúng ta thấy có người bệnh nhào lặn đau đớn rên rỉ, liền thức tỉnh bệnh là khổ. Nhận ra cái khổ đó là trên thực tế hay trên sự, cái nhận này mạnh hơn. Khi chúng ta nghe giảng thân người chịu bốn nỗi khổ sanh già bệnh chết..., tuy nghe hiểu nhưng cái hiểu qua ngôn ngữ lý thuyết nhẹ lăm. Ngay trên cảnh chúng ta thấy ngộ liền mới là sức mạnh. Cho nên nhà thiền không chú trọng ngôn ngữ mà phải nhìn thẳng vào sự vật nhận ra liền tỉnh ngộ.

Ví dụ thứ hai, khi thấy người ăn mày đói khát chúng ta thương đem thức ăn cho họ, và khi đọc một bài văn diễn tả nỗi khổ của người ăn mày, chúng ta thương. Hai cái thương đó cái nào mạnh hơn? Có nhiều khi thấy người ăn mày chúng ta đứng đưng, nhưng đọc qua lời văn của các văn sĩ lại xúc động rơi nước mắt. Đó là do người viết khéo lựa lời trau chuốt khiến cho người đọc dễ xúc động. Còn sự thật hiển hiện ra trước mắt, nhưng không có ngôn ngữ, không làm cho mình xúc động, nên lòng đứng đưng. Nếu thấy người ăn mày mà chúng ta khóc được thì lòng thương đó mới mạnh. Khi nghe lời văn thiết tha mà xúc động thì lòng thương đó yếu hơn, vì chỉ thương qua sự tưởng tượng. Cũng như nghe cải lương than van tha thiết thì chúng ta xót xa rơi nước mắt, còn gặp cảnh khổ thực tế tâm vẫn đứng đưng, đó là yếu. Trước sự thật mình cảm thông liền đó mới là sức mạnh của lòng từ bi. Qua những ví dụ trên đã làm rõ ý nghĩa *trên sự mà hiểu đó là khí lực mạnh, còn trên văn tự mà hiểu đó là khí lực yếu.*

Thấy pháp tức là thấy tâm. Nếu thấy các pháp đều biết là không ngoài tâm thì không có chỗ nào thất niệm. Chỗ chỗ đều chánh niệm, vậy mới là mạnh. Nếu nhìn một chỗ để tâm không chạy theo cảnh thì còn yếu. Nên nói *từ nơi sự mà thấy pháp thì chỗ chỗ không mất chánh niệm.*

Vì vậy, tôi chủ trương không ngồi tìm một chỗ mà vẫn thấy người đi, xe chạy, thấy nhà cửa... đều biết là huyễn hóa, không ngoài tâm hiện. Cho nên thấy tất cả mà không có lỗi. Nếu ngồi nhìn một chỗ thì tâm được yên, nhưng khi gặp cảnh liền chạy theo, tức là thấy ngoài tâm có vật nên dễ bị thất niệm.

Ngay nơi sự tức là pháp chứ không rời sự mà có pháp. Chữ pháp đây tức là tâm. Nếu ngay nơi sự biết pháp thì tất cả vận động chạy nhảy lảng xãng... đều không ra ngoài pháp giới, đều không ra ngoài tâm. Cho nên nói *tức nơi sự liền là pháp thì tốt, nơi ông các thứ vận động tạo tác nhảy nhót điên cuồng, thấy đều không ra khỏi pháp giới, cũng không vào pháp giới.*

Ở trên nói ngay nơi sự mà thấy pháp là hàng khí lực mạnh. Đến đây nói sự và pháp tức là cảnh và tâm không rời nhau. Nên dù có lảng xãng làm mọi việc cũng không ra ngoài tự tâm. Không thấy ra không thấy vào, đó là người thấy đạo. Nếu thấy có ra có vào là si mê.

*Hỏi: Người thế gian học hỏi đủ thứ vì sao không được đạo?*

*Đáp: Do vì thấy “mình” nên không được đạo. “Mình” là “ta” đó vậy.*

*Bạc chí nhân gặp khổ không buồn, gặp vui không mừng, do vì không thấy có mình. Sở dĩ không biết khổ vui, vì quên mình vậy. Được đến chỗ hư vô thì tự mình mình còn quên lại còn có gì mà không quên.*

Hỏi: Tại sao người đời học nhiều thứ quá mà không được đạo? Tổ bảo: Sở dĩ học nhiều mà không được đạo là vì càng học càng thấy có mình. Đa số người thế gian học là vì mình. Lúc còn nhỏ cắp sách đến trường, không biết bằng cấp là gì, chỉ học cho biết đọc biết viết. Khi lớn lên có thi cử bằng cấp, thi được một cấp thì cái ngã to thêm một chút. Được nhiều cấp chừng nào thì cái ngã lớn thêm chừng ấy.

Bạc chí nhân đối với khổ vui vẫn bình thản không mừng không buồn, vì không thấy có mình. Nếu không có mình thì cái gì mừng, cái gì buồn. Còn buồn còn mừng là còn ngã. Đây là những điều để trắc nghiệm cái ngã của mình. Nếu gặp cảnh nghịch mà âu sầu, gặp cảnh thuận mà vui thích thì biết cái ngã của chúng ta còn khá lắm! Chừng nào gặp khổ vui tâm vẫn như như thì biết người đó đã sạch bản ngã. Chúng ta nhìn lại tự biết mình tu tới đâu, khi gặp cảnh thuận nghịch hiện tượng thế nào thì biết tu cao hay tu thấp, không cần đánh giá trên thời khóa công phu. Cho nên muốn được đạo thì phải quên mình, nếu thấy mình to lớn quá làm sao mà được đạo. Đến chỗ cứu cánh rộng rang tự mình còn quên, có cái gì mà không quên.

*Hỏi: Các pháp đã là không thì ai tu đạo?*

*Đáp: Nếu có “ai” thì phải tu đạo. Nếu không có “ai” tức không cần tu đạo. “Ai” đó là “ngã” vậy.*

*Nếu không ngã thì gặp vật chẳng sanh phải quấy. Phải là tự ta phải mà vật chẳng có phải. Quấy là tự ta quấy mà vật chẳng có quấy. Tức tâm mà vô tâm ấy là thông đạt Phật đạo. Tức vật mà chẳng khởi thấy, gọi là đạt đạo. Gặp vật thấu suốt, biết được bản nguyên của nó, người này con mắt tuệ đã mở.*

*Hỏi: Các pháp đã là không thì ai tu đạo? Tổ đáp: Nếu có cái “ai” thì phải tu đạo, nếu không có cái “ai” tức không cần tu đạo, cái “ai” đó là “ngã” vậy. Nếu thấy các pháp là không, thân năm uẩn là giả thì còn ai nữa để tu. Còn ai là còn chấp ngã. Người nào còn chấp ngã thì phải ráng tu, nếu biết mình là giả thì khỏi tu. Tổ đáp thật ngắn gọn mà sâu xa. Ai đó là ngã vậy.*

Cho nên người nào còn nói phải nói quấy lăng xăng, phê bình người này người kia, thì người đó còn nhiều bản ngã. Do đó nói *nếu không có ngã thì gặp vật không sanh phải quấy.*

*Phải là tự ta phải mà vật thì không phải. Quấy là tự ta quấy mà vật thì chẳng quấy. Thấy phải thấy quấy là ta thấy. Bởi ta thấy nên nói vật này phải, vật kia quấy. Ví dụ những cái hoa ở trước mặt, nếu chúng ta không phân biệt tốt xấu thì tự nó không nói tốt xấu. Tại mình phân biệt, hoa này tốt ở điểm nào, xấu ở điểm nào, chứ hoa là hoa nó không nói tốt xấu gì hết. Cho nên phân biệt tốt xấu nhiều là ngã còn nhiều, đó là lẽ thật.*

*Tại sao tức tâm mà vô tâm? Tất cả vọng tưởng dấy lên tức là tâm, biết vọng tưởng là không thì đó là không tâm, là thông đạt Phật đạo. Ngay nơi sự vật nhìn nó*

mà không khởi thấy là đạt đạo. *Không khởi thấy ở đây có hai trường hợp:*

- Nếu người còn yếu thì không khởi thấy bằng cách nhìn sự vật biết nó là giả nên không phân biệt.

- Thấy tất cả sự vật dàn trải trước mắt mà không dấy niệm duyên theo, đó là không khởi thấy.

Không khởi thấy thì tâm như như là người đạt đạo. Như vậy thông đạt Phật đạo hay đạt đạo là chỉ cần tức tâm mà không tâm. Ngay nơi tâm vọng tưởng dấy lên biết là không thật, thấy tất cả sự vật mà không chạy theo là thông đạt Phật đạo.

Thấy tất cả sự vật, biết được nguồn gốc của nó, là người có tuệ nhãn, hay nói cách khác là *con mắt tuệ đã mở*. Mắt tuệ này có cạn sâu, nhìn thấy sự vật biết là duyên hợp hư giả, tự tánh là không. Thấy tất cả vật biết do mê tâm mà hiện, không có vật nào thật.

Tóm lại, con mắt tuệ mở thì thấy tất cả vật bên ngoài đều biết từ tâm mê mà có. Do mê mà có vật nên vật đó là không thật huyền hóa. Cũng như ngủ mê mà chiêm bao thì những cảnh trong chiêm bao là không thật.

*Người trí mặc vật chẳng mặc mình tức không có thủ xả nghịch thuận. Người ngu mặc mình chẳng mặc vật liền có thủ xả nghịch thuận. Không thấy một vật gọi là thấy đạo. Không hành một vật gọi là hành đạo. Tức tất cả chỗ mà không chỗ, tức chỗ tạo tác mà không có pháp tạo tác, đó là thấy Phật.*

Người trí thấy sự vật thì mặc sự vật mà không có mặc mình. Mặc sự vật là thấy sự vật mà không duyên theo phân biệt nên không dính mắc, lúc nào cũng làm chủ tâm mình, đó là *mặc sự vật mà không mặc mình*. Hay nói cách khác, đối với sự vật thì mặc tình không theo, mà nơi mình thì chủ nhân ông lúc nào cũng hiện tiền. Vì không theo vật nên không thủ không xả, không trái không thuận. Còn *người ngu thì mặc mình mà chẳng mặc vật*, tức là tâm ý buông lung mặc tình theo sự vật. Đối với sự vật không để nó tự nhiên, mà chia chẻ tâm mặc tình giống ruồi đông tây.

Người trí thì lúc nào cũng làm chủ tâm mình không chạy theo vật, người ngu thì buông lung tâm ý chạy theo vật. Đó là chỗ khác nhau giữa người trí và người ngu. Nếu còn thấy một vật thật thì không đạt được lý tất cả pháp từ tâm sanh, tức là không thấy đạo. Nếu biết tất cả pháp là huyễn hóa đều từ tâm hiện, đó là thấy đạo. *Không hành một vật* tức là không theo vật bên ngoài, không kẹt vào hành động tạo tác. Chỉ biết tất cả đều từ tâm, mọi hành động đều hướng tâm, đó là hành đạo.

Ở trên đã nói về sự vật và hành động, bây giờ nói về nơi chốn. Nếu thấy tất cả chỗ nơi phương hướng đông, tây, nam, bắc là thật thì chưa thấy rõ được Phật đạo. Nếu thấy nơi chốn mà biết không có xứ sở thật, chính ngay chỗ tạo tác mà không thấy có pháp gì tạo tác, đó là người giác ngộ.

Tóm lại đối với sự vật bên ngoài cũng như nơi chốn đều thấy không thật, chỉ từ tâm mê mà hiện. Đó là cái thấy của người giác ngộ.

*Nếu khi thấy tướng liền tất cả chỗ thấy quỷ. Vì chấp tướng nên đọa địa ngục. Vì quán pháp nên được giải thoát. Nếu thấy tướng, nghĩ nhớ phân biệt, liền chịu cảnh vạc dầu sôi, lò than nóng... hiện tiền thấy tướng sanh tử.*

Nếu khi thấy có tướng thật thì ở tất cả chỗ liền thấy quỷ hiện. Tại sao vậy? Vì thấy có tướng thật, thì thấy ngoài tâm mình có pháp thật, mà còn có pháp thật là tà kiến, tà kiến là quỷ hiện rồi! Nên nói *chấp tướng thì rơi vào địa ngục*, quán pháp tức là quán tâm, ngay nơi tâm mà thấy, đó là giải thoát. Nếu chúng ta nhớ tướng phân biệt tướng thì sẽ chịu những việc khổ não như bỏ trong chảo dầu sôi, như bị đun nóng trong lò lửa... Hiện tiền đang sống đây mà thấy tướng sanh tử.

*Nếu thấy pháp giới tánh tức là tánh Niết-bàn. Không nghĩ nhớ phân biệt tức là pháp giới tánh. Tâm chẳng phải sắc nên chẳng có. Dụng mà chẳng phải bỏ đi nên chẳng phải không. Dụng mà thường không nên chẳng phải có. Không mà thường dụng nên chẳng phải không.*

*Tổ liền nói kệ:*

*Tâm tâm tâm, khó thể tìm,  
Rộng thì khắp pháp giới,  
Hẹp thì chẳng dung một mũi kim.  
Cũng không thấy ác mà sanh ghét,  
Cũng không thấy thiện mà siêng làm,  
Cũng đừng bỏ trí mà gàn ngu,*

*Cũng đừng ôm mê mà tìm ngộ.  
Đạt đại đạo chừ quá lượng,  
Thông Phật tâm chừ quá hạn,  
Chẳng cùng phạm thánh đồng đi,  
Vượt hẳn gọi đó là Tổ.*

Đây là đoạn thiết yếu ngài dạy để người tu an tâm. Tâm thanh tịnh là nguồn muôn pháp cho nên gọi là pháp giới. Khi tâm thanh tịnh không tưởng nhớ không phân biệt, đó là pháp giới tánh, là tánh Niết-bàn. Tâm không có hình tướng cho nên không phải sắc, bởi không phải sắc nên nói chẳng phải có. Tuy tâm không có hình tướng nhưng diệu dụng của nó không phải không có. Vì vậy căn cứ trên tướng mà nói thì tâm không có, nhưng căn cứ trên diệu dụng thì tâm chẳng phải không.

Tâm có muôn ngàn diệu dụng mà không có hình tướng, nên nói chẳng phải có. Bởi tâm không có hình tướng cho nên nói dụng mà thường không, vì thường không nên nói chẳng phải có. Tuy không có hình tướng mà tâm hằng có diệu dụng, vì vậy không thể nói là không.

Tóm lại, tâm nói có cũng không được, nói không cũng không được. Nói có thì người ta tưởng lầm nó có tướng như cái bàn cái ghế, nhưng nó không phải như cái bàn cái ghế thì làm sao nói có. Tuy nhiên tâm có vô số diệu dụng, như muốn nói chuyện thì tâm dấy niệm mới nói, muốn đi thì tâm khởi nghĩ mới đi. Như vậy tâm có vô số diệu dụng làm sao nói là không. Tuy có hằng sa diệu dụng mà không, cho nên không thể nói có, tuy không

mà hằng dụng cho nên không thể nói không. Nói có nói không đều không đúng, chúng ta đừng mắc kẹt ở có và không. Được như vậy thì tâm an.

Tổ liền nói kệ để làm sáng tỏ ý trên:

*Tâm tâm tâm, khó thể tìm,  
Rộng thì khắp pháp giới,  
Hẹp thì chẳng dung một mũi kim.  
Cũng không thấy ác mà sanh ghét,  
Cũng không thấy thiện mà siêng làm,  
Cũng đừng bỏ trí mà gần ngu,  
Cũng đừng ôm mê mà tìm ngộ.  
Đạt đại đạo chừ quá lượng,  
Thông Phật tâm chừ quá hạn,  
Chẳng cùng phạm thánh đồng đi,  
Vượt hẳn gọi đó là Tổ.*

Ý bài kệ này nói, rộng thì tâm thể trùm khắp, hẹp thì không lọt một mũi kim. Căn cứ vào tâm thể thì không thấy có thiện ác để ưa ghét, không thấy có trí ngu để gần hay chán, không thấy có mê ngộ để chấp trước tìm cầu. Vượt hẳn đối đãi thì gọi là người đạt đạo. Người vượt qua tất cả tâm đo lường là thông đạt được tâm Phật, ra ngoài chùng hạn của thế gian, không còn mắc kẹt trong đối đãi thiện ác, mê ngộ, trí ngu, phạm thánh... người đó mới gọi là Tổ, mới thật sự là an tâm.



*Cửa thứ năm*

## **NGỘ TÁNH LUẬN**

**Chánh văn:**

**Phàm người học đạo, lấy tịch diệt làm thể. Người tu lấy ly tướng làm tông. Thế nên trong kinh nói “tịch diệt là Bồ-đề, vì diệt hết các tướng”.**

**Phật là giác, người có tâm giác, được đạo Bồ-đề, nên gọi là Phật. Kinh nói “liạ tất cả tướng gọi là chư Phật”. Do đây mà biết có tướng ấy là tướng của vô tướng, không thể dùng con mắt mà thấy, chỉ có thể dùng trí mà biết. Người nghe pháp này sanh một niệm tin tâm, người này do phát tâm đại thừa bèn hay siêu vượt ba cõi.**

**Ba cõi đó là tham sân si. Ngược với tham sân si là giới định tuệ, tức liền ra khỏi ba cõi. Nhưng tham sân si cũng không có thật tánh, chỉ căn cứ nơi chúng sanh mà nói. Nếu hay phản chiếu rõ ràng**

thì thấy tánh tham sân si tức là Phật tánh, ngoài tham sân si không riêng có Phật tánh. Kinh nói “chư Phật từ xưa đến nay thường ở nơi tam độc nuôi lớn pháp trong sạch mà được thành Thế Tôn”. Tam độc là tham sân si vậy.

Nói Đại thừa, Tối thượng thừa đều là nói chỗ sở hành của Bồ-tát. Không có chỗ nào mà chẳng thừa, cũng không có chỗ thừa, trọn ngày thừa mà chưa từng thừa, đó là Phật thừa.

Kinh nói “không thừa là Phật thừa”. Nếu người biết sáu căn không thật, năm uẩn là giả danh, tìm khắp hết trọn không có chỗ nhất định, nên biết người này hiểu lời Phật nói.

Kinh nói: “Ở trong nhà ngũ uẩn ấy là thiên viện. Bên trong chiếu soi cõi mở, tức là cửa Đại thừa. Không nhớ tất cả pháp mới gọi là thiên định. Nếu rõ được lời này thì đi đứng ngồi nằm đều là thiên định.”

Biết tâm là không, gọi là thấy Phật. Vì có sao? Mười phương chư Phật đều do vô tâm, không thấy ở nơi tâm gọi là thấy Phật. Bỏ tâm không tiếc gọi là đại bố thí. Lìa các động và định mới gọi là đại tọa thiền. Vì có sao? Phàm phu một bề hướng động, Tiểu thừa một bề hướng định, nghĩa là ra khỏi cái thiên của phàm phu và Tiểu thừa mới gọi là đại tọa thiền.

Nếu khởi được cái hiểu này thì tất cả tướng không lìa mà tự thoát, tất cả bệnh không trị mà tự bớt. Đó là sức đại thiên định.

Phàm đem tâm cầu pháp ấy là mê. Chẳng đem tâm cầu pháp ấy là ngộ. Chẳng chấp văn tự gọi là giải thoát. Chẳng niễm sáu trần gọi là hộ pháp. Ra khỏi sanh tử gọi là xuất gia.

Chẳng thọ thân sau gọi là được đạo. Không sanh vọng tưởng gọi là Niết-bàn. Không ở nơi vô minh là đại trí tuệ. Chỗ không phiền não là đại Niết-bàn. Chỗ không có tướng gọi là bờ kia. Khi mê thì có bờ này, khi ngộ thì không có bờ này. Vì có sao? Vì phàm phu một bề trụ nơi đây. Nếu giác được tối thượng thừa, tâm không trụ nơi đây cũng không trụ nơi kia, cho nên hay lia bờ này và bờ kia. Nếu thấy bờ kia khác với bờ này, tâm của người này đã không có thiên định.

Phiền não gọi là chúng sanh. Ngộ giải gọi là Bồ-đề. Cũng không phải một cũng không phải khác, chỉ cách nhau ở chỗ mê và ngộ đó thôi. Khi mê thì thấy có thể gian có thể ra. Khi ngộ thì không có thể gian có thể ra.

Trong pháp bình đẳng không có phàm phu khác với thánh nhân.

Kinh nói: Pháp bình đẳng ấy phàm phu không thể vào, thánh nhân không thể hành. Pháp bình đẳng này chỉ có đại Bồ-tát và chư Phật Như Lai mới hành vậy. Nếu thấy sanh khác với tử, động khác với tịnh, đều gọi là bất bình đẳng.

**Không thấy phiền não khác với Niết-bàn, đây gọi là bình đẳng. Vì có sao? Vì phiền não cùng với Niết-bàn đồng một tánh không.**

**Bởi do hàng Tiểu thừa vọng đoạn phiền não, vọng nhập Niết-bàn liền bị Niết-bàn làm cho vướng mắc. Bồ-tát biết phiền não tánh là không thì đâu cần lìa cái không nên thường ở trong Niết-bàn.**

**Niết-bàn là: Niết là không sanh, Bàn là không tử, xuất ly sanh tử gọi là Bát-niết-bàn. Tâm không đi lại gọi là nhập Niết-bàn. Thế nên biết Niết-bàn là tâm không. Chư Phật vào Niết-bàn tức là chỗ không vọng tưởng. Bồ-tát vào đạo tràng tức là chỗ không phiền não.**

**Chỗ không nhận tức là không tham sân si. Tham là dục giới, sân là sắc giới, si là vô sắc giới. Nếu một niệm tâm sanh tức là vào tam giới, một niệm tâm diệt tức là ra khỏi tam giới. Thế nên biết tam giới sanh diệt, muôn pháp có không đều do một tâm.**

**Phàm nói nhất tâm dường như phá vào cõi vật vô tình nói đá tre cây... Nếu biết tâm là giả danh không có thật thể tức biết tâm mình lặng lẽ cũng chẳng phải có chẳng phải không. Vì có sao? Phàm phu một bề sanh tâm gọi là có. Tiểu thừa một bề diệt tâm gọi là không. Bồ-tát và Phật chưa từng sanh tâm, chưa từng diệt tâm, gọi là chẳng phải có tâm chẳng phải không tâm. Chẳng có chẳng không tâm, đó gọi là trung đạo.**

Thế nên biết, đem tâm học pháp tức là tâm pháp đều mê. Chẳng đem tâm học pháp tức tâm pháp đều ngộ. Phàm mê là mê nơi ngộ, ngộ là ngộ nơi mê. Người chánh kiến biết tâm rộng không tức vượt khỏi mê ngộ. Không có mê ngộ mới gọi là chánh giải chánh kiến.

Sắc không tự sắc, do tâm nên có sắc. Tâm không tự là tâm, do sắc nên có tâm. Thế nên biết tâm sắc cả hai tướng đều có sanh diệt. Có là có đối với không, không là không đối với có. Đây gọi là chân kiến.

Phàm chân kiến là không có chỗ nào không thấy, cũng không có chỗ thấy. Thấy khắp mười phương mà chưa từng có thấy. Vì có sao? Vì không có chỗ thấy, vì thấy cái không thấy, vì thấy chẳng phải thấy.

Chỗ thấy của phàm phu đều gọi là vọng tưởng. Nếu lặng lẽ không thấy mới gọi là chân kiến. Tâm cảnh đối đãi nhau, cái thấy sanh ở trong ấy. Nếu trong không khởi tâm thì ngoài không sanh cảnh, nên tâm cảnh đều tịnh, mới gọi là chân kiến. Khi khởi cái hiểu này mới gọi là chánh kiến.

Không thấy tất cả pháp mới gọi là được đạo. Không hiểu tất cả pháp mới gọi là hiểu pháp. Vì có sao? Thấy cùng chẳng thấy, đều là chẳng thấy. Hiểu cùng chẳng hiểu đều là chẳng hiểu. Thấy cái không thấy mới gọi là chân kiến. Hiểu cái không hiểu mới gọi là chân giải.

**Phàm chân kiến là chẳng phải thấy ở nơi cái thấy, cũng chính là thấy ở nơi cái chẳng thấy. Chân giải là chẳng phải hiểu nơi cái hiểu, cũng chính là hiểu ở nơi cái chẳng hiểu.**

**Phàm có chỗ hiểu đều gọi là không hiểu. Không có chỗ hiểu mới gọi là chân giải. Hiểu cùng không hiểu đều chẳng phải hiểu.**

**Kinh nói “chẳng bỏ trí tuệ gọi là ngu si”. Nếu cho tâm là không, hiểu cùng không hiểu đều là chân. Nếu cho tâm là có, hiểu cùng không hiểu đều là vọng.**

**Nếu khi hiểu thì pháp theo người. Nếu khi không hiểu thì người theo pháp. Nếu pháp theo người thì phi pháp liền thành chánh pháp. Nếu người theo pháp thì chánh pháp thành ra phi pháp. Nếu người theo pháp tức pháp đều là vọng. Nếu pháp theo người tức pháp đều là chân.**

**Đây là do thánh nhân cũng không đem tâm cầu pháp, cũng không đem pháp cầu tâm, cũng không đem tâm cầu tâm, cũng không đem pháp cầu pháp. Vì thế tâm không sanh pháp, pháp không sanh tâm. Tâm pháp cả hai đều lặng lẽ nên thường ở trong định.**

**Tâm chúng sanh sanh tức Phật pháp diệt, tâm chúng sanh diệt tức Phật pháp sanh. Tâm sanh thì chân pháp diệt, tâm diệt thì chân pháp sanh.**

**Đã biết tất cả pháp mỗi cái không trói buộc nhau ấy gọi là được đạo. Biết tâm không trói buộc tất cả pháp, người này thường ở tại đạo tràng.**

**Khi mê thì có tội, khi hiểu thì không có tội. Vì có sao? Vì tánh tội là không. Khi mê thì không tội thấy có tội, nếu hiểu thì tội thành không tội. Vì có sao? Vì tội không có chỗ nơi.**

**Kinh nói: Các pháp không tánh, chân dụng chớ có nghi, nghi liền thành tội. Vì có sao? Tội nhân nghi hoặc mà sanh. Nếu khởi cái hiểu này, tội nghiệp đời trước tức liền tiêu diệt. Khi mê thì sáu thức, năm ấm đều là pháp phiền não sanh tử. Khi ngộ thì sáu thức, năm ấm đều là pháp Niết-bàn không sanh tử.**

**Người tu đạo không hướng ngoài cầu. Vì có sao? Biết tâm là đạo. Nếu khi được tâm thì không tâm có thể được. Nếu khi được đạo thì không đạo có thể được. Nếu nói đem tâm cầu đạo mà được thì đó đều gọi là tà kiến. Khi mê thì có Phật, có pháp. Ngộ thì không Phật, không pháp. Vì có sao? Ngộ tức là Phật pháp.**

**Phàm người tu hành, thân diệt thì đạo thành, cũng như cái vỏ phải nát đi thì cây mới nảy mầm. Thân nghiệp báo này niệm niệm vô thường, không có một pháp nhất định, chỉ mỗi niệm mỗi niệm theo đó tu hành. Cũng không được chán sanh tử, cũng không được ưa thích sanh tử. Chỉ trong mỗi niệm đều không vọng tưởng ắt hiện đời chứng hữu dư Niết-bàn, sau khi chết vào vô sanh pháp nhẫn.**

**Khi mắt thấy sắc không nhiễm nơi sắc. Khi tai nghe tiếng không nhiễm nơi tiếng. Đây đều là**

giải thoát vậy. Mắt không đấm nơi sắc, mắt là cửa thiên. Tai không dính nơi tiếng, tai là cửa thiên. Tóm lại thấy sắc tánh thì thường giải thoát, thấy sắc tướng thì thường trói buộc. Người không bị phiền não trói buộc tức gọi là giải thoát, lại không có giải thoát nào khác. Người khéo quán sắc thì sắc chẳng sanh nơi tâm, tâm chẳng sanh nơi sắc, tức sắc cùng tâm đều là thanh tịnh.

Khi không vọng tưởng một tâm là một cõi Phật. Khi có vọng tưởng một tâm là một địa ngục. Chúng sanh tạo tác vọng tưởng đem tâm sanh tâm nên thường ở trong địa ngục. Bồ-tát quán sát vọng tưởng không đem tâm sanh tâm nên thường ở tại Phật quốc.

Nếu chẳng đem tâm sanh tâm tức tâm tâm vào không, niệm niệm về tịnh, từ một cõi Phật đến một cõi Phật. Nếu đem tâm sanh tâm tức tâm tâm chẳng tịnh, niệm niệm về động, từ một địa ngục qua một địa ngục.

Nếu một niệm tâm khởi tức có thiện ác hai nghiệp, có thiên đường địa ngục. Nếu một niệm tâm không khởi tức không có thiện ác hai nghiệp cũng không có thiên đường địa ngục. Vì thế chẳng phải có chẳng phải không. Tại phàm tức có, tại thánh tức không. Thánh nhân không có tâm ấy nên trong lòng rỗng rang cùng trời đồng lượng.

Khi tâm được Niết-bàn tức không thấy có Niết-bàn. Vì có sao? Vì tâm là Niết-bàn. Nếu ngoài tâm lại có Niết-bàn, đây gọi là tà kiến vậy.

Tất cả phiền não đều là chủng tử Như Lai. Vì nhân phiền não mà được trí tuệ. Chỉ có thể nói phiền não sanh Như Lai mà không được nói phiền não là Như Lai. Cho nên thân tâm là ruộng đất, phiền não là hạt giống, trí tuệ là mầm, Như Lai dụ cho hạt lúa.

Phật ở tại trong tâm như hương ở trong cây. Phiền não nếu hết, Phật từ tâm mà ra. Cái mục nát hết rồi hương từ trong cây mà ra tức biết ngoài cây không có trầm hương, ngoài tâm không có Phật. Nếu ngoài cây có hương tức là hương của cái khác rồi. Ngoài tâm mà có Phật tức là Phật của kẻ khác rồi.

Trong tâm có ba độc, ấy gọi là quốc độ xấu ác. Trong tâm không có ba độc ấy gọi là quốc độ thanh tịnh.

Kinh nói rằng: “Nếu khiến cho quốc độ bất tịnh, xấu ác đầy khắp rồi chư Phật xuất hiện trong ấy, thì không có lẽ đó.” Bất tịnh uest ác chính là vô minh ba độc. Chư Phật Thế Tôn chính là tâm giác ngộ thanh tịnh.

Tất cả ngôn ngữ đều là Phật pháp. Nếu không có chỗ nói năng thì trọn ngày nói mà đều là đạo. Nếu còn có chỗ nói năng thì trọn ngày im lặng mà chẳng phải đạo.

Vì thế Như Lai nói không nương nơi nín, nín không nương nơi nói, nói không lìa nín. Ngộ được thì nói và nín này đều ở trong chánh định.

**Nếu biết thời mà nói, nói cũng là giải thoát. Nếu không biết thời mà im lặng, im lặng cũng là trói buộc. Vì thế nói nếu lìa tướng, nói cũng gọi là giải thoát. Im lặng nếu chấp tướng, im lặng tức trói buộc.**

**Phàm văn tự bản tánh nó là giải thoát. Văn tự không thể đến trói buộc, trói buộc tự đến nơi văn tự.**

**Pháp không có cao thấp, nếu thấy có cao thấp tức chẳng phải là pháp vậy.**

**Phi pháp là thuyền bè, pháp là người. Thuyền bè đó, nếu người nướng thuyền ấy để qua sông thì phi pháp tức là chánh pháp vậy.**

**Nếu đem thế tục mà nói tức có nam nữ quý tiện. Nếu theo đạo mà nói tức không có nam nữ quý tiện. Do đó thiên nữ ngộ đạo không đổi hình nữ. Xa-nặc giải chân nào bỏ tên hèn. Đây bởi chẳng có nam nữ quý tiện, đều do một tướng vậy.**

**Thiên nữ trong mười hai năm cầu tướng nữ trọn không thể được, tức biết trong mười hai năm cầu tướng nam cũng trọn không thể được. Mười hai năm đó tức là mười hai nhập vậy.**

**Lìa tâm không có Phật, lìa Phật không có tâm cũng như lìa nước thì không có băng, lìa băng thì không có nước. Nói lìa tâm không có Phật là chẳng phải xa lìa nơi tâm, chỉ đừng để mắc kẹt tướng tâm.**

**Kinh nói “không thấy tướng gọi là thấy Phật” tức là lia cái tướng của tâm vậy. Lia Phật không tâm là nói Phật từ tâm mà lưu xuất. Tâm hay sanh Phật, nhưng Phật từ tâm sanh mà Phật chưa từng sanh tâm. Cũng như cá sanh nơi nước, nước không sanh nơi cá. Muốn xem cá thì chưa thấy cá mà trước thấy nước. Muốn thấy Phật thì chưa thấy Phật mà trước thấy tâm. Tức biết đã thấy cá thì phải quên nước, đã thấy Phật thì phải quên tâm. Nếu không quên tâm tức còn bị tâm làm lầm. Nếu không quên nước tức còn bị nước làm mê.**

**Chúng sanh cùng với Bồ-đề cũng như nước với băng. Bị ba độc thiêu đốt gọi là chúng sanh. Được ba môn giải thoát làm cho thanh tịnh gọi là Bồ-đề. Vì ba tháng mùa đông, đông kết gọi là băng. Bị ba tháng hè làm cho tan chảy gọi đó là nước. Nếu dẹp bỏ băng thì không riêng có nước. Nếu loại bỏ chúng sanh thì không riêng có Bồ-đề. Rõ biết tánh băng tức là tánh nước, tánh nước tức là tánh băng. Tánh chúng sanh tức là tánh Bồ-đề. Chúng sanh cùng với Bồ-đề đồng một tánh cũng như Ô đầu và Phụ tử cùng chung một gốc, chỉ vì thời tiết không đồng, mê ngộ khác cảnh mà có ra chúng sanh với Bồ-đề hai tên vậy.**

**Rắn hóa rỗng không đổi vậy. Phàm biến thành thánh không đổi mặt. Chỉ biết tâm là trí chiếu soi ở bên trong, thân là giới trong sạch ở bên ngoài.**

**Chúng sanh độ Phật, Phật độ chúng sanh. Đây gọi là bình đẳng. Chúng sanh độ Phật là phiền não sanh ngộ giải. Phật độ chúng sanh là ngộ giải diệt phiền não.**

**Chẳng phải không phiền não, chẳng phải không ngộ giải. Thế nên biết nếu không có phiền não thì không do đâu mà sanh ngộ giải. Nếu không có ngộ giải thì không do đâu mà diệt phiền não.**

**Nếu khi mê thì Phật độ chúng sanh, nếu khi ngộ thì chúng sanh độ Phật. Vì cố sao? Vì Phật không tự thành đều do chúng sanh độ vậy.**

**Chư Phật lấy vô minh làm cha, tham ái làm mẹ. Vô minh, tham ái đều là tên khác của chúng sanh. Chúng sanh cùng với vô minh cũng như tay mặt và tay trái không có sai khác.**

**Khi mê thì ở bờ bên này, khi ngộ thì ở bờ bên kia. Nếu biết tâm không, chẳng thấy tướng tức lìa mê ngộ. Đã lìa mê ngộ cũng không có bờ kia. Như Lai chẳng ở bờ bên này chẳng ở bờ bên kia cũng không ở giữa dòng. Giữa dòng đó là chỉ cho người theo Tiểu thừa. Bờ này là phàm phu, bờ kia là Bồ-đề vậy.**

**Phật có ba thân, đó là hóa thân, báo thân và pháp thân. Nếu chúng sanh thường làm các thiện căn tức là hóa thân Phật hiện, tu trí tuệ tức là báo thân Phật hiện, giác được pháp vô vi tức là pháp thân Phật hiện.**

**Bay đi mười phương tùy nghi cứu giúp, đó là hóa thân Phật. Đoạn hoặc tu thiện, ở nơi núi Tuyết thành đạo đó là báo thân Phật. Không nói không thuyết lặng lẽ thường trụ đó là pháp thân Phật.**

**Nếu luận chỗ chí lý thì một Phật còn không có làm sao có tới ba. Đây nói ba thân là chỉ căn cứ nơi người trí có thượng trung hạ. Người hạ trí vọng tạo phước lực vọng thấy hóa thân Phật. Người trung trí vọng đoạn phiền não vọng thấy báo thân Phật. Người thượng trí vọng chứng Bồ-đề vọng thấy pháp thân Phật. Người thượng thượng trí bên trong chiếu soi tròn lặng, chính cái tâm sáng đó tức là Phật. Không đợi tâm mà được Phật. Do đây biết ba thân cùng với muôn pháp đều không thể chấp không thể nói, đây tức là tâm giải thoát, thành được đại đạo.**

**Kinh nói “Phật không nói pháp, không độ chúng sanh, không chứng Bồ-đề”, đây cũng là nghĩa kia vậy.**

**Chúng sanh tạo nghiệp, nghiệp tạo chúng sanh. Đời này tạo nghiệp đời sau thọ quả báo, không có khi nào thoát khỏi. Chỉ có bậc chí nhân ở trong thân này không tạo các nghiệp nên không thọ báo. Kinh nói “các nghiệp không tạo tự nhiên được đạo” há là lời nói hư dối ư?**

**Người hay tạo nghiệp, nghiệp không hay tạo người. Người nếu tạo nghiệp, nghiệp cùng người đồng sanh. Người nếu không tạo nghiệp, nghiệp cùng người đồng diệt. Thế nên biết nghiệp do người tạo,**

người do nghiệp sanh. Người nếu không tạo nghiệp tức nghiệp không do người sanh. Cũng như người hay hoằng đạo, đạo không hay hoằng người. Kẻ phàm phu ngày nay thường thường tạo nghiệp rồi dối nói không có quả báo. Đâu chẳng khổ thay!

Nếu luận đến chỗ chí lý thì tâm trước tạo nghiệp, tâm sau thọ quả báo, đâu có khi nào thoát khỏi. Nếu tâm trước không tạo thì tâm sau không thọ báo cũng đâu được dối thấy có nghiệp báo!

Kinh nói: “Tuy tin có Phật, nói Phật khổ hạnh, đây gọi là tà kiến. Tuy tin có Phật, nói Phật có quả báo kim thương mã mạch, ấy là tin chưa đầy đủ, gọi đó là nhất-xiển-đề.”

Người hiểu thánh pháp gọi là thánh nhân, người hiểu phàm pháp gọi là phàm phu. Chỉ hay bỏ pháp phàm thành tựu pháp thánh tức phàm phu thành thánh nhân vậy. Người ngu ở thế gian chỉ muốn đi xa cầu thánh nhân mà không tin tâm tuệ giải (của mình) là thánh nhân.

Kinh nói: “Trong người vô trí chớ nói kinh này.” Kinh này là tâm vậy, là pháp vậy. Người không có trí không tin tâm này có thể hiểu pháp, thành tựu được thánh nhân, chỉ muốn đi xa cầu học ở bên ngoài, ưa thích những việc như hình tượng Phật hiện giữa hư không, hào quang sáng, hương thơm, hình sắc v.v... thấy đều rơi vào tà kiến, mất tâm cuồng loạn. Kinh nói: “Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai.”

Tám muôn bốn ngàn pháp môn thầy đều do một tâm mà khởi. Nếu tâm tướng ở trong được thanh tịnh giống như hư không, tức xa lìa được tám muôn bốn ngàn gốc bệnh phiền não ở trong thân tâm vậy.

Phàm phu ngay khi sống thì lo đến chết, đang no lại lo đói, đều gọi là đại ngu. Thế nên bậc chí nhân không tính việc trước, không lo việc sau, không thay đổi hiện tại, niệm niệm đều trở về đạo.

Canh một trang nghiêm ngời tịnh tu,  
 Tinh thần lặng sáng đồng thái hư,  
 Bao kiếp đến nay chẳng sanh diệt,  
 Đâu cần sanh diệt diệt sanh ư?  
 Hết thầy các pháp đều như huyễn,  
 Bản tánh tự không nào dụng trừ,  
 Nếu biết tâm tánh không tướng mạo,  
 Lặng yên chẳng động tự như như.  
 Canh hai lẳng lặng thân thêm tịnh,  
 Chẳng khởi tưởng, ấy chân như tính,  
 Sum la vạn tượng thầy về không,  
 Còn chấp có không lại là bệnh.  
 Các pháp vốn tự chẳng không có,  
 Phàm phu vọng tưởng luận tà chánh,  
 Nếu hay trong lòng chẳng thấy hai,  
 Ai bảo là phàm chẳng phải thánh!

Canh ba tâm tịnh đồng hư không,  
 Đây khắp mười phương thủy suốt thông,  
 Núi sông, vách đá không ngăn được,  
 Hằng sa thế giới tại ở trong.

Thế giới bản tánh chân như tánh,  
 Cũng không bản tánh tức hàm dung,  
 Không riêng chư Phật hay như thế,  
 Hữu tình các loại thủy đều đồng.

Canh tư không diệt cũng không sanh,  
 Lượng với hư không pháp giới đồng,  
 Không đến không đi không khởi diệt,  
 Cũng không sáng tối chẳng có không.  
 Không khởi cái thấy, thấy Như Lai,  
 Không tên để gọi, chính tên Phật,  
 Chỉ người đã ngộ mới hay biết,  
 Chúng sanh chưa hội giống như mù.

Canh năm Bát-nhã chiếu vô biên,  
 Chẳng khởi một niệm khắp tam thiên,  
 Muốn thấy chân như tánh bình đẳng,  
 Dè dặt sanh tâm trước mắt liền.

Lý diệu ảo huyền tâm khó lượng,  
 Đâu cần đuổi kiếm khiến nhọc nhằn,  
 Nếu hay vô niệm mới thật cầu,  
 Nếu còn có cầu lại chẳng biết.

**Giảng:**

*Cửa thứ năm*

**NGÔ TÁNH LUẬN**

Cửa thứ năm là luận về ngộ tánh. Trong phần luận này Tổ dạy chúng ta ngộ được bản tánh của chính mình. Nếu không nhận ra bản tánh thì chỉ tu trong mê vọng, không thể nào đạt được chánh đạo. Muốn ngộ được bản tánh, chúng ta phải nương lời Phật tổ dạy, khéo nhận ra bản tánh ngay nơi mình, đừng mắc kẹt vào văn tự ngôn ngữ bên ngoài.

*Phàm người học đạo, lấy tịch diệt làm thể. Người tu lấy ly tướng làm tông. Thế nên trong kinh nói “tịch diệt là Bồ-đề, vì diệt hết các tướng”.*

*Phật là giác, người có tâm giác, được đạo Bồ-đề, nên gọi là Phật. Kinh nói “lìa tất cả tướng gọi là chư Phật”. Do đây mà biết có tướng ấy là tướng của vô tướng, không thể dùng con mắt mà thấy, chỉ có thể dùng trí mà biết. Người nghe pháp này sanh một niệm tin tâm, người này do phát tâm đại thừa bèn hay siêu vượt ba cõi.*

Mở đầu cửa Ngô tánh luận, Tổ chỉ cho chúng ta thể tịch diệt không động, lặng lẽ như như đó là đạo. Nếu muốn tu trở về bản thể thì phải lìa các tướng bên ngoài. Cho nên nói *lấy lìa tướng làm chủ yếu*. Tổ dẫn kinh làm chứng: *tịch diệt là Bồ-đề, vì diệt hết các tướng*. Ai cũng có tâm giác, nhận được tâm giác gọi là được đạo Bồ-đề hay gọi là Phật. Kinh Kim Cang nói

*lìa tất cả tướng gọi là Phật. Vì Phật là tịch diệt, mà tịch diệt tức là lìa tướng.*

Thể tịch diệt không phải là không, nên gọi là có tướng. Có tướng mà không phải như những sự vật có hình tướng ở bên ngoài nên nói là vô tướng. Nếu dùng mắt thấy là thấy tướng của sự vật, nên nói *chỉ có thể dùng trí biết.*

Từ ngữ *kiến tánh* không phải theo nghĩa thông thường của con mắt thấy, mà theo nghĩa nhận ra của trí tuệ. Nhận ra tâm bất sanh bất diệt gọi là kiến tánh. Hiểu như vậy chúng ta mới không nghi tại sao nhà Phật nói kiến tánh mà chúng ta chưa từng thấy tánh đó ra sao. Ở đây ngài chỉ rõ thể tánh có tướng mà vô tướng, nên không thể dùng mắt thấy mà chỉ dùng trí tuệ nhận biết thôi.

Người nghe pháp kiến tánh mà có niềm tin vững chắc, thì biết người này đã phát tâm đại thừa và sẽ siêu xuất tam giới. Tại sao? Vì tin được chân tánh rộng lớn không ngăn mé là người đã phát tâm đại thừa, nên không còn mắc kẹt trên hình tướng, đó là ra khỏi tam giới.

*Ba cõi đó là tham sân si. Ngược với tham sân si là giới định tuệ, tức liền ra khỏi ba cõi. Nhưng tham sân si cũng không có thật tánh, chỉ căn cứ nơi chúng sanh mà nói. Nếu hay phản chiếu rõ ràng thì thấy tánh tham sân si tức là Phật tánh, ngoài tham sân si không riêng có Phật tánh. Kinh nói “chư Phật từ xưa đến nay thường ở nơi tam độc nuôi lớn pháp trong sạch mà được thành Thế Tôn”. Tam độc là tham sân si vậy.*

Khi không nhận ra bản tánh thanh tịnh sáng suốt thì sống với vọng tâm tham sân si. Chính ba độc này lôi cuốn chúng ta trôi lăn trong tam giới. Nếu tin được mình có bản tâm thanh tịnh, tham sân si là tướng trạng hư ảo, nên không theo nó mà chuyển thành giới định tuệ, thì ra khỏi tam giới.

Chúng ta ai cũng ngầm chấp nhận mình có một trong ba tánh tham sân si. Như người hay nóng giận thì nói tôi có tánh sân. Người thấy cái gì cũng muốn thì nói tôi có tánh tham. Người học hành không thuộc thì nói tôi có tánh si. Như vậy là chấp nhận mình có một trong ba tánh tham sân si. Nhưng xét kỹ tham sân si không có tánh thật. Nếu có tánh thật thì người tu không chuyển hóa nó thành giới định tuệ.

Ví dụ lúc còn nhỏ cha mẹ cho ăn cá thịt, lâu ngày thành quen. Lớn lên ăn chay thì thấy ngớ ngàng khó chịu, bữa nào ăn chay thì thèm cá thịt, đó là tham ăn. Khi vô chùa tu ăn chay năm mười năm, không thèm cá thịt mà còn ngán. Như vậy chứng tỏ rằng tham không thật, nếu cố định thì chắc chắn không bỏ được.

Sân cũng vậy, ví dụ chúng ta nổi nóng la ầm ỹ, khi hết nóng kiểm lại cái nóng hồi nãy ở đâu. Nếu thật lúc khởi lên từ đâu, thì khi lặng xuống nó cũng trở về chỗ đó. Nhưng không biết xuất phát từ đâu, lặng xuống cũng không biết về chỗ nào, thì làm sao nói thật. Vì vậy trong Chứng Đạo Ca ngài Vĩnh Gia nói: *Vô minh thật tánh tức Phật tánh*. Vô minh tức là tham sân si, ngay nơi thật tánh của tham sân si là Phật tánh. Vì sao

ngài dám nói thẳng như vậy? Vì khi tham sân si lặng rồi thì trở về tâm tịch diệt, mà tâm tịch diệt tức là Bồ-đề.

Vì vậy ở đây nói *ngoài tham sân si không riêng có Phật tánh*. Tại sao vậy? Có ai thấy tham sân si khởi lên ngoài tâm mình không? Nếu tham sân si không phải từ ngoài hư không chạy vô thì rõ ràng khởi lên từ tâm chúng ta. Khi nó lặng xuống là Phật tánh. Sự tu đơn giản như vậy. Cũng như sóng nổi lên từ mặt biển. Sóng lặng xuống là mặt biển chứ có tìm đâu xa.

Cho nên ở đây nói *chư Phật từ xưa đến nay thường ở nơi tam độc nuôi lớn pháp trong sạch mà được thành Thế Tôn*. Bây giờ chúng ta đang ở trong tam độc, nếu biết nuôi lớn pháp trong sạch thì cũng được thành Phật. Như vậy tam độc và Bồ-đề không rời nhau, cũng không phải là hai pháp. Nói không phải hai pháp cũng khó tin, nhưng sự thật lặng tam độc tức là Bồ-đề, nên không có hai pháp. Ví dụ có người vì hoàn cảnh gia đình hoặc vì tập nghiệp xấu nên đi ăn trộm, làm những điều tội lỗi. Bây giờ có người biết đạo lý gần gũi nhắc nhở người ấy thức tỉnh biết những hành động của mình trước đây là xấu ác, nguyện chừa bỏ và trở thành người tốt. Như vậy chỉ một người mà chừa bỏ những hành động xấu xa thuở xưa thì trở thành người tốt. Cũng vậy chúng ta tu, khi tham sân si lặng xuống thì Phật tánh thanh tịnh sáng suốt hiện tiền. Như vậy thật tánh tham sân si và Phật tánh không hai.

*Nói Đại thừa, Tối thượng thừa đều là nói chỗ sở hành của Bồ-tát. Không có chỗ nào mà chẳng thừa,*

*cũng không có chỗ thừa, trọn ngày thừa mà chưa từng thừa, đó là Phật thừa.*

*Trọn ngày thừa mà chưa từng thừa, đó là Phật thừa. Chỗ thừa là nương, trọn ngày nương mà chưa từng nương, đây mới thật là nương nơi Phật thừa. Thể tánh tịch diệt không một phút giây nào vắng mặt, nếu chúng ta nhận ra và hằng sống với thể tánh, gọi là nương nơi tánh tịch diệt, nên nói trọn ngày thừa. Nương nhưng không có pháp bị nương và người hay nương, nên nói chưa từng nương. Trở về tánh tịch diệt thì không có người hay trở về và tánh tịch diệt để trở về, chỉ là hằng sống mà thôi. Vì vậy nên nói trọn ngày thừa mà chưa từng thừa, đó là Phật thừa.*

*Kinh nói “không thừa là Phật thừa”. Nếu người biết sáu căn không thật, năm uẩn là giả danh, tìm khắp hết trọn không có chỗ nhất định, nên biết người này hiểu lời Phật nói.*

*Kinh nói: “Ở trong nhà ngũ uẩn ấy là thiên viện. Bên trong chiếu soi cõi mở, tức là cửa Đại thừa. Không nhớ tất cả pháp mới gọi là thiên định. Nếu rõ được lời này thì đi đứng ngồi nằm đều là thiên định.”*

Thừa là nương, không nương là không dính mắc, tâm không dính mắc chính là tâm Phật. Còn thấy có thừa để nương thì chưa phải Phật thừa vì còn nằm trong đối đãi, có người năng thừa và pháp bị thừa.

Người thấy sáu căn, năm uẩn không thật, không cố định, là hiểu được lời Phật nói. Nếu chưa hiểu được

như vậy thì dù có đọc thuộc lòng kinh Phật cũng chưa hiểu lời Phật nói.

Danh từ thiền viện ở đây khác hơn thiền viện của chúng ta. Thiền viện của chúng ta là thiền viện ở bên ngoài, có nhà to vườn rộng. Ở đây kinh nói *ngay trong nhà ngũ uẩn, ấy là thiền viện*. Trong đó chiếu soi để mở sáng cửa Đại thừa. Người ở trong đó tu, *không nhớ tất cả pháp mới gọi là thiền định*. Chúng ta ngồi thiền là để quên tất cả pháp, vừa nhớ một pháp là động tâm. Như vậy thiền định là không nhớ tất cả pháp, tức là quên. Cho nên người tu lâu là người quên nhiều, quên hết, cho tới chừng nào quên luôn cả mình nữa thì mới sáng đạo. Người nào hiểu rõ lời Tổ dạy thì trong bốn oai nghi đều là thiền định, ở đâu cũng là ở thiền viện.

*Biết tâm là không, gọi là thấy Phật. Vì có sao? Mười phương chư Phật đều do vô tâm, không thấy ở nơi tâm gọi là thấy Phật. Bỏ tâm không tiếc gọi là đại bố thí. Lìa các động và định mới gọi là đại tọa thiền. Vì có sao? Phàm phu một bề hướng động, Tiểu thừa một bề hướng định, nghĩa là ra khỏi cái thiền của phàm phu và Tiểu thừa mới gọi là đại tọa thiền.*

Vọng tưởng dấy lên đều biết không thật, như vậy là thấy Phật. Mười phương chư Phật đều do vô tâm mà được thành Phật. Không thấy tâm là không thấy vọng tưởng. Vọng tưởng dấy lên là có tướng hay có tâm. Vì vậy vọng tưởng dấy lên là thấy tâm. Thấy tâm thì không thể thấy Phật. Nếu vọng tưởng không dấy động thì không thấy tâm. Không thấy tâm gọi là thấy Phật.

Nên nhớ tâm đây là chỉ cho tâm vọng tưởng. Cho nên người nào nói “Tôi nghĩ thế này, tôi nghĩ thế kia...” là không thấy Phật. Vì khởi nghĩ là tánh Phật bị mây vọng niệm che. Hết nghĩ thì mới thấy Phật. Phật này không phải là Phật Thích-ca hay Phật Di-đà, mà chính là Phật pháp thân. Muốn được như thế, chúng ta phải buông xả vọng tưởng, ở đây gọi là bỏ tâm. Người nào *bỏ tâm không tiếc là đại bố thí.*

Ví dụ chúng ta ngồi thiền đang yên, bỗng nghĩ ra một bài thơ hay, hoặc một vấn đề khó giải nay bỗng nhiên giải đáp được. Lúc đó chúng ta dám buông bỏ mới gọi là đại bố thí, còn bố thí của cải bên ngoài thì không phải là đại bố thí. Cho nên người tu khác với các văn sĩ. Các nhà văn khi nghĩ ra điều gì hay, dù đã sắp ngủ họ cũng ngồi dậy đốt đèn, viết cho hết những dòng tư tưởng rồi mới đi ngủ. Người tu thì khác, trong tâm nghĩ điều gì hay cũng buông bỏ không luyến tiếc, như vậy mới gọi là đại bố thí.

Tâm chúng ta khi thì dao động, lúc thì yên định, còn thấy có động có định là tiểu tọa thiền, chưa phải đại tọa thiền. Khi nào trong bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi không còn thấy động tịnh ấy là đại tọa thiền. *Phàm phu một bề hướng động* là để tâm buông lung chạy tứ tung. Nhị thừa thì chăm chăm để định tâm. Người vượt qua hai trường hợp trên thì gọi là Bồ-tát, là đại tọa thiền.

Tôi thường khuyên tăng ni khi chăn trâu thì đừng ngồi nhìn lom lom một chỗ, vẫn đi tới đi lui, nhổ cỏ cuốc đất, nhìn trời nhìn mây... mà không dính mắc tất cả,

đó là đại tọa thiền. Nếu chúng ta ngồi chăm chăm vào một chỗ để cho tâm yên lấy đó làm tiêu chuẩn, không khéo sẽ lạc vào Nhị thừa, vì chú tâm vào một cảnh để được định. Ở đây Tổ dạy, định là ngộ tánh định, là định của tự tánh. Tự tánh định là đi đứng nằm ngồi nói nín mà cái chân thật luôn hiện tiền. Hay nói cách khác, không giây phút nào vắng mặt ông chủ, đó là đại định.

Có một thiền sư hằng ngày ngồi trên tảng đá thỉnh thoảng gọi: “Ông chủ!” Tự đáp: “Dạ” rồi bảo: “Tĩnh, tĩnh đừng để bị lừa.” Lại tự đáp: “Dạ.” Người ngoài không hiểu cho rằng vị này không bình thường. Thật ra đó là phương tiện tự nhắc để đừng quên ông chủ, biết ông chủ lúc nào cũng có mặt. Nếu quên ông chủ thì tâm chạy theo sáu trần. Nên ngài Đơn Hà gặp Bàn Uẩn hỏi: “Bàn Công có nhà không?” Đã thấy mặt nhau sao còn hỏi Bàn Công có nhà không? Hỏi nhau như vậy là để biết người đó có thường làm chủ không. Ông chủ không lúc nào vắng mặt mà chúng ta lại bỏ quên! Thật là đáng tiếc. Do không hằng sống với ông chủ nên hoàn toàn sống với lục tặc. Vì vậy Phật nói nhận giặc làm con.

*Nếu khởi được cái hiểu này thì tất cả tướng không lìa mà tự thoát, tất cả bệnh không trị mà tự bớt. Đó là sức đại thiền định.*

Nếu người đạt được định này thì không cần xa lánh tất cả tướng, tâm không dính mắc thì các tướng không cột trói được, nên gọi là tự giải. Các bệnh tham sân si không cần trị mà vẫn hết, đó là sức đại thiền định.

*Phàm đem tâm cầu pháp ấy là mê. Chẳng đem tâm cầu pháp ấy là ngộ. Chẳng chấp văn tự gọi là giải thoát. Chẳng nhiễm sáu trần gọi là hộ pháp. Ra khỏi sanh tử gọi là xuất gia.*

Chúng ta thường hiểu chữ pháp là chỉ cho giáo lý của Phật, cầu pháp là cầu một phương pháp tu nào đó. Nhưng chữ pháp ở đây là chỉ cho bản tâm, là *pháp bốn vô pháp*. Thường thường cầu pháp thì lấy tâm cầu, nếu lấy tâm cầu pháp ấy là mê. Vì pháp là tâm thể thanh tịnh sáng suốt, mà khởi niệm để tìm kiếm thì tâm mê làm sao tìm được. Cho nên nói *đem tâm cầu pháp ấy là mê*. Khi tâm không dấy niệm tìm cầu thì lúc đó tự nhận ra, tức là ngộ.

Phần nhiều chúng ta học kinh chấp vào văn tự cho nên không được giải thoát. Ở đây nói người học kinh mà *không chấp vào văn tự* là được giải thoát. Ví dụ như kinh Kim Cang nói phải độ hết chúng sanh vào vô dư Niết-bàn mới được giải thoát. Nghe như vậy rồi chúng ta lo độ chúng sanh bên ngoài, cho nên suốt đời không tu được. Nếu chúng ta hiểu độ chúng sanh trong tâm thì khi vọng tưởng lặng là Niết-bàn. Học kinh mà nhận được ý kinh thì mới giải thoát. Đây là chỗ khó làm chứ không phải dễ.

Chữ pháp ở đây chỉ cho tâm thanh tịnh bất sanh bất diệt, còn chữ pháp chúng ta thường dùng là chỉ cho giáo lý của đức Phật, hai nghĩa khác nhau. Vì vậy giữ tâm thanh tịnh *không nhiễm sáu trần gọi là hộ pháp* chứ không phải ủng hộ người giảng kinh gọi là hộ pháp.

Khi nghe người khác hỏi: Thầy đi tu bao lâu rồi? Đáp: Tu năm năm, mười năm. Hỏi: Thầy xuất gia chưa? Nếu không hiểu chúng ta lầm tưởng người này hỏi ngớ ngẩn. Nhưng không ngờ hỏi xuất gia chưa là ý nói ra khỏi sanh tử chưa. Ra khỏi sanh tử mới thật là xuất gia, còn bỏ nhà thế tục vào chùa thì chỉ xuất thế tục gia. Khi ra khỏi sanh tử gọi là xuất tam giới gia.

Làm sao biết hiện tại mình ra khỏi sanh tử chưa? Nếu người nào đi đứng nằm ngồi mà không động tâm dấy niệm thì người đó thật sự xuất gia và ra khỏi sanh tử. Định nghĩa như thế, chúng ta kiểm lại xem mình xuất gia được bao lâu hay đi tu đã lâu mà chưa từng xuất gia.

*Chẳng thọ thân sau gọi là được đạo. Không sanh vọng tưởng gọi là Niết-bàn. Không ở nơi vô minh là đại trí tuệ. Chỗ không phiền não là đại Niết-bàn. Chỗ không có tướng gọi là bờ kia. Khi mê thì có bờ này, khi ngộ thì không có bờ này. Vì có sao? Vì phàm phu một bề trụ nơi đây. Nếu giác được tối thượng thừa, tâm không trụ nơi đây cũng không trụ nơi kia, cho nên hay lìa bờ này và bờ kia. Nếu thấy bờ kia khác với bờ này, tâm của người này đã không có thiên định.*

Người đạt đạo thì không còn thọ thân sau. Không cần tìm kiếm chỉ hết vọng tưởng là Niết-bàn. Vọng niệm che mờ tánh giác là vô minh, không vọng niệm là đại trí tuệ.

Ngộ được tối thượng thừa là nhận ra bản tánh. Khi nhận ra bản tánh thì không trụ bên này bên kia.

Phàm phu thì mê, chấp nhận vọng tưởng cho là thật nên trụ bên này. Người biết rõ vọng tưởng không thật nên không theo, gọi là đến bờ kia. Nhưng bờ kia cũng không có chỗ trụ, cho nên nói hay lìa cả hai, bờ này và bờ kia. Nếu thấy bờ kia khác với bờ này, thì tâm của người ấy không có thiên định.

*Phiền não gọi là chúng sanh. Ngô giải gọi là Bồ-đề. Cũng không phải một cũng không phải khác, chỉ cách nhau ở chỗ mê và ngộ đó thôi. Khi mê thì thấy có thế gian có thể ra. Khi ngộ thì không có thế gian có thể ra.*

Tại sao mê thì có thế gian có thể ra, ngộ thì không có thế gian có thể ra? Người phàm phu còn mê nên không nghĩ ra khỏi thế gian. Hàng Nhị thừa đã ngộ mới có niệm ra khỏi thế gian. Nhưng ở đây nói ngược lại, *mê thì có thế gian có thể ra, ngộ thì không có thế gian có thể ra*. Nói như vậy là nhắm vào hàng Nhị thừa, tuy ngộ lý tứ đế mà chưa nhận ra bản tánh, nên lầm tưởng ngoài sanh tử có Niết-bàn, ngoài thế gian có xuất thế gian. Nếu ngộ được bản tánh thì thấy thế gian chỉ do mê mà hiện, nếu hết mê thì không cần ra khỏi thế gian. Như người nằm mộng đã biết cảnh và người trong mộng do mê mà hiện, chỉ một phen thức tỉnh là hết mộng. Cho nên nói ngộ thì không có thế gian để ra. Vì thế giới, hư không... đều do mê bản giác mà có, nếu trở về bản giác thì không còn nói ra nói vào. Có ra có vào là chưa ngộ được bản giác.

*Trong pháp bình đẳng không có phàm phu khác với thánh nhân.*

*Kinh nói: Pháp bình đẳng ấy phàm phu không thể vào, thánh nhân không thể hành. Pháp bình đẳng này chỉ có đại Bồ-tát và chư Phật Như Lai mới hành vậy. Nếu thấy sanh khác với tử, động khác với tịnh, đều gọi là bất bình đẳng.*

Nếu nhận ra bản tánh thì phàm phu và thánh nhân đều không khác. Sở dĩ chúng ta thấy khác là vì thấy trong mê và trong ngộ, nếu nhận ra bản tánh thì không có gì khác. Người nào thấy sanh khác với tử, động khác với tịnh đó là người chưa bình đẳng. Kiểm lại chúng ta có thấy bình đẳng chưa? Bởi chúng ta sống với cái bất bình đẳng nên thấy sanh với tử là hai đường.

*Không thấy phiền não khác với Niết-bàn, đây gọi là bình đẳng. Vì có sao? Vì phiền não cùng với Niết-bàn đồng một tánh không.*

*Bởi do hàng Tiểu thừa vọng đoạn phiền não, vọng nhập Niết-bàn liền bị Niết-bàn làm cho vướng mắc. Bồ-tát biết phiền não tánh là không thì đâu cần lìa cái không nên thường ở trong Niết-bàn.*

Không là không danh từ Niết-bàn đối với danh từ phiền não. Do có phiền não mà lập Niết-bàn, nếu hết phiền não thì danh từ Niết-bàn không còn dùng nữa. Tâm thể thanh tịnh không có tên, cho nên lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự. Chúng sanh mê lầm thì gọi là phiền não. Bồ-tát hết mê lầm thì gọi là Bồ-đề hay Niết-bàn. Khi phiền não hết thì tên gọi Bồ-đề, Niết-bàn cũng hết, vì cả hai đều giả lập.

Hàng Nhị thừa thấy sanh tử là đau khổ, Niết-bàn là an tịnh, cố đoạn nhân sanh tử để an trụ Niết-bàn, cho nên bị Niết-bàn làm chướng ngại. Hàng Bồ-tát biết tánh phiền não là không, ngay trong sanh tử mà thấy vô sanh, an nhiên ở trong nhân gian, vì ở đâu cũng là Niết-bàn cần gì phải trụ một chỗ. Do đó các ngài hằng làm lợi ích cho chúng sanh chứ không cầu nhập Niết-bàn, nên không bị Niết-bàn làm chướng ngại.

*Niết-bàn là: Niết là không sanh, Bàn là không tử, xuất ly sanh tử gọi là Bát-niết-bàn. Tâm không đi lại gọi là nhập Niết-bàn. Thế nên biết Niết-bàn là tâm không. Chư Phật vào Niết-bàn tức là chỗ không vọng tưởng. Bồ-tát vào đạo tràng tức là chỗ không phiền não.*

Tổ định nghĩa Niết-bàn, Niết là không sanh, Bàn là không tử. Bồ-tát ngay trong sanh tử biết là vô sanh, là xuất ly sanh tử thì không bị Niết-bàn câu thúc. Hàng Nhị thừa nhập chỗ tịch tịnh mới gọi là vô sanh, nên bị Niết-bàn câu thúc.

Niết-bàn là tâm không dấy động. Hằng ngày chúng ta đi đứng, sinh hoạt mà tâm không dấy động thì thường ở trong Niết-bàn, làm lợi ích chúng sanh chẳng hay hơn là nhập Niết-bàn để chỉ một mình yên tịnh sao! Ngay trong động mà tịnh mới là người có khí lực. Nếu cứ cầu tịnh sợ động thì lâu ngày trở thành hư tịch. Nên nói *trong sự mà ngộ mới là hàng có khí lực mạnh*. Ngay trong cảnh ồn náo mà thấy được vô sanh thì không có gì làm cho mình phải nhiễm.

Ngài Duy-ma-cật từ cửa thành vào, đồng tử Quang Nghiêm hỏi ngài từ đâu đến. Đáp, từ đạo tràng đến. Đối với Bồ-tát, tâm không phiền não thì chỗ nào cũng là đạo tràng. Đối với chúng ta ở trong chùa mới là đạo tràng, giữa chợ thì mất đạo tràng, vì còn thích chỗ yên sợ chỗ động.

*Chỗ không nhàn tức là không tham sân si. Tham là dục giới, sân là sắc giới, si là vô sắc giới. Nếu một niệm tâm sanh tức là vào tam giới, một niệm tâm diệt tức là ra khỏi tam giới. Thế nên biết tam giới sanh diệt, muôn pháp có không đều do một tâm.*

Chỗ không nhàn là chỗ yên ổn lặng lẽ không có tham sân si. Chúng ta đang ra vào tam giới. Một lát ra, một lát vào, chứ chưa ra hẳn như Bồ-tát, cũng không trụ hẳn như phàm phu. Sự sanh diệt trong tam giới, sự có không của muôn pháp đều do tâm. Tâm sanh là vào tam giới, tâm diệt là ra khỏi tam giới. Các pháp có không đều do tâm mà thành.

*Phàm nói nhất tâm dường như phá vào cõi vật vô tình ngói đá tre cây... Nếu biết tâm là giả danh không có thật thể tức biết tâm mình lặng lẽ cũng chẳng phải có chẳng phải không. Vì có sao? Phàm phu một bề sanh tâm gọi là có. Tiểu thừa một bề diệt tâm gọi là không. Bồ-tát và Phật chưa từng sanh tâm, chưa từng diệt tâm, gọi là chẳng phải có tâm chẳng phải không tâm. Chẳng có chẳng không tâm, đó gọi là trung đạo.*

Vọng tưởng dấy lên có hình tướng nên gọi là hữu tình. Nếu nhất tâm thì vọng tình không còn,

thấy vô tâm dường như ngói gạch... Khi vọng niệm tan đi chúng ta thấy dường như vô tình, nhưng không phải vô tình mà chính là trở về đại trí tuệ. Khi biết tâm vọng là giả danh không có thật thể thì tâm lặng lẽ; hay nói cách khác, tâm lặng lẽ mà biết thì không phải là vô tình.

Phàm phu khởi niệm thì cho rằng có nghĩ, có nghĩ là có tâm. Hàng Nhị thừa cho rằng khi tâm vọng lặng hết gọi là không tâm. Hai bên nói có nói không cũng đều căn cứ chỗ sanh diệt của tâm mà thôi. Hàng Bồ-tát hằng sống bằng tâm thanh tịnh, biết ông chủ không mất, nên nói *chưa từng sanh tâm chưa từng diệt tâm*, được như thế mới gọi là trung đạo.

*Thế nên biết, đem tâm học pháp tức là tâm pháp đều mê. Chẳng đem tâm học pháp tức tâm pháp đều ngộ. Phàm mê là mê nơi ngộ, ngộ là ngộ nơi mê. Người chánh kiến biết tâm rộng không tức vượt khỏi mê ngộ. Không có mê ngộ mới gọi là chánh giải chánh kiến.*

Chữ pháp ở đây là chỉ cho tâm thể thanh tịnh. Nếu đem tâm học pháp thì không bao giờ nhận ra pháp thân mà cũng lầm luôn cả tâm, nên nói *tâm pháp đều mê*. Nếu không đem tâm học pháp, không dấy niệm tìm cầu thì tâm lặng lẽ, đó là pháp thân hiện tiền, nên nói tâm và pháp cả hai đều ngộ. Hai câu *Phàm mê là mê nơi ngộ, ngộ là ngộ nơi mê* tuy đơn giản mà thâm thúy làm sao! Hằng ngày chúng ta sống trong mê và tìm cầu tỏ ngộ, nhưng có khi ngộ mà không biết. Vậy mê cái gì và ngộ cái gì?

Ví dụ trong khi chạy giặc có người vội lấy hột xoàn bỏ vào túi để tùy thân. Khi đến chỗ yên ổn, người này quên mình có hột xoàn trong túi nên tưởng là trắng tay, không có sự nghiệp gì cả, phải đi xin ăn sống qua ngày. Bỗng một hôm người ấy chợt nhớ ra, thò tay vào túi áo, hột xoàn vẫn còn nguyên. Nhớ như vậy gọi là tỉnh, nhớ cái lúc trước mình đã quên chứ không có gì lạ. Còn quên là quên việc ban đầu để hột xoàn vào túi. Nhớ và quên là dụ cho ngộ và mê. Nhớ là ngộ, quên là mê.

Cũng vậy, chúng ta chạy theo phiền não quên tánh giác nên gọi là mê, nhận ra tánh giác gọi là ngộ. Nhưng ngộ có mạnh có yếu, hoặc là ngộ qua lời nói, hoặc ngộ qua văn tự kinh điển chứ chưa trực ngộ. Trực ngộ là nhận ra tánh giác không nghi ngờ, nhưng chỉ mới giải ngộ chứ chưa hằng sống được. Nhiều người cứ tưởng ngộ rồi là có thần thông diệu dụng, biết hết tất cả chuyện thế gian. Chúng ta chưa được như vậy làm sao dám nói ngộ. Sự thật nhận ra cái mình quên thuở xưa, đó là ngộ. Nhưng nhận được chưa phải là xong, phải hằng sống lâu ngày thuần thục mới có diệu dụng, mới hoàn toàn ngộ, gọi là chứng ngộ.

Người có chánh kiến nhận ra thể thanh tịnh của mình, biết rõ vọng tưởng không thật, tự tánh rỗng không, người như vậy là vượt trên cả mê và ngộ. Không còn mắc kẹt trong mê ngộ mới gọi là *chánh giải chánh kiến*. Hay nói cách khác, nếu thật bình tĩnh như xưa thì không còn nhớ không còn quên thì gọi là chánh giải chánh kiến.

*Sắc không tự sắc, do tâm nên có sắc. Tâm không tự là tâm, do sắc nên có tâm. Thế nên biết tâm sắc cả hai tướng đều có sanh diệt. Có là có đối với không, không là không đối với có. Đây gọi là chân kiến.*

Sắc là những cái có hình tướng, nhưng tự nó không biết là sắc tướng gì cả mà do tâm đặt tên. Tâm là cái hiểu biết nhưng không hình tướng nên không thể chỉ ra được, mà phải nhận nơi sắc biết có tâm. Như vậy cái này nhận cái kia mà lập, cái kia đối với cái này mà thành, cả hai là pháp đối đãi sanh diệt. Thế nên biết tâm và sắc cả hai tướng đều là sanh diệt. Chử có là đối với không, chử không là đối với có. Có không là pháp đối đãi sanh diệt. Người biết như thế là thấy đúng như thật, là chân kiến.

*Phàm chân kiến là không có chỗ nào không thấy, cũng không có chỗ thấy. Thấy khắp mười phương mà chưa từng có thấy. Vì có sao? Vì không có chỗ thấy, vì thấy cái không thấy, vì thấy chẳng phải thấy.*

Phàm người có chân kiến thì thấy trùm hết mà không chú mục vào một người một vật nào, nên không có chỗ nào không thấy. Vì không chú mục vào một vật một người nên nói không có chỗ thấy. Do không chỗ thấy nên *thấy khắp mười phương mà chưa từng có thấy*. Vì sao thấy khắp mười phương mà chưa từng thấy? Vì cái thấy trùm khắp nên không thấy một điểm riêng biệt.

*Vì thấy cái không thấy, vì thấy chẳng phải thấy.* Cái không thấy làm sao thấy được? Tâm thanh tịnh không phải là vật bị thấy. Nếu tâm thanh tịnh là vật

bị thấy thì mình là cái hay thấy. Còn cái hay thấy và cái bị thấy là còn năng sở, còn đối đãi sanh diệt chưa thấy đúng như thật, chưa phải là chân kiến. Thấy cái không thấy là người nhận ra tâm thanh tịnh mà tâm ấy không phải là cái bị thấy, nên nói thấy cái không thấy. Vì tâm không có tướng trạng, không làm sao thấy được bằng mắt, nên nói thấy chẳng phải thấy.

*Chỗ thấy của phàm phu đều gọi là vọng tưởng. Nếu lặng lẽ không thấy mới gọi là chân kiến. Tâm cảnh đối đãi nhau, cái thấy sanh ở trong ấy. Nếu trong không khởi tâm thì ngoài không sanh cảnh, nên tâm cảnh đều tịnh, mới gọi là chân kiến. Khi khởi cái hiểu này mới gọi là chánh kiến.*

Phàm phu còn vọng niệm, nên thấy cái này nghĩ cái kia, thì gọi là còn chỗ thấy. Hàng thánh giả tâm lặng lẽ như như, không còn phân biệt mới gọi là chân kiến.

Tâm và cảnh đối đãi nhau sanh ra cái thấy. Ví dụ khi thấy đồng hồ, tâm khởi niệm phân biệt gọi là thấy. Nếu nhìn thấy đồng hồ mà tâm không khởi niệm phân biệt đẹp xấu thì thấy mà như không thấy. Cho nên tâm cảnh đều tịnh, gọi là chân kiến.

*Không thấy tất cả pháp mới gọi là được đạo. Không hiểu tất cả pháp mới gọi là hiểu pháp. Vì có sao? Thấy cùng chẳng thấy, đều là chẳng thấy. Hiểu cùng chẳng hiểu đều là chẳng hiểu. Thấy cái không thấy mới gọi là chân kiến. Hiểu cái không hiểu mới gọi là chân giải.*

Không để tâm duyên theo tất cả pháp gọi là đạt đạo, chẳng tính toán suy lường tất cả pháp gọi là hiểu pháp.

Thấy và chẳng thấy là đối đãi, nếu còn đối đãi thì gọi là chẳng thấy. Hiểu và chẳng hiểu cũng chưa phải là hiểu.

Pháp tánh không có hình tướng nên không thể thấy, nếu thấy được cái không thể thấy mới gọi là chân kiến. Chân tánh không thể suy lường nên gọi là không hiểu, không hiểu mà nhận ra được thì gọi là chân giải.

*Phàm chân kiến là chẳng phải thẳng thấy ở nơi cái thấy, cũng chính là thấy ở nơi cái chẳng thấy. Chân giải là chẳng phải thẳng hiểu nơi cái hiểu, cũng chính là hiểu ở nơi cái chẳng hiểu.*

*Phàm có chỗ hiểu đều gọi là không hiểu. Không có chỗ hiểu mới gọi là chân giải. Hiểu cùng không hiểu đều chẳng phải hiểu.*

Chân kiến là không phải thấy thẳng nơi sự vật bên ngoài, mà thấy cái chẳng thấy tức là pháp tánh, vì pháp tánh không hình tướng. Cũng vậy chân tánh không phải là sự vật để suy lường để hiểu, mà nhận ra được mới gọi là thật hiểu, là chân giải. Nếu còn chỗ hiểu là còn duyên theo cảnh, đó gọi là không hiểu. Tâm không duyên theo cảnh thì cái hiểu đó mới là hiểu chân thật. Nên nói nếu còn hiểu và không hiểu đối đãi thì cũng chưa thật hiểu.

*Kinh nói “chẳng bỏ trí tuệ gọi là ngu si”. Nếu cho tâm là không, hiểu cùng không hiểu đều là chân. Nếu cho tâm là có, hiểu cùng không hiểu đều là vọng.*

Chúng ta thường có quan niệm đây là ngu, kia là trí, bỏ ngu để cầu trí, mà còn cầu trí cũng là còn ngu.

Biết ngu và trí đều là đối đãi không thật đó mới thật là trí. Nên kinh nói *chẳng bỏ trí tuệ gọi là ngu si*.

Những vọng tưởng dấy lên nếu chúng ta cho là thật thì dù học hiểu cho nhiều cũng hiểu trong hư vọng. Nếu biết tâm dấy niệm suy nghĩ là không thật thì hiểu và không hiểu đều là chân. Cho nên dù học hiểu thật nhiều mà cho sự hiểu biết đó là thật thì chưa hiểu. Ngược lại người ít học mà biết tất cả vọng tưởng đều không thật, đó là người thật hiểu. Nhưng thông thường người đời chỉ ham học hỏi hiểu biết nhiều, để nuôi dưỡng vọng tưởng, mà không biết trở về cái chân thật không vọng tưởng.

*Nếu khi hiểu thì pháp theo người. Nếu khi không hiểu thì người theo pháp. Nếu pháp theo người thì phi pháp liền thành chánh pháp. Nếu người theo pháp thì chánh pháp thành ra phi pháp. Nếu người theo pháp tức pháp đều là vọng. Nếu pháp theo người tức pháp đều là chân.*

Khi mê thì thấy ngoài tâm có pháp, nên phóng tâm theo pháp. Người theo pháp giả sử thuyết giảng chánh pháp của Phật cũng biến thành tà pháp, vì nói theo tâm mê nên không đúng ý kinh. Chúng ta thấy hiện giờ có nhiều người thuyết giảng dùng toàn danh từ trong kinh Phật, nhưng sự hành trì thì ngầm ẩn mê tín dị đoan. Người ngộ tuy không thuộc kinh, nên khi thuyết giảng không dẫn kinh làm chứng mà những gì người đó nói ra đều thành chánh pháp, vì nghĩa lý hợp với Phật tổ. Cho nên quan trọng là ở chỗ mê và ngộ.

Khi Phật còn tại thế, một hôm Phật thấy một thanh niên tên Thi-ca-la-việt đang lễ bái lục phương, ngài hỏi, người thanh niên nói lên quan niệm lễ bái lục phương theo Bà-la-môn giáo. Tuy đức Phật không chủ trương lễ bái lục phương, nhưng ngài giảng giải cho Thi-ca-la-việt về ý nghĩa và mục đích của lễ bái lục phương. Như vậy từ phi pháp, đức Phật đã chuyển thành chánh pháp.

Một hôm các Bà-la-môn dùng những lời lẽ nặng nề để chỉ trích đức Phật là không có tổ tông, vì ngài tự thành đạo. Ngài xác nhận: “Đúng vậy! Ta không có tổ tông vì ta thấy tất cả con người là vô ngã.” Như vậy ngài đã chuyển những danh từ phi pháp thành Phật pháp, đó là chỗ thiện xảo của đức Phật.

Thế nên người ngộ rồi nói ra điều gì cũng là Phật pháp. Người tâm mê thì dù nói Phật pháp cũng theo hướng mê.

*Đây là do thánh nhân cũng không đem tâm cầu pháp, cũng không đem pháp cầu tâm, cũng không đem tâm cầu tâm, cũng không đem pháp cầu pháp. Vì thế tâm không sanh pháp, pháp không sanh tâm. Tâm pháp cả hai đều lặng lẽ nên thường ở trong định.*

Bậc thánh nhân không còn thấy tâm và pháp là hai, nên không đem cái này cầu cái kia. Người không còn thấy hai, không còn thấy có pháp ngoài tâm, không còn thấy có tâm ngoài pháp, tâm pháp cả hai đều lặng lẽ, đó là người thường ở trong định.

*Tâm chúng sanh sanh tức Phật pháp diệt, tâm chúng sanh diệt tức Phật pháp sanh. Tâm sanh thì chân pháp diệt, tâm diệt thì chân pháp sanh.*

*Đã biết tất cả pháp mỗi cái không trói buộc nhau ấy gọi là được đạo. Biết tâm không trói buộc tất cả pháp, người này thường ở tại đạo tràng.*

Chúng ta muốn thấy Phật pháp chỉ cần tâm thanh tịnh lặng lẽ. Nếu hằng ngày tâm chúng ta thanh tịnh thì nói cái gì cũng thành Phật pháp. Khi tâm khởi vọng niệm lăng xăng, dù nói Phật pháp cũng thành phi pháp. Nếu biết tất cả pháp không thật, không còn pháp đối đãi nhau, thì thấy được đạo. Chúng ta thường nói trắng là đối với đen, như thế là xác nhận trắng là thật, đen là thật. Bây giờ biết trắng đen đều hư giả thì không còn đối đãi trói buộc nhau. Người thấy được như vậy là người đạt đạo. Nếu người mà tâm không đuổi theo pháp thì thường ở tại đạo tràng.

*Khi mê thì có tội, khi hiểu thì không có tội. Vì có sao? Vì tánh tội là không. Khi mê thì không tội thấy có tội, nếu hiểu thì tội thành không tội. Vì có sao? Vì tội không có chỗ nơi.*

Khi mê chúng ta làm những chuyện thấy như là phải, nhưng phải theo cái mê, vì cho cái phải là thật nên thành ra có tội. Ví dụ khi ngồi thiền tâm nghĩ điều tốt, thấy những ý nghĩ tốt cho là đúng nên để nó nghĩ cả giờ. Như vậy là không phải tội mà biến thành tội, vì ngồi thiền không phải để suy nghĩ mà chúng ta nuôi dưỡng ý nghĩ thì trái với việc ngồi thiền. Khi tâm mê chúng ta thấy

điều gì cũng thật, làm việc sai lầm mà dính mắc nên thấy có tội. Nếu khi tỉnh thì làm điều sai lầm cũng có tội, nhưng biết tánh tội vốn không thật, nên ngay trong tội mà biết không tội.

Ví dụ khi mê chúng ta lỡ nói lời sơ suất khiến người giận mắng mình, chúng ta thấy lời nói là thật, người mắng nhiếc cũng thật nên thành tội. Nếu chúng ta tỉnh thì lời nói sơ suất không phải cố tình nên không có tội. Người ta mắng mình, nghe rồi cười thôi, vì biết lời mắng chửi không thật.

Theo lý đạo vì mê thấy các pháp là thật, bởi thấy thật nên làm điều sai lầm liền thành có tội, tội tức là nghiệp. Khi ngộ chúng ta làm điều sai lầm thì cũng có nghiệp, nhưng biết nghiệp là pháp sanh diệt, như huyễn như hóa không thật thì tội cũng không thật nên nói tánh tội là không.

*Kinh nói: Các pháp không tánh, chân dụng chớ có nghi, nghi liền thành tội. Vì có sao? Tội nhân nghi hoặc mà sanh. Nếu khởi cái hiểu này, tội nghiệp đời trước tức liền tiêu diệt. Khi mê thì sáu thức, năm ấm đều là pháp phiền não sanh tử. Khi ngộ thì sáu thức, năm ấm đều là pháp Niết-bàn không sanh tử.*

Đến đây Tổ dẫn kinh cho chúng ta tin. Các pháp không có tự tánh, đó là một lẽ thật không nên nghi ngờ, nếu nghi thì thành ra có tội. Nếu chúng ta hiểu đúng như thế thì những tội nghiệp đời trước liền được tiêu diệt. Nên nói khi mê thì sáu thức, năm ấm đều là pháp sanh tử phiền não. Khi ngộ thì cũng sáu thức, năm ấm mà đều là pháp Niết-bàn không sanh tử.

*Người tu đạo không hướng ngoài cầu. Vì có sao? Biết tâm là đạo. Nếu khi được tâm thì không tâm có thể được. Nếu khi được đạo thì không đạo có thể được. Nếu nói đem tâm cầu đạo mà được thì đó đều gọi là tà kiến. Khi mê thì có Phật, có pháp. Ngộ thì không Phật, không pháp. Vì có sao? Ngộ tức là Phật pháp.*

Biết tâm không sanh diệt là đạo thì không cần cầu đạo bên ngoài. Khi nhận ra tâm không sanh diệt, không còn khởi niệm nên không có tâm. Thế nên nói *nếu được tâm thì không tâm có thể được*. Vì tâm là đạo thì có gì mà được. *Nếu khi được đạo thì không đạo có thể được*. Nếu nói đem tâm cầu đạo mà được đạo, đó là tà kiến chứ không phải chánh kiến.

Khi ngộ thì không còn thấy có Phật pháp bên ngoài, vì ngay tâm mình là Phật pháp. Như vậy không phải ngộ rồi không có Phật pháp, mà là không thấy có Phật pháp ngoài tâm mình.

*Phàm người tu hành, thân diệt thì đạo thành, cũng như cái vỏ phải nát đi thì cây mới nảy mầm. Thân nghiệp báo này niệm niệm vô thường, không có một pháp nhất định, chỉ mỗi niệm mỗi niệm theo đó tu hành. Cũng không được chán sanh tử, cũng không được ưa thích sanh tử. Chỉ trong mỗi niệm đều không vọng tưởng ắt hiện đời chứng hữu dư Niết-bàn, sau khi chết vào vô sanh pháp nhẫn.*

Người tu hành thân diệt thì đạo thành, như cái vỏ phải nát thì cây mới nảy mầm. Ví dụ hạt lúa, nếu vỏ còn cứng thì không thể nảy mầm, vỏ lúa phải mục

thì mầm mới sanh. Khi nảy mầm rồi thành cây lúa thì cái vỏ tiêu hết. Cũng vậy, chúng ta tu hành, nếu coi trọng thân mình thì khó sáng đạo, không còn luyện ái thân thì đạo mới thành nên có câu xả thân cầu đạo. Điều này phải nhớ cho thật kỹ.

Biết thân nghiệp báo này mỗi niệm đều vô thường, không nhất định, nên trong mỗi niệm thường nhớ tu hành. Không chán sanh tử cũng không yêu thích sanh tử, niệm chán và ưa phải bỏ. Ở trong mỗi niệm luôn luôn không theo vọng tưởng. Được như vậy thân hiện còn sống đây mà chứng hữu dư Niết-bàn, khi chết được vô sanh pháp nhẫn. Vì vậy tu hành chỉ là đừng theo vọng tưởng mà thôi.

*Khi mắt thấy sắc không nhiễm nơi sắc. Khi tai nghe tiếng không nhiễm nơi tiếng. Đây đều là giải thoát vậy. Mắt không đắm nơi sắc, mắt là cửa thiên. Tai không dính nơi tiếng, tai là cửa thiên. Tóm lại thấy sắc tánh thì thường giải thoát, thấy sắc tướng thì thường trói buộc. Người không bị phiền não trói buộc tức gọi là giải thoát, lại không có giải thoát nào khác. Người khéo quán sắc thì sắc chẳng sanh nơi tâm, tâm chẳng sanh nơi sắc, tức sắc cùng tâm đều là thanh tịnh.*

Chỉ cần mắt thấy sắc không dính nơi sắc, tai nghe tiếng không dính nơi tiếng, đó là bước vào cửa thiên chứ không cầu đâu xa. Thấy sắc biết tự tánh của sắc là không thì không dính sắc, cho nên thường giải thoát. Nếu thấy sắc cho là thật thì bị trói buộc. Người không bị phiền não trói buộc thì được giải thoát, không có một giải thoát nào khác.

Như vậy tuy chúng ta còn mang thân phàm, sinh hoạt như bao nhiêu người khác, mà sáu căn không dính sáu trần, không bị phiền não trói buộc đó là người giải thoát, chứ không phải biết bay hay có thần thông gì cả. Cho nên khi nhìn sắc chúng ta biết tự tánh sắc là không, tâm không duyên theo sắc. Tâm và sắc không dính nhau nên đều thanh tịnh.

*Khi không vọng tưởng một tâm là một cõi Phật. Khi có vọng tưởng một tâm là một địa ngục. Chúng sanh tạo tác vọng tưởng đem tâm sanh tâm nên thường ở trong địa ngục. Bồ-tát quán sát vọng tưởng không đem tâm sanh tâm nên thường ở tại Phật quốc.*

*Nếu chẳng đem tâm sanh tâm tức tâm tâm vào không, niệm niệm về tịnh, từ một cõi Phật đến một cõi Phật. Nếu đem tâm sanh tâm tức tâm tâm chẳng tịnh, niệm niệm về động, từ một địa ngục qua một địa ngục.*

Cõi Phật và địa ngục khác nhau như thế nào? Khi khởi vọng niệm bất thiện là địa ngục. Khi tâm thanh tịnh là cõi Phật hiện tiền. Hằng ngày chúng ta phiền não, lo sợ giận hờn đều do vọng tưởng, nên sống trong cõi đời giống như trong cõi địa ngục. Nếu tất cả vọng tưởng lặng xuống, dù ở hoàn cảnh nào tâm chúng ta lặng lẽ thanh tịnh, đó là đang sống trong cõi Phật. Đây là điều rất thật mà không ai chịu nhận.

Một số người sống ở đây mà mơ ước ở chỗ khác, nên không khi nào tâm được an, không an là tại mình chứ không phải tại chỗ ở. Nếu tâm bất an dù có về cõi Cực lạc cũng chưa chắc được an. Như có một số người

ở đây thấy không yên muốn đi qua nước khác, nhưng ở lâu do khác ngôn ngữ, không trao đổi được với ai, rồi nhớ bà con bên này lại muốn trở về. Như vậy ngay nơi cảnh mà chúng ta an thì ở đâu cũng an, nếu đổi cảnh mà tâm vọng tưởng bất an thì đi đâu cũng không hết đau khổ.

Đồng ở cõi Ta-bà nhưng Bồ-tát thấy Phật quốc, còn chúng ta thấy địa ngục là do sanh tâm hay không sanh tâm. Vì vậy trong kinh Lăng-nghiêm nói, Phật ấn ngón chân xuống đất thì hiển phát hào quang, còn ngài A-nan vừa dấy niệm thì bụi bặm mịt mù. Như vậy cùng ở cõi này, cùng hành động mà một bên thì hào quang sáng suốt thanh tịnh, là do lặng vọng tưởng, một bên thì bụi bặm mịt mù, là tại chấp nhận vọng tưởng rồi nuôi vọng tưởng. Cũng vậy trong kinh Duy-ma-cật, các vị Thanh văn thấy cõi nước này là xấu xa, còn ngược lại đức Phật và ngài Duy-ma-cật thấy đây là Phật quốc thanh tịnh.

Tóm lại nếu chúng ta nuôi dưỡng và sống với vọng tưởng là sống trong địa ngục đau khổ. Nếu quán sát buông vọng tưởng thì Phật quốc hiện tiền. Chúng ta tu hành an hay không an là tại chỗ này. Vậy ai muốn ở cõi Phật hay ở địa ngục thì cứ theo đó mà chọn lựa.

*Nếu một niệm tâm khởi tức có thiện ác hai nghiệp, có thiên đường địa ngục. Nếu một niệm tâm không khởi tức không có thiện ác hai nghiệp cũng không có thiên đường địa ngục. Vì thế chẳng phải có chẳng phải không. Tại phàm tức có, tại thánh tức không. Thánh nhân không có tâm ấy nên trong lòng rộng rang cùng trời đồng lượng.*

*Khi tâm được Niết-bàn tức không thấy có Niết-bàn. Vì có sao? Vì tâm là Niết-bàn. Nếu ngoài tâm lại có Niết-bàn, đây gọi là tà kiến vậy.*

Khi tâm khởi niệm thì có hai nghiệp thiện ác. Nghĩ thiện là thiên đường, nghĩ ác là địa ngục. Nếu tâm không khởi thì không có hai nghiệp thiện ác, cũng không có thiên đường hay địa ngục. Vì trở về bản thể thanh tịnh thì chẳng phải có cũng chẳng phải không. Phàm phu còn có tâm nên nói là có, thánh nhân không tâm nên trong lòng rỗng rang, cùng trời đồng lượng.

Niết-bàn ngay nơi tâm. Nếu tâm không còn niệm thiện ác thì rỗng rang thanh tịnh, ấy là Niết-bàn. Nếu cho rằng Niết-bàn ngoài tâm thì thuộc về tà kiến.

*Tất cả phiền não đều là chủng tử Như Lai. Vì nhân phiền não mà được trí tuệ. Chỉ có thể nói phiền não sanh Như Lai mà không được nói phiền não là Như Lai. Cho nên thân tâm là ruộng đất, phiền não là hạt giống, trí tuệ là mầm, Như Lai dụ cho hạt lúa.*

Chúng ta tu hành vì biết phiền não tham sân si là đau khổ, nếu không thấy phiền não là đau khổ thì không bao giờ tu. Như vậy nhân nơi phiền não mà phát Bồ-đề tâm, nên nói *phiền não là hạt giống Như Lai*. Nhân phiền não mà phát tâm tu hành, do tu hành mới phát sanh trí tuệ. Vì thế nhân phiền não mà được trí tuệ.

Ở đây nói *phiền não sanh Như Lai mà không được nói phiền não là Như Lai*. Điều này phải cẩn thận, chúng ta có thể nói nhân nơi bùn lầy mà mọc lên hoa sen,

nhưng không thể nói bần lầy là hoa sen. Cũng vậy tất cả phiền não làm cho chúng ta đau khổ, nhân đau khổ mà phát tâm tu hành, nên nói phiền não sanh Như Lai, chứ không thể nói phiền não là Như Lai. Nếu nói phiền não là Như Lai thì sân si là Phật sao? Không thể nói như vậy.

Ruộng đất dụ cho thân tâm hiện giờ của chúng ta. Phiền não dụ cho hạt giống, trí tuệ là mầm. Từ hạt giống phiền não mà nảy mầm trí tuệ rồi đơm bông kết quả, đó là Như Lai. Từ hạt giống phiền não mà nảy mầm trí tuệ thì nghe hơi trái. Vì hạt giống tốt thì nảy mầm tốt, nhưng phiền não không phải là hạt giống tốt thì làm sao nảy mầm trí tuệ? Chúng ta phải hiểu rằng nương nơi phiền não mà trí tuệ phát sanh nên tạm ví dụ như vậy. Đừng hiểu lầm. Trên thực tế là hạt giống đắng thì nảy mầm sanh cây cho ra trái đắng.

*Phật ở tại trong tâm như hương ở trong cây. Phiền não nếu hết, Phật từ tâm mà ra. Cái mục nát hết rồi hương từ trong cây mà ra tức biết ngoài cây không có trầm hương ngoài tâm không có Phật. Nếu ngoài cây có hương tức là hương của cái khác rồi. Ngoài tâm mà có Phật tức là Phật của kẻ khác rồi.*

Phật từ tâm mình hiện chứ không phải ở đâu khác. Cũng như bấp trầm hương ở trong lòng cây trầm. Phật ở tại tâm chúng ta, bây giờ làm sao cho Phật xuất hiện? Nếu phiền não hết thì tâm Phật hiện tiền, cũng thế vỏ cây mục chúng ta bửa ra được rồi thì bấp trầm xuất hiện. Mới biết ngoài cây trầm hương không có bấp trầm, cũng như ngoài tâm không có Phật.

Ngoài cây trầm hương có bấp trầm thì không phải là bấp trầm của cây trầm hương. Ngoài tâm có Phật thì Phật của ai chứ không phải là Phật của mình. Cho nên chúng ta không thể cầu Phật ngoài tâm.

*Trong tâm có ba độc, ấy gọi là quốc độ xấu ác.  
Trong tâm không có ba độc ấy gọi là quốc độ thanh tịnh.*

*Kinh nói rằng: “Nếu khiến cho quốc độ bất tịnh, xấu ác đầy khắp rồi chư Phật xuất hiện trong ấy, thì không có lẽ đó.” Bất tịnh uest ác chính là vô minh ba độc. Chư Phật Thế Tôn chính là tâm giác ngộ thanh tịnh.*

Trong tâm chứa tham sân si thì cõi nước xấu ác. Trong tâm hết tham sân si thì cõi nước thanh tịnh. Như vậy cõi nước tịnh hay uest là từ tâm của mình. Tâm chứa tam độc thì cõi nước uest, tâm hết tam độc thì cõi nước tịnh. Vì thế muốn tịnh cõi Phật thì trước hết phải tịnh tâm, muốn tịnh tâm thì phải hết ba độc.

Cõi nước là chỉ cho tâm. Nếu tâm ô uest mà muốn Phật xuất hiện thì không bao giờ có. Nếu tâm thanh tịnh thì Phật hiện tiền, đó là lẽ thật. Nên nói bất tịnh uest ác chính là vô minh tam độc. Chư Phật Thế Tôn là chỉ cho tâm giác ngộ thanh tịnh.

*Tất cả ngôn ngữ đều là Phật pháp. Nếu không có chỗ nói năng thì trọn ngày nói mà đều là đạo. Nếu còn có chỗ nói năng thì trọn ngày im lặng mà chẳng phải đạo.*

*Vì thế Như Lai nói không nương nơi nín, nín không nương nơi nói, nói không lìa nín. Ngộ được thì nói và nín này đều ở trong chánh định.*

Tất cả ngôn ngữ đều là Phật pháp chứ không có gì xấu. Nếu nói mà không khiến cho người nghe sanh tâm chấp trước đó là có thật hay không có thật, thì nói cũng như im lặng, cả ngày nói mà đều là đạo. Ngược lại nói mà còn có chỗ nói năng, nghĩa là nói để cho người khác chấp trước hoặc có hoặc không, thì im lặng cũng như nói. Vì im lặng mà để cho người khác khởi niệm thì cũng trái với đạo.

Như Lai nói đạo lý có lợi ích, vì khi nói mà tâm vẫn thanh tịnh. Lúc ngài im lặng không phải như phàm phu mà im lặng của bậc thánh. Như vậy im lặng cũng như nói, nói cũng như im lặng. Cho nên ngộ được thì nói hay không nói gì cũng đều ở trong chánh định.

Tóm lại chúng ta nói ra điều gì, đừng để cho người chấp chặt, gọi là nói mà không lìa nín. Ngược lại im lặng mà để cho người chấp đó là trái với đạo.

*Nếu biết thời mà nói, nói cũng là giải thoát. Nếu không biết thời mà im lặng, im lặng cũng là trói buộc. Vì thế nói nếu lìa tướng, nói cũng gọi là giải thoát. Im lặng nếu chấp tướng, im lặng tức trói buộc.*

Nói đúng thời thì nên nói, nói phi thời không hợp pháp thì không nên nói. Thường người ta nín là khi thấy không cần nói. Nhưng khi cần nói mà lại im lặng, rồi dùng qua phương tiện khác, như lấy giấy viết gọi là khinh miệng mà trọng tay. Tay và miệng đều do ý động mà phát ra chữ viết và ngôn ngữ, tại sao lại kiêng cái miệng mà cho ra cái tay! Thành ra nhiều khi tu chúng ta lầm lẫn lạ thường. Lẽ ra khi cần dùng ngôn ngữ

để nói cho người ta hiểu đạo lý thì cứ nói, nói đó cũng là giải thoát. Nếu im lặng mà trong tâm vẫn khởi niệm thì cũng bị trói buộc như thường.

Cho nên chúng ta muốn tịnh khẩu thì trước phải tịnh cái ý. Ý không tịnh mà tịnh khẩu thì làm sao khẩu tịnh được. Sở dĩ chúng ta không nói chuyện là để cho tâm bớt động. Còn muốn nói chuyện, muốn giao tiếp với người khác mà không nói, dùng giấy bút viết thì thật là vô lý.

Tôi quy định chư tăng ni nhập thất không được nói chuyện, nghĩa là không tiếp khách chứ không phải tịnh khẩu. Cần gì thì cứ nói với hộ thất một hai câu, khỏi viết tốn giấy mực. Nên nói, *nói nếu lia tướng, nói cũng gọi là giải thoát; im lặng nếu chấp tướng, im lặng tức trói buộc.*

*Phàm văn tự bản tánh nó là giải thoát. Văn tự không thể đến trói buộc, trói buộc tự đến nơi văn tự.*

*Pháp không có cao thấp, nếu thấy có cao thấp tức chẳng phải là pháp vậy.*

Bản tánh văn tự là giải thoát. Văn tự không phải là trói buộc mà trói buộc tự đến trên văn tự. Vì sao? Vì văn tự là chữ nghĩa thì không có gì bị trói buộc. Trói buộc là tại chúng ta cố chấp vào văn tự, kết thành câu đoạn, có ý tứ rồi chấp vào đó thành ra trói buộc.

Chữ pháp đây là chỉ cho tâm thể thanh tịnh, nếu còn có cao thấp là động chứ không phải tịnh. Nếu còn thấy cao thấp thì không phải là pháp.

*Phi pháp là thuyền bè, pháp là người. Thuyền bè đó, nếu người nương thuyền ấy để qua sông thì phi pháp tức là chánh pháp vậy.*

*Nếu đem thế tục mà nói tức có nam nữ quý tiện. Nếu theo đạo mà nói tức không có nam nữ quý tiện. Do đó thiên nữ ngộ đạo không đổi hình nữ. Xa-nặc giải chân nào bỏ tên hèn. Đây bởi chẳng có nam nữ quý tiện, đều do một tướng vậy.*

Phi pháp dụ cho chiếc bè, thị pháp dụ cho người. Người nương chiếc bè để qua sông, khi qua bên kia bờ rồi thì phải bỏ chiếc bè. Như vậy nương phi pháp mà đến chánh pháp nên nói *phi pháp tức là chánh pháp vậy*.

Theo thế tục thì có chia nam nữ quý tiện nhưng theo đạo lý thì không có nam nữ quý tiện. Đây là căn cứ vào kinh Duy-ma-cật, ngài Xá-lợi-phất nói chuyện với thiên nữ, lúc đó thiên nữ đã ngộ đạo mà không đổi hình nữ. Ngài Xa-nặc ngộ đạo rồi vẫn là người đánh xe thuở xưa, chứ không có đổi dòng họ ty tiện thành dòng họ sang quý. Khi ngộ đạo rồi thấy tất cả đồng một bản tâm thanh tịnh, không có tướng nam nữ, tướng quý tiện, cho nên nói đồng một tướng.

*Thiên nữ trong mười hai năm cầu tướng nữ trọn không thể được, tức biết trong mười hai năm cầu tướng nam cũng trọn không thể được. Mười hai năm đó tức là mười hai nhập vậy.*

Mười hai nhập là sáu căn, sáu trần. Căn trần đều là tướng hư giả không thật. Thế nên tìm tướng nam nữ không thể được. Cho nên khi mê thì thấy theo nghiệp

mà có tướng nam nữ đối đãi. Khi ngộ đạo rồi thì không thấy có tướng nam nữ.

*Lìa tâm không có Phật, lìa Phật không có tâm cũng như lìa nước thì không có băng, lìa băng thì không có nước. Nói lìa tâm không có Phật là chẳng phải xa lìa nơi tâm, chỉ đừng để mắc kẹt tướng tâm.*

Tâm chỉ cho vọng tưởng, Phật chỉ cho thể thanh tịnh. Trước khi nhận ra thể thanh tịnh thì thấy vọng tưởng trước, rồi xuyên qua lớp vọng tưởng mới nhận ra tâm thanh tịnh. Tướng của tâm là vọng tưởng. Khi tâm duyên theo cảnh thì có tướng, tâm duyên theo cảnh lặng đi thì Phật hiện tiền. Như vậy muốn thấy Phật phải lìa tướng của tâm. Nên ở đây Tổ nói *lìa tâm không có Phật là chẳng phải xa lìa nơi tâm, chỉ đừng mắc kẹt tướng tâm.*

*Kinh nói “không thấy tướng gọi là thấy Phật” tức là lìa cái tướng của tâm vậy. Lìa Phật không tâm là nói Phật từ tâm mà lưu xuất. Tâm hay sanh Phật, nhưng Phật từ tâm sanh mà Phật chưa từng sanh tâm. Cũng như cá sanh nơi nước, nước không sanh nơi cá. Muốn xem cá thì chưa thấy cá mà trước thấy nước. Muốn thấy Phật thì chưa thấy Phật mà trước thấy tâm. Tức biết đã thấy cá thì phải quên nước, đã thấy Phật thì phải quên tâm. Nếu không quên tâm tức còn bị tâm làm lầm. Nếu không quên nước tức còn bị nước làm mê.*

*Kinh nói không thấy tướng là thấy Phật, tức là lìa tướng của tâm. Hết vọng tưởng mê mờ là tâm Phật hiện tiền. Như có món đồ quý để sau tấm màn, chúng ta vạch tấm màn ra là thấy, nhưng món đồ quý không phải tấm màn.*

*Phật từ tâm sanh* là do vọng tưởng lặn xuống mà thấy Phật, nhưng *Phật chưa từng sanh tâm*. Vì sanh tâm là động niệm, mà động niệm thì không phải Phật. Như cá sanh trong nước mà nước không sanh ra cá. Cũng vậy Phật từ tâm sanh, nhưng tâm vọng tưởng không thể sanh ra Phật.

Vì vậy nên nói muốn thấy cá trước phải thấy nước, muốn thấy Phật trước phải thấy tâm. Ở đây ngài chỉ thêm một lớp nữa: thấy cá phải quên nước, thấy Phật phải quên tâm. Nếu không quên tâm thì sao? Thì còn vọng tưởng nên Phật bị che mất. Cũng vậy khi thấy cá rồi không chú ý tới nước thì mới thấy rõ cá bơi lội ra sao. Nếu chú ý tới nước thì nước làm cho không thấy rõ cá.

*Chúng sanh cùng với Bồ-đề cũng như nước với băng. Bị ba độc thiêu đốt gọi là chúng sanh. Được ba môn giải thoát làm cho thanh tịnh gọi là Bồ-đề. Vì ba tháng mùa đông, đông kết gọi là băng. Bị ba tháng hè làm cho tan chảy gọi đó là nước. Nếu dẹp bỏ băng thì không riêng có nước. Nếu loại bỏ chúng sanh thì không riêng có Bồ-đề. Rõ biết tánh băng tức là tánh nước, tánh nước tức là tánh băng. Tánh chúng sanh tức là tánh Bồ-đề. Chúng sanh cùng với Bồ-đề đồng một tánh cũng như Ô đầu và Phụ tử cùng chung một gốc, chỉ vì thời tiết không đồng, mê ngộ khác cảnh mà có ra chúng sanh với Bồ-đề hai tên vậy.*

*Chúng sanh với Bồ-đề cũng như nước với băng. Bị ba độc thiêu đốt gọi là chúng sanh. Được ba môn giải thoát làm cho thanh tịnh gọi là Bồ-đề. Ba môn giải thoát*

là không, vô tướng, vô nguyên. Vì ba tháng mùa đông, nước đông kết lại gọi là băng. Ba tháng mùa hè làm cho tan chảy gọi là nước. Nếu dẹp bỏ băng thì không riêng có nước. Nếu dẹp bỏ chúng sanh thì không riêng có Bồ-đề. Rõ biết tánh băng là tánh nước, tánh nước là tánh băng. Tánh chúng sanh là tánh Bồ-đề. Cũng như Ô đầu và Phụ tử cùng chung một gốc. Chỉ vì thời tiết chẳng đồng, mê ngộ sai khác mà có hai tên chúng sanh và Bồ-đề.

*Rắn hóa rỗng không đổi vầy. Phàm biến thành thánh không đổi mặt. Chỉ biết tâm là trí chiếu soi ở bên trong, thân là giới trong sạch ở bên ngoài.*

Rắn hóa rỗng như thế nào chúng ta không thấy, chỉ nghe nói là không đổi vầy. Phàm hóa thánh không đổi mặt chúng ta không thấy, nhưng người thế tục biến thành thầy tu thì có đổi mặt không? Ví dụ có người ở ngoài thế tục tên A, khi vô chùa cạo tóc mặc pháp phục, đổi tên khác nhưng gương mặt không đổi. Nhưng phàm phu biến thành thánh không đổi mặt, làm sao biết? Người nào trong tâm luôn dùng trí tuệ chiếu soi, ngoài thân giữ giới luật trong sạch thanh tịnh thì người đó là thánh, không như vậy là phàm.

*Chúng sanh độ Phật, Phật độ chúng sanh. Đây gọi là bình đẳng. Chúng sanh độ Phật là phiền não sanh ngộ giải. Phật độ chúng sanh là ngộ giải diệt phiền não.*

*Chẳng phải không phiền não, chẳng phải không ngộ giải. Thế nên biết nếu không có phiền não thì không do đâu mà sanh ngộ giải. Nếu không có ngộ giải thì không do đâu mà diệt phiền não.*

Từ nơi phiền não mà sanh ngộ giải giác tỉnh, gọi là *chúng sanh độ Phật*. Chúng ta tỉnh ngộ diệt trừ hết phiền não, đó là *Phật độ chúng sanh*. Ngay nơi tâm mình có sẵn ngộ giải và phiền não. Nếu không có phiền não thì không có nhân để sanh ngộ giải. Cũng vậy nếu không có ngộ giải thì không có nhân để diệt phiền não.

Ví dụ bình thường chúng ta tự nhắc mình phải sống hiền lành, không nóng giận. Nhưng hôm nào bất chợt có người đến chọc tức khiêu khích mình liền nổi giận. Ban đầu giận ít, một lát giận quá hết làm chủ liền la hét, đó là phiền não. Sau khi nói hả giận rồi cảm thấy xấu hổ, hối hận tự phát nguyện, nhất định cố gắng tu cho hết bệnh nóng giận. Như vậy là nhân phiền não mà biết mình còn sân còn dờ rồi cố gắng tu, đó là phiền não sanh ngộ giải. Từ đó về sau vừa mới chớm nóng giận liền buông ngay, đó là nhân ngộ giải mà diệt trừ phiền não.

*Nếu khi mê thì Phật độ chúng sanh, nếu khi ngộ thì chúng sanh độ Phật. Vì có sao? Vì Phật không tự thành đều do chúng sanh độ vậy.*

Khi chúng ta mê nhờ Phật giáo hóa khiến cho tỉnh, đó là Phật độ chúng sanh. Khi ngộ thì chúng sanh độ Phật. Tại sao? Chúng sanh ở đây là chỉ cho vô minh tham ái. Chư Phật đều do đoạn vô minh tham ái mà thành Phật. Như vậy chúng ta thấy rõ rằng Phật độ chúng sanh mà chúng sanh cũng độ Phật. Chúng sanh độ Phật là do phiền não mà sanh ngộ giải. Phật độ chúng sanh là ngộ giải rồi diệt trừ phiền não. Như vậy Phật và chúng sanh đều bình đẳng độ lẫn nhau.

*Chư Phật lấy vô minh làm cha, tham ái làm mẹ. Vô minh, tham ái đều là tên khác của chúng sanh. Chúng sanh cùng với vô minh cũng như tay mặt và tay trái không có sai khác.*

*Khi mê thì ở bờ bên này, khi ngộ thì ở bờ bên kia. Nếu biết tâm không, chẳng thấy tướng tức là mê ngộ. Đã lìa mê ngộ cũng không có bờ kia. Như Lai chẳng ở bờ bên này chẳng ở bờ bên kia cũng không ở giữa dòng. Giữa dòng đó là chỉ cho người theo Tiểu thừa. Bờ này là phàm phu, bờ kia là Bồ-đề vậy.*

Do vô minh tham ái làm nhân để tu chứng Phật quả, ai đoạn sạch vô minh tham ái, người đó là Phật. Vô minh tham ái hay sanh ra chư Phật nên nói *chư Phật lấy vô minh làm cha, tham ái làm mẹ. Vô minh tham ái là tên khác của chúng sanh. Chúng sanh cùng với vô minh cũng như tay mặt và tay trái, không có riêng khác.*

Bờ bên này là mê, bờ bên kia là giác. Khi chúng ta mê là ở bờ bên này, ngộ là đến bờ kia. Nếu biết tâm mình vốn không có tướng mạo thì lìa được mê và ngộ. Đã lìa mê ngộ thì lìa luôn cả bờ này và bờ kia.

Đức Phật ngộ được tự tâm không có tướng mạo nên không còn kẹt ba bên, bờ bên này, bờ bên kia hay chạng giữa. Nếu còn thấy ba bên là còn kẹt về tướng mạo không gian. Ở giữa dòng chỉ cho người theo Tiểu thừa, bờ này chỉ cho phàm phu, bờ kia chỉ cho Bồ-đề. Phật giác ngộ tự tâm vốn không tướng mạo thì không chứng đắc, không có thứ lớp lấy bỏ, nên nói *Như Lai không ở bờ bên này không ở bờ bên kia.*

*Phật có ba thân, đó là hóa thân, báo thân và pháp thân. Nếu chúng sanh thường làm các thiện căn tức là hóa thân Phật hiện, tu trí tuệ tức là báo thân Phật hiện, giác được pháp vô vi tức là pháp thân Phật hiện.*

Sở dĩ chia ra ba thân Phật là căn cứ trên trình độ sai biệt của chúng sanh. Khi chúng ta khởi tâm làm lành là hóa thân Phật hiện. Khi biết dùng trí tuệ quán xét là báo thân Phật hiện. Khi ngộ được tâm bất sanh bất diệt là pháp thân Phật hiện tiền. Như vậy Phật có ba thân, chúng ta cũng có ba thân.

*Bay đi mười phương tùy nghi cứu giúp, đó là hóa thân Phật. Đoạn hoặc tu thiện, ở nơi núi Tuyết thành đạo đó là báo thân Phật. Không nói không thuyết lặng lẽ thường trụ đó là pháp thân Phật.*

*Nếu luận chỗ chí lý thì một Phật còn không có làm sao có tới ba. Đây nói ba thân là chỉ căn cứ nơi người trí có thượng trung hạ. Người hạ trí vọng tạo phước lực vọng thấy hóa thân Phật. Người trung trí vọng đoạn phiền não vọng thấy báo thân Phật. Người thượng trí vọng chứng Bồ-đề vọng thấy pháp thân Phật. Người thượng thượng trí bên trong chiếu soi tròn lặng, chính cái tâm sáng đó tức là Phật. Không đợi tâm mà được Phật. Do đây biết ba thân cùng với muôn pháp đều không thể chấp không thể nói, đây tức là tâm giải thoát, thành được đại đạo.*

Nói ba thân là căn cứ nơi người có trí bậc thượng, trung và hạ. Chúng sanh có trí bậc hạ khởi tâm làm lành, nên có phước lực thấy được hóa thân Phật. Chúng sanh có trí bậc trung thì khởi tâm đoạn phiền não

để cầu Bồ-đề, do đó vọng thấy báo thân Phật. Chúng sanh có trí bậc thượng, vọng chứng Bồ-đề rồi vọng thấy pháp thân Phật. Như vậy cả ba thân đều là ở trong vọng. Chỉ người có trí thượng thượng, bên trong chiếu soi hoàn toàn, tròn đầy lặng lẽ sáng suốt. Chính tâm sáng ấy tức là Phật, chẳng đợi tu tâm mới được thành Phật. Người này thấy tất cả pháp đều từ tâm, ngoài tâm không có pháp nào khác, cho nên không thủ không xả, không thể nói, đó là người đạt đạo.

*Kinh nói “Phật không nói pháp, không độ chúng sanh, không chứng Bồ-đề”, đây cũng là nghĩa kia vậy.*

Đây dẫn kinh *Phật không nói pháp, không độ chúng sanh, không chứng Bồ-đề* là ý chỉ cho người bậc thượng thượng trí. Thấy được thể tròn đầy sáng suốt lặng lẽ của bản tâm, không ngôn ngữ không danh tự, đó là chỗ tột cùng không còn kẹt ở tên ba thân.

*Chúng sanh tạo nghiệp, nghiệp tạo chúng sanh. Đời này tạo nghiệp đời sau thọ quả báo, không có khi nào thoát khỏi. Chỉ có bậc chí nhân ở trong thân này không tạo các nghiệp nên không thọ báo. Kinh nói “các nghiệp không tạo tự nhiên được đạo” há là lời nói hư dối ư?*

Hiện tại chúng ta làm điều lành điều dữ gọi là *chúng sanh tạo nghiệp*. Do nghiệp lành dữ dẫn tới chỗ lành chỗ dữ theo nghiệp mình đã tạo, là *nghiệp tạo chúng sanh*. Đời này tạo nghiệp đời sau chịu quả báo, đời sau sanh ra lại tạo nghiệp rồi chịu quả báo liên miên không dứt. Cho nên ở mãi trong vòng luân hồi không ra khỏi.

Chúng ta thấy rõ ràng con người có đời sống hiện tại là do nghiệp đời trước. Đời này sanh ra lại tạo nghiệp rồi chết, chết rồi sanh ra lại tạo nghiệp... đó là nghiệp tạo chúng sanh. Sự thật không phải nghiệp tạo ra mình, mà nghiệp dẫn mình đi thọ sanh, nên nói là nghiệp tạo chúng sanh.

Như cha mẹ sanh ra con, rồi lo làm ra tiền nuôi con khôn lớn. Khi con khôn lớn nghĩ tới chuyện lập gia đình và muốn cho nó có nghề nghiệp của cải để nuôi con nó. Người con lớn lên cũng sanh con, rồi tìm mọi cách để nuôi con mình. Đứa con này lớn lên cũng sanh con rồi mong cho con nó sanh con nữa. Như vậy, lớp trước lớp sau đều theo một quy luật, thế gian cho là hợp lý, nên đời đời kiếp kiếp không biết chừng nào ra khỏi. Người làm trái lại thì cho là vô lý. Người thức tỉnh thấy rõ dòng nghiệp vô cùng vô tận nên không tạo nghiệp thì không bị nghiệp trói buộc, gọi là bậc chí nhân.

Thế nhưng trong gia đình nếu có người con đi tu thì cha mẹ buồn rầu khóc lóc. Tại sao người muốn thoát ra khỏi nghiệp, không gây tạo thêm sự trói buộc triền miên, lý đáng phải mừng mà lại buồn? *Kinh nói các nghiệp không tạo thì tự nhiên đạt đạo.* Không tạo nghiệp là giải thoát, là đạt đạo chứ không có gì lạ. Đây không phải là lời nói suông.

*Người hay tạo nghiệp, nghiệp không hay tạo người.  
Người nếu tạo nghiệp, nghiệp cùng người đồng sanh.  
Người nếu không tạo nghiệp, nghiệp cùng người đồng diệt.  
Thế nên biết nghiệp do người tạo, người do nghiệp sanh.*

*Người nếu không tạo nghiệp tức nghiệp không do người sanh. Cũng như người hay hoằng đạo, đạo không hay hoằng người. Kẻ phàm phu ngày nay thường thường tạo nghiệp rồi dối nói không có quả báo. Đâu chẳng khổ thay!*

Như đoạn trước đã nói nghiệp dẫn chúng ta tới chỗ thọ sanh chứ không phải tạo ra chúng ta. Nên nói người tạo nghiệp mà nghiệp không tạo người. Chúng ta sanh ra ở đâu thì nghiệp theo đến đó. Nghiệp với người đồng theo nhau. Nếu người không tạo nghiệp thì nghiệp theo đó hết là được giải thoát. Như vậy nghiệp là do người tạo, người do nghiệp dẫn đến chỗ thọ sanh. Nếu người không tạo nghiệp thì nghiệp không sanh.

Cũng như người hay hoằng đạo mà đạo không hay hoằng người. Người đem đạo phổ biến chứ đạo không tự phổ biến. Vì sao? Đạo ở đây có hai nghĩa, một là chỉ giáo lý của Phật, hai là chỉ tâm thanh tịnh của chúng ta. Tâm thanh tịnh có sẵn không cần truyền bá. Giáo lý của Phật như kinh điển để trong tủ cũng không thể truyền bá. Truyền bá là do người đọc kinh rồi hiểu nghĩa lý đem ra chỉ dạy cho người khác.

Có những kẻ phàm phu làm rất nhiều tội ác, rồi nói chết là hết, đó là người không thức tỉnh, đáng thương xót đáng cứu giúp, nếu không cứu giúp thì không có lòng từ bi. Trên đường giáo hóa nếu gặp những trường hợp khó khăn, chúng ta phải gan dạ mới có thể cảm hóa thức tỉnh những người như thế. Nếu không họ sẽ chìm đắm trong đau khổ chẳng có ngày ra.

*Nếu luận đến chỗ chí lý thì tâm trước tạo nghiệp, tâm sau thọ quả báo, đâu có khi nào thoát khỏi. Nếu tâm trước không tạo thì tâm sau không thọ báo cũng đâu được đối thấy có nghiệp báo!*

Ngài nói tâm trước tạo nghiệp thì tâm sau thọ báo chứ không xa. Ví dụ khi gặp việc trái ý, chúng ta nổi giận lớn tiếng rầy rà, đó là niệm trước tạo nghiệp. Sau đó hết giận, tự trách sao mình ngu quá, đó là niệm sau thọ báo. Niệm trước nổi sân nói bậy, niệm sau hối hận quả trách, là lương tâm cắn rứt. Đây là quả báo theo liền chứ không thoát khỏi. Nếu bây giờ tâm chúng ta bình thản thì lát nữa cũng bình thản không bị cắn rứt. Như vậy tâm trước không tạo nghiệp thì tâm sau cũng không thọ báo. Rõ ràng đâu phải là chuyện nói dối.

*Kinh nói: “Tuy tin có Phật, nói Phật khổ hạnh, đây gọi là tà kiến. Tuy tin có Phật, nói Phật có quả báo kim thương mã mạch, ấy là tin chưa đầy đủ, gọi đó là nhất-xiển-đề.”*

Nếu chúng ta tin Phật, mà nói Phật tu khổ hạnh thì người đó là tà kiến. Trong sử ghi Phật tu khổ hạnh sáu năm ốm gầy da bọc xương, tại sao đây nói tin như vậy là tà kiến? Nếu chúng ta tin Phật bằng tướng mạo thì lòng tin đó thuộc về chấp tướng gọi là tà. Nếu nói đức Phật có quả báo kim thương mã mạch, nghĩa là bị thương đâm nơi chân và ăn lúa ngựa ba tháng, như vậy lòng tin chưa đủ, là nhất-xiển-đề. Vì tin như vậy là tin Phật về hình tướng chứ chưa tin Phật là tánh giác viên mãn.

Nếu tin Phật hình tướng thì thấy Phật có tu khổ hạnh có thọ quả báo, đó là tà kiến. Nếu tin tánh giác viên mãn sẵn có nơi mỗi người, thì Phật tánh không thọ quả báo, tin như vậy gọi là chánh kiến, là lòng tin đầy đủ.

*Người hiểu thánh pháp gọi là thánh nhân, người hiểu phàm pháp gọi là phàm phu. Chỉ hay bỏ pháp phàm thành tựu pháp thánh tức phàm phu thành thánh nhân vậy. Người ngu ở thế gian chỉ muốn đi xa cầu thánh nhân mà không tin tâm tuệ giải (của mình) là thánh nhân.*

*Kinh nói: “Trong người vô trí chớ nói kinh này.” Kinh này là tâm vậy, là pháp vậy. Người không có trí không tin tâm này có thể hiểu pháp, thành tựu được thánh nhân, chỉ muốn đi xa cầu học ở bên ngoài, ưa thích những việc như hình tượng Phật hiện giữa hư không, hào quang sáng, hương thơm, hình sắc v.v... thấy đều rơi vào tà kiến, mất tâm cuồng loạn. Kinh nói: “Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai.”*

*Tám muôn bốn ngàn pháp môn thấy đều do một tâm mà khởi. Nếu tâm tướng ở trong được thanh tịnh giống như hư không, tức xa lìa được tám muôn bốn ngàn gốc bệnh phiền não ở trong thân tâm vậy.*

Người thế gian nghe ai đồn ở đâu có thánh nhân thì lên núi lên non tìm, mà không tin rằng tâm tuệ giải của mình là thánh nhân. Nếu trở về tâm là thánh nhân chứ không đâu xa.

Đây dẫn kinh Kim Cang, người thấy tất cả tướng đều không thật thì người đó thấy được Phật. Nếu người cầu Phật bằng cách ngưỡng mộ hình tướng thì không bao giờ thấy Phật.

Ngài dạy thêm, tám muôn bốn ngàn pháp môn đều do một tâm mà khởi. Nếu tâm thanh tịnh thì xa lìa được tám muôn bốn ngàn gốc bệnh phiền não ở trong thân tâm vậy.

*Phàm phu ngay khi sống thì lo đến chết, đang no lại lo đói, đều gọi là đại ngu. Thế nên bậc chí nhân không tính việc trước, không lo việc sau, không thay đổi hiện tại, niệm niệm đều trở về đạo.*

Có người hiện đang sống đây mà lo mai một chết rồi không biết làm sao, lo dặn dò con cháu sau khi chết phải chôn cất thế nào, để lại những gì, đem theo những gì... như vậy gọi là điên đảo. Người đang no bụng khỏe mạnh mà lo mai chiều đói không biết làm sao! Lo hết cái này tới cái kia, đầu tắt mặt tối nên gọi là đại mê lầm.

Bậc chí nhân không nghĩ việc đã qua, không bàn việc chưa tới, hiện tại cũng không đổi dời. Luôn luôn hướng về chân như tam-muội là trở về với đạo, đó là bậc chí nhân. Nếu đang sống mà lo việc chết, đang no lo việc đói là hạng đại ngu. Đó là những lời thống thiết Tổ chỉ dạy cho chúng ta. Ai muốn làm bậc chí nhân hay đại ngu thì tự chọn.

Kế đến là năm bài kệ ngời thiên trong năm canh. Canh nào cũng ngời thiên nên canh nào cũng đọc kệ.

*Canh một trang nghiêm ngồi tịnh tu,  
 Tinh thần lặng sáng đồng thái hư,  
 Bao kiếp đến nay chẳng sanh diệt,  
 Đâu cần sanh diệt diệt sanh ư?  
 Hết thấy các pháp đều như huyễn,  
 Bản tánh tự không nào dụng trừ,  
 Nếu biết tâm tánh không tướng mạo,  
 Lặng yên chẳng động tự như như.*

Canh một ngồi kiết già ngay thẳng. Kiết già phu tọa là tư thế ngồi thiền định. Tinh thần lặng lẽ sáng soi, tâm rộng rang như hư không. Nhiều kiếp đến giờ tâm vốn chưa từng sanh diệt, đâu cần khởi tâm diệt để diệt cái sanh kia. Từ lâu rồi chưa từng sanh diệt, bây giờ bỗng dưng khởi tâm diệt là diệt cái gì?

Tất cả các pháp đều như huyễn như mộng. Bản tánh tự nó là không thì làm sao mà trừ. Nếu biết tâm tánh không có hình tướng, lặng lẽ không động, tự nó như như.

*Canh hai lắng lặng thân thêm tịnh,  
 Chẳng khởi tướng, ấy chân như tính,  
 Sum la vạn tượng thấy về không,  
 Còn chấp có không lại là bệnh.  
 Các pháp vốn tự chẳng không có,  
 Phàm phu vọng tưởng luận tà chánh,  
 Nếu hay trong lòng chẳng thấy hai,  
 Ai bảo là phàm chẳng phải thánh!*

Canh hai lóng lạng tinh thần càng thêm sáng, không khởi nhớ tưởng, đó là tánh chân như. Sum la vạn tượng thấy đều trở về không. Tuy nói sum la vạn tượng thấy đều không, nhưng nếu chấp có cái không là bệnh.

Các pháp vốn tự nó chẳng phải không hay có, phạm phu vọng tưởng nên luận đây là tà kia là chánh. Hoặc nói không là chánh, có là tà, hoặc nói có là chánh không là tà, đó là bệnh của phạm phu. Người nào trong lòng không còn ôm ấp cái chấp hai bên, thì ai dám bảo người đó là phạm, không phải thánh.

*Canh ba tâm tịnh đồng hư không,  
 Đây khắp mười phương thấy suốt thông,  
 Núi sông, vách đá không ngăn được,  
 Hằng sa thế giới tại ở trong.  
 Thế giới bản tánh chân như tánh,  
 Cũng không bản tánh tức hàm dung,  
 Không riêng chư Phật hay như thế,  
 Hữu tình các loại thấy đều đồng.*

Canh ba tâm trong trẻo đồng với hư không, đây khắp mười phương không chỗ nào mà chẳng thông. Sông núi vách đá đều không thể ngăn che được tâm. Thế giới như cát sông Hằng đều ở trong tâm.

Bản tánh thế giới tức là tánh chân như. Nhưng nói bản tánh là tạm nói thôi, thật cũng không có cái bản tánh, vì chân như vốn trùm khắp. Chẳng riêng gì

chư Phật hay như thế, mà tất cả loài hữu tình thấy đều đồng như vậy. Nghĩa là tất cả loài hữu tình cũng đồng có tánh chân như. Vì chân như là bản tánh của cả thế giới. Cho nên người sống bằng tánh chân như thì cái thấy bao trùm cả thế giới.

*Canh tư không diệt cũng không sanh,  
Lượng với hư không pháp giới đồng,  
Không đến không đi không khởi diệt,  
Cũng không sáng tối chẳng có không.  
Không khởi cái thấy, thấy Như Lai,  
Không tên để gọi, chính tên Phật,  
Chỉ người đã ngộ mới hay biết,  
Chúng sanh chưa hội giống như mù.*

Canh tư không diệt cũng không sanh, tâm lượng đồng với hư không pháp giới. Không đến không đi, không khởi diệt, cũng chẳng có chẳng không, chẳng tối chẳng sáng.

Không khởi tất cả cái thấy bên ngoài đó là thấy Như Lai. Tuy nói tên Phật nhưng chỗ đó không thể gọi tên mới là chân Phật. Chỉ có người đã ngộ mới có thể hay biết, còn chưa hội thì chỗ đó đối với họ cũng như người mù làm gì thấy!

*Canh năm Bát-nhã chiếu vô biên,  
Chẳng khởi một niệm khắp tam thiên,  
Muốn thấy chân như tánh bình đẳng,  
Dè dặt sanh tâm trước mắt liền.*

*Lý diệu ảo huyền tâm khó lường,  
Đâu cần đuổi kiếm khiến nhọc nhằn,  
Nếu hay vô niệm mới thật cầu,  
Nếu còn có cầu lại chẳng biết.*

Canh năm trí tuệ Bát-nhã chiếu soi không bờ mé, không khởi một niệm là đã qua tam thiên đại thiên thế giới. Tại sao không khởi một niệm mà trải qua tam thiên đại thiên thế giới? Giả sử chúng ta ngồi đây mà nghĩ tới Sài Gòn, chỉ trong một niệm mà đã qua bao nhiêu cây số. Vừa khởi niệm là có cảnh để theo, cảnh đó hoặc gần hoặc xa là hữu hạn. Khi không khởi niệm thì tâm lặng lẽ như như, đồng với hư không vô hạn, nên trùm khắp hết cả tam thiên đại thiên thế giới.

Muốn thấy tánh chân như bình đẳng thì phải dè dặt chớ có sanh tâm động niệm. Không khởi niệm thì tánh chân như ngay đó chứ không đâu xa. Chỉ hai câu này thôi đủ để chúng ta biết khi ngồi thiền phải làm gì.

Lý huyền diệu không thể đem tâm lường xét, không nên dụng tâm kiếm tìm đuổi bắt, khiến thêm nhọc nhằn. Nếu người không khởi niệm mới là chân thật cầu diệu lý, nếu có niệm cầu thì hoàn toàn không biết gì diệu lý.

Trong năm canh ngồi thiền, mỗi canh đều có một bài kệ. Tuy nói là năm nhưng ứng dụng một bài kệ chót chúng ta tu được thì cũng đủ lắm rồi.





*Cửa thứ sáu*

## HUYẾT MẠCH LUẬN

**Chánh văn:**

**Ba cõi hưng khởi đồng quy về một tâm. Phật trước Phật sau lấy tâm truyền tâm, không lập văn tự.**

**Hỏi:** Nếu không lập văn tự, thì lấy gì làm tâm?

**Đáp:** Ông hỏi ta tức là tâm ông. Ta đáp ông tức là tâm ta. Ta nếu không tâm nhân đâu hiểu để đáp ông? Ông nếu không tâm nhân đâu hiểu để hỏi ta? Hỏi ta tức là tâm của ông vậy.

Từ vô thủy nhiều kiếp đến nay cho đến các thứ tạo tác vận động, trong tất cả thời tất cả chỗ đều là bản tâm của ông, đều là bản Phật của ông. Tức tâm là Phật cũng lại như thế. Ngoại trừ tâm này trọn không riêng có ông Phật khác có thể được. Lìa ngoài tâm này mà tìm Bồ-đề Niết-bàn thì không có lẽ đó.

Tự tánh chân thật chẳng phải nhân chẳng phải quả. Pháp tức là nghĩa của tâm. Tự tâm là Bồ-đề, tự tâm là Niết-bàn. Nếu nói ngoài tâm có Phật và Bồ-đề có thể đạt được thì trọn không có lẽ đó. Phật và Bồ-đề ở chỗ nào? Ví như có người lấy tay nắm bắt hư không, được chăng? Hư không chỉ có tên gọi chứ cũng không có tướng mạo, nắm không được mà bỏ cũng không được. Như thế, bắt hư không không thể được. Ngoài tâm này mà tìm Phật trọn không thể được.

Phật là tự tâm mà tạo được, nhân đâu là tâm này tìm Phật ở bên ngoài. Phật trước Phật sau chỉ nói tâm này. Tâm tức là Phật, Phật tức là tâm. Ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm. Nếu nói ngoài tâm có Phật, Phật ở tại chỗ nào? Ngoài tâm đã không có Phật thì làm sao khởi thấy Phật? Lầm dối lẫn nhau, không thể rõ được bản tâm. Bị những vật vô tình kia nhiếp phục không có phần tự do. Nếu lại không tin tự đối vô ích.

Phật không có lỗi, chỉ tại chúng sanh điên đảo không giác không biết tự tâm là Phật. Nếu biết tự tâm là Phật, không nên ngoài tâm tìm Phật. Phật không độ Phật, đem tâm tìm Phật mà không biết Phật, chỉ là tìm Phật ở ngoài trọn không biết tự tâm là Phật. Cũng không được đem Phật lẽ Phật. Không được đem tâm niệm Phật. Phật không tụng kinh, Phật không trì giới, Phật không phạm giới. Phật không trì phạm cũng không tạo thiện ác.

Nếu muốn thấy Phật phải là thấy tánh, tánh tức là Phật. Nếu không thấy tánh, niệm Phật tụng kinh trì trai trì giới đều không lợi ích. Niệm Phật thì được nhân quả, tụng kinh thì được thông minh, trì giới được sanh cõi trời, bố thí được phước báo. Nhưng mà tìm Phật trọn không thể được.

Nếu tự mình không sáng tỏ, phải tham cầu thiện tri thức để rõ cội gốc sanh tử. Nếu không thấy tánh tức không gọi là thiện tri thức. Nếu không như thế dù nói được mười hai bộ kinh cũng không khỏi sanh tử luân hồi trong tam giới, chịu khổ không có ngày ra.

Xưa có Tỳ-kheo Thiện Tinh tụng được mười hai bộ kinh vẫn tự không khỏi luân hồi vì không thấy tánh. Thiện Tinh đã như vậy người thời nay giảng được năm ba bản kinh luận cho là Phật pháp, đó là người ngu vậy. Nếu không biết được tự tâm thì tụng suông kinh sách đều là vô dụng.

Nếu muốn tìm Phật, quyết phải thấy tánh. Tánh tức là Phật. Phật tức là người tự tại, người vô sự vô tác. Nếu không thấy tánh, trọn ngày mờ mờ mịt mịt, hướng bên ngoài giông ruổi tìm kiếm Phật xưa nay không thể được.

Tuy không một vật có thể được, nhưng nếu muốn cầu hội thì cũng phải tham cứu thiện tri thức. Thiết yếu phải khổ nhọc cầu học khiến cho tâm mình hội giải việc lớn sanh tử, không được bỏ qua, tự dối vô ích.

Dù cho có trân bảo như núi, quyền thuộc như hàng hà sa, mở mắt tức thấy, nhắm mắt lại còn thấy cái gì? Nên biết các pháp hữu vi đều như mộng huyễn, nếu không gặp tìm thầy thì luống qua sông một đời. Tuy Phật tánh vốn tự có nhưng nếu không nhờ thầy trọn không thể sáng tỏ, không nhân thầy mà ngộ, trong muôn người hiếm có được một. Nếu tự mình có duyên tự hội, hợp được ý chỉ thánh nhân thì không cần tham cứu thiện tri thức. Đây là bậc thẳng học sanh ra là đã biết.

Nếu chưa ngộ giải phải siêng năng khổ nhọc tham học. Nhân chỉ dạy mới được ngộ. Nếu tự mình sáng rồi không học cũng được. Không giống như người mê, không thể phân biệt được đen trắng mà dối nói lời răn dạy của Phật, hủy báng Phật, dối pháp. Bọn người như thế nói pháp như mưa, trọn là ma nói chẳng phải Phật nói. Thầy là vua ma, đệ tử là dân ma. Người mê mặc tình cho kia chỉ huy, bất giác rơi vào biển sanh tử, chỉ vì người không thấy tánh mà dối xưng là Phật. Những chúng sanh ấy là đại tội nhân dối gạt tất cả chúng sanh khác khiến vào cảnh giới của ma.

Nếu không thấy tánh mà nói được mười hai bộ kinh trọn là ma nói, quyền thuộc nhà ma chẳng phải là đệ tử nhà Phật. Đã không biện được đen trắng thì nương vào đâu khỏi được sanh tử. Nếu thấy tánh tức là Phật, không thấy tánh tức là chúng sanh. Nếu là tánh chúng sanh riêng có Phật tánh có thể được thì Phật hiện nay ở tại chỗ nào?

**Tánh chúng sanh tức là tánh Phật vậy. Ngoài tánh không có Phật. Phật tức là tánh. Trừ ngoài tánh này không Phật có thể được. Ngoài Phật không tánh có thể được.**

**Hỏi: Nếu không thấy tánh, niệm Phật tụng kinh, bố thí trì giới tinh tấn, rộng làm những điều phước lợi, được thành Phật chăng?**

**Đáp: Chẳng được.**

**Lại hỏi: Vì sao chẳng được?**

**Đáp: Có một ít pháp có thể được là pháp hữu vi, là nhân quả, là thọ báo, là pháp luân hồi, không khỏi sanh tử, khi nào được thành Phật đạo? Thành Phật phải là thấy tánh, nếu không thấy tánh nói nhân quả... là pháp ngoại đạo. Nếu là Phật thì không tập theo pháp ngoại đạo. Phật là người không có nghiệp, không có nhân quả; phàm có một ít pháp có thể được trọn là hủy báng Phật, nương vào đâu được thành?**

**Phàm có trụ trước vào một tâm, một khả năng, một hiểu biết, một cái thấy, Phật đều không chấp nhận. Phật không trì phạm, tâm tánh vốn không cũng không cấu tịnh. Các pháp không tu không chứng, không nhân không quả.**

**Phật không trì giới, Phật không tu thiện, Phật không tạo ác, Phật không tinh tấn, Phật không giải đãi. Phật là người vô tác. Phàm có tâm trụ trước, thấy Phật tức không thể được. Phật chẳng phải**

**là Phật, chớ khởi cái hiểu Phật. Nếu không thấy nghĩa này, trong tất cả thời, tất cả chỗ đều là không rõ bản tâm.**

**Nếu không thấy tánh, trong tất cả thời nghĩ khởi cái tưởng vô tác ấy là người đại tội, là người si, rơi vào cái không vô ký mờ mờ mịt mịt như người say chẳng biện rõ tốt xấu.**

**Nếu nghĩ tu cái pháp vô tác thì trước phải thấy tánh rồi sau mới dứt duyên lự. Nếu không thấy tánh mà được thành Phật đạo thì không có lẽ đó.**

**Có người bác không nhân quả, tha hồ làm các ác nghiệp, vọng nói “vốn không”, làm ác không có lỗi. Người như thế rơi vào địa ngục vô gián hắc ám vĩnh viễn không hẹn ngày ra. Nếu là người trí không nên khởi kiến giải như thế.**

**Hỏi:** Nếu đã nói thi vi vận động trong tất cả thời đều là bản tâm, vậy khi sắc thân vô thường vì sao không thấy bản tâm?

**Đáp:** Bản tâm thường hiện tiền, ông tự không thấy.

**Hỏi:** Tâm đã hiện tại, vì sao chẳng thấy?

**Tổ bảo:** Ông có từng nằm mộng chẳng?

**Đáp:** Từng nằm mộng.

**Tổ hỏi:** Ông khi nằm mộng, đó có phải là bản thân ông chẳng?

**Đáp:** Chính là bản thân.

**Tổ lại hỏi: Ông nói năng, thi vi vận động, cùng với ông là khác hay chẳng khác?**

**Đáp: Chẳng khác.**

**Tổ bảo: Nếu đã chẳng khác tức thân này là bản pháp thân của ông. Pháp thân này là bản tâm của ông.**

Tâm này từ vô thủy bao nhiêu kiếp đến nay cùng với hiện nay không khác, chưa từng có sanh tử, không sanh không diệt, không tăng không giảm, không cấu không tịnh, không tốt không xấu, không đến không đi, cũng không phải quấy, không có tướng nam nữ, cũng không có tăng tục già trẻ. Không thánh không phàm, cũng không Phật cũng không chúng sanh, cũng không tu chứng, cũng không nhân quả, cũng không gân sức, không tướng mạo, giống như hư không nắm không được bỏ không được, núi sông vách đá không thể làm ngại, ra vào qua lại tự tại thần thông, thấu cả núi ngũ uẩn, qua sông sanh tử. Tất cả nghiệp cấu thúc pháp thân này chẳng được. Tâm này vi diệu khó thấy.

Tâm này không đồng với sắc tâm. Tâm này chính mọi người đều muốn được thấy. Ở trong cái quang minh này đưa tay giở chân như cát sông Hằng, đến khi được hỏi trọn không nói được, giống tương tự người gỗ. Thấy đều tự mình thọ dụng nhân đâu mà chẳng biết?

**Phật nói: “Tất cả chúng sanh đều là người mê, nhân đây tạo nghiệp, đọa trong sông sanh tử. Muốn ra lại vào chỉ vì không thấy tánh.”**

Chúng sanh nếu không mê, nhân đâu mà hỏi việc trong ấy, không có một người được hội? Tự ở nhà mình đưa tay giở chân nhân đâu mà chẳng biết? Thế nên biết, thánh nhân nói không lầm, người mê tự không hiểu rõ. Nên biết cái này khó sáng tỏ được, chỉ Phật là một người hay hội được pháp này. Ngoài ra người, trời, chúng sanh... đều không thể được.

Nếu người trí tuệ, sáng tỏ được tâm này thì mới gọi là pháp tánh, cũng gọi là giải thoát. Sanh tử không câu thúc. Tất cả pháp câu thúc y chẳng được. Đây gọi là Đại Tự Tại Vương Như Lai, cũng gọi là Bất tư nghì, cũng gọi là Thánh thể, cũng gọi là Trường sanh bất tử, cũng gọi là Đại tiên. Tên gọi tuy chẳng đồng, thể tức là một.

Thánh nhân bao nhiêu thứ phân biệt đều không lìa tự tâm. Tâm lượng rộng lớn, ứng dụng vô cùng. Ứng nơi mắt thì thấy sắc, ứng nơi tai thì nghe tiếng, ứng nơi mũi thì ngửi mùi, ứng nơi lưỡi thì biết vị, cho đến thị vi vận động đều không lìa tự tâm.

Trong tất cả thời hễ có nói năng chính là tự tâm. Nên nói Như Lai sắc vô tận, trí tuệ cũng như thế. Sắc vô tận đó là tự tâm. Tâm thức khéo hay phân biệt tất cả cho đến thị vi vận động đều là trí tuệ. Tâm không hình tướng, trí tuệ cũng vô tận, nên nói Như Lai sắc vô tận trí tuệ cũng lại như thế.

Sắc thân tứ đại là phiền não, có sắc thân ắt có sanh diệt. Pháp thân thì thường trụ mà không

chỗ trụ. Pháp thân Như Lai không có biến đổi. Nên kinh nói: “Chúng sanh nên biết, Phật tánh vốn tự sẵn có. Ngài Ca-diếp chỉ là ngộ được bản tánh, bản tánh tức là tâm. Tâm tức là tánh, tức đây đồng với chư Phật. Phật trước Phật sau chỉ truyền tâm này, ngoài tâm này ra không Phật có thể được.” Chúng sanh điên đảo không biết tự tâm là Phật, hướng ra ngoài giông ruổi tìm cầu, trọn ngày lằng xằng niệm Phật lễ Phật, Phật tại chỗ nào? Không nên khởi cái thấy như thế, chỉ biết tự tâm, ngoài tâm lại không có Phật khác.

Kinh nói “phàm có tướng đều là hư vọng”. Lại nói “bất cứ chỗ nào cũng đều có Phật”. Tự tâm là Phật không nên đem Phật lễ Phật. Phàm có tướng mạo Phật Bồ-tát bỗng nhiên hiện tiền, cũng không cần thiết phải lễ kính.

Tâm ta vốn lặng lẽ rỗng rang không có những tướng mạo như thế. Nếu chấp nhận tướng tức là ma, trọn rơi vào đường tà. Nếu là huyền từ tâm khởi thì đâu cần lễ bái. Lễ tức không biết. Biết thì không lễ, lễ tức bị ma nhiếp. E người học không biết nên phải biện rõ lẽ này. Chư Phật Như Lai trên thể bản tánh không có những tướng mạo như thế.

Cần phải ở nơi ý, hễ có cảnh giới khác, thiết yếu là không nên chấp nhận cũng đừng sanh tâm kinh sợ, không nên nghi ngờ. Tâm ta xưa nay thanh tịnh, chỗ nào mà có những tướng mạo như thế? Cho đến tướng thiên long, dạ-xoa, quỷ thần, Đế-thích,

Phạm vương v.v..., cũng không để tâm sanh kính trọng, cũng đừng sợ hãi. Tâm ta xưa nay lặng lẽ rỗng rang, tất cả tướng đều là tướng vọng, chỉ đừng chấp tướng.

Nếu khởi thấy Phật, thấy pháp cùng tướng Phật, tướng Bồ-tát mà sanh kính trọng là tự rơi vào địa vị chúng sanh. Nếu muốn trực hội chỉ đừng nhận tất cả tướng liền được. Lại không có lời khác, trọn không chắc thật, huyền hóa không có tướng nhất định, là pháp vô thường. Chỉ không chấp tướng liền hợp thánh ý kia vậy. Nên kinh nói “liạ tất cả tướng, tức gọi chư Phật”.

**Hỏi:** Vì sao không được lễ Phật, Bồ-tát...?

**Đáp:** Thiên ma Ba-tuần, a-tu-la thị hiện thân thông đều làm được tướng Bồ-tát, các thứ biến hóa đều là ngoại đạo, không phải là Phật. Phật là tự tâm, chớ lầm lễ bái.

Phật là tiếng Ấn Độ, Trung Hoa gọi là giác tánh. Giác là cái linh giác ứng cơ tiếp vật, nhướng mày chớp mắt, vận tay giở chân đều là tánh linh giác của chính mình. Tánh tức là tâm. Tâm tức là Phật. Phật tức là đạo. Đạo tức là thiên. Một chữ thiên chẳng phải phạm thánh có thể lường được. Chẳng thấy bản tánh, gọi đó là thiên.

Nếu không thấy bản tánh tức chẳng phải thiên. Giả sử nói được ngàn kinh muôn luận nếu không thấy bản tánh chỉ là phạm phu không phải là Phật pháp.

**Đạo lớn sâu mầu không thể do nói mà hội được. Kinh điển giáo lý bằng cứ vào đâu mà có thể đến? Chỉ cần thấy bản tánh, một chữ không biết cũng được.**

**Thấy tánh tức là Phật, thánh thể xưa nay thanh tịnh không có uế tạp, sở dĩ có nói năng đều là thánh nhân từ tâm khởi dụng. Dụng thể xưa nay là cái tên rỗng, nói còn không thể đến, mười hai bộ kinh nương vào đâu mà đến được.**

**Đạo vốn viên thành, không cần tu chứng. Đạo chẳng phải thanh sắc, vi diệu khó thấy. Như người uống nước lạnh nóng tự biết, không thể đối người khác mà nói được. Chỉ có Như Lai mới hay biết được, ngoài ra người, trời... các loài đều không thể giác biết, trí phàm phu không đến được.**

**Sở dĩ có chấp tướng là do không rõ tự tâm xưa nay là rỗng lặng, vọng chấp tướng cùng tất cả pháp liền rơi vào ngoại đạo. Nếu biết các pháp từ tâm sanh thì không nên có chấp, chấp tức không biết. Nếu thấy bản tánh thì mười hai bộ kinh thấy là văn tự sông. Ngàn kinh muôn luận chỉ là làm sáng tâm, nếu ngay lời nói mà khế hội thì dùng giáo làm gì? Chỗ chí lý thì tuyệt ngôn, giáo là ngôn từ, thật không phải đạo. Đạo vốn vô ngôn. Ngôn thuyết là vọng.**

**Nếu ban đêm mộng thấy lầu các, cung điện, voi ngựa các thứ cùng với cây cối rừng rậm, ao đình các tướng như thế, không thể khởi một niệm ưa thích vì thấy đều là chỗ thác sanh. Cần thiết phải ở**

nơi ý. Khi lâm chung không được chấp tướng liền trừ được chướng. Tâm nghi vừa bén khởi liền bị ma nhiếp.

Pháp thân xưa nay thanh tịnh không có thọ nhận, chỉ vì mê không giác không biết, nhân đây nên vọng thọ quả báo. Do có yêu thích nên không được tự tại. Hiện nay nếu ngộ được thân tâm xưa nay, tức không có tập nhiễm. Nếu từ thánh vào phàm thị hiện các thứ tạp loại đều là vì chúng sanh. Cho nên thánh nhân đối với nghịch thuận đều được tự tại. Tất cả nghiệp câu thúc các ngài chẳng được. Bởi các ngài thành thánh đã lâu, có oai đức lớn, tất cả các loại nghiệp đều bị các vị thánh này chuyển. Thiên đường địa ngục không làm gì được các ngài.

Phàm phu thân thức hôn mê không giống thánh nhân trong ngoài sáng suốt. Nếu có nghi ắt không nên làm, làm tức trôi lăn sanh tử, về sau hối hận cũng không chỗ cứu giúp, bản cùng khổ khổ đều từ vọng tưởng sanh. Nếu rõ tâm này phải khuyên nhau gắng sức. Chỉ không làm mà làm, liền vào tri kiến Như Lai.

Người mới phát tâm, thân thức thấy đều bất định. Nếu trong mộng thường thấy cảnh lạ tức không được nghi vì đều là tự tâm mình khởi không từ ngoài đến.

Nếu trong mộng thấy hào quang xuất hiện sáng hơn cả mặt trời tức là dư tập chóng hết,

pháp giới tánh hiện. Nếu có việc này tức là nhân thành đạo. Chỉ nên tự biết không nên đến người khác nói.

Hoặc ở trong vườn rừng yên tĩnh đi đứng ngồi nằm, mắt thấy hào quang sáng hoặc lớn hoặc nhỏ, chớ cùng người khác nói, cũng không được chấp nhận. Đây cũng là cái ánh sáng của tự tánh.

Hoặc ở trong chỗ tối vắng đi đứng ngồi nằm mắt thấy ánh sáng cùng với ban ngày không khác, không được lấy làm lạ, đều là tự tâm mình sắp phát ra ánh sáng.

Hoặc ban đêm nằm mộng thấy sao, thấy mặt trăng rõ ràng cũng là tự tâm mình các duyên sắp hết cũng không được đến người khác nói.

Trong mộng nếu mờ mịt giống như đi trong nhà tối cũng là tự tâm mình phiền não chướng quá nặng cũng nên tự biết.

Nếu thấy bản tánh, không cần đọc kinh, niệm Phật. Học rộng biết nhiều vô ích chỉ khiến thần thức hôn mê. Lập giáo chỉ vì chỉ bày cái tâm, nếu biết được tâm cần gì xem giáo.

Nếu từ phạm vào thánh tức phải dứt nghiệp dưỡng thần, tùy duyên qua ngày. Nếu nhiều sân hận khiến tánh càng cùng với đạo trái nhau, tự trách vô ích. Thánh nhân ở trong sanh tử tự tại, ra vào ẩn hiện không nhất định, tất cả nghiệp câu thúc

các ngài chẳng được, do vậy thánh nhân phá tà ma. Tất cả chúng sanh chỉ cần thấy bản tánh thì dư tập chóng trừ, thần thức không mê. Phải là ngay đây liền hội. Chỉ như hiện nay muốn chân chính hội đạo chớ chấp tất cả pháp, dứt nghiệp dưỡng thần, dư tập cũng hết, tự nhiên minh bạch rõ ràng không nhờ dụng công.

Ngoại đạo không hiểu ý Phật, dụng công tối đa trái với thánh ý. Trọn ngày khư khư niệm Phật chuyển kinh, thần tánh hôn mê, không khỏi luân hồi.

Phật là người nhân, đâu cần khư khư rộng cầu danh lợi, về sau dùng làm gì? Phàm người không thấy tánh, đọc kinh niệm Phật học nhiều tinh tấn, sáu thời hành đạo, ngời hoài không nằm, học rộng nghe nhiều, cho đó là Phật pháp, những chúng sanh này trọn là người hủy báng Phật pháp.

Phật trước Phật sau chỉ nói thấy tánh còn các hạnh là vô thường. Nếu không thấy tánh vọng nói ta được vô thượng Bồ-đề, đó là đại tội nhân. Trong mười đại đệ tử, A-nan đa văn đệ nhất nhưng đối với Phật lại không biết, chỉ học rộng nghe nhiều. Nhị thừa ngoại đạo đều không biết Phật, chỉ biết tính quả vị tu chứng, vẫn rơi vào nhân quả. Đây là quả báo chúng sanh không khỏi sanh tử, trái với ý Phật, tức là chúng sanh chê bai Phật. Há lại không có tội lỗi?

**Kinh** nói: “**Xiển-đề** không sanh tín tâm, sao lại không có tội lỗi? Nếu có tín tâm, người này là người ở địa vị Phật.” Nếu không thấy tánh tức không nên chấp rồi chê bai những người lương thiện khác, tự hiềm vô ích. Thiện ác rõ ràng nhân quả phân minh. Thiên đường địa ngục chỉ ở trước mắt.

Người ngu không tin rơi trong địa ngục hắc ám cũng không giác không biết, chỉ vì nghiệp nặng cho nên không tin. Ví như người không có mắt không tin có ánh sáng. Dẫu hướng đến y nói y cũng không tin, chỉ vì mù nên nương vào đâu mà biện được ánh sáng mặt trời? Người ngu cũng như thế, hiện nay đọa trong các tạp loại súc sanh, sanh vào nơi bần cùng hạ tiện, cầu sống không được, cầu chết không được, tuy chịu khổ như thế mà thẳng hỏi y, y vẫn nói: “Tôi nay vui thích không khác thiên đường.” Nên biết tất cả chúng sanh sanh chỗ nào đều cho đó là vui cũng không giác không biết. Người ác như thế là do nghiệp chướng sâu nặng. Sở dĩ họ không thể phát khởi tín tâm là vì không tự lực, chỉ do bên ngoài.

Nếu thấy tự tâm là Phật thì không cần phải cạo bỏ râu tóc, bạch y cũng là Phật. Nếu không thấy tánh, cạo bỏ râu tóc cũng là ngoại đạo.

**Hỏi:** Cư sĩ có vợ con, dâm dục không trừ, nương vào đâu mà được thành Phật?

**Đáp:** Chỉ nói thấy tánh, không nói dâm dục. Chỉ vì không thấy tánh chứ hễ thấy tánh thì dâm dục xưa nay rỗng lặng, không nhờ đoạn trừ cũng không ưa thích. Vì cớ sao? Vì bản tánh vốn thanh tịnh. Tuy ở trong sắc thân năm uẩn mà tánh kia xưa nay thanh tịnh, nhiễm ô không được. Pháp thân xưa nay không thọ, không đói, không khát, không lạnh, không nóng, không bệnh. Không ân ái, không quyến thuộc, không khổ vui, không tốt xấu, không ngắn dài, không mạnh yếu. Xưa nay không có một vật có thể được. Chỉ vì chấp có sắc thân này liền có các tướng đói khát, lạnh nóng, chướng bệnh... Nếu không chấp thì mặc tình tạo tác hành động. Ở trong sanh tử được đại tự tại, chuyển tất cả pháp. Cùng với thánh nhân thân thông tự tại vô ngại không chỗ nào mà không an.

Nếu tâm có nghi thì nhất định không qua khỏi tất cả cảnh giới. Nên tốt nhất là không làm, làm thì không khỏi luân hồi sanh tử. Nếu thấy tánh thì Chiên-đà-la cũng được thành Phật.

**Hỏi:** Chiên-đà-la sát sanh tạo nghiệp, vì sao được thành Phật?

**Đáp:** Chỉ nói thấy tánh không nói tạo nghiệp. Dẫu tạo nghiệp không đồng nhưng tất cả nghiệp câu thúc y chẳng được.

Từ vô thủy nhiều kiếp đến nay chỉ vì không thấy tánh, nên đọa trong địa ngục tạo nghiệp luân

hồi sanh tử. Từ khi ngộ được bản tánh, trọn không tạo nghiệp nữa. Nếu không thấy tánh, niệm Phật để khỏi quả báo cũng không được, không luận là sát sanh hại mạng. Nếu thấy tánh, tâm nghi chóngrừ, sát sanh hại mạng cũng không làm gì được y.

Hai mươi bảy vị tổ Tây thiên chỉ là truyền nhau tâm ấn. Ta nay đến xứ này chỉ truyền một tâm không nói trì giới, bố thí, tinh tấn khổ hạnh cho đến vào trong nước lửa, ngồi trên vòng kiếm, ngày ăn một bữa sáng, ngồi hoài không nằm... trọn là pháp hữu vi của ngoại đạo. Nếu biết được tánh linh giác của thi vi vận động thì đó tức là tâm của chư Phật. Phật trước Phật sau chỉ nói truyền tâm lại không có pháp khác. Nếu biết pháp này, phàm phu không biết một chữ cũng là Phật. Nếu không biết tánh linh giác của chính mình thì giả sử có nghiên nát thân này ra như vi trần để tìm Phật cũng trọn không thể được.

Phật cũng gọi là pháp thân, cũng gọi là bản tâm. Tâm này không hình tướng, không nhân quả, không gân cốt, giống như hư không nắm không được, không phải đồng với vật chất cũng không giống ngoại đạo.

Tâm này trừ Như Lai là người duy nhất có thể hội. Ngoài ra chúng sanh là những người mê không thể rõ biết. Tâm này không lìa sắc thân tứ đại. Nếu lìa tâm này tức không hay vận động.

**Thân này là vô tri như cỏ cây ngói đá. Thân đã là vô tình nhân đâu vận động? Nếu tâm mình động cho đến nói năng, thi vi vận động, thấy nghe hiểu biết đều là tâm động.**

**Tâm động dụng động,  
 Động tức tâm dụng.  
 Ngoài động không tâm,  
 Ngoài tâm không động.  
 Động không phải tâm,  
 Tâm không phải động.  
 Động vốn không tâm,  
 Tâm vốn không động.  
 Động không lìa tâm,  
 Tâm không lìa động.  
 Động không tâm lìa,  
 Tâm không động lìa.  
 Động là tâm dụng,  
 Dụng là tâm động.  
 Tức động tức dụng,  
 Không động không dụng.  
 Dụng thể vốn không,  
 Không vốn không động.  
 Động dụng đồng tâm,  
 Tâm vốn không động.**

Thế nên kinh nói “động mà không có chỗ động”. Vì vậy trọn ngày thấy mà chưa từng thấy, trọn ngày nghe mà chưa từng nghe, trọn ngày biết mà chưa từng biết, trọn ngày hiểu mà chưa từng hiểu, trọn ngày đi ngồi mà chưa từng đi ngồi, trọn ngày giận mừng mà chưa từng giận mừng. Kinh nói “đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt”.

Thấy nghe hiểu biết, vốn tự tròn lặng, cho đến mừng giận đau bệnh đau khác người gổ. Chỉ vì suy tầm cái đau bệnh không thể được.

Kinh nói: Ác nghiệp tức chịu quả báo khổ. Thiện nghiệp tức có quả báo lành. Không chỉ sân đọa địa ngục mà hỷ cũng sanh thiên đường. Nếu biết sân hỷ tánh là không chỉ không chấp tức (giải) thoát khỏi nghiệp. Nếu không thấy tánh, tụng kinh quyết không có chỗ tựa. Nói cũng không hết. Lược nêu bày tà chánh như thế chưa được một hai phần.

**Tụng rằng:**

Ta vốn đến xứ này  
 Truyền pháp cứu mê tình,  
 Một hoa nở năm cánh  
 Kết quả tự nhiên thành.



Thuyền con rẽ sóng ngọc,  
 Đuốc soi mở khóa vàng,  
 Năm miệng cùng nhau đi,  
 Chín mươi không ta người.

**Giảng:**

*Cửa thứ sáu*

## **HUYẾT MẠCH LUẬN**

Huyết mạch luận là bàn về chỗ thiết yếu của sự tu hành. Trong cửa huyết mạch Tổ chỉ thẳng cho chúng ta thấy người tu là phải ngộ tánh. Ngộ tánh rồi mới khởi tu thì đạt được kết quả như sở nguyện. Nếu không ngộ tánh mà tu khó đạt kết quả.

*Ba cõi hưng khởi đồng quy về một tâm. Phật trước Phật sau lấy tâm truyền tâm, không lập văn tự.*

Hỏi: *Nếu không lập văn tự, thì lấy gì làm tâm?*

Đáp: *Ông hỏi ta tức là tâm ông. Ta đáp ông tức là tâm ta. Ta nếu không tâm nhân đâu hiểu để đáp ông? Ông nếu không tâm nhân đâu hiểu để hỏi ta? Hỏi ta tức là tâm của ông vậy.*

Đức Phật trước, đức Phật sau truyền nhau là truyền tâm. Chư Phật thành Phật là thành ở nơi tâm. Nếu muốn đi tìm tâm thì hỏi tâm ở đâu? Đáp: Cái ông hỏi ta, đó là tâm, cái ta đáp ông đó cũng là tâm. Như vậy hỏi đáp, nói chuyện... đều là tâm. Chỗ này phải cẩn thận dè dặt, khéo một chút là đúng, lệch một chút là sai. Nên nói rất dễ mà cũng rất khó. Chính chỗ đó ngày xưa chư tổ đã từng dạy nhau.

Ngài Huệ Hải đến tham vấn Mã Tổ. Tổ hỏi:

- Đến đây tính cầu việc gì?

Huệ Hải thưa:

- Đến cầu Phật pháp.

Tổ bảo:

- Kho báu nhà mình chẳng đoái hoài, bỏ nhà chạy đi tìm cái gì. Ta trong ấy không có một vật, cầu Phật pháp cái gì?

Sư lễ bái, thưa:

- Cái gì là kho báu nhà mình của Huệ Hải?

- Chính nay người hỏi ta là kho báu của người, đầy đủ tất cả không thiếu thốn, tự do sử dụng, đâu nhờ tìm cầu bên ngoài.

Ngay câu này, ngài Huệ Hải liền nhận được bản tâm, từ đó về sau không còn thiếu thốn nữa.

Hằng ngày chúng ta hỏi đáp, vận động tạo tác... như vậy có tâm không? Có kho báu không? Nếu ngay đó chúng ta nhận được thì không hề thiếu thốn. Nếu ngay nơi nói năng vận động chúng ta không khéo nhận thì sẽ bị lầm với vọng tưởng. Vì khởi nói khởi làm là vọng tưởng. Ở đây Tổ muốn chỉ: ngay nơi nói năng hành động, chúng ta có tâm. Nếu không có tâm thì lấy gì làm cơ sở dấy niệm để nói, để hành động. Như không có nước thì làm sao có sóng, nhưng cho rằng mỗi lượn sóng là mặt nước phẳng lặng thì sai. Nếu bỏ những lượn sóng để tìm mặt nước phẳng lặng thì không bao giờ có.

Cho nên chỗ này khó mà dễ, dễ mà khó. Tâm chân thật không bao giờ vắng mặt, nhưng nếu không khéo

thì lại lầm. Vì vậy ngày xưa người học đạo khi cho rằng nói năng là tâm mình liền bị các ngài quở. Nhưng có khi các ngài lại nói chính nói năng vận động đó là tâm. Đây là chỗ rối rắm, có khi bị rầy, có khi lại chỉ, không biết đâu mà lường. Vậy thì làm sao? Chỉ khéo nhận ra và không khéo mà thôi.

Như vậy khi chúng ta đi lại nói năng, biết cái đi, cái nói đó không rời tâm, tâm không lúc nào vắng mặt, nhưng vọng dấy lên là niệm chứ không phải tâm. Đừng theo niệm thì tâm hằng không thiếu, nếu theo niệm thì tức nhiên mất tâm. Không phải niệm rời tâm nhưng theo niệm thì mất tâm. Cũng như nếu chấp nhận những lượn sóng là mặt biển thì không bao giờ biết được mặt biển, biết tất cả lượn sóng đều nằm trên mặt biển thì đúng. Vì vậy ở đây nói chính ngay khi hỏi ta là kho báu của người. Đó là chỗ khéo của mỗi người.

*Từ vô thủy nhiều kiếp đến nay cho đến các thứ tạo tác vận động, trong tất cả thời tất cả chỗ đều là bản tâm của ông, đều là bản Phật của ông. Tức tâm là Phật cũng lại như thế. Ngoại trừ tâm này trọn không riêng có ông Phật khác có thể được. Lìa ngoài tâm này mà tìm Bồ-đề Niết-bàn thì không có lẽ đó.*

Từ vô thủy đến nay tâm không lúc nào thiếu vắng, tại chúng ta bỏ quên. Nhận ra thì cả ngày an lạc, không nhận ra thì cả ngày phiền não. Chúng sanh với Phật cũng như bàn tay úp và ngửa, nó không xa nhưng không khéo thì suốt đời cũng không thấy. Chính vì vậy Phật không dám khinh chúng ta vì biết rõ trong mỗi người

đều có Phật tánh. Tại chúng ta không nhận nên cứ lạy Phật cầu xin chỉ cho mình, đó là tự khinh mình. Hình ảnh Bồ-tát Thường Bất Khinh trong kinh Pháp Hoa là hình ảnh đẹp nhất. Nếu khéo nhận thì không lúc nào vắng mặt, không nhận ra tự tánh Phật của mình thì cứ lang thang tìm cầu bên ngoài.

*Tự tánh chân thật chẳng phải nhân chẳng phải quả. Pháp tức là nghĩa của tâm. Tự tâm là Bồ-đề, tự tâm là Niết-bàn. Nếu nói ngoài tâm có Phật và Bồ-đề có thể đạt được thì trọn không có lẽ đó. Phật và Bồ-đề ở chỗ nào? Ví như có người lấy tay nắm bắt hư không, được chăng? Hư không chỉ có tên gọi chứ cũng không có tướng mạo, nắm không được mà bỏ cũng không được. Như thế, bắt hư không không thể được. Ngoài tâm này mà tìm Phật trọn không thể được.*

*Phật là tự tâm mà tạo được, nhân đâu là tâm này tìm Phật ở bên ngoài. Phật trước Phật sau chỉ nói tâm này. Tâm tức là Phật, Phật tức là tâm. Ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm. Nếu nói ngoài tâm có Phật, Phật ở tại chỗ nào? Ngoài tâm đã không có Phật thì làm sao khởi thấy Phật? Lâm đối lẫn nhau, không thể rõ được bản tâm. Bị những vật vô tình kia nhiếp phục không có phân tự do. Nếu lại không tin tự đối vô ích.*

Ngài nhấn mạnh cho chúng ta nhớ ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm. Đừng đi tìm Phật ở đâu hết. Nếu nói ngoài tâm có Phật thì Phật ở chỗ nào, thử chỉ giùm? Giả sử ngoài tâm có Phật thì thử hỏi

khởi cái gì để thấy Phật? Nói ngoài tâm có Phật đó là nói gạt nhau. Nếu có Phật ở bên ngoài, đó là tượng Phật xi-măng, Phật gỗ... như vậy thì chúng ta bị những vật vô tình nhiếp phục, không còn tự do nữa.

*Phật không có lỗi, chỉ tại chúng sanh điên đảo không giác không biết tự tâm là Phật. Nếu biết tự tâm là Phật, không nên ngoài tâm tìm Phật. Phật không độ Phật, đem tâm tìm Phật mà không biết Phật, chỉ là tìm Phật ở ngoài trọn không biết tự tâm là Phật. Cũng không được đem Phật lễ Phật. Không được đem tâm niệm Phật. Phật không tụng kinh, Phật không trì giới, Phật không phạm giới. Phật không trì phạm cũng không tạo thiện ác.*

*Nếu muốn thấy Phật phải là thấy tánh, tánh tức là Phật. Nếu không thấy tánh, niệm Phật tụng kinh trì trai trì giới đều không lợi ích. Niệm Phật thì được nhân quả, tụng kinh thì được thông minh, trì giới được sanh cõi trời, bố thí được phước báo. Nhưng mà tìm Phật trọn không thể được.*

Ngài nói quả quyết là phải nhận ra tâm Phật của chính mình, đó mới là Phật thật, Phật tức là tâm. Nếu không nhận được Phật tâm của mình thì dù làm những việc như lễ Phật, tụng kinh... chỉ gieo phước hữu lậu ở đời sau chứ không thể nào thành Phật, nên nói là vô ích.

Nghe nói tâm mình là Phật, phải hiểu tâm tức Phật là thế nào? Có nhiều người nói Phật ở trong tâm, nên thấy ai đi chùa, tụng kinh thì nói “Phật ở trong tâm không chịu tìm, mà đi đây đi kia làm chi!”...

Nói nghe cũng hay, nhưng hỏi Phật ở trong tâm là ở chỗ nào thì bí, không biết trả lời. Phật là tâm thể thanh tịnh. Nhưng muốn trở về tâm thể thanh tịnh thì phải lạng tất cả những vọng niệm điên đảo, ngay nơi đó nhận ra tâm Phật, đừng tìm đâu xa. Nếu ngoài tâm có Phật thì đó là Phật của người ta chứ không phải của mình.

Phật tức là tâm thể thanh tịnh, mà tâm thể thanh tịnh thì không tụng kinh trì chú giữ giới... Có người nghe như vậy rồi chấp rằng Phật không tụng kinh, không giữ giới sao bây giờ mấy thầy tụng kinh giữ giới? Nói vậy là lầm lớn. Hiện giờ tâm chúng ta chưa thanh tịnh, tham dục đủ thứ mà không trì trai, không giữ giới thì phạm đủ thứ tội lỗi. Cho nên phải hiểu rõ để khỏi lầm lẫn. Tổ dạy thêm, *muốn thấy Phật thì phải kiến tánh*. Làm những việc hữu vi như tụng kinh niệm Phật, trì giới bố thí thì được lợi ích rõ ràng, nhưng lấy những việc đó để tìm Phật thì không đúng.

*Nếu tự mình không sáng tỏ, phải tham cầu thiện tri thức để rõ cội gốc sanh tử. Nếu không thấy tánh tức không gọi là thiện tri thức. Nếu không như thế dù nói được mười hai bộ kinh cũng không khỏi sanh tử luân hồi trong tam giới, chịu khổ không có ngày ra.*

*Xưa có Tỳ-kheo Thiện Tinh tụng được mười hai bộ kinh vẫn tự không khỏi luân hồi vì không thấy tánh. Thiện Tinh đã như vậy người thời nay giảng được năm ba bản kinh luận cho là Phật pháp, đó là người ngu vậy. Nếu không biết được tự tâm thì tụng suông kinh sách đều là vô dụng.*

*Nếu muốn tìm Phật, quyết phải thấy tánh. Tánh tức là Phật. Phật tức là người tự tại, người vô sự vô tác. Nếu không thấy tánh, trọn ngày mờ mờ mịt mịt, hướng bên ngoài giống ruồi tìm kiếm Phật xưa nay không thể được.*

*Tuy không một vật có thể được, nhưng nếu muốn cầu hội thì cũng phải tham cứu thiện tri thức. Thiết yếu phải khổ học khiến cho tâm mình hội giải việc lớn sanh tử, không được bỏ qua, tự dối vô ích.*

*Dù cho có trân bảo như núi, quyền thuộc như hàng hà sa, mở mắt tức thấy, nhắm mắt lại còn thấy cái gì? Nên biết các pháp hữu vi đều như mộng huyễn, nếu không gặp tìm thầy thì luống qua sông một đời. Tuy Phật tánh vốn tự có nhưng nếu không nhờ thầy trọn không thể sáng tỏ, không nhân thầy mà ngộ, trong muôn người hiếm có được một. Nếu tự mình có duyên tự hội, hợp được ý chỉ thánh nhân thì không cần tham cứu thiện tri thức. Đây là bậc thánh học sanh ra là đã biết.*

Đoạn này ngài dạy chỗ thiết yếu, nếu chúng ta không nhận ra được Phật tánh của mình thì phải ráng tìm cầu thiện tri thức, tha thiết cầu học để giải quyết vấn đề sanh tử, đừng để một đời trôi qua mà không biết gì. Vấn đề quan trọng của người tu là phải kiến tánh. Muốn kiến tánh phải ngay nơi sáu căn mà nhận. Nếu không nhận được bản tánh của mình mà đem kinh luận dạy người, thì không thể ra khỏi luân hồi. Giả sử như người giàu có, của báu nhiều như núi, bà con đông

như cát sông Hằng, lúc mở mắt thấy đó khi nhắm mắt lại không còn thấy nữa. Nên biết tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn. Nếu chẳng gặp tìm thầy học đạo thì bỏ một đời trôi sông vô ích.

Tuy biết có Phật tánh, nhưng nếu không nhờ thầy chỉ dạy thì không thể sáng tỏ; không có thầy mà tự ngộ, trong muôn người chỉ được một. Nếu mình có thẳng duyên tự ngộ, thì không cần tham cứu thiện tri thức.

*Nếu chưa ngộ giải phải siêng năng khổ nhọc tham học. Nhân chỉ dạy mới được ngộ. Nếu tự mình sáng rồi không học cũng được. Không giống như người mê, không thể phân biệt được đen trắng mà dối nói lời răn dạy của Phật, hủy báng Phật, dối pháp. Bọn người như thế nói pháp như mưa, trọn là ma nói chẳng phải Phật nói. Thầy là vua ma, đệ tử là dân ma. Người mê mặc tình cho kia chỉ huy, bất giác rơi vào biển sanh tử, chỉ vì người không thấy tánh mà dối xưng là Phật. Những chúng sanh ấy là đại tội nhân dối gạt tất cả chúng sanh khác khiến vào cảnh giới của ma.*

Đến đây ngài chỉ lỗi lầm lớn của người hướng dẫn. Nếu người không có kiến giải rõ ràng, mà dối nói tôi nói lời Phật dạy, đó là chê bai Phật, hủy báng pháp. Dù người đó nói pháp như mưa cũng là ma nói. Nhiều người giảng pháp thao thao bất tuyệt, nhưng không chỉ cho người cốt lõi của sự tu, rốt cuộc không lợi ích gì. Thuyết pháp như mưa tuôn nước chảy, mà rốt cuộc nói toàn những chuyện bên ngoài thế gian không đúng với lời Phật dạy. Nếu thầy là vua ma thì đệ tử là dân ma,

bị kẻ khác chỉ huy, bất giác thấy trò đều rơi vào trong biển sanh tử. Vì vậy người nào không thấy tánh mà đối xứng là Phật, những người ấy là đại tội nhân, đối gạt chúng sanh đi trong cõi ma.

*Nếu không thấy tánh mà nói được mười hai bộ kinh trọn là ma nói, quyến thuộc nhà ma chẳng phải là đệ tử nhà Phật. Đã không biện được đen trắng thì nương vào đâu khỏi được sanh tử. Nếu thấy tánh tức là Phật, không thấy tánh tức là chúng sanh. Nếu là tánh chúng sanh riêng có Phật tánh có thể được thì Phật hiện nay ở tại chỗ nào? Tánh chúng sanh tức là tánh Phật vậy. Ngoài tánh không có Phật. Phật tức là tánh. Trừ ngoài tánh này không Phật có thể được. Ngoài Phật không tánh có thể được.*

Người nhận ra Phật tánh của chính mình thì giảng kinh mới hợp ý Phật, bằng không càng nói càng xa. Cho nên Tổ dạy phải ráng nhận ra bản tánh thì sự tu hành của chính mình và sự giáo hóa người khác mới không lầm lẫn.

*Hỏi: Nếu không thấy tánh, niệm Phật tụng kinh, bố thí trì giới tinh tấn, rộng làm những điều phước lợi, được thành Phật chăng?*

*Đáp: Chẳng được.*

*Lại hỏi: Vì sao chẳng được?*

*Đáp: Có một ít pháp có thể được là pháp hữu vi, là nhân quả, là thọ báo, là pháp luân hồi, không khỏi sanh tử, khi nào được thành Phật đạo? Thành Phật*

*phải là thấy tánh, nếu không thấy tánh nói nhân quả... là pháp ngoại đạo. Nếu là Phật thì không tập theo pháp ngoại đạo. Phật là người không có nghiệp, không có nhân quả; phàm có một ít pháp có thể được trọn là hủy báng Phật, nương vào đâu được thành?*

Hỏi nếu không thấy tánh, niệm Phật tụng kinh, bố thí trì giới... được thành Phật chăng? Tổ đáp: Chẳng được. Vì sao? Vì đó là pháp hữu vi, là pháp luân hồi, chưa ra khỏi sanh tử thì làm sao thành Phật. Nói như thế chúng ta tu rồi không được gì hết sao? Bởi vì nếu thấy có một ít pháp có thể được tức là đã thấy ngoài tâm có pháp. Như vậy có năng đắc và sở đắc thì làm sao trở về tâm thanh tịnh bản nhiên. Vì tâm thanh tịnh bản nhiên thì không có năng và sở. Nếu hết năng sở thì trở về tâm thể thanh tịnh, gọi là thành Phật đạo. Cho nên nói còn một chút pháp có thể được là không được thành Phật.

Tổ dạy tiếp, thành Phật thì phải thấy tánh, nếu người tu theo Phật mà không thấy tánh dù nói nhân quả thì cũng thuộc về ngoại đạo. Tại sao pháp nhân quả là pháp của Phật giáo mà đây lại nói thuộc ngoại đạo? Bởi vì nếu không nhận ra được bản tánh của mình mà nói nhân quả là nói pháp bên ngoài, chấp ngoài tâm có pháp. Ngoài tâm có pháp không phải ngoại đạo là gì? *Nếu là Phật thì không tập theo pháp ngoại đạo.* Vì Phật là người không còn nghiệp thì không còn nhân quả. Nếu còn bị nhân quả chi phối là còn nghiệp không phải Phật. Phật ở đây là Phật pháp thân. Pháp thân thanh tịnh nếu còn nghiệp thì làm sao hiển lộ trọn vẹn.

Cho nên nói vừa có một ít pháp có thể được đó là chê bai Phật. Chê bai Phật làm sao được thành Phật.

*Phàm có trụ trước vào một tâm, một khả năng, một hiểu biết, một cái thấy, Phật đều không chấp nhận. Phật không trì phạm, tâm tánh vốn không cũng không cấu tịnh. Các pháp không tu không chứng, không nhân không quả.*

Tại sao Phật không có trì phạm? Đứng về mặt pháp thân thanh tịnh thì Phật không có hình tướng để mà giữ giới phạm giới, nên không có trì phạm. Vì tâm tánh vốn không thì làm gì có như sạch. Tâm thanh tịnh sẵn có từ thuở nào đến giờ nên nói tu chứng, nhân quả đều không thành. Bởi vì nói tu chứng nhân quả là ở trên hành động hữu vi, nhưng tâm tánh vốn thanh tịnh không còn pháp hữu vi, làm sao nói có tu chứng.

*Phật không trì giới, Phật không tu thiện, Phật không tạo ác, Phật không tinh tấn, Phật không giải đãi. Phật là người vô tác. Phàm có tâm trụ trước, thấy Phật tức không thể được. Phật chẳng phải là Phật, chớ khởi cái hiểu Phật. Nếu không thấy nghĩa này, trong tất cả thời, tất cả chỗ đều là không rõ bản tâm.*

Phật là tâm thanh tịnh bản nhiên, không lay động nên gọi là vô tác. Bởi vô tác nên không làm thiện, không tinh tấn, không giải đãi. Hễ tâm có trụ trước mà thấy Phật là không thể được. Nếu chúng ta nghĩ đây là Phật, kia không phải Phật, vừa khởi nghĩ như thế thì không đúng. Vì bản tâm thanh tịnh là không dấy niệm phải hay không phải. Vừa khởi nghĩ về Phật thì đã trái với Phật rồi. Cho nên nói *chớ khởi hiểu Phật*,

khởi niệm hiểu là mất bản tâm. Nếu người không rõ nghĩa này thì trong tất cả thời tất cả chỗ đều không rõ được bản tâm. Vì bản tâm là chỗ không cho dấy niệm.

*Nếu không thấy tánh, trong tất cả thời nghĩ khởi cái tướng vô tác ấy là người đại tội, là người si, rơi vào cái không vô ký mờ mờ mịt mịt như người say chẳng biện rõ tốt xấu.*

Người không nhận ra bản tánh của mình, mà cho rằng trong tất cả thời không suy nghĩ, không làm gì hết là đúng, đó là đại tội nhân, là người si rơi vào cái không vô ký. Chỗ không vô ký này Lục Tổ thường quở. Bởi không nhận ra bản tánh của mình, nghe nói bỏ vọng tưởng thì bắt chước bỏ, bỏ hết vọng tưởng rồi không biết gì nữa, mờ mờ mịt mịt như người say không biện rõ tốt xấu.

Chỗ này tôi thường nhắc, nếu khéo một chút thì đúng, mà lệch một chút thì sai. Người không nhận ra được bản tánh mà cố gắng tu một lúc rồi không biết thành cái gì? Chính thuở xưa tôi cũng là nạn nhân, cũng tập ngồi thiền, cứ mơ ước được định mà không bao giờ biết mình có định. Bởi quen quan niệm rằng định là lúc đó quên hết, động tịnh gì cũng không biết. Cho nên có khi tâm cũng hơi yên yên mà không tin đó là định. Cứ chờ khi nào quên hết bên ngoài, chờ hoài mà không thấy gì, chán quá đâm ra thối chuyển. Tu như vậy có kết quả gì đâu.

Chúng ta cứ tưởng rằng định là quên hết, ai nói mình cũng không nghe, ai đi trước mặt cũng không thấy,

nếu tai còn nghe mắt còn thấy thì không phải định. Tưởng như vậy nên tu mãi mà thấy như không bao giờ yên định. Khi biết không động tức là định, chuyện hết sức đơn giản, mà khi không biết tìm hoài không ra.

Hoặc có người không nhận ra bản tánh của mình, nghe dạy trụ tâm chỗ này chỗ kia, rồi trụ tâm ngưng thần. Khi ngưng thần phát ra tướng lạ, tưởng như vậy là đắc đạo. Hoặc yên quá không biết thành cái gì sanh ra hoảng hốt. Do không nhận ra bản tánh nên có những bệnh như vậy. Nếu nhận ra bản tánh thì khi hết vọng tưởng, cái biết hiện tiền rõ ràng, không sợ lạc vào trong cái không ngờ. Người tu phải nhớ cho kỹ điều này để tiến tu.

*Nếu nghĩ tu cái pháp vô tác thì trước phải thấy tánh rồi sau mới dứt duyên lự. Nếu không thấy tánh mà được thành Phật đạo thì không có lẽ đó.*

Trong nhà thiền chủ trương phải kiến tánh rồi mới khởi tu. Nghĩa là trước phải nhận ra bản tánh của mình rồi sau mới dứt vọng tâm. Nếu không thấy tánh mà được thành Phật, không bao giờ có chuyện đó. Bởi thành Phật là trở lại bản tánh của mình mà không biết bản tánh là gì thì làm sao trở lại. Vì thế kiến tánh là điều tối quan trọng đối với người tu thiền.

*Có người bác không nhân quả, tha hồ làm các ác nghiệp, vọng nói “vốn không”, làm ác không có lỗi. Người như thế rơi vào địa ngục vô gián hắc ám vĩnh viễn không hẹn ngày ra. Nếu là người trí không nên khởi kiến giải như thế.*

Có những người bác không nhân quả, mặc tình tạo ác rồi nói không có tội phước gì hết. Người như thế rơi vào địa ngục vô gián tối tăm, không biết có ngày nào ra khỏi. Vì vậy nếu là người trí thì không nên khởi kiến giải như thế.

*Hỏi: Nếu đã nói thi vi vận động trong tất cả thời đều là bản tâm, vậy khi sắc thân vô thường vì sao không thấy bản tâm?*

*Đáp: Bản tâm thường hiện tiền, ông tự không thấy.*

*Hỏi: Tâm đã hiện tại, vì sao chẳng thấy?*

*Tổ bảo: Ông có từng nằm mộng chẳng?*

*Đáp: Từng nằm mộng.*

*Tổ hỏi: Ông khi nằm mộng, đó có phải là bản thân ông chẳng?*

*Đáp: Chính là bản thân.*

*Tổ lại hỏi: Ông nói năng, thi vi vận động, cùng với ông là khác hay chẳng khác?*

*Đáp: Chẳng khác.*

*Tổ bảo: Nếu đã chẳng khác tức thân này là bản pháp thân của ông. Pháp thân này là bản tâm của ông.*

Ở đây nghi nếu trong tất cả hành vi của mình lúc nào cũng có bản tâm hiện tiền, vậy khi thân này rã ra đáng lẽ phải thấy nó, tại sao không thấy? Ngài đáp không thấy là tại ông chứ không phải nó không có.

Người hỏi gạn lại *tâm đã hiện tại, vì sao chẳng thấy?* Ngài dùng ví dụ để giải thích cho dễ hiểu. Khi một người ngủ nằm mộng, vậy thân mộng cùng với cái thân đang nằm ngủ có khác nhau không? Không khác. Thân mộng là dụ cho tất cả thi vi động tác của vọng niệm, thân thật dụ cho pháp thân. Có dấy niệm nghĩ làm thì tay mới cử động, nghĩ đi thì chân bước, nghĩ nói thì miệng nói... Như vậy những hành động tướng trạng có ra đều do vọng niệm điều khiển, mà vọng niệm thì không rời tâm thể thanh tịnh. Cũng như bao nhiêu tướng trạng trong mộng do thân mộng hoạt động không rời thân thật. Như vậy hai thân không khác nhau. Nhưng khi ngủ thân này nằm yên, thân trong mộng hoạt động, chỉ khác nhau một chút đó.

Cũng vậy vọng tướng và chân tâm, một cái động còn một cái yên. Chân tâm thì lúc nào cũng hiện hữu, nhưng yên lặng không tướng trạng nên khó thấy. Vọng niệm thì dao động dễ thấy, nhưng không rời chân tâm. Thân hoạt động trong mộng không rời thân đang ngủ nằm im. Khi thân mộng hoạt động, thân thật đang nằm ngủ sờ sờ, chỉ vì đang mộng nên không thấy được cái thân thật đang nằm ngủ đó. Đến khi giật mình thức dậy thì thân thật hiện tiền. Cũng như hết vọng tướng thì pháp thân hiện tiền. Cho nên khi vọng niệm khởi lên cũng không văng mặt chân tâm. Nếu văng mặt chân tâm thì vọng niệm không có. Cũng như văng mặt thân ngủ thì thân trong mộng không còn.

*Tâm này từ vô thủy bao nhiêu kiếp đến nay cùng với hiện nay không khác, chưa từng có sanh tử, không sanh*

*không diệt, không tăng không giảm, không cấu không tịnh, không tốt không xấu, không đến không đi, cũng không phải quá, không có tướng nam nữ, cũng không có tăng tục già trẻ. Không thánh không phàm, cũng không Phật cũng không chúng sanh, cũng không tu chứng, cũng không nhân quả, cũng không gân sức, không tướng mạo, giống như hư không nắm không được bỏ không được, núi sông vách đá không thể làm ngại, ra vào qua lại tự tại thần thông, thấu cả núi ngũ uẩn, qua sông sanh tử. Tất cả nghiệp cấu thúc pháp thân này chẳng được. Tâm này vi diệu khó thấy.*

Chúng ta đã biết nơi mình có bản tâm thường hằng không sanh diệt gọi là pháp thân. Pháp thân từ vô thủy kiếp đến giờ không sanh diệt, không tăng giảm, không cấu tịnh, không tốt xấu v.v... Chúng ta đọc kinh luận của Phật tổ, khi nào thấy nói một mạch chữ Không, là muốn chỉ cho bản tâm không phải là cái gì hết, vì nó không danh tướng. Hiểu như vậy thì đoạn sau chúng ta mới dễ hiểu.

*Tâm này không đồng với sắc tâm. Tâm này chính mọi người đều muốn được thấy. Ở trong cái quang minh này đưa tay giở chân như cát sông Hằng, đến khi được hỏi trọn không nói được, giống tương tự người gỗ. Thấy đều tự mình thọ dụng nhân đâu mà chẳng biết?*

Sắc tâm là tâm duyên theo bóng dáng sáu trần. Tâm chân như thì không đồng sắc tâm, muốn thấy mà không thấy được. Mặc dù ở trong cái quang minh tức là trong tâm chân như lặng lẽ dấy lên tay động chân đi, hỏi đáp...

Tuy vận dụng như hằng sa, nhưng bảo chỉ thì không chỉ được, diễn tả thì cũng không diễn tả được. Hỏi về cái tâm ấy thì nói không được, như là người gỗ vậy. Tự mình hằng ngày thọ dụng chứ không nhân cái gì mà biết được. Cho nên chư tổ nói đông nói tây chứ không chỉ thẳng, mỗi người phải khéo nhận ra.

*Phật nói: “Tất cả chúng sanh đều là người mê, nhân đây tạo nghiệp, đọa trong sông sanh tử. Muốn ra lại vào chỉ vì không thấy tánh.”*

*Chúng sanh nếu không mê, nhân đâu mà hỏi việc trong ấy, không có một người được hội? Tự ở nhà mình đưa tay giở chân nhân đâu mà chẳng biết? Thế nên biết, thánh nhân nói không làm, người mê tự không hiểu rõ. Nên biết cái này khó sáng tỏ được, chỉ Phật là một người hay hội được pháp này. Ngoài ra người, trời, chúng sanh... đều không thể được.*

*Nếu người trí tuệ, sáng tỏ được tâm này thì mới gọi là pháp tánh, cũng gọi là giải thoát. Sanh tử không câu thúc. Tất cả pháp câu thúc y chẳng được. Đây gọi là Đại Tự Tại Vương Như Lai, cũng gọi là Bất tư nghì, cũng gọi là Thánh thể, cũng gọi là Trường sanh bất tử, cũng gọi là Đại tiên. Tên gọi tuy chẳng đồng, thể tức là một.*

Phật nói tất cả chúng sanh đều là người mê. Chúng sanh nếu không mê thì tại sao ở trong cái quang minh ấy, đưa tay giở chân... mà không tự biết? Như con cá ở trong nước, bơi lội trong nước mà không biết nước là gì. Đây là chỗ khó hiểu, chỉ có Phật là hội được thôi, ngoài ra tất cả người, trời, chúng sanh đều không thể hiểu được.

Nên nói nếu người trí sáng tỏ được tâm này là giải thoát sanh tử, tất cả pháp không thể câu thúc, *đây gọi là Đại Tự Tại Vương Như Lai, cũng gọi là Bất tư nghì, cũng gọi là Thánh thể, cũng gọi là Trường sanh bất tử, cũng gọi là Đại tiên. Tên gọi tuy chẳng đồng mà thể tức là một.*

*Thánh nhân bao nhiêu thứ phân biệt đều không lìa tự tâm. Tâm lượng rộng lớn, ứng dụng vô cùng. Ứng nơi mắt thì thấy sắc, ứng nơi tai thì nghe tiếng, ứng nơi mũi thì ngửi mùi, ứng nơi lưỡi thì biết vị, cho đến thị vi vận động đều không lìa tự tâm.*

Hằng ngày tâm thể không rời những động tác thị vi, nó hiển lộ ở mắt ở tai, ở thân... mà mình không chịu nhận, lại nhận cái thấy nghe suy nghĩ. Thấy tất cả sự vật chính là tâm thấy mà mình không chịu nhận. Khi thấy sự vật liền khởi niệm tốt xấu, nhận cái nghĩ tốt xấu cho là mình rồi bỏ mất cái thấy ban đầu. Thế nên tâm bị khuất mất. Giống như nhìn vào mặt gương vừa thấy bóng người bóng vật trong gương là đã quên mất cái sáng của gương. Chúng ta quen nhận cái suy nghĩ phân biệt là mình, nên không bao giờ thấy sự hiện diện hằng ngày hằng giờ của tâm. Chỗ này rất thiết yếu, ai tu cũng phải nhận cho ra mới gọi là người học đạo.

Người xưa tu thiên học đạo, tham vấn chỗ này chỗ kia cốt yếu để nhận ra tâm này chứ không có gì khác hơn. Bây giờ chúng ta tu cũng phải khéo nhận cho ra, nhận được rồi mới tin mình tu thành Phật. Nếu không thì nghe nói thành Phật sao xa xôi quá không bao giờ dám tin. Như vậy để thấy kiến tánh là điều tối quan trọng

trong sự tu hành. Nếu không kiến tánh mà khởi tu thì tu trong mờ mịt. Kiến tánh rồi khởi tu thì mới giác ngộ thành Phật.

*Trong tất cả thời hễ có nói năng chính là tự tâm. Nên nói Như Lai sắc vô tận, trí tuệ cũng như thế. Sắc vô tận đó là tự tâm. Tâm thức khéo hay phân biệt tất cả cho đến thi vi vận động đều là trí tuệ. Tâm không hình tướng, trí tuệ cũng vô tận, nên nói Như Lai sắc vô tận trí tuệ cũng lại như thế.*

Trong tất cả thời hễ có nói năng là có tâm hiện ra. Bao nhiêu sắc tướng vô cùng vô tận, không chỗ nào không có tâm, không chỗ nào không có Như Lai. Sắc vô tận chính là tự tâm. Tâm thức khéo hay phân biệt tất cả, thi vi vận động đều là trí tuệ, tâm không hình tướng, trí tuệ cũng vô tận. Nên nói Như Lai sắc vô tận, trí tuệ cũng lại như thế.

*Sắc thân tứ đại là phiền não, có sắc thân ắt có sanh diệt. Pháp thân thì thường trụ mà không chỗ trụ. Pháp thân Như Lai không có biến đổi. Nên kinh nói: “Chúng sanh nên biết, Phật tánh vốn tự sẵn có. Ngài Ca-diếp chỉ là ngộ được bản tánh, bản tánh tức là tâm. Tâm tức là tánh, tức đây đồng với chư Phật. Phật trước Phật sau chỉ truyền tâm này, ngoài tâm này ra không Phật có thể được.” Chúng sanh điên đảo không biết tự tâm là Phật, hướng ra ngoài giống ruồi tìm cầu, trọn ngày lăng xăng niệm Phật lẽ Phật, Phật tại chỗ nào? Không nên khởi cái thấy như thế, chỉ biết tự tâm, ngoài tâm lại không có Phật khác.*

*Kinh nói “phàm có tướng đều là hư vọng”. Lại nói “bất cứ chỗ nào cũng đều có Phật”. Tự tâm là Phật không nên đem Phật lễ Phật. Phàm có tướng mạo Phật Bồ-tát bỗng nhiên hiện tiền, cũng không cần thiết phải lễ kính.*

Đoạn này ngài nhắc lại một lần nữa: Chúng ta phải nhận tự tâm là Phật, không nên đem Phật đi lễ Phật. Giả sử có Phật, Bồ-tát bỗng nhiên hiện trước mặt mình, không cần thiết phải lễ kính.

*Tâm ta vốn lặng lẽ rỗng rang không có những tướng mạo như thế. Nếu chấp nhận tướng tức là ma, trợn rơi vào đường tà. Nếu là huyền từ tâm khởi thì đâu cần lễ bái. Lễ tức không biết. Biết thì không lễ, lễ tức bị ma nhiếp. E người học không biết nên phải biện rõ lễ này. Chư Phật Như Lai trên thế bản tánh không có những tướng mạo như thế.*

Chỗ này rất thiết yếu đối với người tu thiền. Đã nhận ra nơi mình có bản tâm tịch diệt lặng lẽ là Phật. Giả sử có Phật hoặc Bồ-tát bỗng đứng hiện trước mặt thì nên làm sao? Nếu theo Phật bên ngoài thì mất tâm Phật lặng lẽ, nếu theo tâm Phật thì phải bỏ giả tướng bên ngoài.

Ví dụ đang ngồi thiền bất thần có đức Phật ngồi trên đài sen hiện ra trước mặt. Khi ấy phải nhớ tâm Phật của mình, còn Phật ở ngoài có tướng là Phật giả. Chỉ có tâm Phật của mình mới thật hằng hữu, cần phải bảo nhậm. Nếu chạy theo tướng Phật bên ngoài thì mất mình.

Hiện tại nhiều người vì không nhận ra tâm Phật của mình, nên nghe ở đâu có Phật Bồ-tát hiện, liền tìm đến lễ lạy hoặc chạy theo cầu pháp rồi rơi vào đường tà. Nếu chúng ta nhận ra mình có tâm Phật thanh tịnh lặng lẽ, sống bằng tâm Phật thì không chấp nhận những giả tướng bên ngoài, do đó ma hết cách nhiễu loạn. Người tu thiền không nên làm chỗ này. Vì ma có thể hiện Phật Bồ-tát, hiện đủ thứ để nhiễu loạn thử thách người chân tu. Tâm thanh tịnh không có tướng mạo, phàm cái gì có tướng là hư vọng. Phật có tướng mạo bên ngoài là hư vọng không thật. Giả sử khi ngồi thiền trong thất thấy Phật hiện cũng không chấp nhận. Nếu thấy Phật hiện đứng dậy đánh lễ nghe thuyết pháp coi chừng bị ma gạt. Cho nên sống bằng tâm Phật của mình thì tâm không động và không bị ma phá. Thuật trị ma hay nhất của người tu là ở chỗ tâm không động.

Đó là chuyện gặp Phật, bây giờ tới chuyện gặp ma. Ví dụ có một con ma lưỡi dài cả mười thước, thân to lớn muốn chụp nhai mình. Nếu khi ấy hoảng hốt sợ hãi chạy la, đó là cái cơ thuận tiện làm cho mình mất hồn. Ở thế gian thường nói bị ma hớp hồn là vậy. Vì hoảng hốt nên tâm tán loạn kinh sợ rồi phát điên. Cho nên giả sử có ma hiện ra mà sống bằng tâm Phật thì ma không hại mình được, vì Phật không sợ ma, nếu sợ là không có Phật. Người tu thiền hay tu bất cứ pháp môn nào cũng phải đủ sức tỉnh táo trong những trường hợp như thế, những thử thách đến phải gan dạ đón nhận. Muốn đủ sức nhận không gì hơn là sống bằng bản tánh của chính mình. Đó là cách duy nhất giúp chúng ta qua hết

tất cả chương ngại trên đường tu. Nếu không sống được bằng bản tánh của mình thì gặp thử thách chúng ta khó vượt qua nổi.

*Cần phải ở nơi ý, hễ có cảnh giới khác, thiết yếu là không nên chấp nhận cũng đừng sanh tâm kinh sợ, không nên nghi ngờ. Tâm ta xưa nay thanh tịnh, chỗ nào mà có những tướng mạo như thế? Cho đến tướng thiên long, dạ-xoa, quỷ thần, Đế-thích, Phạm vương v.v..., cũng không để tâm sanh kính trọng, cũng đừng sợ hãi. Tâm ta xưa nay lặng lẽ rỗng rang, tất cả tướng đều là tướng vọng, chỉ đừng chấp tướng.*

Trong khi tu có những cảnh giới khác lạ hiện ra, hoặc đáng mừng đáng sợ, hoặc có hình tướng như cọp beo, rắn rít, ma người... Điều thiết yếu là tâm chúng ta không kinh sợ, không chấp nhận, cũng không nghi ngờ, cứ sống bằng tâm thanh tịnh của mình, đó mới là điều quan trọng. Nên biết rằng tâm mình xưa nay thanh tịnh, vốn không có những tướng ấy. Những tướng mạo hiện ra bên ngoài đều là giả dối không nên chấp nhận.

*Nếu khởi thấy Phật, thấy pháp cùng tướng Phật, tướng Bồ-tát mà sanh kính trọng là tự rơi vào địa vị chúng sanh. Nếu muốn trực hội chỉ đừng nhận tất cả tướng liền được. Lại không có lời khác, trọn không chắc thật, huyền hóa không có tướng nhất định, là pháp vô thường. Chỉ không chấp tướng liền hợp thánh ý kia vậy. Nên kinh nói “lià tất cả tướng, tức gọi chư Phật”.*

Khi thấy tướng Phật và Bồ-tát mà khởi niệm quý trọng là còn chúng sanh, chứ chưa tiến lên bậc thánh hiền.

Người nào ngay đó mà lãnh hội thì không nên mắc kẹt tất cả tướng. Vì còn chấp tướng thì không lãnh hội được. Bao nhiêu tướng hiện ra đều là huyền hóa không thật. Vì vậy không chấp nhận các sắc tướng, đó là hợp ý Phật. Nên Tổ dẫn kinh Kim Cang: *Lìa tất cả tướng tức gọi là chư Phật.*

*Hỏi: Vì sao không được lễ Phật, Bồ-tát...?*

*Đáp: Thiên ma Ba-tuần, a-tu-la thị hiện thân thông đều làm được tướng Bồ-tát, các thứ biến hóa đều là ngoại đạo, không phải là Phật. Phật là tự tâm, chớ lầm lễ bái.*

*Phật là tiếng Ấn Độ, Trung Hoa gọi là giác tánh. Giác là cái linh giác ứng cơ tiếp vật, nhưn mày chớp mắt, vận tay giở chân đều là tánh linh giác của chính mình. Tánh tức là tâm. Tâm tức là Phật. Phật tức là đạo. Đạo tức là thiên. Một chữ thiên chẳng phải phàm thánh có thể lường được. Thẳng thấy bản tánh, gọi đó là thiên.*

Ở đây nêu câu hỏi *tại sao không được lễ Phật, Bồ-tát?* Ngài đáp Thiên ma Ba-tuần hoặc các vị a-tu-la cũng có thể giả hiện Phật Bồ-tát được, nếu các vị là hiện thân của ma mà chúng ta lễ lạy thì bị ma nhiếp phục, lạc vào đường tà. Người biết Phật là tâm thanh tịnh, sống bằng tâm thanh tịnh của mình thì hướng ra ngoài lễ lạy làm gì? Vì chạy theo tướng mạo bên ngoài là quên mất Phật của chính mình. Cho nên ở đây ngài xác nhận lại một lần nữa, Phật là *tánh linh giác ứng cơ tiếp vật* hằng ngày của chúng ta, đó là tâm mình. Tâm mình tức là Phật. Phật tức là đạo. Đạo tức là thiên.

Chữ Thiên này không phải giải thích như các lối khác. Thiên là chỉ thẳng bản tánh. Nói thiên là nói tới bản tánh, thấy được bản tánh thì đi đứng nằm ngồi gì cũng thiên. Nếu không thấy bản tánh thì tu cả ngày cũng chưa gọi là tu thiên.

*Nếu không thấy bản tánh tức chẳng phải thiên. Giả sử nói được ngàn kinh muôn luận nếu không thấy bản tánh chỉ là phàm phu không phải là Phật pháp. Đạo lớn sâu mầu không thể do nói mà hội được. Kinh điển giáo lý bằng cứ vào đâu mà có thể đến? Chỉ cần thấy bản tánh, một chữ không biết cũng được.*

Người nhận ra được bản tánh, không biết một chữ cũng được. Như tổ Huệ Năng không biết chữ nhưng thấy tánh nên nói điều gì cũng là đạo, người sau ghi lại thành kinh. Người không thấy bản tánh nói kinh một hồi không phải kinh chút nào hết. Chính chỗ này khi mở lớp tu thiên ở Chơn Không tôi cứ do dự hoài, vì giảng dạy những kinh cao, đúng ra phải lựa những người ít nhất có trình độ Trung học Phật giáo. Nếu trình độ thấp quá giảng kinh cao e họ không hiểu. Nhưng tu thiên chủ yếu là nhận ra bản tánh, lựa trình độ học vấn là không cần thiết. Vì vậy ai muốn học thì học, nghe hiểu tu được là tốt chứ không nói đến trình độ, miễn nhận ra được bản tánh rồi tu là xong. Đó là chỗ dễ mà khó.

Tất cả chữ nghĩa kinh điển chỉ nói ngoài da chứ không thể nói tới chỗ đó được. Vì vậy mỗi người phải tự nhận ra bản tâm, đừng cho rằng tôi học nhiều kinh mà được chỗ đó thì lầm. Học nhiều kinh mà không nhận ra

bản tánh thì chỉ là phàm phu không phải Phật pháp. Tuy có người học ít nhưng nghe một câu liền nhận ra bản tánh, nên nói *chỉ cần thấy tánh, không biết một chữ cũng được*.

*Thấy tánh tức là Phật, thánh thể xưa nay thanh tịnh không có uế tạp, sở dĩ có nói năng đều là thánh nhân từ tâm khởi dụng. Dụng thể xưa nay là cái tên rỗng, nói còn không thể đến, mười hai bộ kinh nương vào đâu mà đến được.*

*Đạo vốn viên thành, không cần tu chứng. Đạo chẳng phải thanh sắc, vi diệu khó thấy. Như người uống nước lạnh nóng tự biết, không thể đối người khác mà nói được. Chỉ có Như Lai mới hay biết được, ngoài ra người, trời... các loài đều không thể giác biết, trí phàm phu không đến được.*

*Sở dĩ có chấp tướng là do không rõ tự tâm xưa nay là rỗng lặng, vọng chấp tướng cùng tất cả pháp liền rơi vào ngoại đạo. Nếu biết các pháp từ tâm sanh thì không nên có chấp, chấp tức không biết. Nếu thấy bản tánh thì mười hai bộ kinh thấy là văn tự suông. Ngàn kinh muôn luận chỉ là làm sáng tâm, nếu ngay lời nói mà khế hội thì dùng giáo làm gì? Chỗ chí lý thì tuyệt ngôn, giáo là ngôn từ, thật không phải đạo. Đạo vốn vô ngôn. Ngôn thuyết là vọng.*

Thánh thể xưa nay thanh tịnh không tạp uế, ngôn ngữ không thể nói đến được. Sở dĩ Phật nói kinh là từ tâm thể mà khởi dụng. Nói ra là dụng chứ không phải thể. Nhưng dụng và thể khi đã thành danh thì đó là

danh rỗng không thật. Ngôn ngữ từ dụng phát ra, nói không đến được thánh thể, nên nói mười hai bộ kinh nương vào đâu mà đến được.

Đạo là chỉ cho thánh thể hay bản tâm. Tâm này xưa nay thanh tịnh không đợi tu chứng mới có, nên nói đạo vốn viên thành không cần tu chứng. Đạo hay tâm không có hình tướng, không phải thanh sắc, *vi diệu khó thấy, như người uống nước lạnh nóng tự biết*, không ai biết thế cho mình. Cho nên chỗ chí lý là tuyệt ngôn thuyết. Giáo là ngôn từ, không phải là đạo. Đạo vốn không lời, tất cả nói năng đều hư vọng.

*Nếu ban đêm mộng thấy lầu các, cung điện, voi ngựa các thứ cùng với cây cối rừng rậm, ao đình các tướng như thế, không thể khởi một niệm ưa thích vì thấy đều là chỗ thác sanh. Cần thiết phải ở nơi ý. Khi lâm chung không được chấp tướng liền trừ được chướng. Tâm nghi vừa bén khởi liền bị ma nhiếp.*

Khi ngủ chúng ta nằm mộng thấy lầu các cung điện ao hồ... thì không khởi niệm yêu thích. Vì biết đó là tướng để thác sanh tức là đi đầu thai. Đây là ngài dặn cho chúng ta biết trước. Sở dĩ người ta đi đầu thai là do theo những tướng đó. Ví dụ chúng ta thấy nóng nảy bứt rứt, bỗng có hồ nước mát hiện ra, liền nhảy ùm xuống tắm. Nhảy ùm xuống là đầu thai vô bụng mẹ. Hoặc đang đi thấy nhà lầu đẹp muốn vô chơi, chui vô là đi đầu thai. Đó là những tướng thác sanh, thấy những tướng như vậy không nên khởi niệm yêu thích. Nếu vừa dậy niệm liền bị ma nhiếp phục. Đây là những chỗ phải hết sức dè dặt không nên xem thường.

*Pháp thân xưa nay thanh tịnh không có thọ nhận, chỉ vì mê không giác không biết, nhân đây nên vọng thọ quả báo. Do có yêu thích nên không được tự tại. Hiện nay nếu ngộ được thân tâm xưa nay, tức không có tập nhiễm. Nếu từ thánh vào phàm thị hiện các thứ tạp loại đều là vì chúng sanh. Cho nên thánh nhân đối với nghịch thuận đều được tự tại. Tất cả nghiệp câu thúc các ngài chẳng được. Bởi các ngài thành thánh đã lâu, có oai đức lớn, tất cả các loại nghiệp đều bị các vị thánh này chuyển. Thiên đường địa ngục không làm gì được các ngài.*

Các bậc thánh nhân không còn nhiễm tập, nhưng các ngài thị hiện trong các chủng loại đó là vì lợi ích cho chúng sanh. Dù ở trong cảnh thuận nghịch tâm các ngài vẫn tự tại, không bị nghiệp câu thúc, vì các ngài thành thánh đã lâu. Như đức Phật Thích-ca hiện thân làm thái tử trong cung vua, sống trong ngũ dục lạc, nhưng do sức tự tại ngài vất bỏ tất cả để đi tu, đó là không bị nghiệp câu thúc buộc ràng. Chúng ta chỉ có cái gia đình xoàng xoàng, nhưng muốn đi tu rất khó. Nếu gặp đau khổ trắc trở, như thi rớt hay làm ăn thất bại thì dễ đi, gặp toàn duyên thuận làm việc gì cũng thành công, chắc trăm người chưa đi tu được hai người. Chúng ta không phải là bậc oai đức lớn nên chưa tự tại, nhờ gặp những chuyện thất bại khiến chúng ta dễ đi tu hơn. Các bậc thánh thì thiên đường địa ngục cũng không làm gì được các ngài.

*Phàm phu thân thức hôn mê không giống thánh nhân trong ngoài sáng suốt. Nếu có nghi ắt không nên làm, làm tức trôi lăn sanh tử, về sau hối hận cũng không*

*chỗ cứu giúp, bản cùng khốn khổ đều từ vọng tưởng sanh. Nếu rõ tâm này phải khuyên nhau gắng sức. Chỉ không làm mà làm, liền vào tri kiến Như Lai.*

Bậc thánh nhân phá được thức ám cho nên trong ngoài đều sáng suốt, còn phàm phu chúng ta thì nằm gọn trong thức ám nên hôn mê tối tăm.

Tại sao ở đây nói có nghi không nên làm, làm thì trôi lăn trong sanh tử? Tổ dạy, lúc lâm chung nếu thấy cái gì mình ưa thích, hay nghi ngờ không biết có thật hay không, nếu nghi như thế thì giữ tâm thanh tịnh không chạy theo thì không mắc kẹt trong luân hồi. Nếu chạy theo thì về sau dù cho hối hận cũng không ai cứu được.

*Tại sao nói bản cùng khốn khổ đều do vọng tưởng sanh? Vì tất cả vọng tưởng dẫn chúng ta đi trong cảnh khổ. Biết như thế phải khuyên nhau gắng sức tu hành. Đoạn này có một câu khó hiểu: Không làm mà làm liền vào tri kiến Như Lai. Chúng ta thường tạo tác hành động đều do vọng nghiệp hay vọng tưởng thúc đẩy mà làm, nếu biết vọng tưởng là nhân dẫn đến bản cùng khốn khổ, nên không theo vọng tưởng, gọi đó là không làm. Tuy không làm mà hằng ngày vẫn hoạt động, đó là làm. Nói không làm mà làm nghĩa là tất cả mọi hoạt động đi đứng nằm ngồi nói năng... mà không bị vọng tưởng chi phối. Như vậy mới vào được tri kiến Như Lai.*

*Người mới phát tâm, thân thức thấy đều bất định. Nếu trong mộng thường thấy cảnh lạ tức không được nghi vì đều là tự tâm mình khởi không từ ngoài đến.*

*Nếu trong mộng thấy hào quang xuất hiện sáng hơn cả mặt trời tức là dư tập chóng hết, pháp giới tánh hiện. Nếu có việc này tức là nhân thành đạo. Chỉ nên tự biết không nên đến người khác nói.*

Người mới phát tâm tu hành, thần thức chưa nhất định. Vì vậy trong khi tu mộng thấy những cảnh lạ không nên nghi, phải biết những cảnh đó từ tâm khởi chứ không phải từ bên ngoài đến. Nếu trong mộng thấy hào quang sáng rực hơn mặt trời đó là điềm báo tập khí chóng hết, sẽ thấy pháp giới tánh. Đây là chỗ quan trọng. Thấy điều lạ thì tự biết không nên đến người khác nói. Nếu nói là khoe, mà khoe là còn chấp ngã thì không phải là nhân thành đạo.

*Hoặc ở trong vườn rừng yên tĩnh đi đứng ngồi nằm, mắt thấy hào quang sáng hoặc lớn hoặc nhỏ, chớ cùng người khác nói, cũng không được chấp nhận. Đây cũng là cái ánh sáng của tự tánh.*

*Hoặc ở trong chỗ tối vắng đi đứng ngồi nằm mắt thấy ánh sáng cùng với ban ngày không khác, không được lấy làm lạ, đều là tự tâm mình sắp phát ra ánh sáng.*

*Hoặc ban đêm nằm mộng thấy sao, thấy mặt trăng rõ ràng cũng là tự tâm mình các duyên sắp hết cũng không được đến người khác nói.*

*Trong mộng nếu mờ mịt giống như đi trong nhà tối cũng là tự tâm mình phiền não chướng quá nặng cũng nên tự biết.*

Khi đang ở trong vườn rừng yên tĩnh mà thấy những tướng lạ như hào quang sáng hoặc lớn hoặc nhỏ... thì nên biết đó là ánh sáng của tự tánh. Hoặc ở trong chỗ tối vắng bỗng thấy sáng trưng như ban ngày, khi thấy như vậy cũng đừng lấy làm lạ, mà nên biết đó là tự tâm mình sắp phát sáng nên mới thấy.

Khi nằm mộng mà thấy trăng sao y như thật, đó là triệu chứng trong tâm mình các duyên sắp hết nên mới được cái tướng đó. Được như vậy cũng không nên nói với ai. Ngược lại, người nào mộng thấy mình đi trong chỗ tối đen mờ mịt thì biết là nghiệp chướng của mình còn dày lắm, phải ráng tu, ráng nỗ lực sám hối.

Tóm lại đoạn này ngài chỉ cho chúng ta biết những triệu chứng của người phát tâm tu. Trong khi tu, ban đêm nằm mộng hoặc lúc thức ở trong thất vắng có những tướng lạ hiện ra thì phải biết, đừng sợ, đừng khoe mà tự an tâm lấy.

*Nếu thấy bản tánh, không cần đọc kinh, niệm Phật. Học rộng biết nhiều vô ích chỉ khiến thân thức hôn mê. Lập giáo chỉ vì chỉ bày cái tâm, nếu biết được tâm cần gì xem giáo.*

*Nếu từ phàm vào thánh tức phải dứt nghiệp dưỡng thân, tùy duyên qua ngày. Nếu nhiều sân hận khiến tánh càng cùng với đạo trái nhau, tự trách vô ích. Thánh nhân ở trong sanh tử tự tại, ra vào ẩn hiện không nhất định, tất cả nghiệp câu thúc các ngài chẳng được, do vậy thánh nhân phá tà ma. Tất cả chúng sanh chỉ cần thấy bản tánh thì dư tập chóng trừ, thân thức không mê.*

*Phải là ngay đây liền hội. Chỉ như hiện nay muốn chân chính hội đạo chớ chấp tất cả pháp, dứt nghiệp dưỡng thân, dư tập cũng hết, tự nhiên minh bạch rõ ràng không nhờ dụng công.*

*Ngoại đạo không hiểu ý Phật, dụng công tối đa trái với thánh ý. Trọn ngày khu khu niệm Phật chuyển kinh, thân tánh hôn mê, không khỏi luân hồi.*

Độc đoạn này nếu không hiểu thì sẽ cho là Tổ bác tụng kinh niệm Phật. Sự thật chỗ chính yếu ngài nhắm là phải thấy tánh. Nếu thấy tánh thì làm việc gì cũng đúng, không thấy tánh dù cố gắng làm gì cũng sai. Chúng ta dù tu pháp nào tâm cũng hướng đến chỗ cứu cánh là thành Phật, nếu không thấy tánh làm sao thành Phật. Phật không phải do ở ngoài mà được, không thể dùng công đức mà thành, cho nên chủ yếu là phải thấy tánh.

Ví dụ người muốn có bằng tú tài hoặc cử nhân, điều kiện thiết yếu là phải cố gắng học cho có trình độ, rồi phải thi cử, chứ không phải làm cho ra tiền để mua bằng, hoặc làm cái gì khác để được cái bằng. Giả sử mua được bằng thì đó là bằng giả, bằng thật là phải do trình độ học của mình mà có. Cũng vậy chúng ta tu là để thành Phật, mà Phật là giác ngộ bản tánh. Nếu không nhận ra bản tánh thì làm sao thành Phật! Do đó công phu tới đâu cũng còn ở trong luân hồi. Có phước thì sanh lên cõi trời, vô phước thì đọa những cõi thấp, không thể đi tới chỗ cứu cánh giải thoát.

Đoạn này chúng ta mới nghe qua thấy như ngài phủ nhận tụng kinh niệm Phật, nhưng sự thật không

phải vậy. Nếu thấy tánh rồi tụng kinh, niệm Phật đâu có lỗi gì. Ngài Pháp Đạt sau khi ngộ rồi hỏi Lục Tổ: Bây giờ con có nên tụng kinh Pháp Hoa nữa hay không? Tổ đáp: Kinh đâu có làm chướng ngại ông. Nếu thấy tánh rồi tụng kinh càng tốt chứ đâu có ngại gì, chỉ người không thấy tánh mờ mờ mịt mịt, tụng kinh để cầu phước thì bị kinh chướng. Đó là chỗ thiết yếu.

*Phật là người nhàn, đâu cần khu khu rộng cầu danh lợi, về sau dùng làm gì? Phàm người không thấy tánh, đọc kinh niệm Phật học nhiều tinh tấn, sáu thời hành đạo, ngời hoai không nằm, học rộng nghe nhiều, cho đó là Phật pháp, những chúng sanh này trọn là người hủy báng Phật pháp.*

Phật là người nhàn, khi nhận được bản tánh rồi sống không theo nghiệp nên thanh thoi tự tại. Còn người khu khu tụng kinh niệm Phật, làm phước để được khen tu nhiều, đó là cầu danh lợi chứ không phải cầu làm Phật.

Ngài quả quyết nếu không nhận ra bản tánh dù có cố gắng siêng tu sáu thời hành đạo, học hiểu Phật pháp v.v... đều là những người chê bai Phật pháp. Nói như vậy thì dụng chạm quá, vì hiện nay phần đông chú trọng việc học hiểu Phật pháp hoặc siêng năng tụng kinh lễ sám, cho đó là tu. Nhưng Tổ lại nói những người như vậy là phỉ báng Phật pháp.

*Phật trước Phật sau chỉ nói thấy tánh còn các hạnh là vô thường. Nếu không thấy tánh vọng nói ta được vô thượng Bồ-đề, đó là đại tội nhân. Trong mười đại đệ tử, A-nan đa văn đệ nhất nhưng đối với Phật*

*lại không biết, chỉ học rộng nghe nhiều. Nhị thừa ngoại đạo đều không biết Phật, chỉ biết tính quả vị tu chứng, vẫn rơi vào nhân quả. Đây là quả báo chúng sanh không khỏi sanh tử, trái với ý Phật, tức là chúng sanh chê bai Phật. Há lại không có tội lỗi?*

Chư Phật ba đời đều chỉ cho chúng sanh phải thấy tánh. Tánh là cái thường hằng bất sanh bất diệt. Tụng kinh niệm Phật, khổ hạnh... đó là việc làm bên ngoài, đều là pháp vô thường sanh diệt. Chúng ta tu mà cầu cái vô thường sanh diệt thì làm sao được giải thoát thường hằng. Cho nên cốt yếu là phải kiến tánh.

Ngài dẫn chứng trong mười đệ tử lớn của Phật, ngài A-nan tuy học rộng nhớ nhiều nhưng chưa ngộ được bản tánh, nên chưa chứng thánh quả. Hàng Nhị thừa ngoại đạo đều không biết Phật, nghĩa là chưa nhận ra Phật tánh, chỉ biết tính quả vị tu chứng thì vẫn rơi trong nhân quả. Đây là quả báo chúng sanh không thoát khỏi sanh tử, trái với ý Phật. Người như thế là chê bai Phật, thật là có lỗi!

*Kinh nói: “Xiển-đề không sanh tín tâm, sao lại không có tội lỗi? Nếu có tín tâm, người này là người ở địa vị Phật.” Nếu không thấy tánh tức không nên chấp rồi chê bai những người lương thiện khác, tự hiềm vô ích. Thiện ác rõ ràng nhân quả phân minh. Thiên đường địa ngục chỉ ở trước mắt.*

Ý kinh nói người không tin bản tánh của mình gọi là xiển-đề. Xiển-đề là người có tội sao lại nói không tội? Nên nói vả lại không thấy tánh thì không nên chấp

rồi chê những người lương thiện khác, sanh ty hiêm vô ích. Vì thiện ác nhân quả rõ ràng.

*Người ngu không tin rơi trong địa ngục hắc ám cũng không giác không biết, chỉ vì nghiệp nặng cho nên không tin. Ví như người không có mắt không tin có ánh sáng. Dầu hướng đến y nói y cũng không tin, chỉ vì mù nên nương vào đâu mà biện được ánh sáng mặt trời? Người ngu cũng như thế, hiện nay đọa trong các tạp loại súc sanh, sanh vào nơi bần cùng hạ tiện, cầu sống không được, cầu chết không được, tuy chịu khổ như thế mà chẳng hỏi y, y vẫn nói: “Tôi nay vui thích không khác thiên đường.” Nên biết tất cả chúng sanh sanh chỗ nào đều cho đó là vui cũng không giác không biết. Người ác như thế là do nghiệp chướng sâu nặng. Sở dĩ họ không thể phát khởi tín tâm là vì không tự lực, chỉ do bên ngoài.*

Người ngu không tin tâm mình cũng giống như người mù không tin có ánh sáng. Họ cứ sống trong tối tăm mù mịt, dù có chỉ cho họ ánh sáng họ cũng không thấy nên không tin.

Hiện giờ chúng ta thấy có nhiều người dở sống dở chết mà hỏi họ muốn sống không, họ vẫn nói thích sống. Thích sống tức là vui rồi, đó là do họ ở trong cảnh mê nặng không còn biết gì khác hơn nữa. Giống như những con chó đói xung quanh tu viện này, xà mâu ăn cùng mình, bụng đói tóp khô mà cũng vui, nên cắn lộn giỡn chơi với nhau hoài. Mình thấy nó khổ chứ nó không biết khổ. Chúng sanh như vậy đó, khi nghiệp nặng rồi ở trong cảnh nào cũng tưởng là vui.

Chúng ta mang thân hôi hám xấu xa, đau lên đau xuống, nhức đầu đau bụng đủ thứ mà cũng hài lòng cho là vui lắm. Còn chỉ cho Phật tánh thì mờ mịt không biết, không tin nhận. Thật là si mê! Nói không hết cái si mê của chúng sanh. Những người ác là do nghiệp chướng sâu nặng, không thể phát khởi tín tâm, không tự lực cố gắng tu hành, mà chỉ lệ thuộc bên ngoài.

*Nếu thấy tự tâm là Phật thì không cần phải cạo bỏ râu tóc, bạch y cũng là Phật. Nếu không thấy tánh, cạo bỏ râu tóc cũng là ngoại đạo.*

Người nhận ra tâm mình là Phật thì không cần ở chùa cạo râu tóc gì cả, mặc áo trắng làm cư sĩ cũng là Phật như thường. Nếu không thấy tánh thì cạo tóc xuất gia cũng là ngoại đạo. Bởi vì không nhận ra bản tâm thì dù ở chùa tu cả ngàn năm cũng chỉ ở bên ngoài, không bao giờ đạt đạo. Không đạt đạo nên gọi là ngoại đạo. Vì thế chỗ thiết yếu là phải thấy tánh. Ngài nói rất mạnh rất thiết tha, vì người đạt đạo thương xót chúng sanh mới nói mạnh như vậy. Giống như cha mẹ vì quá thương con sợ con hư mới rầy la đánh mắng. Nếu không thương thì nó làm gì mặc kệ, có dính dáng gì tới mình mà lo. Cũng vậy, Phật tỏ vì thương chúng ta quá si mê, nên cố tình dùng đủ lời lẽ dạy bảo để cho chúng ta tỉnh.

*Hỏi: Cư sĩ có vợ con, dâm dục không trừ, nương vào đâu mà được thành Phật?*

*Đáp: Chỉ nói thấy tánh, không nói dâm dục. Chỉ vì không thấy tánh chứ hề thấy tánh thì dâm dục xưa nay rộng lạng, không nhờ đoạn trừ cũng không ưa thích.*

*Vì có sao? Vì bản tánh vốn thanh tịnh. Tuy ở trong sắc thân năm uẩn mà tánh kia xưa nay thanh tịnh, nhiễm ô không được. Pháp thân xưa nay không thọ, không đói, không khát, không lạnh, không nóng, không bệnh. Không ân ái, không quyến thuộc, không khổ vui, không tốt xấu, không ngắn dài, không mạnh yếu. Xưa nay không có một vật có thể được. Chỉ vì chấp có sắc thân này liền có các tướng đói khát, lạnh nóng, chướng bệnh... Nếu không chấp thì mặc tình tạo tác hành động. Ở trong sanh tử được đại tự tại, chuyển tất cả pháp. Cùng với thánh nhân thân thông tự tại vô ngại không chỗ nào mà không an.*

Đoạn trước nói nếu thấy tánh thì cư sĩ cũng thành Phật, nên ở đây hỏi: Kẻ cư sĩ có vợ con còn dâm dục làm sao được thành Phật? Ngài đáp: Chỉ nói thấy tánh chứ không nói dâm dục. Vì sao? Vì người thấy tánh và sống bằng thể thanh tịnh thì tự nhiên các bệnh ái dục lần lần dứt sạch. Bản tánh thanh tịnh ở trong thân ngũ uẩn nhiễm ô nhưng chưa từng bị nhiễm ô, vì vậy nó thoát ly tất cả đói khát lạnh nóng bệnh tật. Nếu chấp chặt vào thân này mà không nhận ra bản tánh thì chúng ta thấy có đói khát lạnh nóng. Người sống bằng bản tánh thanh tịnh thì xem nhẹ thân, tự nhiên hết khổ, đời sống hạnh phúc vô cùng. Nếu chấp thân này thì đủ thứ chướng khổ. Như vậy chướng khổ hay không là tại mình, mỗi người có quyền chọn lựa.

*Nếu tâm có nghi thì nhất định không qua khỏi tất cả cảnh giới. Nên tốt nhất là không làm, làm thì không khỏi luân hồi sanh tử. Nếu thấy tánh thì Chiên-đà-la cũng được thành Phật.*

*Hỏi: Chiên-đà-la sát sanh tạo nghiệp, vì sao được thành Phật.*

*Đáp: Chỉ nói thấy tánh không nói tạo nghiệp. Dẫu tạo nghiệp không đồng nhưng tất cả nghiệp câu thúc y chẳng được.*

*Từ vô thủy nhiều kiếp đến nay chỉ vì không thấy tánh, nên đọa trong địa ngục tạo nghiệp luân hồi sanh tử. Từ khi ngộ được bản tánh, trọn không tạo nghiệp nữa. Nếu không thấy tánh, niệm Phật để khỏi quả báo cũng không được, không luận là sát sanh hại mạng. Nếu thấy tánh, tâm nghi chướng trừ, sát sanh hại mạng cũng không làm gì được y.*

Khi tâm còn một chút nghi ngờ chưa thật sự nhận ra bản tánh thì không bao giờ vượt qua tất cả cảnh giới luân hồi sanh tử. Nên nói tốt nhất là không làm, làm thì không ra khỏi luân hồi sanh tử. Không làm tức là không chấp, không tạo tác thì rất tốt. Đây là đối với người đã sống bằng tánh thanh tịnh mà nói, không còn tất cả tình chấp thì mặc tình làm tất cả nhưng vẫn tự tại. Đối với người còn nghi ngờ bản tánh, tình chấp chưa sạch chưa thật sống, mà bắt chước thì nguy!

Ở đây nói nếu thấy tánh Chiên-đà-la cũng được thành Phật. Chiên-đà-la là người sát sanh tạo nghiệp bất thiện sao lại được thành Phật? Tuy nói tạo nghiệp không đồng nhưng tất cả nghiệp câu thúc bản tánh không được, người thấy tánh sống bằng bản tánh thì không bị nghiệp trói buộc lôi cuốn.

Ngài dạy thêm, từ nhiều kiếp đến nay vì không thấy tánh nên đọa trong địa ngục tạo nghiệp luân hồi sanh tử. *Từ khi ngộ được bản tánh, trọn không tạo nghiệp nữa. Nếu không thấy tánh, niệm Phật để khỏi quả báo cũng không được. Nếu thấy tánh, tâm nghi chónh trừ, sát sanh hại mạng cũng không làm gì được y. Y là bản tánh thanh tịnh của mỗi người.*

*Hai mươi bảy vị tổ Tây thiên chỉ là truyền nhau tâm ấn. Ta nay đến xứ này chỉ truyền một tâm không nói trì giới, bố thí, tinh tấn khổ hạnh cho đến vào trong nước lửa, ngồi trên vòng kiếm, ngày ăn một bữa sáng, ngồi hoài không nằm... trọn là pháp hữu vi của ngoại đạo. Nếu biết được tánh linh giác của thi vi vận động thì đó tức là tâm của chư Phật. Phật trước Phật sau chỉ nói truyền tâm lại không có pháp khác. Nếu biết pháp này, phàm phu không biết một chữ cũng là Phật. Nếu không biết tánh linh giác của chính mình thì giả sử có nghiên nát thân này ra như vi trần để tìm Phật cũng trọn không thể được.*

Đoạn này ngài muốn chỉ cho chúng ta thấy rằng, nếu không thấy tánh thì dù có siêng năng tinh tấn tu hành, làm tất cả khổ hạnh cũng ở trong pháp hữu vi, không thể nào đạt đạo.

*Phật cũng gọi là pháp thân, cũng gọi là bản tâm. Tâm này không hình tướng, không nhân quả, không gân cốt, giống như hư không nắm không được, không phải đồng với vật chất cũng không giống ngoại đạo.*

*Tâm này trừ Như Lai là người duy nhất có thể hội. Ngoài ra chúng sanh là những người mê không thể rõ biết. Tâm này không lìa sắc thân tứ đại. Nếu lìa tâm này tức không hay vận động. Thân này là vô tri như cỏ cây ngói đá. Thân đã là vô tình nhân đâu vận động? Nếu tâm mình động cho đến nói năng, thi vi vận động, thấy nghe hiểu biết đều là tâm động.*

Tôi thường ví dụ biển với sóng. Sóng là động, là dụng của mặt biển. Nếu sóng lặng tức là mặt biển, sóng không bao giờ rời mặt biển. Đó là một lẽ thật.

*Tâm động dụng động,  
Động tức tâm dụng.  
Ngoài động không tâm,  
Ngoài tâm không động.  
Động không phải tâm,  
Tâm không phải động.  
Động vốn không tâm,  
Tâm vốn không động.  
Động không lìa tâm,  
Tâm không lìa động.  
Động không tâm lìa,  
Tâm không động lìa.  
Động là tâm dụng,  
Dụng là tâm động.*

Ngài chỉ rõ tất cả suy nghĩ phát khởi ra hành động đều là dụng của tâm. Như những lượn sóng trên mặt nước,

chẳng có lượn sóng nào rời nước. Cũng vậy chẳng có hành động nào rời tâm. Nếu không có tâm thì không bao giờ có hành động. Cho nên ngay trong hành động tạo tác, chúng ta khéo nhận thì tâm ở trong đó. Cũng như ngay nơi những lượn sóng là nước, chứ không riêng tìm nước ở đâu khác. Nhưng nói sóng là mặt nước bằng phẳng thì không phải. Vì khi động mặt nước không còn bằng phẳng, mà rời nhau thì không được. Khi tâm dấy động dù là tâm sân, trong cái sân vẫn có cái biết. Nhưng vì cái biết cộng với nóng nảy giận tức thành ra sai. Nếu lặng hết tham sân si chỉ còn tâm thôi thì đúng.

*Túc động tức dụng,  
 Không động không dụng.  
 Dụng thể vốn không,  
 Không vốn không động.  
 Động dụng đồng tâm,  
 Tâm vốn không động.*

Khi động chính là dụng, nhưng tâm vốn không động cũng không dụng, thể của dụng vốn là không. Cho nên cái dụng không thật, cũng như sóng không thật. Nếu gió dừng thì sóng lặng. Cũng vậy vọng tưởng không thật, khi lặng xuống thì trở về tâm, như sóng lặng thì trở về nước. Nên nói động dụng đều là tâm. Tâm này xưa nay vốn lặng lẽ như như, nên nói không động.

*Thế nên kinh nói “động mà không có chỗ động”. Vì vậy trọn ngày thấy mà chưa từng thấy, trọn ngày nghe mà chưa từng nghe, trọn ngày biết mà chưa từng biết, trọn ngày hiểu mà chưa từng hiểu, trọn ngày đi ngồi mà chưa*

*từng đi ngồi, trọn ngày giận mừng mà chưa từng giận mừng. Kinh nói “đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt”.*

*Thấy nghe hiểu biết, vốn tự tròn lặng, cho đến mừng giận đau bệnh đau khác người gỗ. Chỉ vì suy tầm cái đau bệnh không thể được.*

Trọn ngày thấy nghe hiểu biết mừng giận... mà chưa từng có thấy nghe, hiểu biết, mừng giận. Bởi vì trong tất cả những cái đó tánh nó là không. Khi sân nổi lên biết tánh sân là không, hỷ nổi lên biết tánh hỷ là không, si nổi lên biết tánh si là không. Như vậy trọn ngày có tất cả mà không có tất cả. Cho nên kinh nói *ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt*, tức là con đường ngôn ngữ dứt, bật chỗ tâm hành.

Thấy nghe hiểu biết vốn tự tròn lặng nên mừng giận đau bệnh không khác người gỗ. Tại sao? Bởi vì nếu coi những thứ đó không thật thì tuy có mừng giận đau bệnh mà như không có, nên nói như là người gỗ. Tại sao nói mừng giận đau bệnh là không có? Giả sử khi chúng ta đau một chỗ nào đó trên thân thể, thử suy tìm cái đau ở chỗ nào. Tìm một hồi cái đau mất tiêu, đối với mừng giận cũng vậy.

*Kinh nói: Ác nghiệp tức chịu quả báo khổ. Thiện nghiệp tức có quả báo lành. Không chỉ sân đọa địa ngục mà hỷ cũng sanh thiên đường. Nếu biết sân hỷ tánh là không chỉ không chấp tức (giải) thoát khỏi nghiệp. Nếu không thấy tánh, tụng kinh quyết không có chỗ tựa. Nói cũng không hết. Lược nêu bày tà chánh như thế chưa được một hai phần.*

Nổi sân thì đọa địa ngục, còn hỷ thì sanh thiên đường. Có lên có xuống đều chưa phải giải thoát. Đến chỗ chí lý thì không lên xuống, không ra vào. Còn thấy lên xuống ra vào là còn trong sanh tử. Biết sanh tử tánh là không, nếu không chấp thì thoát khỏi nghiệp. Nếu không thấy tánh, tụng kinh cũng không có chỗ tựa.

Nên biết người thấy tánh mới là chánh, người không thấy tánh thì không phải chánh. Lược nêu bày như vậy vẫn chưa được một hai phần về chỗ tà chánh này.

*Tụng rằng:*

*Ta vốn đến xứ này  
Truyền pháp cứu mê tình,  
Một hoa nở năm cánh  
Kết quả tự nhiên thành.*



*Thuyền con rẽ sóng ngọc,  
Đuốc soi mở khóa vàng,  
Năm miệng cùng nhau đi,  
Chín mươi không ta người.*

Bốn câu kệ đầu nói rằng ngài từ Ấn Độ đến Trung Hoa truyền pháp để cứu chúng sanh mê. Tâm pháp và y bát ngài truyền từ tổ Huệ Khả đến tổ Huệ Năng là tổ Thiên tông thứ sáu tại Trung Hoa. Nên nói *một hoa nở năm cánh*. Sau tổ Huệ Năng, y bát không còn truyền trao nữa.

Bốn câu kệ sau sấm ký về sự sanh tử của ngài. Câu *chín mươi không ta người* là dự đoán ngày ra đi của ngài. Sử liệu ghi ngài tịch ngày mùng chín tháng mười năm Bính Thìn, nhằm niên hiệu Đại Đồng năm thứ hai đời nhà Lương, tức năm 536 Tây lịch.



## TỔNG KẾT

Sau đây tóm tắt ý chính từng cửa để chúng ta biết đường hướng của Tổ dạy ứng dụng tu.

### Cửa thứ nhất Bát-nhã

Cửa Bát-nhã chỉ cho chúng ta biết mình có bản tâm, đó là trí tuệ Bát-nhã. Bản tâm ấy có đầy đủ diệu dụng, không một thần chú nào có thể sánh kịp. Chư Phật chư Bồ-tát đều nương nơi trí tuệ Bát-nhã mà thành chánh đẳng chánh giác. Như vậy cửa thứ nhất là chỉ mới giới thiệu thôi chứ chưa đặt vấn đề tu.

### Cửa thứ hai Phá tướng luận

Cửa thứ nhất ngài đã chỉ nơi mỗi người chúng ta đều có bản tánh thanh tịnh, nhưng muốn nhận ra phải phá tướng là phá cái vỏ chấp bên ngoài. Thường thường người tu không chấp tướng đẹp xấu mà chấp tướng tu hành như tụng kinh niệm Phật, cúng dường xây tháp, đúc tượng... Chúng ta chấp những hình thức đó là thật,

rồi đem hết tâm quy ngưỡng cho là cứu cánh. Nhưng nếu tu như vậy thì làm sao thành Phật. Cho nên đến đây ngài phá dẹp hết sự tướng, để chỉ cho chúng ta một lối duy nhất là trở về bản tâm.

### Cửa thứ ba Nhị chủng nhập

Tới cửa thứ ba mới bắt đầu bước vào hai phân Sự và Lý. Trước là lý nhập rồi sau là sự nhập.

Lý nhập là nương nơi giáo điển để nhận ra bản tâm, trở về sống với bản tâm. Nhưng muốn thể nhập lý phải nương nơi sự, nếu chỉ y lý thôi thì khó tiến. Về sự có hai thứ chướng cần phải trừ là khổ và vui. Nếu gặp khổ không than, gặp vui không mừng thì không bị chướng ngại. Vì vậy nên ngài dạy Báo oán hạnh và Tùy duyên hạnh để dẹp hai thứ chướng khổ vui. Kế đến dứt tâm mong cầu, gọi là Vô sở cầu hạnh để sống phù hợp với tự tánh. Tuy nhiên đây chỉ mới vào ngưỡng cửa thôi chứ chưa vào trong nhà.

### Cửa thứ tư Pháp môn an tâm

Tới đây Tổ dạy cho chúng ta cách an trụ tâm. Muốn an tâm thì không mắc kẹt trong đối đãi. Vì còn mắc kẹt vào pháp đối đãi là còn vọng tưởng sanh diệt. Vì vậy muốn an tâm phải vượt qua đối đãi.

### Cửa thứ năm Ngộ tánh luận

Đến đây Tổ chỉ thẳng cho chúng ta nhận ra bản tánh của chính mình. Nói an tâm mà an ở đâu? An trụ nơi bản tánh của mình. Nhận ra và sống bằng bản tánh

là an tâm. Như vậy đến đây là đã kiến thiết xong ngôi nhà của Tổ. Nhưng kiến thiết xong còn phải giữ gìn củng cố.

### Cửa thứ sáu Huyết mạch luận

Cửa này luận về sự thiết yếu của người tu là làm sao sống được với bản tánh thanh tịnh, rồi khởi dụng công tu hành thì không sai lệch, gọi đó là chánh. Không nhận được bản tánh mà khởi tu thì sai. Như vậy là Tổ đã giản trách tà chánh, đó là điều chủ yếu để người tu khỏi rơi vào đường tà.

Tóm lại từ cửa thứ nhất đến cửa thứ sáu của ngôi nhà Tổ đã mở. Ai bước vô nhà rồi thì được an ổn. Ai chưa vô thì chưa thấy tổ Bồ-đề-đạt-ma. Ý chỉ của Tổ là Trục chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật chứ không đi thứ tự. Nhưng vì phương tiện để dẫn dắt người tu hành, ngài mở ra sáu cửa để chúng ta bước từ cửa này qua cửa kia vào tận nhà Tổ tức là động Thiếu Thất. Khi học xong quyển luận này rồi chúng ta y đây mà tu không nghi ngờ, vừa có nghi ngờ là bị chướng ngại. Như vậy Tổ đã từ bi chỉ cho chúng ta trình tự tiến tu để nhận ra bản tánh thanh tịnh của mình.

